

KINH BỒ TÁT THIÊN GIỚI

Trọn bộ mười quyển

Đời Tống nước Kế Tân

Tam Tạng Pháp sư Cầu Na Bạt Ma Dịch Phạn văn sang Hán văn

Tỳ kheo Thích Thiện Thông Dịch ra Việt văn

--- o0o ---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 18-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

DUYÊN KHỞI

LỜI TỰA

QUYỂN MỘT BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ NHẤT PHẨM TỰA

PHẨM THỨ HAI TÁNH CỦA HẠNH LÀNH

PHẨM THỨ BA PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

PHẨM THỨ TƯ LỢI ÍCH TRONG NGOÀI

QUYỂN THỨ HAI BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ NĂM NGHĨA CHƠN THẬT

PHẨM THỨ SÁU CHĂNG THỂ NGHĨ BÀN

QUYỂN THỨ BA BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ BẢY ĐIỀU PHỤC

PHẨM THỨ TÁM BỒ ĐỀ

PHẨM THỨ CHÍN LỰC VÀ TÁNH BỒ ĐỀ

QUYỂN THỨ TƯ BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ MƯỜI BỐ THÍ ĐỘ (BỐ THÍ BA LA MẬT)

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT TRÌ GIỚI ĐỘ (TRÌ GIỚI BA LA MẬT)

QUYỂN THỨ NĂM BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ MƯỜI HAI NHÃN NHỤC ĐỘ (NHÃN NHỤC BA LA MẬT)

PHẨM THỨ MƯỜI BA TINH TẤN ĐỘ (TINH TẤN BA LA MẬT)

PHẨM THỨ MƯỜI BỐN THIỀN ĐỊNH ĐỘ (THIỀN ĐỊNH BA LA MẬT)

PHẨM THỨ MƯỜI LĂM TRÍ TUỆ ĐỘ (BÁT NHÃ BA LA MẬT)

PHẨM THỨ MƯỜI SÁU NHUYẾN NGŨ (ÁI NGŨ) NÓI NĂNG MỀM MỎNG

QUYỀN THỨ SÁU BỒ TÁT ĐỊA
PHẨM THỨ MƯỜI BẢY CÚNG DƯỜNG TAM BẢO
PHẨM THỨ MƯỜI TÁM BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO
QUYỀN THỨ BẢY BỒ TÁT ĐỊA
PHẨM THỨ MƯỜI CHÍN NHỮNG PHÁP TRỢ BỒ ĐỀ KHÁC
PHẨM THỨ HAI MƯƠI CÔNG ĐỨC
PHẨM THỨ HAI MƯƠI MỐT TƯỚNG NHƯ PHÁP TRỤ CỦA BỒ
TÁT
PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI NHƯ PHÁP TRỤ THIÊN
QUYỀN THỨ TÁM BỒ TÁT ĐỊA
PHẨM THỨ HAI MƯƠI BA NHƯ PHÁP TRỤ ĐỊNH TÂM
PHẨM THỨ HAI MƯƠI BỐN NHƯ PHÁP TRỤ SANH BỒ ĐỀ ĐỊA
PHẨM THỨ HAI MƯƠI LĂM SỰ RA ĐỜI CỦA TẤT CẢNH ĐỊA
QUYỀN THỨ CHÍN BỒ TÁT ĐỊA
PHẨM THỨ HAI MƯƠI SÁU SỰ NHIẾP LẤY CỦA TẤT CẢNH ĐỊA
PHẨM THỨ HAI MƯƠI BẢY SỰ RỐT RÁO CỦA TẤT CẢNH ĐỊA
PHẨM THỨ HAI MƯƠI TÁM HẠNH TẤT CẢNH ĐỊA
PHẨM THỨ HAI MƯƠI CHÍN 32 TƯỚNG TỐT, 80 VẼ ĐẸP CỦA TẤT
CẢNH ĐỊA
PHẨM THỨ BA MƯƠI TRỤ TẤT CẢNH ĐỊA
QUYỀN THỨ MƯỜI BỒ TÁT ĐỊA
PHẨM THỨ HAI MƯƠI SÁU NGÀI ƯU BA LY HỎI THỀ THỨC THỌ
GIỚI VÀ NHỮNG PHÁP GIÁ, KHAI CỦA GIỚI BỒ TÁT

DUYÊN KHỞI

Mùa An cư năm 1981 tại già lam Quảng Hương, lúc đó hòa thượng Thích Trí Thủ còn sinh thời, tôi xin nhập hạ tại đó, trong lúc lên thư viện mượn một ít kinh luận để đọc, tôi bỗng bắt gặp một tập sách lẻ loi rất dày và đẹp, cạnh mạ vàng óng ánh, thật là loại kinh sách quý. Mở ra xem thì đó là 1 tập thuộc Tân Tu Đại Chánh Tạng, dày 1,000 trang, trong đó chứa đựng nội dung các bộ kinh Bồ tát Thiện Giới, Du Già Sư Địa Luận và một vài bộ kinh nào nữa mà nay tôi không còn nhớ rõ. Mới đọc qua vài trang đầu, tôi không sao hiểu nổi ý nghĩa, vì trình độ Hán văn quá ít ỏi, nói đến dịch thuật, thật là chuyện mơ hồ.

Hai năm sau tôi nhận một ngôi chùa ở vùng Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Một dịp nọ ra Long Khánh, đến chùa Bảo Sơn của thầy Huệ Tâm, trong lúc chuyện trò, bót chợt nhìn vào tủ kinh sách, thấy một tập kinh in trên giấy thật trắng, tôi xin phép mượn xem thử tại chỗ, lại thấy đó là một tập trong

đại tạng Tần Già, ngoài bìa đề “Đại Thừa Luật” bên trong gồm 20 quyển; Bồ tát Thiện Giới 10 quyển, Phạm Võng 2 quyển, Anh Lạc Bồn Nghiệp 2 quyển, Văn Thù Sư Lợi Vấn Phật 2 quyển, Thập Thiện 1 quyển, Thọ Thập Thiện Giới 1 quyển, Bồ Tát Nội Giới 2 quyển. Bỗng tôi nghĩ: Có một cái gì lạ lùng khiến tôi hai lần gặp được Bộ Bồ Tát Thiện Giới như vậy? Đây không phải là chuyện ngẫu nhiên may rủi, chắc chắn có nguyên nhân gì với giáo pháp, nên mới khiến tôi bắt gặp bộ kinh quý báu này. Thế là tôi mượn tập kinh ấy đem về nghiên cứu, và thầy Huệ Tâm bằng lòng cho mượn. Sau khi đem về, mở kinh Bồ Tát Thiện Giới ra đọc tới đọc lui, độ 5, 7 tờ thấy sao mà bao la sâu thẳm quá, mình chữ nghĩa chỉ lổm bổm sơ sài, biết có kham nổi không đây? Tuy vậy, tôi quyết chí cố gắng diễn dịch, hy vọng có thể vượt qua những khó khăn.

Mùa An cư 1984 tôi bắt đầu hạ bút, trước hết là dịch mấy bộ kinh ngắn, như kinh Thập Thiện (bản đời Tống), kinh Văn Thù Vấn Phật... Qua mùa hạ 1985 tôi khởi sự dịch bộ này, mỗi ngày dành 3 giờ để làm việc, sau mùa An cư năm đó tôi dịch được 5 quyển và 5 quyển sau tôi hoàn tất trong cuối năm 1985, tôi so sánh sửa chữa, chép đi chép lại đến 3 lần. Qua năm 1986, nhân lúc gặp TT. Đức Chơn, tôi đưa bản thảo nhờ góp ý, trong lúc nhập thất TT. Đức Chơn viết thư ra, phát biểu rằng: “Tôi đã đọc xong bộ kinh của thầy dịch, thật là một bộ mới lạ hiếm có. Thì ra trong Tạng còn nhiều bộ kinh lớn như thế này mà ít người chịu dịch đến, phần nhiều người ta dịch những bản đã có người dịch trước, tôi rất tùy hỷ việc làm của thầy, sau khi ra thất tôi sẽ cho người đánh máy giúp, và tôi sẽ bồi dưỡng tiền công cho họ”. Thượng Tọa Đức Chơn đã thực hiện lời hứa ấy và trao cho tôi 3 bản đánh máy.

Năm 1990, lúc đến Phật học viện Huệ Nghiêm, gặp thầy Toàn Châu đang dịch mấy quyển Phật Tâm Tông, thầy cho biết HT. Từ Đàm mới vô già lam Quảng Hương, thầy đề nghị tôi nên nhờ Hòa thượng giáo chánh lại, tôi đồng ý, chúng tôi hẹn ngày đến gặp Ôn Từ Đàm. Sáng mùng 2/8 thầy Toàn Châu và tôi được Hoà thượng tiếp chuyện, qua lời giới thiệu của TT. Toàn Châu, Hòa thượng đồng ý duyệt lại bản thảo, HT hỏi có đem bản chính theo không? Tôi trao tặng bản, thì Hòa thượng nói:

- Nhân duyên nào thầy có tặng bản này?
- Kính bạch Hòa thượng. Con mượn ở chùa Bảo Sơn huyện Long Khánh.

- Tôi nhớ tại Linh Quang (Huế) có tặng Tần Già này, vì sao lại rơi rớt ở đó kia?

- Thưa Hòa thượng con cũng không rõ. Có lẽ vị nào đó từ Huế đem vào, rồi bỏ quên lại đó chăng? Vậy nếu cần, sau khi duyệt xong, Hoà thượng đem về đó thì hay quá, như vậy khỏi bị thất lạc.

Nghe tôi nói vậy, Hòa thượng Từ Đàm gật đầu. Hòa thượng yêu cầu tôi đọc bản Việt, còn ngài cầm bản chữ Hán để theo dõi. Sáng hôm đó HT không được khỏe, vì vừa qua một cơn bệnh nhẹ, tuy vậy HT vẫn nằm trên võng nghe tôi đọc phần Việt dịch, đến chỗ nào hơi nghi ngờ, HT yêu cầu tôi giải thích về những từ ngữ mà tôi sử dụng, sau khi tôi trình bày, HT chấp nhận. Đọc đến hết quyển 4, HT bảo “Hãy thôi, không cần phải đọc nữa. Qua 4 quyển vừa rồi tôi xét thấy mức độ chính xác 98/100, bản này thầy dịch theo lối văn mới, được lắm đó” Hòa thượng dạy những lời trên trước sự hiện diện của TT Đức Chơn và thầy Toàn Châu. Tôi ngỡ ý thỉnh Hòa thượng viết cho lời tựa, nhưng Hòa thượng nói:

- Thầy cứ viết đi, rồi tôi giới thiệu cho.

Sau khi được sự khích lệ tinh thần của bậc tôn túc khả kính, tôi lần hồi dịch tiếp bộ Bồ Tát Anh Lạc Bản Nghiệp (vì đã có bản chép tay), từ dạo đó đến nay, trước sau đã 10 năm, phần thì thiếu thốn tài chánh, phần thì bận tới lui giảng dạy ở một số trường Phật học, tôi vẫn giữ nguyên bản thảo, chưa có dịp lưu thông, nay xét giới tu sĩ trẻ càng ngày càng đông, nền giáo dục Phật pháp càng được mở rộng, tôi đành dùm chút đỉnh tài chánh làm lại bản thảo này để ra mắt học giới, mong đóng góp phần nhỏ trong việc phổ biến giáo pháp hiện tại và tương lai.

Nay tôi ghi lại những lời này trước là kính gởi lên Hòa thượng Từ Đàm sự tri ân sâu đậm vì ngài đã không quản ngại tuổi cao sức yếu, duyệt qua bản thảo và khích lệ tinh thần trong việc dịch thuật này. Tôi cũng xin cảm tạ sự sốt sắng hỗ trợ của TT Đức Chơn trong thời gian trước đây. Thành thật tán thán sự đóng góp tịnh tài của chư thượng tọa và các Phật tử phát tâm, để bộ kinh Bồ Tát Thiện Giới được lưu thông mặc dầu trong phạm vi giới hạn nội bộ.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Mahatát.

Dịch giả căn chí.

LỜI TỰA

Bồ Tát Thiện Giới, hiểu theo nghĩa Việt là những giới tốt lành, hay kheo, chơn chánh của Bồ tát.

Nói đến giới Bồ tát, ta thường nghĩ ngay đến mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh được nói trong kinh Phạm Võng, hoặc sáu giới trọng hai mươi tám giới khinh trong kinh Thi Ca La Việt. Theo ý nghĩa nơi kinh này, thì giới Bồ tát không chỉ hạn hẹp trong bao nhiêu đó mà là rộng rãi vô cùng, bao quát tất cả. Phàm những gì mà một Bồ tát từ khi sơ phát tâm cho đến khi chứng quả Phật, bao nhiêu quá trình tu tập mà vị đó trải qua, bao nhiêu công hạnh vị đó thực hiện và những quả đức đã chứng nhập, đều được gọi là “Thiện giới”. Do ý nghĩa ấy mà bậc tiên đức đã nói “Về giới Bồ tát, nếu tính đến lượng đông với hư không, về cảnh thì lan khắp pháp giới”, tất cả những Giới, Hạnh, Quả như vậy được tóm thâu trong ba cú nghĩa: Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới, Nhiêu ích hữu tình giới, chúng ta quen gọi là Tam tụ luật nghi của Bồ tát.

Vì “Thiện giới” bao hàm tất cả những nghĩa như vậy, cho nên trong kinh này nơi cuối quyển 9, khi ngài Ưu Ba Ly hỏi về tên kinh, đức Phật đã dạy: “Ưu Ba Ly! Kinh này gọi là Thiện giới, gọi là Bồ tát địa, gọi là Luật Bồ tát, gọi là Luận Bồ tát, gọi là Như Lai Tạng, gọi là Căn bản của tất cả thiện pháp, gọi là Nhân của sự an lạc, gọi là Sự chứa nhóm các hạnh ba la mật...”

Trọn bộ kinh gồm 10 quyển, chia làm 30 phẩm. Chín quyển đầu thuyết minh tất cả hạnh môn của Bồ tát địa và Phật địa, một quyển sau dạy về thể thức truyền giới, tự thệ thọ giới, cũng như thuyết minh tám giới trọng và 55 giới khinh của Bồ tát, xem như một bộ giới bốn, ngoài bộ giới Bốn Phạm Võng. Điểm đặc biệt của quyển giới bốn này là dạy rõ vừa pháp giá vừa pháp khai trong 55 giới khinh của Bồ tát, mà từ trước đến nay chưa thấy có bản dịch nào nói đến, cho nên phần giới bốn trong bộ kinh này có thể triển khai nhiều phương diện, giúp ích cho những vị đã thọ học giới Bồ tát, muốn biết để thực hành.

Qua 30 phẩm kinh, đức Phật đã giảng nói một cách cô đọng, sâu thẳm về vô biên hạnh của Bồ tát, như Mười Ba la mật, Bốn nhiếp pháp, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Mười hai nhân duyên, Bốn Vô lượng tâm, Ba giải thoát môn, Bốn pháp ấn... Ngoài những hạnh môn của Bồ tát, ngài còn dạy rõ về 140 pháp bất cộng của chư Phật, như nhân địa và thành quả 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, Bốn tịnh hạnh, Mười lục, Bốn vô sở úy, Ba niệm xứ, Ba bất hộ, Đại bi, Thường không quên mất, Trí đoạn tập nhân phiền não, Nhứt thiết chủng trí...

Có một điểm đáng lưu ý mà chúng tôi muốn trình bày là: trong khi diễn nói những hạnh môn ba la mật của Bồ tát đức Phật dạy về hành trình của 41 ngôi vị, nhất là 10 địa trong hàng thập thánh, phần này rất cô đọng nhưng đã tóm nhiếp giáo nghĩa bậc Thập địa nơi kinh Hoa Nghiêm, hoặc trong kinh Phạm Võng (quyển thượng) Kinh Anh Lạc Bốn Nghiệp, kinh Lăng Nghiêm v.v... Như vậy, kinh Bồ tát Thiện giới này là Bồ tát luật, Bồ tát luận, là Như Lai Tạng, quả thật không sai.

Trong khi dịch thuật bộ này, chúng tôi nhận thấy rằng, nội dung của kinh chứa đựng quá nhiều thuật ngữ, cũng như pháp số mà nhiều kinh khác có chỗ cũng nói đến. Có lẽ các nhà sư giải Trung hoa đã nương vào kinh này, để giải thích thuật ngữ, pháp số nằm trong những hạnh môn của Bồ tát địa.

Tóm lại, tuy chỉ gồm trong 10 quyển nhưng đã bao gồm tất cả những giáo lý tối thượng Phật thừa, mà đức Thế Tôn của chúng ta đã thành tựu, và ngài vì hàng Bồ tát Vị lai mà nói ra.

Kinh này được tam tạng pháp sư Cầu Na Bạt Ma người Ấn độ. Cầu Na Bạt Ma (Gunavarman), người Hoa dịch là Công Đức Khải, ngài đến kinh đô Kiến Nghiệp năm Nguyên Gia thứ 8 đời vua Tống Văn Đế, từng dịch hơn một chục bộ kinh, luật được vua Tống rất khen ngợi cung kính.

Vì một nhân duyên nào đó, khiến tôi gặp kinh này và phát nguyện dịch ra Việt văn, để góp phần văn hóa Phật giáo nước nhà, và giúp thêm tư liệu cho chư vị tại gia xuất gia rộng đường duyệt lãm. Mặc dù cố gắng hết mình và sửa đi sửa lại nhiều lần, nhưng thánh ý cao viễn vô biên, tâm phàm không sao trắc lượng, chắc chắn không tránh khỏi mọi sự vụng về sai lạc, rất mong chư vị thiện tri thức cao minh chỉ bày cho những chỗ khuyết điểm, để khi có cơ hội ấn hành sau, được hoàn chỉnh hơn.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Tháng quý Thu, năm Ất Hợi 1995

Dịch giả kính ghi

--- o0o ---

QUYỀN MỘT BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ NHẤT PHẨM TỰA

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở nước Xá Vệ, Tịnh xá Kỳ Hoàn, nơi vườn cây của Thái tử Kỳ Đà và trưởng giả Cấp Cô Độc, cùng với số đông đại Tỳ kheo Tăng gồm năm trăm người, vô lượng Bồ Tát, trong đó có một ngàn vị Đại Bồ Tát làm bực thượng thủ.

Bấy giờ đức Phật bảo chư Bồ Tát:

- Trong đời ác sau này, ai có thể thọ trì, ủng hộ đạo Vô thượng chánh đẳng Chánh giác? Ai có thể hộ pháp? Ai có thể giáo hóa chúng sanh?

Khi đó, Đại Bồ Tát Di Lạc từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo vai mặt, gối bên mặt sát đất, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Trong đời ác sau này, con có thể thọ trì, ủng hộ đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có thể bảo vệ Chánh pháp có thể giáo hóa chúng sanh.

Sư Tử Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể dùng các phương tiện nhiếp giữ chúng sanh.

Kim Cang Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Nếu có chúng sanh sắp đọa vào ba đường ác, con có thể che chở giữ gìn, làm cho chúng đó khỏi bị đọa lạc.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh nào cầu xin những gì, con có thể giúp họ đầy đủ tất cả.

Trí Tràng Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể đem lại cho chúng sanh trí tuệ rộng lớn.

Pháp tràng Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể đem giáo pháp thí khắp chúng sanh.

Nhật Quang Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể bố thí chúng sanh sự an vui.

Nguyệt Quang Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể giáo hóa tất cả chúng sanh, khiến họ tu phước đức.

Thiện Hộ Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể giáo hóa tất cả chúng sanh, khiến họ không buông lung.

Vô Tận Ý Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể chỉ dạy tất cả chúng sanh, khiến họ rõ biết ý nghĩa vô tận của các lãnh vực.

Nguyệt Tý Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể bố thí tất cả chúng sanh sự an vui cao tốt.

Thiên Nguyệt Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể đem lại cho tất cả chúng sanh sở nhân của sự an lạc.

Quan Thế Âm Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể cứu giúp tất cả chúng sanh khỏi sự sợ hãi.

Đại Thế Chí Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể làm những người chưa độ được độ thoát.

Chúng Thiện Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể làm cho những kẻ chưa điều phục được điều phục.

Thiện Ý Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Nếu có chúng sanh đọa vào đường súc sanh, con có thể giáo hóa, khiến chúng đó được điều phục.

Bất Lạc Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể bố thí trí tuệ cho những kẻ ngu muội.

Quang Tụ Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể làm cho người căn tánh thấp kém, trở thành căn tánh cao thượng.

Bất Đế Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể chỉ con đường chân chánh cho kẻ mê cuồng.

Nhạo Kiến Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể bố thí sự an lạc cho vô lượng chúng sanh.

Thích Tràng Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể làm cho những chúng sanh đã trót chịu khổ, luôn luôn nhớ đến sự khổ.

Bất Khả Tư Nghị Giải Thoát Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế tôn! Con có thể làm cho chúng sanh trong đường ngạ quỷ, được xa lìa nỗi khổ đói khát.

Thánh Quang Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể điều phục những chúng sanh chẳng ai điều phục.

Duy Ma Cật Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể phá vỡ lòng nghi của chúng sanh.

Quang Minh Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể đóng bít cửa ngõ ba đường ác.

Kim Cang Công Đức Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể làm cho những chúng sanh có những hiểu biết dị biệt, trở thành hiểu biết thuần nhất.

Vô Lượng Hạnh Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể đem lại cho chúng sanh đạo quả vô lậu.

Vô Sở Úy Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể làm tan hoại những thứ sợ sệt của chúng sanh.

Bảo Công Đức Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể chỉ rõ kho tàng công đức quý báu cho tất cả chúng sanh.

Thiện Ý Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể dùng lời nói thanh tao mềm mỏng điều phục chúng sanh.

Tịnh Quang Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể dùng sự yêu mến để điều phục chúng sanh.

Phổ Hiền Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể làm cho tất cả chúng sanh nhớ lại đời quá khứ.

Cao Quý Đức Quang Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể làm cho chúng sanh chuyên cần tinh tấn tu hành.

Thiện Công Đức Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể làm cho những chúng sanh khổ não đều được giải thoát.

Bảo Thủ Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể thí khắp vô lượng chúng sanh các món báu vật.

Ý Châu Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể phá hỏng sự nghèo cùng của chúng sanh.

Phá Kiệt Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể phá hoại sự phiền não của các chúng sanh.

Kim Quang Minh Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể chỉ con đường chơn thật cho những chúng sanh tà ngộ.

Công Đức Sắc Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể làm cho chúng sanh thuộc các Thù, trụ vào nhưt Thù.

Pháp Ý Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể làm cho chúng sanh được con mắt pháp.

Kim Cang Tử Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể làm hư hỏng nghiệp ác của các chúng sanh.

Pháp Tăng Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể đúng như pháp nhiếp giữ chúng sanh.

Vô Sanh Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể làm cho tất cả chúng sanh lìa khỏi ba độc.

Nguyệt Thăng Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể chỉ phương tiện khéo léo cho chúng sanh.

Sư Tử Ý Bồ Tát thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con có thể đem Phật Pháp thí khắp chúng sanh.

Sư Tử Hồng Bồ Tát thưa:

- Kính lạy đức Thế Tôn! Con có thể phá hỏng lưới nghi của chúng sanh.

Hương Thượng Vương Bồ Tát thưa:

- Kính lạy đức Thế Tôn! Về đời ác sau này, trong giấc chiêm bao của chúng sanh, con có thể chỉ cho họ phá hoại phiền não.

*

* *

Bấy giờ Tôn giả Xá Lợi Phất tự suy nghĩ như vậy:

Lạ lùng thay! Kỳ đặc thay! Những việc của chư Bồ Tát thật chẳng thể nghĩ bàn. Nghĩ như vậy rồi, ngài liền bạch Phật:

- Kính lạy đức Thế Tôn! Nếu có Bồ Tát siêng năng tinh tấn tu hành, đầy đủ có phương tiện, để có thể đem lại lợi ích cho chúng sanh về mọi mặt. Bạch đức Thế Tôn! Những vị Đại Bồ Tát đã như thế, thì sao chúng sanh lại còn theo các vị này hỏi xin đầu, mắt, tủy, não, máu, thịt hay những nhu cầu khác?

- Kính bạch đức Thế Tôn! Nay con định chắc, người đến xin đây chính là Bồ Tát Ma ha tát.

Đức Phật nói:

- Đúng vậy! Đúng vậy Xá Lợi Phất! Quả như lời ông vừa nói. Chỉ có chư Bồ Tát mới biết Bồ Tát. Bạc Thanh Văn, Duyên Giác thật sự chẳng thể theo kịp nổi.

- Nay Xá Lợi Phát! Bồ Tát Ma ha tát tuy hiện các thứ thần túc của Phật, nhưng trọn không bỏ tâm Bồ Tát.

- Xá Lợi Phát! Nếu kẻ trưởng giả nào sanh tâm kiêu mạn, Bồ Tát liền hiện thân trưởng giả để phá sự kiêu mạn của kẻ đó, cả đến trời Na La Diên hoặc người đàng hoàng, nếu có điều kiêu mạn, Bồ Tát cũng đều hiện thân như vậy, để phá tâm kiêu mạn của những kẻ ấy. Nếu họ chứng được Thánh pháp, Bồ Tát liền đem pháp Đại Thừa khai thị.

Tại sao vậy?

- Là sự giải thoát của Nhứt Thừa, không có giải thoát nào riêng khác, bởi thế mệnh danh là Như Lai.

- Nay Xá Lợi Phát! Bồ Tát tại gia tu tập hai điều bố thí: Một là Tài thí. Hai là Pháp thí. Bồ Tát xuất gia tu tập bố thí có bốn: Một là Cho viết Hai là Cho mực. Ba là Cho kinh. Bốn là Nói pháp cho người. Bồ Tát xuất gia thực hành đủ bốn việc bố thí này rồi, có thể tự điều phục tâm mình, phá bỏ tâm kiêu mạn và tu phước đức nhẫn nhục.

- Xá Lợi Phát! Bồ Tát xuất gia tu đức nhẫn nhục, là có thể thọ trì giới cấm của Bồ Tát. Lại còn phải đủ ba điều huệ thí nữa, mới có thể thọ trì giới cấm của Bồ Tát. Ba điều huệ thí là gì?

1. Bố thí. 2. Đại thí. 3. Vô thượng thí.

Thế nào là bố thí? - Bố thí vật quý cho chúng sanh trong bốn châu thiên hạ còn chẳng lẫn tiếc, huống là vật mọn. Đây gọi là bố thí.

Thế nào là Đại thí? - Có thể xả bỏ vợ, con cấp thí.

Thế nào là Vô thượng thí? - Bố thí đầu, mắt, tủy, não, xương, thịt, da, máu v.v...Bồ Tát đầy đủ ba thứ thí trên đây là đủ đức nhẫn nhục. Đủ đức Nhẫn này rồi, có thể thọ trì giới cấm của Bồ Tát.

- Xá Lợi Phát! Khi muốn thọ giới Bồ Tát, trước hết nên chế ngự các giác quan cho được mềm mỏng. Đối với sự phát sanh dục nhiễm, Bồ Tát chẳng sanh tâm ham muốn, với sự giận dữ, Bồ Tát chẳng sanh lòng giận, đối với sự si mê, Bồ Tát chẳng sanh tâm si, với sự sợ sệt, Bồ Tát chẳng sanh tâm lo sợ.

- Nếu Bồ Tát tự hiểu đủ bốn điều như trên, tức như chỗ biết của chư Phật mười phương, vị này cũng có thể biết mười phương chư Phật.

- Xá Lợi Phất! Nếu biết chẳng đủ bốn điều của người thọ giới Bồ Tát, người này chẳng đắc giới Bồ Tát, cũng là luống dối với chư Phật, chư Bồ Tát hiện tại trong mười phương.

- Xá Lợi Phất! Bồ Tát có hai hạng: Hạng thứ nhất theo nhân duyên sân hận. Hạng thứ hai theo nhân duyên si mê.

- Xá Lợi Phất! Sự giận dữ có thể gây nhân duyên tám địa ngục lớn. Sự si mê có thể làm nhân duyên cho các phiền não xấu ác. Do hai nhân duyên giận dữ, si mê này mà có thể làm hỏng giới Bồ Tát.

- Xá Lợi Phất! Nếu muốn thọ giới Bồ Tát, trước hết người thọ phải xa lìa tham dục, giận dữ, si mê, sợ sệt. Người thọ giới nên ở riêng một chỗ rảnh rang, suốt thời gian sáu tháng, ngày đêm sám hối các tội, phát lời như sau:

Con tên là (pháp danh là)...Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng, Quy y các đức Phật hiện tại trong khắp mười phương và chư Bồ Tát Tăng. Quy y đức Thích Ca Như Lai.

Nam Mô Phật Đà

Nam Mô Đạt Ma

Nam Mô Tăng Già

Nam Mô Thập Phương chư Phật cùng Bồ Tát Tăng.

Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam Mô Kim Cang Vô Hoại Thân Phật.

Nam Mô Bảo Quang Phật.

Nam Mô Vô Lượng Tự Tại Vương Phật.

Nam Mô Vô Thượng Lâm Vương Phật.

Nam Mô Vô Thượng Hoan Hỷ Phật.

Nam Mô Bảo Hỏa Phật.

Nam Mô Bảo Nguyệt Quang Phật.

Nam Mô Thanh Tịnh Phật.

Nam Mô Thủ Càn Tinh Tấn Phật.

Nam Mô Phạm Đức Phật.

Nam Mô Thiện Công Đức Phật.

Nam Mô Chiên Đàn Công Đức Phật.

Nam Mô Quang Công Đức Phật.

Nam Mô A Thúc Già Công Đức Phật.

Nam Mô Na La Diên Lực Phật.

Nam Mô Hoa Công Đức Phật.

Nam Mô Liên Hoa Phật.

Nam Mô Tài Công Đức Phật.

Nam Mô Niệm Công Đức Phật.

Nam Mô Thiện Danh Phật.

Nam Mô Thích Chủng Vương Phật.

Nam Mô Vô Thắng Phật.

Nam Mô Vô Biên Thân Quang Phật.

Nam Mô Vô Biên Thân Phật.

Nam Mô Vô Động Phật.

Nam Mô Đại Sơn Vương Phật.

Quy y như vậy vô lượng chư Phật, Bồ Tát trong vô lượng thế gian, thường trụ nơi đời, nói pháp giáo hóa.

Ngưỡng mong chư Phật xót thương đóa tửng, như vô lượng đời trước hoặc đời hiện tại, con đã lỡ tạo các điều ác nghiệp bất thiện. Hoặc tự mình làm hay thấy người làm sanh tâm vui mừng. Hoặc lấy những vật của Phật, hoặc vật của Pháp, vật của chúng tăng, vật chiêu đề Tăng, vật hiện tiền tăng, hoặc tự mình lấy hay thấy người lấy sanh tâm vui mừng. Hoặc tự mình gây tội ngũ nghịch, hay thấy người gây tội sanh tâm vui mừng. Tự mình tạo mười nghiệp ác hay thấy người tạo, sanh tâm vui mừng.

Do nhân duyên các nghiệp chẳng lành này, sẽ đọa vào loài súc sanh, nga quý, địa ngục, hoặc nơi biên địa, hoặc sanh lên các cõi trời trường thọ, hoặc sanh làm người câm, điếc, ngọng, mù, hoặc gần thầy tà, bạn ác, không gặp chư Phật xuất thế. Những tội như vậy, ngày nay thành tâm, cầu xin sám hối.

Như đời trước đức Thích Ca Mâu Ni hiện tại, đáng Như Lai Thế Tôn chơn thật rõ biết, trí Phật vô ngại, mắt Phật thấy suốt, ngài luôn luôn vì tất cả chúng sanh làm bậc chứng minh. Kính mong đức Phật soi xét lòng thành sám hối của con, từ nay trở đi con không dám gây tội lỗi như trước.

Thứ nữa, ngưỡng mong mười phương chư Phật, chư đại Bồ Tát, đồng gia tâm chứng giám cho con. Nếu con đã gây phước nghiệp bố thí trong vô lượng đời trước hay đã gây tạo trong hiện đời này, dầu là đem thí cho loài súc sanh một nắm thức ăn... Những công đức ấy đều đem hồi hướng. Hoặc những công đức do sự trì giới mà con đã tạo trong lúc nào đó, tất cả đều đem hồi hướng về đạo Vô Thượng Bồ Đề, như sự phát nguyện hồi hướng của chư Phật Bồ Tát quá khứ, như sự phát nguyện hồi hướng của chư Phật, Bồ Tát vị lai, như sự phát nguyện hồi hướng của chư Phật, Bồ Tát hiện tại trong khắp mười phương hư không pháp giới.

- Xá Lợi Phất! Vị Bồ Tát chí tâm lễ lạy, cung kính chư Phật, trải qua sáu tháng như vậy rồi, hoặc tới lui, hoặc đi đứng, hoặc ngồi. Lúc đó chư Phật mười phương hiện thân ra trước mặt, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám

mười vẻ đẹp. Tuy thị hiện tướng hảo với Bồ Tát ấy, nhưng đối với pháp giới vẫn là bất động.

Tại sao thế?

- Các đức Như Lai chơn thật rõ biết tâm của Bồ Tát này. Mười phương chư Phật đều biết chắc Bồ Tát này có thể kham lãnh thọ trì giới cấm của Bồ Tát để tu lòng Từ Bi, có thể phá hoại ma quân và chuyển bánh xe pháp, tuyên nói chánh pháp, điều phục chúng sanh trong khắp pháp giới. Do ý nghĩa đó chư Phật mười phương vì Bồ Tát này, hiện ra thân tướng các ngài.

- Nay Xá Lợi Phất! Như tiếng rống của sư tử, mèo, chồn có thể rống nổi không?

- Thưa không! Bạch đức Thế Tôn.

- Nếu người không vun trồng cội đức nơi vô lượng đức Phật, người đó có thể được giới Bồ Tát không?

- Bạch đức Thế tôn! Không thể nào được.

- Xá Lợi Phất! Như sức chuyên chở của voi chúa, con lừa có thể hơn không?

- Kính bạch Thế Tôn! Không thể nào hơn.

- Như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, lửa đom đóm có thể sánh bằng không?

- Kính bạch Thế Tôn! Không thể sánh bằng.

- Như báu vật của Tỳ sa môn Thiên vương, kẻ nghèo nàn có thể bằng không?

- Kính bạch Thế Tôn! Không bằng.

- Như chim Đại bàng bay lượn, con quạ có thể theo kịp không?

- Kính bạch Thế Tôn! Không thể theo kịp.

- Nay Xá Lợi Phát! Nếu như người nào, trong vô lượng đời, trong vô lượng chỗ của các đức Phật, đã từng trồng sâu cội đức, người này mới có thể thọ giới Bồ Tát, mới có thể thấy chư Phật mười phương một cách rõ ràng.

- Xá Lợi Phát! Khi thọ giới Bồ Tát rồi, nếu do khách trần phiền não, phạm phải những điều có thể sám hối, hãy nên hướng về chư Phật trong mười phương mà lễ sám.

Bồ Tát trọn không tạo năm tội nghịch. Nếu tâm tham dục chẳng dứt, đến đời sanh con, phải nên đối trước chư Phật hiện tại trong mười phương, trường trải hai năm, ban ngày ban đêm, hết lòng trân trọng, cầu xin sám hối.

Nếu vì lòng tham của, trộm lấy vật của Phật của Pháp, của Tăng, cũng phải đối trước chư Phật sám hối hai năm như đã nói trên.

- Xá Lợi Phát! Bồ Tát do nhân duyên giận dữ hủy phá giới cấm ư? Việc ấy không có. Do nhân duyên giận dữ phá hủy giới cấm lại được sám hối ư? Việc ấy cũng không có.

*

Bấy giờ Tôn giả Ưu Ba Ly, cũng trong buổi rạng đông hôm ấy, ngài ra khỏi thiên đình, đứng dậy đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, nhiễu quanh đức Phật ba vòng rồi ngồi xuống một bên và bạch:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Như trong giới kinh nói “Nếu đệ tử Như Lai, những người có đức tin, một khi đã thọ giới, dầu phải mất cả mạng sống, suốt đời cũng không nên hủy phạm”.

- Kính bạch đức Thế Tôn! Hiện tại đây và về sau này, khi Phật Niết Bàn rồi, con nên phân biệt như thế nào, để biết rõ giới cấm của Thanh Văn, giới cấm của Duyên Giác và giới cấm của Bồ Tát? Đức Thế Tôn dạy rằng; con là người đứng đầu trong các vị trì luật, nay con chẳng rõ phương tiện của Tỳ ni, làm thế nào để nói ra? Nay đây có nhiều vị đại Tỳ kheo cùng chư Bồ Tát tăng, cúi mong đức Như Lai chỉ vẽ đầy đủ và giảng nói rộng rãi.

Đức Phật dạy:

- Lành thay! Lành thay Ưu Ba Ly! Hãy dốc lòng nghe kỹ và khéo suy nghĩ nhớ lấy, tôi sẽ vì ông mà nói rõ.

- Nay Ưu Ba Ly! Giới của Thanh Văn hơn duyên khác. Giới của Bồ Tát hơn duyên khác. Giới của Thanh văn tâm lượng khác. Giới của Bồ Tát tâm lượng khác. Sự trang nghiêm của giới Thanh văn khác. Sự trang nghiêm của giới Bồ Tát khác. Giới của Thanh văn phương tiện khác. Giới của Bồ Tát phương tiện lại khác.

- Ưu Ba Ly! Sự trong sạch của giới Thanh văn không phải như sự trong sạch của giới Bồ Tát. Sự trong sạch của giới Bồ Tát không phải như sự trong sạch của giới Thanh văn.

Người thuộc Thanh văn đầu đến một niệm cũng không cầu thọ thân các cõi (Hữu), nên gọi là sự trong sạch của giới Thanh văn. Bồ Tát thì trái lại, nếu chẳng cầu “Hữu” gọi là đại phá giới, gọi là giới không trong sạch.

Bực Thanh văn nếu còn cầu có sự thọ thân gọi là phá giới, gọi là giới không trong sạch.

- Ưu Ba Ly! Bồ Tát Ma ha tát trong vô lượng kiếp, luôn luôn ở trong các nẻo mà không mong tiến thủ, gọi là Bồ Tát hủy Tịnh của Thanh văn. Bởi ý nghĩa đó cho nên Ưu Ba Ly, ông nên nói rằng: Thanh văn hủy cấm là gấp, Bồ Tát hủy cấm là hoãn, Thanh văn hủy giới bị đóng bít. Bồ Tát hủy phạm được khai mở. Trong giới Thanh văn nên nói nhân duyên, trong giới Bồ Tát không nên nói nhân duyên.

- Ưu Ba Ly! Sự tùy thuận chúng sanh của Bồ Tát chẳng phải như hàng Thanh Văn. Thế nên, đối với Bồ Tát, những giới dẫu nhỏ, dẫu hoãn, Thanh văn cũng phải bảo vệ như những giới gấp.

- Ưu Ba Ly! Bồ Tát trong buổi rạng đông phạm giới, vẫn cố nhớ nghĩ đến đạo Vô Thượng Bồ Đề, tự biết tội lỗi của mình, ngày đêm ba thời cũng cố nhớ nghĩ như vậy. Đây gọi là giới Bồ Tát.

- Ưu Ba Ly! Nếu Bồ Tát mỗi lúc mỗi phạm chẳng gọi là phá giới.

Nếu như Thanh văn mỗi lúc mỗi phạm, gọi là phá giới, gọi là mất giới, gọi là chẳng được đạo quả của bậc sa môn.

Tại sao thế?

- Người Thanh vẫn vì muốn mau chóng phá hoại phiền não mà siêng năng tinh tấn, vì thế chẳng nên hủy phạm.

- Ưu Ba Ly! Bồ Tát nếu không Hằng hà sa kiếp thọ hưởng năm thứ dục lạc, cũng không mất giới cấm của Bồ Tát, chẳng gọi là mất giới, chẳng gọi là không được quả vị Bồ Tát.

- Ưu Ba Ly! Bồ Tát chẳng thể trong một đời sạch hết phiền não, mà phải dùng nhiều phương tiện trừ sạch lần lần.

- Ưu Ba Ly! Đạo Vô Thượng Bồ Đề, phải nhờ năng lực trang nghiêm cao tột vĩ đại, sau đó mới chứng quả vị Vô thượng Chánh giác, chẳng phải một đời chứng được. Vì thế Như Lai không nói “Bồ Tát ở trong đường sống chết sanh tâm hối lỗi” cũng không tuyên nói rằng “phải đoạn hết tham ái” mà Như Lai vì Bồ Tát nói pháp hoan hỷ, pháp sâu xa, pháp không nghi ngờ, pháp rỗng rang, Bồ Tát nghe pháp ấy rồi thích ở trong đường sanh tử.

Ngài Ưu Ba Ly thưa:

- Kính bạch Thế Tôn! Phạm có ba thứ:

- Một là tham lam. Hai là Giận dữ. Ba là si mê.

- Bồ Tát phạm tội nặng là những gì? Phạm tội nhẹ là những gì?

Phật đáp:

- Ưu Ba Ly! Nếu Bồ Tát phạm những điều thuộc tham, nhiều như số cát sông Hằng, chẳng gọi là hủy giới. Nếu một lần phạm sân, làm nhân duyên hủy giới. Đây gọi là phá giới.

- Vì sao thế?

- Nay Ưu Bà Ly! Tâm giận dữ bỏ rơi chúng sanh, tâm tham ái có thể che chở chúng sanh. Nếu yêu mến chúng sanh chẳng gọi là phiền não. Giận dữ bỏ rơi chúng sanh gọi là phiền não sâu nặng.

- Ưu Bà Ly! Vì thế trong kinh Như Lai nói rằng: Những kiết sử tham khó đoạn chẳng gọi là nặng. Giận dữ dễ dứt, ấy gọi là nặng.

- Ưu Ba Ly! Thứ khó đoạn chẳng phải là nặng. Bồ Tát thường đoạn giận dữ là thứ giới trọng dễ trừ, cho đến trong giấc chiêm bao còn không giận dữ.

- Ưu Ba Ly! Bồ Tát si mê không có phương tiện hay khéo lo sợ phạm á. Bồ Tát có trí, khéo biết phương tiện, lo sợ phạm sâu, chẳng sợ phạm á.

*

Khi đó, ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật:

- Kính thưa đức Thế Tôn! Tỳ ni gọi là điều phục. Tánh của các pháp rốt ráo là điều. Vì sao đức Như Lai tuyên nói về Tỳ ni?

Phật đáp:

- Văn Thù Sư Lợi! Nếu kẻ phàm phu có thể biết các pháp rốt ráo là điều, thì Như Lai trọn không nói về Tỳ ni. Bởi kẻ phàm phu chẳng biết, chẳng hiểu, do đó Như Lai vì nói Tỳ ni.

- Văn Thù Sư Lợi! Nay ông vì sao không nói về Tỳ ni? Ưu Ba Ly đang muốn nghe đó.

Bấy giờ ngài Văn Thù Sư Lợi nói với ngài Ưu Ba Ly:

- Nay ông Ưu Ba Ly! Tất cả các pháp rốt ráo là điều phục.

- Tất cả các pháp tánh chẳng ô uế.

- Tất cả các pháp tánh chẳng điên đảo.

- Tất cả các pháp tánh vốn thanh tịnh.

- Tất cả các pháp chẳng thể tuyên nói.

- Tất cả các pháp không có chấp lấy.

- Tất cả các pháp không đi, không lại.

- Tất cả các pháp không thể nghĩ bàn.

- Tất cả các pháp không hề chướng ngại.
- Tất cả các pháp vốn không tự tánh.
- Tất cả các pháp chẳng sanh chẳng diệt.
- Tất cả các pháp không bị chi phối.
- Tất cả các pháp không có ba đời.
- Tất cả các pháp không có lưới nghi.
- Tất cả các pháp như vậy, Phật đều hiểu biết.

Ưu Ba Ly bạch Phật:

- Kính thưa đức Thế Tôn! Như chỗ nói ra của ngài Văn Thù Sư Lợi, chẳng phải là nói một cách rõ ràng.

Phật bảo:

- Nay Ưu Ba Ly! Văn Thù Sư Lợi thường thích tuyên nói nghĩa lý giải thoát như vậy.

Ưu Ba Ly thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Vì sao gọi là Bồ Tát kiêu mạn? Phật đáp:

- Nếu Bồ Tát nói rằng “Ta có Bồ Đề tâm, ta thực hành hạnh Bồ Đề, tu sáu pháp ba la mật. Ta vì Bát nhã ba la mật mà tu các hạnh...” Hoặc nói hạnh Bồ Đề sâu, hạnh Thanh văn cạn. Hạnh Bồ Đề trong sạch. Hạnh Thanh văn chẳng trong sạch. Hạnh Bồ đề rốt ráo, hạnh Thanh văn chẳng rốt ráo...” Nếu lại sanh tâm phân biệt “là pháp Thanh văn, là pháp Duyên giác, là pháp Bồ Tát, là pháp Phật. Đây gọi là tịnh, đây là bất tịnh, đây gọi là Đạo, đây chẳng phải Đạo... Như thế gọi là Bồ Tát kiêu mạn.

PHẨM THỨ HAI TÁNH CỦA HẠNH LÀNH

Đại Bồ Tát tu tập Thánh hạnh, thực hành những quả lành thuộc đạo Bồ Đề, gồm có 10 pháp. Mười pháp này có thể nhiếp lấy tất cả điều lành. Những gì là mười?

1. Chi
2. Dục (phò giúp)
3. Tịnh tâm
4. Hạnh
5. Hữu
6. Nhân
7. Khí (tài năng)
8. Địa (quả vị)
9. Phương tiện
10. Trụ

CHI là gì? Nghĩa là tánh Bồ Tát. Tánh Bồ Tát là sự mới phát tâm và ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Tại sao vậy?

Đại Bồ Tát phát tâm Bồ Đề, tâm Bồ Đề là căn bản của tất cả pháp lành, vì vậy gọi là CHI. Do sự phát tâm này làm nhân mà được Vô Thượng Bồ Đề, thế nên gọi là NHÂN. Do nhân của sự phát tâm quyết định được Vô thượng Bồ Đề, cho nên gọi là TÁNH. Bởi các nhân sơ phát tâm của đại Bồ Tát, được tu Bồ thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền định ba la mật và Bát nhã ba la mật. Vì thực hành sáu độ ba la mật, tức được trí tuệ trang nghiêm, phước đức trang nghiêm và tu 37 phẩm Trợ Đạo, thế nên Bồ Tát phát tâm Bồ Đề, mệnh danh là CHI. Đại Bồ Tát tùy sự phát tâm thực hành đầy đủ, được Vô thượng Bồ Đề cho nên gọi là CHI.

Đại Bồ Tát, nếu không có tánh Bồ Đề, dầu phát tâm siêng năng tinh tấn, rốt cuộc chẳng thể được Vô thượng Bồ Đề. Thế nên biết, chẳng phải do riêng

siêng năng tinh tấn mà có tánh Bồ Đề, do đúng như nghĩa của tánh Bồ Tát. Đây gọi là CHI.

Bồ Tát, tuy có Bồ Tát tánh, nhưng nếu không phát tâm siêng năng tinh tấn, không thể mau thành vô thượng chánh giác.

Có tánh Bồ Tát, phát tâm Bồ Đề, do siêng tu tinh tấn, có thể mau thành Vô thượng Bồ Đề. Vì lẽ đó tánh của Bồ Tát gọi là CHI.

Và lại, CHI cũng gọi là Nhân, cũng gọi là Nác, cũng gọi là Thêm lớn, cũng gọi là Trang nghiêm, cũng gọi là Nương tựa, cũng gọi là Thứ lớp, cũng gọi là Tiến hạnh, cũng gọi là Nhà ôc. Do nghĩa đó, tánh gọi là CHI.

Thế nào là TÁNH? Tánh có hai:

Một là BỔN tánh. Hai là Khách tánh.

Bổn tánh là Âm, Giới, Nhập, thứ lớp liên tục, vô thủ vô chung. Pháp Tánh tự nó như vậy, vì thế gọi là Bổn tánh.

Khách tánh là tất cả pháp lành tụ tập để được tánh Bồ Tát, đó gọi là Khách tánh. Kinh đây lấy hai thứ Bổn, Khách làm tánh. Hai tánh đây, gọi là CHI. Lại nữa, Tánh cũng gọi là chủng tử, là ranh vức. Gồm có hai thứ: 1. Tế. 2. Thô.

Tế là gì? - Không nhân mà được, không nhân được quả, thế gọi là Tế.

Thô là gì? - Có nhân mà được. Từ nhân được quả, thế gọi là Thô.

Đại Bồ Tát được hai thứ tánh (Bổn, Khách) là hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác hưởng gì các hạng ngoại đạo. Vì lẽ đó Bồ Tát được gọi là Hơn.

Vì sao lại hơn? - Do trong sạch vậy.

Trong sạch có hai:

Một là: Sạch sở tri chướng (trí chướng)

Hai là: Sạch phiền não chướng (kiết chướng)

Thanh văn, Duyên giác sạch phiền não chướng chướng phải sạch sở tri chướng.

Đại Bồ Tát sạch cả hai chướng, do đó tánh Bồ Tát được gọi là Hôn.

Đại Bồ Tát có bốn điều hôn hết thảy Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo. Bốn điều hôn là: 1. Căn hôn. 2. Hạnh hôn. 3. Phương tiện hôn. 4. Đắc quả hôn.

-Căn hôn: Đại Bồ Tát bản tánh đồng mãnh lạnh lợi. Duyên giác tánh trung bình, Thanh văn tánh chậm lụt. Đây gọi là căn hôn.

-Hạnh hôn: Thanh văn, Duyên giác vì tự độ mình mà tu các pháp lành, Bồ Tát chẳng tự vì mình, chỉ vì chúng sanh mà tu tập pháp lành, đem tâm Đại bi thương xót tất cả, ban bố an vui cho khắp chúng sanh, vì thế gọi là hạnh hôn.

-Phương tiện hôn: Thanh văn, Duyên giác chỉ có thể rõ thấu Âm, Giới, Nhập mà chẳng rõ suốt mười hai nhân duyên và Xứ, chẳng phải Xứ. Phương tiện của Bồ Tát có thể khéo biết tất cả pháp, thế gọi là phương tiện hôn.

-Quả hôn: Thanh văn tự được Thanh văn Bồ Đề, Duyên giác tự được Duyên giác Bồ Đề, Bồ Tát tự được Bồ Tát Bồ Đề.

Tánh Bồ Tát có sáu ẩn, do sáu ẩn này mà tất cả chúng sanh được hay biết đó là Bồ Tát. Sáu thứ ẩn là gì? - Tức Bồ thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật.

Do nghĩa gì Bồ thí độ gọi là Tánh ẩn của Bồ Tát?

-Bản tánh đại Bồ Tát có thể được tâm Thí xả như vậy:

Đối với các thứ tiền của, dầu nhiều hay ít, tâm Bồ Tát không tham đắm, muốn đem cấp giúp cho người. Khi cấp giúp và cấp giúp xong, tùy chỗ thí vật, Bồ Tát tâm sanh vui vẻ. Dù ít dù nhiều, tâm không nghi ngờ hối tiếc, thí vật chút ít cũng không e thẹn. Nếu không tiền của, cũng thường khen ngợi về sự bố thí. Thấy người bần sèn, có thể đả phá tâm bần sèn nọ, gặp người làm việc bố thí, tâm sanh phần khởi, vui mừng như gặp cha mẹ. Thấy người đến xin lấy làm hân hạnh. Nếu không tiền của cung ứng, bèn dùng sức khỏe trợ giúp cho bậc già nua, cha mẹ, sư tăng. Ứng đối thì dùng lời nói vui vẻ, lời nói mềm mỏng, lời nói đúng cách, lời nói chơn thành lời nói ngay

thẳng, để đối trị với lời nói hư vọng, lời nói đôi chiều, lời nói hung hiểm lời nói vô nghĩa của chúng sanh.

Hoặc có người hỏi, còn chẳng nói đến điều hay điều dở của người, huống gì không hỏi mà lại tự nói.

Nếu có những người lo sợ các nạn nước, lửa, vua quan, thú dữ, giặc cướp, có thể vì họ cứu nguy giải ách. Biết ơn, nhớ ơn của người, thường nghĩ báo đáp. Nhận vật người khác gởi gắm giao phó, chẳng làm kẻ áy nghi ngờ, nếu là vật quý tâm không tham đắm. Vật của mình có, tâm không lẫn tiếc. Thường sắm áo mặc thức ăn cấp giúp cho người. Luôn luôn chế ngự lòng tham đắm sắc dục, sự đam mê rượu chè, chế ngự sự ưa thích chơi giỡn hay sự vui thích đờn ca xướng hát, và tu tập tánh biết hổ thẹn, dầu được vật quý giá, cũng chẳng sanh ham vui. Đây gọi là Tánh ấn của Bồ Tát thuộc Bồ thí độ.

Thế nào là tánh ấn của Bồ Tát thuộc Trì giới độ?

-Thân, miệng, Ý của đại Bồ Tát tánh tự mềm mỏng trong sạch, Bồ Tát chẳng khởi tâm hung dữ, chẳng khởi tâm giận hờn. Nếu vì khách trần phiền não mà gây các tội lỗi, tạo rồi tâm rất ân hận, tâm rất hổ thẹn phát lộ sám hối. Đối với chúng sanh, khởi lòng thương xót, tưởng như con một. Trọn đời chẳng dùng tay chân gây gộc, đá gạch để đánh đập mọi loài, luôn luôn tìm kiếm bực chơn thiện tri thức, chí thường ưa thích cúng dường cha mẹ, sư trưởng và các vị tôn túc kỳ cựu, phá bỏ tánh tình kiêu xa ngã mạn, hỏi han chào đón trước người, biết ơn, nhớ ơn, nếu ai đến hỏi xin, Bồ Tát từ tốn an ủi dẫn dụ chẳng dùng những trò huyền thuật dối gạt chúng sanh, trọn chẳng nuôi sống bản thân bằng những điều trái phép, thường ưa tu tập tất cả công đức, dạy bảo chúng sanh rộng tu sự nghiệp phước đức. Thấy các chúng sanh chịu các sự khổ, bị đánh, bị trói, bị giam, bị cầm, bị nóng lạnh đói khát, đến nỗi mất mạng. Xem những cảnh ấy, Bồ Tát đau đớn không khác chính mình chịu khổ. Bảo vệ giới luật Phật chế, dầu một giới kinh nhỏ nhặt cũng không có ý hủy phạm, huống gì những điều giới trọng. Luôn luôn dùng mười nghiệp lành dạy dỗ mọi người, chẳng ưa xem nghe những kẻ đấu tranh mắng nhiếc. Những gì thuộc về ba nghiệp thân, miệng, Ý của Bồ Tát là thương vì chúng sanh, trọn chẳng vì mình mà làm. Nếu như có người gồm đủ giới đức, nhẫn nhục, trí tuệ, Bồ Tát ưa thích cùng họ làm việc, được lòng hòa dịu, không lòng oán hận hay lòng bất nhẫn. Tâm của Bồ Tát luôn luôn kính trọng những giới Phật chế, không hề dối trá chúng sanh, không nói đôi chiều, không nói lời vô nghĩa. Dầu không người hỏi vẫn cứ ca tụng điều tốt của

người, hưởng có kẻ hỏi mà không tán dương. Nói chung là luôn luôn tôn trọng sùng kính sự nói năng đúng đắn chân thật. Đây gọi là tánh ấn của Bồ Tát thuộc Trì giới độ.

Thế nào là Tánh ấn của Bồ Tát thuộc Nhẫn nhục độ?

-Đại Bồ Tát thấy các chúng sanh, nếu có ai đến đánh đập thân mình, ngay đó chẳng đem điều ác trả đũa. Vì sao thế? - Bởi thân ta đây chẳng phải là thân chân thật. Nếu là thân chân thật làm sao có thể đánh. Thân máu thịt này là thân hòa hợp, là thân nhơ nhớp. Trong thân hòa hợp này, phần ít thấy có đánh, phần nhiều không chút tổn hại. Cái nhiều đã không tổn hại thì sao lại không vui? Kẻ giận ta là giận nơi phần ít, cái nhiều không giận. Nếu cái đánh hòa hợp, đánh cái nhận hòa hợp, vậy thì ai đánh, ai nhận? Ví như hai vật chạm nhau khua tiếng. Nếu ta nổi giận là tự giận lấy mình. Tại sao vậy? - Do vì nghiệp duyên mà có thân này, bởi có thân này nên chịu khổ độ này, cũng như do có mục tiêu, tên mới cắm vào. Nếu ta tăng thêm lòng giận, tức chẳng thể có quan niệm oan thân lành dữ là điều bình đẳng. Nếu chẳng thể quan sát sự bình đẳng giữa thiện và ác, quyết định sẽ đọa ba đường ác. Vì lẽ đó, nếu ai đánh mắng, đối với kẻ kia, ta chẳng nên nổi lòng sân hận. Quán được như vậy, gọi là tánh ấn của Bồ Tát thuộc Nhẫn nhục độ.

Lại nữa, nếu gặp người đến đánh mắng, đối với kẻ đó, nên sanh ý tưởng họ như con một của ta, lòng không oán hận. Đây gọi là tánh ấn của Bồ Tát thuộc Nhẫn nhục độ.

Thế nào là Tánh ấn của Bồ Tát thuộc Tinh tấn độ?

-Đại Bồ Tát siêng tu tinh tấn, hừng đông thức dậy, về khuya mới đi nghỉ, chẳng ưa nằm dài ngủ thẳng, chẳng màng lạnh nóng, đói khát, lo mừng. Phàm tạo tác những sự nghiệp thế gian hay sự nghiệp xuất thế, nhưt quyết phải làm, cho đến lúc hoàn tất, chẳng chịu bỏ phế nửa chừng. Sự việc dầu chưa kết quả cũng không hối đổi. Dầu được người cúng dường cung kính, việc tu của mình cũng không nghĩ, không thôi. Với tự bản thân chẳng khởi tâm xem thường, cho rằng mình chẳng thể được Vô thượng Bồ Đề. Tuy gặp những chuyện khó làm ở đời, trọn không dần dà, thoái thất. Đây gọi là Tánh ấn của Bồ Tát thuộc Tinh Tấn độ.

Thế nào gọi là Tánh ấn của Bồ Tát thuộc Thiên Định độ?

-Đại Bồ Tát dốc lòng ưa thích quán sát nghĩa thật các pháp. Thích ở chỗ vắng lặng rảnh rang, hoặc chỗ không người lai vãng. Thích lia kẻ ác để nuôi lớn pháp lành, gặp người vui ưa vắng lặng liền sanh hoan hỷ cung kính. Tuy có phiền não, tính chất cũng nhẹ mỏng, bao nhiêu tâm lành trọn không bị giác quán ác làm cho hư hỏng, tu tập lòng từ, xem kẻ oan gia không khác địch tử. Hoặc gặp chúng sanh chịu sự khổ lớn, sanh lòng bi悯, tùy theo sức mình ra tay dứt trừ, mong các chúng sanh đều được an tồn, giả sử thân bị đau khổ chẳng sanh lo buồn, rủi mất thân mạng hay mất tiền của, bị trói, bị nhốt, bị đánh bị đuổi vẫn tự an ủi không sanh lo khổ, để phải đánh mất chánh niệm, chuyên tâm nghe pháp, biên chép thọ trì, đọc tụng giải nói. Nếu người khác quên mất, có thể vì họ chỉ dạy v.v... Do nhân duyên sự dốc lòng trên đây, trong những đời sau không quên pháp giới. Đây gọi là Tánh ấn của Bồ Tát thuộc Thiên Định độ.

Thế nào là Tánh ấn của Bồ Tát thuộc Trí tuệ độ?

-Đại Bồ Tát biết rõ hết thảy những việc thế gian, biết các phương thuật cũng như biết rành lời lẽ nói năng của các chúng sanh. Tuy biết việc ấy nhưng tâm không mê lầm phóng túng, chẳng bị ngoại đạo lừa dối mê hoặc, chẳng theo nghĩa lý các luận thuyết tà kiến. Đây là tánh ấn của Bồ Tát thuộc Trí tuệ độ.

Nay Như Lai nói sơ lược về tướng Ấn thô của Bồ Tát, còn tướng Ấn Tế về sau là chỗ biết của các đức Phật.

Tánh của Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, thành tựu đầy đủ các công đức chân thật, đầy đủ tịnh pháp, cho nên gọi là trên hết, gọi là chẳng động, cũng gọi là ấn Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại Bồ Tát, nếu không xem thấy tai họa của các điều ác, tức chẳng được tu tất cả pháp lành. Khi Bồ Tát tu pháp lành bị thương, nếu do nhân duyên khách trần phiền não, làm cho sa đọa vào ba đường ác, vẫn hơn những chúng sanh trong các đường ấy.

Vì sao vậy? - Vì có tánh Bồ Tát.

Nếu do nhân duyên khách trần phiền não đọa vào đường ác, có thể nhanh chóng phá hoại ác báo và mau được ra khỏi, như người chẳng ra cũng không đồng với những kẻ chịu khổ nặng nề trong chốn ác đạo.

Khi Bồ Tát chịu khổ, đối với chúng sanh vẫn còn sanh tâm Đại bi, do nhân duyên của Tánh mà được Bi tâm, thế nên Bồ Tát hơn tất cả chúng sanh trong ba ác đạo.

Đại Bồ Tát do nhân duyên bốn thứ phiền não làm cho hư hỏng pháp trong sạch. Những gì là bốn?

Một là luôn luôn đặt nặng tài lợi.

Hai là, do hai kiết sử Giận, Si mà gần gũi bạc ác.

Ba là, ở chỗ tướng soái, giặc cướp, vua chúa, oán cừu, vì sự sợ hãi mà đánh mất thiện tâm, khởi các phiền não.

Bốn là, vì thân mạng mà tạo các điều dữ.

Tuy có tánh Bồ Tát nhưng do bốn điều này, rốt cuộc chẳng chứng Vô thượng Bồ Đề.

Lại có bốn việc, tuy có tánh Đại Bồ Tát, nhưng chẳng chứng Vô thượng Bồ Đề. Những gì là bốn?

Một là, không gặp thiện tri thức chư Phật, Bồ Tát nói những nghĩa lý không sai, không lộn.

Hai là, tuy gặp thiện hữu tri thức chư Phật Bồ Tát giải nói nhưng hiểu nghĩa lầm lộn.

Ba là, tuy gặp thiện hữu tri thức chư Phật Bồ Tát tùy thuận giải nghĩa, nhưng chẳng luôn luôn giữ giới Bồ Tát.

Bốn là, tuy gặp thiện hữu Phật và Bồ Tát tùy thuận giải nghĩa, vị này cũng học giới Bồ Tát song căn lành chưa thành thực, chưa đủ để trang nghiêm đạo Vô thượng Bồ Đề.

Bồ Tát tuy có Bồ Tát tánh nếu không đầy đủ bốn việc như vậy, trọn không thể chứng đạo Vô thượng Bồ Đề. Ngược lại, tuy đầy đủ bốn việc như trên, nhưng nếu không có tánh Bồ Tát mà có thể chứng Vô thượng Bồ Đề điều ấy cũng phi lý.

PHẨM THỨ BA PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Đại Bồ Tát lúc mới phát tâm, lập chánh nguyện lớn, nói lời như sau:

“Khi tôi chứng được Vô thượng Bồ Đề, sẽ làm cho tất cả chúng sanh được lợi ích lớn”.

Phải nên đặt đề tất cả chúng sanh nơi Đại Niết Bàn. Lại phải giáo hóa tất cả chúng sanh, làm cho tất cả đều được trí tuệ rộng lớn. Đây chính là tự lợi, lợi tha. Vì vậy khi mới phát tâm Bồ Đề, được gọi là nhân duyên Bồ Đề, nhân duyên chúng sanh, nhân duyên nghĩa chánh, nhân duyên ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nhiếp lấy tất cả pháp lành căn bản. Bởi thế Bồ Tát được gọi là Thiện, Đại Thiện, là Thật, Chơn thật, cũng gọi là rễ lành của tất cả chúng sanh, có thể phá ba nghiệp ác nơi thân, miệng, ý.

Trong thế gian, tất cả những người có thế nguyện thế hoặc xuất thế, không ai có thể hơn Vô thượng Bồ Đề. Sự thế nguyện của Bồ Tát cũng vậy, là vô thắng, vô thượng.

Đại Bồ Tát mới phát ba tâm Bồ Đề (1) gồm có năm sự: Một là Tánh. Hai là Hạnh. Ba là Cảnh giới. Bốn là Công đức. Năm là Tăng thêm.

Nếu Bồ Tát luôn luôn phát tâm Bồ Đề, được mệnh danh là Đại Bồ Tát tu hạnh Đại thừa, chắc chắn được Vô thượng Bồ Đề. Thế nên mới Phát tâm Bồ Đề là có thể nhiếp lấy tất cả pháp lành.

Đại Bồ Tát phát tâm Bồ đề, tùy công hạnh mà lần lượt được Vô thượng Bồ Đề, nếu chẳng phát tâm, rốt cuộc chẳng thể nào được. Vì vậy sự phát tâm là căn bản của Vô thượng Bồ Đề.

Đại Bồ Tát thấy chúng sanh đau khổ, sanh tâm thương xót, vì vậy Bồ Tát như lòng Từ Bi mà phát tâm Bồ Đề, do tâm Bồ Đề tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, do tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo được Vô thượng Bồ Đề, bởi thế sự phát tâm gọi là CHI. Phát tâm Bồ Đề cho nên thực hành giới Bồ Tát, vì vậy sự phát tâm là CHI của giới Bồ Tát. Sự phát tâm là gốc, là nhân, là nhiếp, là quả, cũng gọi là giống.

Bồ Tát phát tâm có hai hạng: Một là rốt ráo. Hai là chẳng rốt ráo.

Rốt ráo là không hề thoái thất, mãi cho đến lúc chứng quả Vô thượng Bồ Đề.

Chẳng rốt ráo là có sự thoái thất. Thoái thất lại có hai: 1. Rốt ráo thoái. 2. Rốt ráo chẳng thoái.

Rốt ráo thoái là: Kết cuộc chẳng phát tâm Vô thượng Bồ Đề, chẳng thể suy tầm tu tập pháp này. Chẳng rốt ráo thoái là: Mong cầu tâm Bồ Đề và tu tập pháp này.

Tâm Bồ Đề đây có bốn thứ nhân. Thế nào là bốn?

1. Kẻ thiện nam, người thiện nữ được thấy hoặc nghe các đức Phật và các Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, bây giờ liền sanh tâm kính trọng, tin tưởng, nghĩ như thế này: “Việc của chư Phật, Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn. Nếu sự việc chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ Tát là có thể được, tôi cũng nên phát tâm Vô thượng Bồ Đề”. Do tư duy như vậy cho nên dốc lòng nghĩ về Bồ Đề và phát tâm Bồ Đề.

2. Có kẻ chẳng thấy sự việc không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ Tát, mà chỉ nghe nói đến tạng pháp bí yếu của Phật, Bồ Tát. Nghe rồi tâm sanh kính trọng, tin tưởng. Được tín tâm nên làm nhân cho Vô thượng Bồ Đề, làm nhân cho Đại trí, cho nên phát tâm Bồ Đề.

3. Lại có người không thấy sự việc chẳng thể nghĩ bàn của Phật, Bồ Tát, cũng chẳng được nghe pháp, nhưng gặp hội chánh pháp hoại diệt, bèn tự nghĩ như vậy: “Phật pháp cao sâu vô thượng có thể diệt trừ vô lượng nỗi khổ của chúng sanh, làm lợi ích rất lớn, chỉ có chư Bồ Tát mới có thể làm cho giáo pháp của Phật trụ lâu nơi đời, chẳng bị hoại diệt, nay tôi cũng nên phát tâm Bồ Đề, làm cho chúng sanh xa lìa phiền não, lìa những khổ lớn”. Đây do ủng hộ Phật pháp trụ lâu nơi đời mà phát tâm Bồ Đề.

4. Lại có người chẳng gặp lúc Phật pháp bị hoại diệt, chỉ thấy chúng sanh trong đời ác trực đủ tất cả phiền não sâu nặng như tham, giận, si mê, không hổ, không thẹn, bòn sẻn, ganh tỵ, lo rầu, khổ sở, bất tín, biếng lười v.v... Thấy những điều ấy rồi bèn tự nghĩ: “Thời buổi cực ác, chúng sanh đại ác, chẳng siêng tu tạo điều lành, thời đại ác trực thế này, chúng sanh còn chẳng thể phát tâm nhị thừa, huống gì phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Nay tôi nên phát tâm Bồ Đề, phát tâm này rồi sẽ dạy dỗ chúng sanh khiến họ cũng phát

tâm Vô thượng Bồ Đề”. Thế nên Bồ Tát ở thời đại ác, chúng sanh tệ ác mà phát tâm Bồ Đề.

Lại nữa, có bốn nhân phát tâm Bồ Đề. Những gì là bốn?

Một là: Tánh đầy đủ.

Hai là: Bận lành đầy đủ.

Ba là: Lòng Từ đầy đủ.

Bốn là: Xem khổ sống chết, Thánh hạnh đầy đủ, chẳng sợ những hạnh khổ khó làm.

1. Tánh đầy đủ: Tánh Bồ Tát vốn tự đầy đủ.

2. Bận lành đầy đủ: Gồm có bốn điều:

- Sáu căn đầy đủ, đủ trí huệ lớn, có thể chỉ bày đường lành, nẻo dữ, chẳng thực hành đạo tà.

- Tâm không buông lung, hay phá bỏ tánh tình buông lung, có thể đóng cửa ác đạo.

- Tự mình đầy đủ giới cấm Bồ Tát và xoay vần theo giáo hóa người.

- Chẳng đem đường lối thấp thỏi xoay chuyển đường lối cao vời của người, chẳng đem tiểu thừa xoay chuyển người tu Đại thừa, chẳng dùng lối tu phước lay chuyển người đang tu huệ. Đây gọi là bận lành đầy đủ.

3. Lòng Từ đầy đủ: có bốn:

- Thế giới nào có những nơi khổ não, hoặc thế giới không khổ não và nơi khổ não. Bồ Tát phát nguyện sanh qua nơi đó. Hoặc thấy người chịu khổ hay tự mình chịu khổ, vì phá khổ ấy mà phát sanh lòng Từ.

- Sanh vào địa ngục, chứng kiến những cảnh chúng sanh chịu khổ, vì phá khổ ấy mà phát sanh lòng Từ.

- Sanh vào ngã quý, thấy cảnh chúng sanh chịu khổ hay tự mình chịu khổ, vì muốn phá khổ ấy mà phát sanh lòng Từ.

- Sanh vào loài súc sinh, thấy chúng sanh chịu khổ hay tự mình chịu khổ cũng sanh lòng Từ để phá khổ ấy.

- Lòng Từ đầy đủ lại có ba bậc: Thượng, Trung, Hạ.

Bậc thượng có bốn điều:

- Quán khổ sống chết.

- Tu tâm Từ Bi không có trước sau.

- Tâm tánh đồng kiến.

- Được tâm sáng suốt

Bậc trung có bốn điều:

- Chẳng buông lung.

- Đầy đủ giới.

- Hay nhẫn nhục.

- Dốc lòng nhớ nghĩ về Vô thượng Bồ Tát.

Bậc hạ lại có bốn điều:

- Xem chúng sanh như con một.

- Không khởi phân biệt với kẻ oán người thân.

- Được tâm tin tưởng chắc chắn.

- Tu hành hạnh Thánh.

Tu tập lòng Từ có bốn năng lực:

- Năng lực bên trong.
- Năng lực bên ngoài.
- Năng lực sở nhân.
- Năng lực trang nghiêm.

Đại Bồ Tát dốc lòng nhớ nghĩ về đạo Vô thượng Bồ Đề, gọi là năng lực bên trong.

Vì muốn hóa độ chúng sanh mà phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Gọi là năng lực bên ngoài.

Có thể ở trong Vô lượng A tăng kỳ kiếp tu tập khổ hạnh, vâng thờ chư Phật, Bồ Tát, gọi là năng lực sở nhân.

Đại Bồ Tát ưa gần gũi thiện trí thức nghe nhận chánh pháp, tư duy nghĩa lý, đúng theo giáo pháp tu tập, gọi là năng lực trang nghiêm.

Nếu Đại Bồ Tát dùng năng lực bên trong và năng lực sở nhân mà phát tâm Vô thượng Bồ Đề, đây gọi là chánh tâm, là tâm không động, là tâm không lui, tâm không thay đổi.

Nếu dùng năng lực bên ngoài và năng lực trang nghiêm mà phát tâm Bồ Đề, đó gọi là tâm không chánh, tâm bị động, tâm thoát lui, tâm thay đổi.

Bồ Tát đổi tâm có bốn nhân duyên: Một là: Tánh không đầy đủ. Hai là đầy đầy bạn ác. Ba là chẳng đủ lòng Từ bi đối với chúng sanh. Bốn là chẳng luôn luôn quán sát mối lo ngại của sự khổ sống chết.

Đại Bồ Tát mới phát tâm Bồ Đề, có hai sự không thể nghĩ bàn: Một là: Đối với chúng sanh tưởng như bà con thân thích. Hai là: không tưởng chúng sanh.

Bồ Tát thường dùng trí tuệ quán sát: Cái gì là chúng sanh? Chúng sanh thuộc về gì? Như thế gọi là hai nhân. Hai tâm này có thể làm cho Bồ Tát không thoái chuyển.

Mới phát tâm Bồ Đề có hai tâm: Một là: Vì đem lại cho chúng sanh sự an ổn. Hai là: Vì đem lại cho chúng sanh sự vui sướng. Dùng các pháp lành giáo hóa chúng sanh khiến họ loại bỏ điều ác, gọi là an ổn. Hay đem tiền của cấp giúp, khiến chúng sanh lìa sự nghèo nàn, như cấp giúp quần áo, ăn uống, phòng nhà, mền nệm thuốc men. Thế gọi là sung sướng.

Bồ Tát không thoái chuyển, có hai tâm:

Một là: Tánh trang nghiêm. Hai là: Chuyên tâm thọ trì trang nghiêm.

-Thường suy nghĩ mong cho chúng sanh an vui, gọi là tánh trang nghiêm.

-Trọn không thoái chuyển tâm Bồ Đề, do đây hết lòng đem lại an vui cho tất cả chúng sanh, gọi là Thọ trì trang nghiêm.

Bồ Tát bất thoái sanh ra phước đức nhờ hai yếu tố: Một là tâm Bồ Đề. Hai là chúng sanh chịu khổ. Hai yếu tố trên đây là chỗ chứa nhóm các pháp lành lớn.

Mới phát tâm kiên cố, Bồ Tát lại có hai điều hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác. Một là: Nhân hơn. Hai là: Quả hơn.

Đại Bồ Tát phát tâm Bồ Đề, tu tập pháp lành gọi là Nhân. Do thực hành các thiện pháp, chứng được Vô thượng Bồ Đề gọi là Quả. Nhân, Quả như thế hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác.

Bồ Tát bất thoái có hai việc lớn. Một là: Phát tâm này rồi liền vì tất cả vô lượng chúng sanh mà làm ruộng phước. Được làm cha mẹ thầy dạy, Hòa thượng v.v...Bồ Tát sanh tâm xót thương rộng lớn. Do xót thương chúng sanh, cho nên khi đi đứng, ngồi, nằm, thức, ngủ, chư thiên bảo vệ như vua chuyển luân thường được năm trăm quỷ thần mặc y phục xanh bảo vệ. Bồ Tát bất thoái cũng vậy. Vì tâm thương xót chúng sanh, cho nên nếu có thọ thêm thân nữa cũng không bệnh ngặt. Hai là: Bồ Tát phát tâm thường được chúng sanh ưa thích, gặp gỡ, nhìn ngắm, như nhìn cha mẹ. Tất cả chúng sanh đối với những gì thuộc thân, miệng, ý của Bồ Tát, đều không nhận thấy có điều xấu ác.

Đại Bồ Tát phát tâm Bồ Đề không mất chánh niệm. Đối với chúng sanh, Bồ Tát không khởi tâm làm hại, chẳng ăn thịt, chẳng khi dối, thường dùng các pháp lành giáo hóa chúng sanh. Dầu chúng sanh không nhận, Bồ Tát cũng

không bỏ phế sầu lo, luôn luôn tự chế ngự mình và kẻ khác, làm cho họ tươi nhuận sự nghiệp phước đức.

Nếu vì nhân duyên khách trần phiền não, đọa ba đường ác, Bồ Tát cũng mau ra khỏi. Dầu cũng chịu khổ như chúng sanh, vẫn không khởi tâm độc địa, thấy người chịu khổ sanh tâm thương xót.

Bồ Tát sơ phát Bồ Đề tâm, thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Chú thích:

(1) Phát ba tâm Bồ Đề: Luận Khởi Tín giải thích ba tâm Bồ đề là: 1- Trực tâm, chánh niệm pháp chơn như. 2- Thâm tâm: là Tín sâu lý như quá, chi ác, tác thiện. 3- Đại bi tâm: lập nguyện cứu độ tất cả chúng sanh.

PHẨM THỨ TƯ LỢI ÍCH TRONG NGOÀI

Đại Bồ Tát phát tâm Bồ Đề, thế nào là Hạnh Bồ Đề?

-Bồ Tát nếu ở nơi này, nơi khác, hoặc học hoặc dạy, đều vì Vô thượng Bồ Đề. Sự học ấy là: Giới luật. Văn Huệ. Tư Huệ. Tu Huệ. Đây gọi là Hạnh Bồ Đề.

Đại Bồ Tát học về điều gì, thì sự học ấy đều có bảy ý nghĩa. Thế nào là bảy?

Một là nghĩa bên trong. Hai là nghĩa bên ngoài. Ba là nghĩa chân thật. Bốn là nghĩa không thể nghĩ bàn. Năm là nghĩa điều phục chúng sanh. Sáu là nghĩa thuộc rành Phật pháp. Bảy là nghĩa Vô thượng Bồ Đề.

-Sao gọi là nghĩa bên trong? Nghĩa bên trong có mười.

1. Nghĩa chơn thật.
2. Nghĩa vị tha.
3. Nghĩa điều phục.

4. Nghĩa an ổn
5. Nghĩa vui sướng.
6. Nghĩa của nhân.
7. Nghĩa của quả.
8. Nghĩa hiện tại.
9. Nghĩa đời khác.
10. Nghĩa rốt ráo.

Đại Bồ Tát vì người mà phụng sự, đó là nghĩa bên trong.

1. Nghĩa chơn thật là thế nào? - Bồ Tát biết tánh chất phiền não và biết pháp môn đối trị. Được sự vui của mình bèn thí đủ cho khắp chúng sanh, chỉ thường tu tập đạo Vô thượng chơn chánh, phàm có tìm cầu những gì đều dùng an ổn chúng sanh, được tiền của rồi lòng không tham đắm, thường đem cúng dường chư Phật, Giáo pháp, chúng Tăng, cha mẹ thầy dạy, vượt ngàn muôn dặm suu tầm kinh điển của Phật và bí tạng Bồ Tát, tìm được pháp rồi phổ biến rộng rãi, chẳng sanh lần tiếc, cất kỹ, giữ kín. Dầu hiểu nghĩa lý sâu xa cũng chẳng sanh tâm cao ngạo.

Vì người cầu sanh cõi trời mà nói lợi ích của việc giữ giới. Vì chuyển luân vương nói đức bố thí. Vì bậc Nhị thừa nói cách tu tập chánh định. Vì người muốn được quả báo lớn thế gian mà cúng dường tam bảo, rộng tu sự nghiệp phước đức. Vì kẻ tham lam nói rõ hậu quả tánh tham. Vì kẻ khi dối nói về hậu quả lừa dối. Vì kẻ phi pháp mà làm người sai khiến. Bồ Tát làm việc này xong, gọi là nghĩa chơn thật.

2. Phàm những điều gì tự lợi của Đại Bồ Tát đều vì tất cả chúng sanh. Đây gọi là nghĩa lợi tha.

3. Đại Bồ Tát nếu có diễn thuyết, đều nhằm phá vỡ tà kiến, dị thuyết. Tà kiến, dị thuyết là những luận điệu bài bác nhân quả. Vì những kẻ phá dối không thấy tội lỗi, Bồ Tát nói những tội báo của sự hủy cấm. Vì phá ba độc mà diễn nói pháp. Vì người thoái tu thiên định, thiện pháp, Bồ Tát giảng nói

chánh pháp khiến họ không bị thoái chuyển. Vì muốn nuôi lớn pháp lành, muốn chúng sanh được sức tự tại, Bồ Tát vì họ nói pháp. Muốn khiến chúng sanh trong khắp mười phương đều được sức thần túc, Bồ Tát vì họ nói pháp. Đây gọi là nghĩa Điều phục.

Nghĩa trong cũng gọi là nghĩa ngoài, nghĩa ngoài cũng gọi là nghĩa trong, nghĩa trong ngoài gọi là nghĩa điều phục, nghĩa điều phục cũng gọi là nghĩa trong ngoài. Mười lục, bốn Vô úy, mười tám pháp bất cộng, ba niệm trí, Đại bi, Bất vọng. Năm trí tam muội là nghĩa chơn thật. Nghĩa chơn thật là nghĩa trong ngoài. Nghĩa trong ngoài có hai: Một là tự điều phục. Hai là điều phục kẻ khác. Đại Bồ Tát khéo biết phương tiện là nghĩa điều phục, Bồ Tát thực hành tất cả hạnh lành là nghĩa điều phục.

Vì sao lại gọi là nghĩa trong ngoài? Đây có năm việc. Một là, tịnh được thân người khác. Hai là thêm lớp pháp lành của người. Ba là lợi ích hiện tại. Bốn là lợi ích đời khác. Năm là hoại phiền não của người.

Đại Bồ Tát tùy chỗ tu thiện hoặc nhiều hay ít, lấy đó dạy lại chúng sanh, làm cho chúng sanh đồng như sở đắc của mình. Đây là nghĩa điều phục.

4. Đại Bồ Tát tự mình được an ổn, lại đem sự an ổn ban cho chúng sanh, đó là sự an ổn xuất thế hoặc sự an ổn thế gian, sự an vui ở cõi Dục, hay sự an vui bởi kết quả tu tập thiền định. Đây gọi là nghĩa an ổn.

Nghĩa an ổn cũng gọi là nghĩa trong ngoài, cũng gọi là nghĩa điều phục, cũng gọi là nghĩa chơn thật.

Nghĩa trong ngoài của Đại Bồ Tát có sự vui hiện tại, chẳng phải sự vui đời khác. Có sự vui đời khác chẳng phải sự vui hiện tại. Có sự vui hiện tại lẫn đời khác. Có sự vui chẳng phải hiện tại chẳng phải đời khác.

Nghĩa trong ngoài lại có bốn: Một là, có người thọ pháp hiện tại được vui đời khác chịu khổ. Hai là, có người thọ pháp hiện tại chịu khổ đời khác được vui. Ba là, có người thọ pháp hiện tại được vui đời sau cũng vui. Bốn là, có người thọ pháp hiện tại chịu khổ, đời sau cũng khổ.

Đại Bồ Tát nếu nói về Niết Bàn hay Đại Niết Bàn, nói về tám thánh đạo hay ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nói về đạo thế gian hay đạo xuất thế, như vậy gọi là nghĩa an ổn. Nghĩa an ổn gọi là nghĩa trong ngoài, nghĩa trong ngoài gọi là nghĩa chánh.

Nghĩa chánh gọi là nghĩa vô thượng, nghĩa vô thắng, nghĩa an ổn, nghĩa Thường, Lạc. Sự thọ thường lạc của Đại Bồ Tát có thể thành nghĩa trong ngoài, nghĩa chơn thật, nghĩa điều phục, nghĩa an ổn.

5. Sao gọi là nghĩa vui sướng? Nghĩa vui sướng có năm: Một là, vui của nhân. Hai là, vui của thọ. Ba là, vui đoạn thọ. Bốn là, vui xa lìa. Năm là, vui của đạo Bồ Đề.

Vui của nhân là gì? - Cái nhân tiếp xúc từ trong ra ngoài, do nhân của xúc và duyên của xúc nên có sự thọ vui. Đây gọi là vui của nhân. Do làm điều lành, được sự vui đời sau, gọi là vui của nhân.

Vui của thọ là gì? - Từ nhân và duyên của nhân mà thân được nuôi lớn, tâm được an ổn, gọi là vui của thọ. Cái vui của thọ này lại có hai: Hữu lậu, Vô lậu. Vô lậu lại có hai: Một là học xứ, hai là vô học xứ. Hữu lậu có ba: Cõi Dục, cõi Sắc cõi vô sắc. Ba cõi có trong ra ngoài vào, cho nên có sáu xúc. Sáu xúc lại có hai: Một là thân vui. Hai là tâm vui. Năm thức chung chi phối là thân vui. Ý thức cùng chi phối là tâm vui.

Tu tập thánh đạo dứt hết các thọ, đạo đức gia tăng, không có các thọ. Đây là cái vui đoạn thọ.

Lìa hẳn phiền não, thân tâm không lo, gọi là cái vui xa lìa.

Vì được Thường, Lạc, cho nên gọi là vui của đạo Bồ đề.

Có người nói Vô tướng định là cái vui đoạn thọ, nghĩa là không đúng. Vì sao? - Vì chẳng dứt hết thọ.

Vui của sự xa lìa có bốn: Một là sự vui xuất gia. Hai là sự vui vắng lặng. Ba là sự vui đoạn hoặc. Bốn là sự vui giác ngộ.

Người đời có nhiều lo khổ. Dứt hẳn khổ ấy, gọi là vui xuất gia. Dứt sự tham ái ở cõi Dục gọi là vui vắng lặng. Chấm dứt phiền não ba cõi, gọi là vui đoạn hoặc. Thọ đức thường lạc gọi là vui giác ngộ.

Bồ Tát thường đem lại cho chúng sanh sự vui gọi là vui giác ngộ. Đại Bồ Tát tự mình thọ sự Thường, Lạc, chuyển sang bố thí chúng sanh, gọi là sự vui giác ngộ.

Vì sao gọi là vui của nhân?

-Cái vui đây là bởi nguyên nhân, cho nên gọi là vui của nhân, chẳng gọi là vui của thọ, vui của thọ chẳng gọi là vui của nhân mà gọi là vui của tánh.

Sự vui đoạn hoặc chẳng gọi là vui của nhân chẳng gọi vui của thọ, vì đoạn hoặc có nhiều vui nên gọi là vui đoạn hoặc.

Vui của sự xa lìa chẳng gọi là vui của nhân chẳng gọi vui của thọ, chẳng gọi vui đoạn hoặc. Do quán sát tai họa sanh tử, gọi là cái vui trí tuệ.

Vui giác ngộ chẳng gọi là vui của nhân, chẳng gọi vui của thọ, chẳng gọi vui đoạn hoặc, chẳng gọi là vui xa lìa. Vì đức chơn thường không có bờ mé, cho nên gọi là vui của Bồ Tát, gọi là vui không gì hơn, gọi là sự vui vô biên, sự vui vô thượng, cũng gọi là sự vui thường hằng, hay gọi là sự vui vắng lặng.

6. Đại Bồ Tát luôn luôn đem năm thứ vui như vậy ban cho chúng sanh. Đây gọi là nghĩa của nhân. Đại Bồ Tát thường hoại diệt nghiệp ác của chúng sanh, đem nghĩa chơn chánh chỉ dạy, do nghĩa chơn chánh mà chúng sanh được Vô thượng Bồ Đề. Đây gọi là nghĩa của nhân. Đại Bồ Tát vì khắp chúng sanh mà chịu khổ lớn. Do chịu khổ lớn cho nên có thể điều phục chúng sanh, đây gọi là nghĩa của nhân. Đại Bồ Tát quán sát thiện ác, luôn luôn đem việc thiện ác chỉ cho chúng sanh. Do sự khai thị ấy, chúng sanh được trí tuệ lớn. Được trí tuệ lớn nên chúng sanh có thể phá hoại điều ác to lớn. Đây gọi là nghĩa của nhân.

7. Đại Bồ Tát nhân nơi trí tuệ, thực hành sáu pháp ba la mật, đến khi chứng Vô thượng Bồ Đề gọi là nghĩa của quả.

Đại Bồ Tát hoại tâm tham, vì phá tâm tham cho nên đem lại chúng sanh năm thứ vui trên, để rồi chúng sanh được sự vui ấy. Đây gọi là nghĩa của quả.

Đại Bồ Tát thương xót chúng sanh, muốn cho tất cả đều được an lạc như mình, đó gọi là nghĩa trong ngoài. Nghĩa trong ngoài có ba. Nhân cũng có ba. Quả cũng có ba: Báo của nhân, Báo của quả, Nhân của phước, Quả của phước, Nhân của trí, Quả của trí.

Thế nào là báo? - Báo có tám: Một là sống lâu. Hai là thân toàn vẹn. Ba là giòng giống trên hết. Bốn là được tự tại. Năm là tiếng nói thanh tao. Sáu là được thân người nam. Bảy là được nhiều sức mạnh. Tám là không ai hơn nổi.

Đại Bồ Tát tu tập lòng Từ cho nên được sống lâu. Đây là báo của nhân.

Đại Bồ Tát đem áo quần, món ăn, thức uống, phòng nhà, mền nệm, thuốc thang cấp giúp chúng sanh, do đó được thân toàn vẹn.

Đại Bồ Tát phá tâm kiêu xa, ngã mạn, cung kính cha mẹ, thầy dạy, người có đức hạnh, do đó được dòng họ trên hết.

Đại Bồ Tát theo đúng phép tắc làm việc, phá bỏ điều trái phép, do đó được tự tại không ngại.

Đại Bồ Tát tâm tánh chân thật, không khi dễ chúng sanh, do đó được tiếng nói thanh tao.

Đại Bồ Tát thường chê trách ngũ dục, do đó được thân người nam.

Đại Bồ Tát thường vui ưa cúng dường Tam Bảo, do đó được nhiều sức mạnh.

Đại Bồ Tát thường hay giáo hóa chúng sanh cúng dường Tam Bảo, do đó không ai hơn nổi. Đây gọi là Báo của nhân.

Chẳng hại chúng sanh, mạng sống được tăng, gọi là báo của nhân.

Vui vẻ đem y phục, món ăn, thức uống, phòng nhà, mền nệm, thuốc thang cấp dưỡng chúng sanh, do đó Đại Bồ Tát được thân toàn vẹn.

Hay phá tánh kiêu xa, ngã mạn của chúng sanh, do đó Bồ Tát được họ hàng trên hết.

Hay trừ nghèo nàn khổ sở của chúng sanh, do đó được tự tại.

Hay phá bỏ lời nói hư vọng, lời nói đôi chiều, lời nói hỗn ẩu, lời nói nhảm nhí của chúng sanh, do đó được tiếng nói thanh tao.

Khen ngợi thân nam, chê trách thân nữ, bởi hai nhân đây, cho nên khi sanh trong loài người, được thân nam tử. Lại do xa lìa tà mạng nên được thân nam.

Thường đem thức ăn sạch sẽ cấp thí chúng sanh, gặp người lâm nguy, sợ hãi, ra tay giải cứu, do đó thân Bồ Tát được nhiều sức mạnh.

Thọ trì chánh pháp, đọc tụng giảng nói, do đó không ai hơn nổi.

Trên đây gọi là tám thứ báo. Tám thứ báo này do ba việc mà tăng trưởng mãi mãi. Một là Tâm tịnh. Hai là Trang nghiêm tịnh. Ba là Phước điền tịnh.

Đại Bồ Tát hết lòng chuyên cầu Vô thượng Bồ Đề, gọi là Tâm tịnh. Cúng dường bậc đồng pháp, đồng học, đồng thầy, gọi là tâm tịnh. Hoặc gặp hoặc nghe bậc đồng học, đồng thầy mà tâm sanh vui mừng gọi là Tâm Tịnh.

Tu tập các phẩm Trợ đạo, thường ưa thọ trì, biên chép, đọc tụng Tạng pháp Bồ Tát, lại đem những pháp đã có cảm hóa chúng sanh, nếu họ không nhận cũng không lo buồn, cũng không thôi nghĩ. Đây gọi là Trang nghiêm Tịnh.

Do hai điều Tịnh trên đây, gọi là Phước điền Tịnh.

Sao gọi là Báo của quả? - Bồ Tát sống lâu là báo của Quả.

Vì sao Bồ Tát cầu sống lâu?

-Bồ Tát muốn được mạng sống lâu dài, trải qua vô lượng đời tu tập pháp lành để tự lợi, lợi tha. Do đây Bồ Tát cầu trường thọ. Đó gọi là Báo của quả.

Vì sao Bồ Tát cầu toàn thân tròn vẹn?

Bồ Tát vì được thân toàn vẹn, cho nên các chúng sanh thích gặp, yêu kính, vui mừng, do vui mừng nên dễ được cảm hóa, do đây Bồ Tát cầu thân toàn vẹn. Đó gọi là Báo của quả.

Vì sao Bồ Tát cầu được giọng họ cao quý?

-Vì giọng họ cao quý nên thường được chúng sanh cung kính, do sự cung kính nên tin nhận lời nói. Hoặc vì họ hàng, hoặc vì lợi lộc, hoặc vì nể sợ mà

chúng sanh chịu nghe lời dạy của Bồ Tát, do đây Bồ Tát cầu giòng họ cao quý. Đó gọi là Báo của quả.

Vì sao Bồ Tát cầu được tự tại?

Vì được tự tại nên có thể giáo hóa vô lượng chúng sanh, thành hình đầy đủ hạnh bố thí, do đây Bồ Tát cầu được tự do, tự tại. Đó gọi là Báo của quả.

Vì sao Bồ Tát cầu được tiếng nói thanh tao?

-Do tiếng nói thanh tao cho nên mỗi khi Bồ Tát phát ra lời lẽ, chúng sanh thích nghe, người đồng pháp, đồng nghĩa, đồng hạnh, đồng thầy, Bồ Tát cũng thường chỉ bảo, làm cho họ tự điều phục, do đó Bồ Tát cầu được tiếng nói thanh tao. Đây gọi là Báo của quả.

Vì sao Bồ Tát cầu thân người Nam?

-Thân nam tử là pháp khí của tất cả pháp lành, chịu nổi các thứ khó khổ, có thể quán tánh Pháp giới. Đối với bốn chúng, không có cái nạn sợ sệt. Đối với thời gian, đối với nghĩa lý, có thể mau chóng rõ suốt, có đi đến đâu cũng không ngần ngại rụt rè. Do đó Bồ Tát cầu thân người nam. Đây là Báo của quả.

Vì sao Bồ Tát cầu được sức mạnh vĩ đại?

-Bồ Tát thành được sức mạnh này tức có thể tu hành tất cả thiện pháp, có thể siêng năng tinh tấn cứu vớt các khổ phiền não của chúng sanh, do đó Bồ Tát cầu sức mạnh vĩ đại. Đây gọi là Báo của quả.

Vì sao Bồ Tát cầu không ai hơn?

-Nếu Bồ Tát được là kẻ không ai hơn, tức có thể ban cho tất cả chúng sanh mọi vật cần dùng. Do nhân duyên đó, có thể làm cho chúng sanh thích gặp, nghe pháp và tin nhận lời nói của người, do đó Bồ Tát cầu không ai hơn nổi. Đây gọi là Báo của quả.

Bồ Tát đủ tám thứ báo của quả này, liền có thể tăng trưởng Phật pháp Vô thượng, làm lợi ích chúng sanh, tức thấy Phật đạo như xem trái am ma lặc trong lòng bàn tay.

Bồ Tát thành tựu đầy đủ tám thứ quả nói trên, song nếu chẳng luôn luôn giáo hóa chúng sanh, làm cho chúng đều được điều phục, tức không thể chứng Vô thượng Bồ Đề. Dầu lại giáo hóa khiến các chúng sanh đều được điều phục, nhưng nếu không đủ tám thứ quả này, cũng không thể chứng đạo Vô thượng Bồ Đề.

Đại Bồ Tát thành tựu tám thứ quả như thế, dùng ba thừa pháp giáo hóa chúng sanh và tự mình được Vô thượng Bồ Đề.

Sở dĩ Đại Bồ Tát đầy đủ tám quả trên đây, là vì muốn giáo hóa, chế ngự chúng sanh. Đây gọi là nghĩa trong, nghĩa ngoài. Đầy đủ tám thứ quả, cũng gọi là nghĩa quả. Báo của nhân, báo của quả cũng gọi là nghĩa của quả.

Thế nào là phước? Sao gọi là trí?

Ba Độ ba la mật Thí, Giới, Nhẫn gọi là phước đức, Bát nhã ba la mật gọi là trí tuệ, ngoài ra hai độ Tinh tấn, Thiền định là nhân của phước cũng là nhân của trí.

Nếu siêng năng tinh tấn tu tập thiền định, thành tựu đầy đủ bốn vô lượng tâm, do sức nhân duyên Tứ đẳng này mà được tự tại, đây gọi là nhân của phước.

Nếu siêng năng tinh tấn tu tập chánh định, quán sát sâu xa Âm, Giới, Nhập, quán Khổ thật khổ, quán Tập đích thật là nguyên nhân của Khổ, quán diệt đích thật nguyên nhân của khổ bị diệt, quán Đạo đích thật là pháp diệt khổ, quán thật chẳng phải thật, quán thiện chẳng phải thiện, quán pháp chẳng phải pháp, quán trên, dưới, trắng, đen, quán mười hai nhân duyên v.v... Đây gọi là nhân của trí.

Nếu siêng năng tinh tấn tu tập nhứt tâm, vui vẻ cấp thí, giữ gìn cấm giới, vui tu nhẫn nhục, đây gọi là nhân của phước.

Nếu siêng năng tinh tấn tu tập nhứt tâm, đa văn thọ trì, biên chép đọc tụng, giải nói kinh điển bí yếu của Bồ Tát tạng, do sức nhân duyên này mà được trí tuệ lớn để có thể phân biệt Pháp giới, phân biệt pháp giới gọi là quả của trí.

Nhân phước của Bồ Tát cũng gọi là nhân, cũng gọi là quả. Nhân trí của Bồ Tát cũng gọi là nhân, cũng gọi là quả. Nhân trí của Bồ Tát cũng gọi là

phước cũng gọi là trí. Nhân phước của Bồ Tát cũng gọi là trí cũng gọi là phước. Do đó nhân phước của Bồ Tát có sáu, nhân trí của Bồ Tát cũng có sáu. Những gì là sáu? Nghĩa là sáu ba la mật.

Thế nào là nhân phước nhân trí?

Nhân phước, nhân trí có ba: Một là lòng tin. Hai là sự phát tâm. Ba là gần gũi thiện hữu. Đây gọi là ba nhân phước. Nhân trí có hai: Một là thiện. Hai là bất thiện. Nếu gần bạn ác, thực hành đạo tà đưa đến định tuệ chẳng đúng, gọi là phước bất thiện. Phá hỏng phước huệ bất thiện như thế, gọi là phước thiện.

Nếu không đức tin hoặc phát tâm mà chẳng gần gũi thiện hữu, rốt cuộc chẳng được phước đức, trí tuệ. Nếu nói xa lìa ba việc như trên mà được phước huệ, điều ấy không có lý. Đây gọi là nhân phước đức, như trí tuệ.

Thế nào là quả của phước, quả của trí?

-Đại Bồ Tát thành tựu đầy đủ phước đức như vậy, chẳng bị sanh tử làm nhiễm ô, đó gọi là quả. Bồ Tát thành tựu đầy đủ trí tuệ, xa lìa đường ác tu tập đạo lành. Đây gọi là quả.

Đại Bồ Tát thành tựu đầy đủ như thế, giáo hóa chúng sanh, thành Vô thượng Bồ Đề gọi là quả. Bốn vô lượng tâm cũng gọi là quả phước, quả trí của Bồ Tát.

Báo nhân, báo quả của Đại Bồ Tát đều gọi là phước đức. Như quả, phước đức cũng gọi là trí tuệ, nghĩa là như trí tuệ và quả trí tuệ.

Nếu có ai nói trong hai pháp đây, lìa bớt một pháp cũng được Vô thượng Bồ Đề, điều ấy thật là vô lý. Đây gọi là nghĩa quả. Nghĩa quả còn gọi là nghĩa trong ngoài.

8. Thế nào là nghĩa hiện tại?

Nếu Đại Bồ Tát học hết thầy các việc thế gian, do sự biết khắp nên rất tự tại, vì được tự tại nên có thể giáo hóa chúng sanh, chúng sanh nhận rồi tu tập pháp lành, đó gọi là nghĩa hiện tại.

Nếu Đại Bồ Tát vì khách trần phiến não, gây tạo các tội, tạo rồi xét nét sâu xa, quyết phải chịu quả, khi đó sanh tâm hối hận, hổ thẹn sám hối chẳng tiếp tục tạo, phá nghiệp ác hiện tại. Đây gọi là nghĩa hiện tại.

Nếu do nhân duyên sức mạnh của nghiệp ác chiêu cảm, bị người mắng nhiếc, hoặc bị người giận dữ đánh đập, thân bị khổ sở, đó gọi là nghĩa hiện tại.

Nếu Đại Bồ Tát tu tập thiền định, do nhân duyên này mà thân an lạc, gọi là nghĩa hiện tại.

Đại Bồ Tát thân tâm tự tại, đủ các đức thường, lạc, ngã, tịnh. Gọi là nghĩa hiện tại.

Nếu Đại Bồ Tát tu tâm tám đạo, do nhân duyên này được chứng Niết Bàn, gọi là nghĩa hiện tại. Chúng sanh cũng vậy cũng như Bồ Tát.

9. Thế nào là nghĩa Đòi khác?

Do nhân và duyên hiện tại, cho nên thọ thân đời khác. Đó gọi là nghĩa đời khác. Nghĩa hiện tại và nghĩa đời khác gọi là nghĩa trong ngoài.

10. Sao gọi là nghĩa rốt ráo?

Phước đức cõi Dục chẳng phải nghĩa rốt ráo. Phước đức thế gian ở cõi sắc, cõi vô sắc tuy được tự do, cũng không phải là nghĩa rốt ráo.

Như các Bồ Tát tu tám thánh đạo, chứng quả Niết Bàn, thân các vị đó vô ngại, không có bờ mé, thiện pháp nhiều không thể lường, gọi là nghĩa rốt ráo.

Rốt ráo có ba:

Một là: Tánh rốt ráo. Hai là: Thoái rốt ráo. Ba là: Báo tận rốt ráo.

Chẳng rốt ráo cũng như vậy.

Tánh rốt ráo mệnh danh là tánh Niết Bàn, chẳng rốt ráo là pháp hữu vi.

Thoái rốt ráo là chỗ tu tám thánh đạo của Thanh văn, Duyên giác. Rốt ráo chẳng thoái là Bồ Tát bất thoái chuyển.

Báo tận rốt ráo là những gì thuộc về phước đức, quả báo thế gian. Báo không cùng tận rốt ráo là đạo quả vô thượng.

Trên đây gọi là mười nghĩa.

Đại Bồ Tát thường nên tu tập và đem giáo hóa chúng sanh. Sự học của Bồ Tát quá khứ, hiện tại và vị lai cũng đều như vậy.

Nếu Bồ Tát chẳng tu tập mười pháp này ắt chẳng được giới cấm của Bồ Tát.

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

HẾT QUYỂN MỘT

--- o0o ---

QUYỂN THỨ HAI BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ NĂM NGHĨA CHƠN THẬT

Thế nào là nghĩa chơn thật?

- Nghĩa chơn thật có hai:

Một là Tánh các pháp. Hai là sự bình đẳng của các pháp.

Lại có bốn thứ:

Một là sự lan rộng trong đời. Hai là phương tiện lan rộng. Ba là sạch phiền não chướng. Bốn là sạch sở tri chướng.

- Sao gọi là sự lan rộng trong đời?

Các pháp thế gian danh hiệu của nó đồng gọi như vậy. Đất chẳng hạn, chúng sanh thấy đất bèn gọi là đất, chẳng gọi là lửa. Lửa gọi là lửa chẳng

gọi là đất. Đến như nước, gió, màu sắc, tiếng tăm, mùi vị, xúc chạm, quần áo, ăn uống, đồ trang sức, chén bát, âm nhạc, sáng tối, trai gái, nhà cửa, ruộng đất, khổ, vui v.v... Khổ rõ thật là khổ chẳng gọi là vui. Vui rõ thật là vui chẳng gọi là khổ. Tất cả người trong thế gian, từ nào những giờ truyền bá những tên, những tướng của các thứ này, tự nhiên mà biết, chẳng phải từ sự tu tập sau đó mới biết. Đây gọi là nghĩa chơn thật về sự lan rộng trong đời.

Sao gọi là phương tiện lan rộng?

-Nhu những người có trí biện thông, trước hết lấy sự trừ tính, sau đó làm ra các sách luận lý. Đây gọi là phương tiện lan rộng.

Thế nào là sạch phiền não chướng?

-Tất cả Thanh văn, Duyên giác do trí vô lậu, đạo vô lậu phá hoại phiền não nên được trí vô ngại. Đây gọi là sạch phiền não chướng.

Thế nào là sạch sở tri chướng?

-Do hoại phiền não chướng, cho nên trí được sáng sạch, trí tuệ sáng sạch nên thân tâm không ngăn ngại. Đây gọi là nghĩa chơn thật sạch sở tri chướng.

Vì sao gọi là nghĩa chơn thật?

-Chơn thật mệnh danh là bốn Thánh Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Quán bốn thánh đế này được trí tuệ chơn thật, bậc này gọi là Thanh văn, Duyên giác.

Thanh văn, Duyên giác quán từng phần năm ấm, do đó lìa ấm đều không thấy có ngã và ngã sở. Quán từng phần nhân duyên, do đó lìa ấm, chẳng thấy chúng sanh hay sĩ phu. Đây gọi là nghĩa chơn thật sạch sở tri chướng. Nếu trí chẳng thể biết đúng cảnh giới, gọi là trí chướng (sở tri). Nếu có thể hoại chướng, biết đúng cảnh giới, gọi là nghĩa chơn thật sạch sở tri chướng.

Lại nữa, nghĩa chơn thật là: Chư Phật Bồ Tát quán sát một cách sâu thẳm về Ấm, Giới, Nhập, quán ngã chẳng phải ngã, chúng sanh chẳng phải chúng sanh, sĩ phu chẳng phải sĩ phu. Đây gọi là sạch sở tri chướng. Quán các pháp giới chẳng thể tuyên nói, rõ biết thế đế, cho nên phân biệt pháp giới, biết tánh chơn thật các pháp, cho nên gọi là vô thặng huệ, vô thặng huệ phá hoại tất cả chướng, do đó gọi là nghĩa chơn thật sạch sở tri chướng.

Nghĩa chơn thật lại có hai: Một là có. Hai là không. Có gọi là lan rộng trong đời, lan rộng trong đời là: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đất, nước, lửa, gió, sắc, thanh, hương, vị, xúc, thiện, ác, vô ký, pháp sanh, pháp diệt, do duyên sanh pháp, quá khứ, vị lai, hiện tại, hữu vi, vô vi, đời này, đời khác, đêm, ngày, thấy, nghe, hiểu biết, sở đắc, giác quán, tu tập, thọ trì cho đến Niết Bàn. Đây gọi là “Có” lan rộng trong đời.

Cái Có ra thế gian ấy, gọi là pháp tánh. Pháp tánh là cái Không của cái Có lan rộng trong đời. Từ sắc, thanh, hương cho đến Niết Bàn, tánh nó đều rỗng rang, thế nên gọi là không. Vì chúng sanh thấy có nên gọi là có. Tánh các pháp rỗng rang, cho nên gọi đó là không. Các đức Như Lai nói có, nói không, gọi là chơn thật, là Trung đạo, chẳng phải có, chẳng phải không gọi là Trung đạo. Trung đạo còn gọi là Vô thượng đạo. Lý Trung đạo như thế, các đức Như Lai diệt trừ chướng ngại, do đó gọi là đáng Nhứt Thiết Trí.

Đại Bồ Tát tuy cũng học Trung đạo trên đây, song còn có chướng ngại, thế nên chẳng được gọi là bậc Nhứt Thiết Trí. Trí tuệ của Bồ Tát là phương tiện trí, gọi là nhân của Vô thượng Bồ Đề.

Tại sao thế?

-Đại Bồ Tát tuy chẳng đủ trí tuệ trung đạo, nhưng nói về tướng sanh tử cũng có cũng không và cũng làm cho lan rộng Phật pháp vô thượng. Tuy ở trong sanh tử, vẫn có thể biết rõ tai họa của sanh tử mà tâm không chán, không hối. Như vị nào chẳng biết tai họa của sanh tử, tức vị đó chẳng thể phá hoại kết sử phiền não. Nếu tâm chán nản ắt không thể giáo hóa chúng sanh, hộ trì Phật pháp để mau được Niết Bàn. Nếu được Niết Bàn cũng chẳng thể mau chứng Vô thượng Bồ Đề. Nếu không giáo hóa chúng sanh, làm sao chứng Vô thượng Bồ Đề? Do đó nếu Bồ Tát ở trong đường sanh tử tu đạo Bồ Đề, chẳng sợ Niết Bàn, chẳng cầu Niết Bàn. Nếu Bồ Tát sợ Niết Bàn, tức chẳng đầy đủ sự trang nghiêm đạo Bồ Đề, cũng chẳng hay vì vô lượng chúng sanh mà khen ngợi Niết Bàn. Đối với sở chứng Niết Bàn chẳng sanh lòng tin vui chuyên nhớ. Bởi thế Bồ Tát đối với sở chứng Niết Bàn chẳng sanh tâm sợ sệt. Nếu Bồ Tát này cầu chứng Niết Bàn, tức có thể chứng được, như vị đó chứng được, ắt chẳng thành Vô thượng Bồ Đề, để đem Phật pháp giáo hóa chúng sanh.

Bồ Tát này nếu chẳng hay quán sát sâu xa tai họa sanh tử, hoặc sanh nhàm lìa, sợ sệt Niết Bàn hoặc cầu Niết Bàn, đó gọi là Bồ Tát không có phương tiện hay khéo.

Nếu Bồ Tát này quán sát sâu xa tai họa của sanh tử, thích ở trong đó, chẳng sợ Niết Bàn, chẳng cầu Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát có phương tiện hay khéo, phương tiện hay khéo là sự hiểu Đệ nhất nghĩa không. Đại Bồ Tát tu tập đệ nhất nghĩa không như thế, gọi là đại phương tiện của thế giới Bồ Tát, vì được trí Vô thượng Như Lai vậy.

Nếu có người tu tập giới Bồ Tát được trí chơn thật, thấy biết các pháp là không ngã, không ngã sở, biết tánh các pháp, do đó đối với pháp, tâm không chỗ thấp, cũng nói được thế đế và đệ nhất nghĩa đế, thấy rõ các pháp mà tâm vẫn bình đẳng, luôn luôn đại thí, do nhân duyên đại thí nên khéo biết việc đời, tuy học việc đời nhưng tâm không chán đời, rõ biết các việc và được sức trí nhớ. Dầu biết việc đời nhưng tâm không kiêu mạn, thường dạy dỗ chúng sanh, tâm không lẫn tiếc điều gì. Dùng những phương tiện hay khéo chỉ bảo chúng sanh những việc ở đời, với mục đích làm cho chúng sanh được Vô thượng Bồ Đề. Bồ Tát đối với những việc thế gian cũng siêng lòng học tập, không chán, không đổi.

Nếu thấy chúng sanh lúc phải chịu khổ, tâm Bồ đề của Bồ Tát được nuôi lớn, Bồ Tát nuôi lớn pháp lành như vậy tâm không kiêu mạn, khởi lòng thương yêu đối với chúng sanh, Bồ Tát như thế thêm lớn trí tuệ, không sanh kiêu mạn, phá hỏng các quan niệm tà vạy của chúng sanh.

Nếu Bồ Tát được thiên định thế gian hay chánh định xuất thế, chẳng nêu đức mình để người cúng dường, chẳng bị pháp thế gian làm cho ô nhiễm. Bấy giờ Bồ Tát thành tựu vô lượng công đức, gọi là giới Bồ Tát.

Đại Bồ Tát có những công đức gì đều hồi hướng đạo Bồ Đề, đây gọi là giới Bồ Tát. Chư Bồ Tát quá khứ được Vô thượng Bồ Đề đều do thành tựu cấm giới Bồ Tát, vị lai và hiện tại cũng vậy.

Đại Bồ Tát thọ trì các pháp của chư Phật và chư Bồ Tát ba đời, có thể đem Phật pháp giáo hóa chúng sanh, dốc lòng tu hành đạo Bồ Đề, vì đạo Bồ Đề mà không tiếc thân mạng, không tiếc thân mạng là giới Bồ Tát. Người tiếc thân mạng trọn không thể được giới cấm của Bồ Tát, đến như còn lẫn tiếc một vật đáng giá một tiền, cũng không thể được giới cấm của Bồ Tát.

Đại Bồ Tát vì chúng sanh mà thọ nhận hay chứa giữ tiền của, nếu đối với thân mạng, tài sản mà sanh tâm luyến tiếc, như thế là Bồ Tát giả danh, chẳng phải đúng nghĩa Bồ Tát. Nếu Bồ Tát luôn luôn không tiếc tài sản, thân mạng, nên biết vị này có thể lợi ích chúng sanh, có thể thực hành đức nhẫn, hủy bỏ tâm giận dữ, ganh ghét, rõ biết việc đời, khéo biết phương tiện quyền biến, hay phá lòng nghi của chúng sanh, có thể tự mình tăng trưởng nhân quả Bồ Đề, chế ngự các giác quan, không bị bốn điều điên đảo khuynh động, có thể hiểu nghĩa sâu xa các pháp, có thể được bốn Vô lượng tâm, thành tựu năm sức thần thông bốn vô ngại trí, cuối cùng có thể quán sát mười hai nhân duyên mãi đến địa vị cứu cánh (Diệu giác), được thân thường, lạc, ngã, tịnh, được đại tự tại của Niết Bàn vô thượng, khéo mở bày phương tiện của Niết Bàn v.v...Đại Bồ Tát thành tựu vô lượng công đức như vậy, đều do nhân duyên giới cấm mà được.

Đại Bồ Tát thành tựu đầy đủ giới Bồ Tát, có thể làm người sai sử cho tất cả chúng sanh. Nếu bị chúng sanh giận tức đánh mắng, làm hại, Bồ Tát sanh lòng từ bi. Nếu gặp chúng sanh phiền não dày đặc nặng nề, Bồ Tát sanh lòng thương xót.

Vì muốn phá hoại phiền não của chúng sanh Bồ Tát nhiếp tâm tư duy phương tiện hay khéo. Đối với chúng sanh, tâm Bồ Tát không giận dữ quanh co, mặc tình dùng tài năng thí thố, đem lại an vui cho khắp chúng sanh, chẳng cần báo đáp, chẳng màng sân hận.

Vì phá hoại tâm buồn giận của chúng sanh, Bồ Tát nghĩ đến phương tiện biết ơn, nhớ ơn. Kẻ không cầu gì, Bồ Tát cũng khởi ý thí trước. Những gì mình có nếu chẳng cấp giúp cho kẻ đến xin, tức chẳng được giới cấm của Bồ Tát, người cầu xin đến ba lần mà không cấp giúp, gọi là phạm trọng.

Thế nào không phạm? -Hoặc dùng phương tiện khéo lời an ủi, làm cho người xin chẳng sanh lòng hiềm hận. Người xin có hai hạng: Một là hạng nghèo cùng. Hai là hạng tà kiến. Chẳng cấp thí cho kẻ nghèo cùng tức mắc phải tội, chẳng thí cho kẻ tà kiến, không gọi là phạm. Nếu không bị phạm gọi là khéo làm.

Bồ Tát khéo làm, biết rõ pháp giới chẳng thể tuyên nói, biết tánh pháp giới, biết luôn sự lan rộng thế gian. Sự lan rộng thế gian là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Niết Bàn. Sắc cho đến Niết Bàn chẳng gọi là chơn thật. Tại sao vậy? Vì sắc đây chẳng phải có, chẳng phải không, cho đến Niết Bàn

chẳng phải có chẳng phải không. Nếu chẳng phải có chẳng phải không làm sao chơn thật?

Thế nào là chẳng phải có? -Chúng sanh điên đảo kể sắc là ngã, cho đến Niết Bàn cũng kể ngang là ngã. Đó là chẳng phải có.

Thế nào là chẳng phải không? -Vì lan rộng thế gian, vì có thể tuyên nói. Đây gọi là chẳng phải không. Bởi hai nghĩa trên gọi là chẳng phải có chẳng phải không.

Như bất cứ pháp gì được nói ra, bảo rằng có ư? -Nếu có thì trong một pháp lẽ ra phải có vô lượng tên, vì vô lượng tên lẽ ra có vô lượng tánh. Tại sao vậy? Vì mỗi pháp có vô lượng tên. Thế nào là vô lượng tên? -Như một pháp thuộc về sắc chẳng hạn, cũng nói là xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn, lớn, nhỏ, có thể thấy, không thể thấy, có rồi, tron, rít, nhẹ, nặng v.v...Thế gọi là có thể nói. Tùy sự nói, lẽ ra trong một pháp vô lượng tướng. Những gì có thể tuyên nói, thật sự không tánh nhất định, bởi lời lẽ mà lan rộng trong đời. Thật ra không có người nói (hay sự nói), cũng như không có tánh chơn thật. Một pháp như vậy, tất cả pháp cũng như vậy. Như sắc cho đến Niết Bàn, nếu là có thật tánh, lẽ ra chẳng nói có xanh, vàng, đỏ, trắng, cho đến nhẹ nặng v.v...Nếu không thật tánh thì khi chưa lan rộng, làm sao có thể truyền? Cũng vì tánh cách lan rộng là có, tánh cách lan rộng này không ba đầu, khởi thì, do đó có thể lan rộng.

Nếu lúc chưa có sắc, đã có sự lan rộng, thì do nhân duyên gì lúc không có sắc lại chẳng lan rộng? Như sự lan rộng ấy có thể làm tánh của sắc vì sao lan rộng mà không làm vô lượng tánh của sắc?

Thế nên pháp tánh chẳng thể tuyên nói. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Niết Bàn cũng vậy.

Có hai hạng người bị cách xa Phật pháp, chẳng phải đệ tử Phật, mất hết Phật pháp.

Một là hạng nói về sắc cho đến Niết Bàn, cho là có tánh chơn thật. Hai là hạng chẳng tin có tánh lan rộng trong đời. Hai hạng người như thế chẳng kham lãnh thọ trì nội giới cấm của Bồ Tát, như ai truyền trao, người thọ cũng không đắc giới, vị thầy truyền trao phải mắc tội lỗi.

Vì sao không đắc giới? -Vì chê bai pháp chơn thật, chấp chặt điều phi pháp. Thế nên dầu có thọ, rốt cuộc không đắc giới. Nếu không đắc giới, làm sao được gọi là đệ tử của Phật? Vì thế gọi là hạng cách xa Phật pháp.

Giới Bồ Tát đây không phải ở miệng mà được. Tâm và miệng cùng hòa hợp, sau đó mới được. Hai hạng người nói trên không thật tâm làm sao có thể được giới.

Nếu đối với sắc mà sanh tâm hư vọng, so đo, chấp trước, thì đối với Phật pháp sẽ bị mất mát lâu dài. Nếu đối với sắc mà chẳng tin sắc là sự lan rộng, đó cũng là bài báng tất cả pháp, người này cũng là vĩnh cửu mất mát Phật pháp. Bởi vậy chẳng thể tuyên nói là có hay không.

Vì lẽ gì?

-Như như năm Ấm mà có ta, người, chúng sanh, thọ mạng. Nếu không năm Ấm, những danh từ như thế do đâu mà lan rộng? Sắc cũng như vậy, bởi có sắc nên có các thứ danh từ lan rộng. Pháp chơn thật không có lan rộng, lìa pháp chơn thật cũng không lan rộng, người ngu si nói các pháp là ngoan không, sẽ mang tội rất lớn. Người nào cho rằng trong các kinh Đại thừa nói “Các pháp trống không” cũng mang tội lớn, chẳng thể hiểu đúng nghĩa lý kinh đại thừa mà sanh tâm kiêu mạn bảo rằng ta hiểu đúng nghĩa, tùy tự tâm người đó vọng tưởng suy nghĩ, lại vì người khác nói ra, như thế cũng là mang tội lớn. Nếu lại nói “tất cả các pháp tánh là không, làm sao có sự lan rộng thế gian”. Nói như vậy cũng là đắc tội rất lớn. Tại sao vậy? -Vì chê bai tất cả pháp. Kẻ chê bai tất cả pháp là hạng ngoại đạo, như Phú Lan Na và đám đệ tử của y.

Phú Lan Na cho rằng: Tánh các pháp không là gì cả, nhưng trong Phật pháp là cũng có cũng không. Nếu người nào nói tất cả pháp là trống không, nên biết người đó nói không đúng nghĩa. Đối với người đó chẳng nên cùng ở, cùng nói, cùng bố tát cùng thuyết giới, sẽ mang tội lớn. Tại sao vậy? Vì chẳng hiểu nghĩa KHÔNG, người này chẳng thể tự lợi, lợi tha.

Bởi vậy kinh đại thừa nói “Nếu chẳng hiểu nổi nghĩa KHÔNG, còn thậm tệ hơn là kẻ si mê” vì sao?

-Kẻ si mê nói sắc là ngã, cho đến nói thức là ngã, người có chấp ngã chẳng làm bại hoại Phật pháp, người chẳng hiểu nghĩa Không mãi mãi làm hư hoại Phật pháp, phá diệt làm cho mất mát Phật pháp.

Người chấp ngã, không đến nỗi đọa ba đường ác. Người chẳng hiểu nghĩa KHÔNG lại vì kẻ khác nói rộng, nên biết kẻ đó quyết đến A tỳ.

Người chấp ngã chẳng chê bai Tam bảo, kẻ nói quấy trông không, ắt phỉ báng Tam bảo. Người nói có ngã chẳng dối gạt chúng sanh, chẳng chê thật tánh, chẳng phương hại pháp tánh, chẳng phương hại chúng sanh, được chúng quả giải thoát, chẳng dạy người khác hủy phạm giới cấm.

Kẻ chẳng hiểu nghĩa không, bài báng tất cả pháp, chẳng hiểu thật tánh, chẳng hiểu pháp danh, phương hại đến sự giải thoát, làm ác tri thức cho biết bao chúng sanh, tự họ chẳng giữ giới, còn dạy người khác hủy giới, thường ưa nói rằng “Không có người làm, không có người nhận”, làm cho nhiều chúng sanh thêm lớn tội Địa ngục. Bởi nghĩa đó gọi là xa lìa Phật pháp Vô thượng.

Thế nào là chẳng hiểu nghĩa “Không”?

-Nếu Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, nam nữ cư sĩ, chẳng tin, nhận lấy cái không (vô tri), chẳng hiểu về Chơn Không chẳng hiểu về Pháp. Đây gọi là chẳng hiểu nghĩa Không. Tại sao vậy? -Vì số kia nói rằng “tất cả pháp bản tánh tự trống không - Cái Không vô nhân duyên” hoặc nói rằng “Tất cả pháp không xứ sở. Nếu không xứ sở thì sao gọi là rỗng rang?”. Đây gọi là chẳng hiểu nghĩa Không.

Thế nào là chơn thật hiểu nghĩa Không?

-Nếu Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, nam nữ cư sĩ nói rằng: “Trong tất cả pháp vì không có tánh, đó gọi là Không, nhưng Pháp cũng chẳng không” Phát biểu như đây gọi là hiểu nghĩa không. Hiểu như thế không hại gì đến nghĩa, chẳng chê bai Tam bảo, gọi là hiểu đúng, không bị làm lạc.

Thế nào là hiểu đúng?

-Nhu Sắc chẳng hạn, nói Sắc cho đến Niết Bàn, phân biệt không có tướng, tánh gọi là Sắc không. Do sắc chơn thật lan rộng thế gian, gọi là bất không. Bởi nghĩa này cho nên nói một pháp thuộc về sắc cũng là có, cũng là không. Do hiểu hai nghĩa này cho nên Pháp cũng là Pháp cũng là không, đối trong nghĩa đây chẳng vọng sanh so đo vướng mắc. Đây gọi là chơn thật hiểu nghĩa Không. Thế nên trong kinh Đại thừa có bài kệ:

Một pháp có nhiều tên

Trong pháp thật thì không

Vì không mất Pháp tánh

Lan rộng nơi thế gian.

Như Sắc cho đến Niết Bàn có rất nhiều tên. Sắc lại không tự tánh, không tự tánh ắt không có nhiều tên. Có nhiều tên gọi là sự lan rộng. Bởi nghĩa này mà trong Tạp Tạng nói: “Các đức Thế Tôn chẳng vướng mắc vào sự lan rộng, hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghĩ ngợi, hoặc xét biết!”. Như tên của sắc cho đến Niết Bàn gọi là lan rộng. Chư Phật không nói có tánh lan rộng để sanh nhiễm mắc. Vì sao? -Vì phá sự điên đảo. Có nhiễm mắc gọi là điên đảo. Như Lai đã dứt tất cả những ác kiến nên không còn nhiễm mắc. Vì chẳng quan niệm, chẳng nói năng, chẳng nhiễm mắc cho nên gọi là chánh kiến. Bởi Như Lai vì Tỳ kheo Ca Chiên Diên mà nói như vậy:

-Ca Chiên Diên! Đệ tử Như Lai là người chẳng chấp, chẳng vướng mắc các Định thuộc đất, nước, lửa, gió, không, thức. Không chấp Định Vô sở hữu (xứ), định chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng. Chẳng phải đời này, chẳng phải đời sau, chẳng phải ban ngày, chẳng phải ban đêm, chẳng phải thấy, chẳng phải nghe, chẳng phải nghĩ, chẳng phải lường, chẳng phải lấy, chẳng phải được, chẳng phải giác, chẳng phải quán... Như thế mệnh danh là Thiên Định”.

Tỳ kheo chẳng chấp định về đất như thế nào? -Tỳ kheo đối với đất chẳng khởi tướng Đất cho đến giác quán cũng vậy, chẳng khởi tướng giác quán. Đây gọi là chẳng chấp định về Đất, cho đến Định về giác quán.

Nếu Tỳ kheo nào có thể tu tập Định như vậy tức được chư thiên cõi trời Phạm vương, Đế Thích khen ngợi, được chư Phật, Bồ Tát mười phương khen ngợi. Chư thiên đều nói: “Nam Mô Đại Sĩ! Nam Mô Đại Sĩ! Chúng tôi chẳng biết ngài ở trong Định nào, tu tập Định nào?”

Nếu có nhiễm sắc tướng đất, tên đất, nên biết người này chẳng mệnh danh là tu về Không Quán. Nếu đối với Sắc chẳng mắc vào danh, tướng, đây gọi là pháp tu Quán Không.

Vì sự lan rộng nên tuyên nói tướng đất và tên đất. Nếu chấp tướng và tên của Sắc, gọi là tướng tăng trưởng. Nếu diệt tướng và tên của sắc, gọi tướng buông xả, chẳng tăng chẳng xả gọi là Trung đạo, tu tập hai thứ tướng như trên (tức tướng tăng trưởng và buông xả), gọi là Tỳ kheo tu tập về đất cho đến giác quán.

Nếu có Tỳ kheo tu tập về định Trung đạo này gọi là Thật tướng. Do Thật tướng nên Tỳ kheo đối với Pháp, không có lời lẽ nói năng, vì tánh các pháp không thể nói, do đó Tỳ kheo không chỗ ngôn thuyết.

-Nếu tất cả pháp đều không thể nói, vì sao lại nói “Bất khả thuyết”?

-Nếu không nói làm sao được nghe? Nếu chẳng nói, chẳng nghe, làm sao biết được tất cả pháp chẳng thể tuyên nói? Do có thể biết cho nên nói ra để lan rộng khắp nơi. Người ngu si chẳng hiểu chẳng biết sự lan rộng. Đối với các pháp, sanh ra tám thứ lầm lạc. Thế nào là tám thứ lầm?

Một là lầm về tánh.

Hai là lầm về phân biệt.

Ba là lầm về nhóm.

Bốn là lầm về ngã.

Năm là lầm về ngã sở.

Sáu là lầm về ái.

Bảy là lầm chẳng ái.

Tám là lầm về chẳng ái, chẳng phải bất ái.

Trong tám sự lầm này, ba thứ đầu (Tánh, Phân biệt, Nhóm) là cái lầm căn bản của tất cả. Chấp tánh, chấp tên, chẳng hiểu sự lan rộng, từ đó lần lượt sinh ra vô lượng sự lầm lạc.

Cái lầm về ngã và ngã sở, gọi chung là Ngã kiến (chấp ngã) ngã kiến lại là căn bản của các chấp. Hai thứ này từ kiêu mạn mà phát sanh, vì thế kiêu mạn là gốc của các chấp. Ba cái lầm sau (ái, chẳng ái, chẳng ái chẳng bất ái)

từ ba độc sanh ra. Tám thứ này nhiếp tất cả kiết sử phiền não, làm cho chúng sanh xoay vần luân chuyển trong ba cõi.

Thế nào là cái làm về tánh?

-Nếu Sắc, tướng là sắc, cho đến nặng tướng là nặng. Đây gọi là cái làm về tánh.

Thế nào là làm về phân biệt?

-Nếu phân biệt sắc là sắc hay chẳng phải sắc, là có thể thấy hay không thể thấy, là có đối hay không đối. Đây gọi là cái làm về phân biệt.

Thế nào là cái làm về nhóm?

-Như nơi sắc thấy có ta, có người, chúng sanh, thọ mạng, nhà ở, bốn chúng, binh lính, tộc họ, y phục, ăn uống, hoa sen, ghe chở, cây cối, chất chứa v.v... Trong mỗi cái như thế, mỗi cái là một tướng. Đây gọi là cái làm về nhóm.

Thế nào gọi là cái làm về ngã và ngã sở?

-Trong pháp hữu lậu mà bảo thủ cái ta và sở hữu của ta, trong vô lượng đời, luôn luôn sanh tâm chấp giữ, so đo về bản ngã và những gì thuộc bản ngã. Đó gọi là cái làm về ngã và ngã sở.

Thế nào là cái làm về ái?

-Đối với vật sạch sanh tâm yêu đắm. Đó là cái làm về ái.

Thế nào là cái làm chẳng ái?

-Đối với vật chẳng sạch, sanh tâm giận dữ. Đó là cái làm chẳng ái.

Thế nào là cái làm chẳng phải ái, chẳng phải bất ái?

-Đối với tất cả các vật sạch hay chẳng sạch, sanh tâm tham giận. Thế gọi là cái làm chẳng phải ái, chẳng phải bất ái.

Như trên gọi là tám cái làm.

Đại Bồ Tát làm sao có thể biết được tám thứ lầm này? -Nên suy xét bốn điều:

Một là suy về tên.

Hai là suy về vật.

Ba là suy về tánh.

Bốn là suy về phân biệt.

Thế nào là suy về tên?

-Đại Bồ Tát chỉ gọi là tên là tên, mà không có quan niệm về tên của vật. Đây gọi là suy về tên.

Thế nào là suy về vật?

-Chỉ biết vật là vật, ngoài ra chẳng phân biệt gì khác. Thế gọi là suy về vật.

Thế nào là suy về tánh?

-Biết tên gọi là sự lan rộng. Đây gọi là suy về tánh.

Thế nào là suy về phân biệt?

-Nơi tên chẳng quan niệm về vật. Nơi vật chẳng quan niệm về tên. Thế gọi là suy về phân biệt.

Đại Bồ Tát vì sao suy về tên gọi?

-Vì để biết “cái gọi là tên thật” thế nên Bồ Tát suy xét về tên. Bồ Tát quán kỹ: Nếu không tên của sắc, do đâu mà nói sắc. Nếu không nói đến sắc làm sao mà quán sắc. Nếu không quán sắc làm sao để được Vô thượng Bồ Đề. Do đó Bồ Tát suy tầm biết tên.

Bồ Tát do gì suy tầm về tên?

-Nếu như không vật, cái gì có tên gọi đây? Nhưng cái tên để gọi này, chẳng phải là không thể nói, nếu không thể nói làm sao biết được tánh các pháp. Do đó Bồ Tát suy tầm về vật.

Bồ Tát do gì suy tầm về Tánh?

-Đại Bồ Tát biết về tánh của sắc, cho đến tánh của Niết Bàn. Biết sự lan rộng của sắc cho đến sự lan rộng của Niết Bàn. Thế nào là biết về tánh của sắc? -Biết tánh của sắc đây như hình tượng trong gương, huyền hoá không thật, như mộng ảo, như bóng, như vang, như tia lửa chớp, hay như ánh trăng dưới nước. Thế gọi là suy về Tánh.

Bồ Tát do gì mà tầm về Phân biệt?

-Đại Bồ Tát hoặc phân biệt về tên, phân biệt về vật, phân biệt về tánh, phân biệt về pháp, phân biệt chẳng phải pháp, phân biệt là có, là không, là sắc, chẳng phải sắc, có thể quan niệm, không thể quan niệm v.v...Đó gọi là Phân biệt. Do phân biệt nên được Vô thượng Bồ Đề, vì thế Bồ Tát suy tầm về phân biệt.

Đại Bồ Tát vì hoại diệt tám thứ lầm mà suy xét về bốn điều như trên.

Vì sao Bồ Tát hoại diệt tám thứ lầm này?

-Vì nhân duyên tám thứ lầm làm tăng trưởng tà kiến. Tà kiến tăng nên phiền não càng thêm lớn. Phiền não thêm lớn sanh tử càng thêm lớn, mười hai nhân duyên càng thêm lớn.

Nếu Bồ Tát tu bốn pháp như thế là trừ tà kiến. Tà kiến chấm dứt, các phiền não bị diệt, phiền não diệt nên sanh tử diệt, vì sanh tử diệt, mười hai nhân duyên diệt. Rõ mười hai nhân duyên diệt cho nên tu đạo Vô thượng, tu đạo Vô thượng nên chứng Vô thượng Bồ đề. Chứng Vô thượng Bồ Đề rồi, luôn luôn hoại diệt tám thứ mê lầm như trên của chúng sanh, luôn luôn giáo hóa chúng sanh rõ biết nghĩa lan rộng thế gian và thuyết minh nghĩa chân thật, hoặc trừ dứt những cái mê lầm như vậy của chúng sanh, mệnh danh là Đại Niết Bàn. Vì hiện đời được sức đại tự tại, vì được thần thông lớn, vì được phương tiện lớn, vì được thiên định lớn, được như thiết trí rộng lớn, vì cầu được chẳng thoái, chẳng đọa, gọi là Đại Niết Bàn.

Đại Bồ Tát được sức tự tại, thành tựu năm điều: Một là tâm được vắng lặng. Hai là biết rõ việc thế, xuất thế gian. Ba là vì chúng sanh mà ở nơi đường sanh tử nhưng tâm không buồn rầu. Bốn là biết rõ ràng tạng pháp bí yếu sâu thẳm của Như Lai. Năm là tâm Bồ Đề không thể nào hư hỏng.

Vì sao tâm của Bồ Tát vắng lặng?

-Vì luôn luôn phá hoại phiền não của chúng sanh, nên tâm được vắng lặng.

-Vì điều phục chúng sanh, làm cho chúng sanh được Phật pháp, cho nên biết rõ sự việc thế xuất thế gian.

-Vì làm cho chúng sanh được căn tánh lạnh lợi, cho nên thích ở trong sanh tử mà tâm không buồn rầu.

-Vì thọ trì giải nói nghĩa thậm thâm bí mật của Như Lai, để phá nghi tâm của những kẻ xấu ác muốn hoại diệt Phật pháp, muốn làm ô nhục Phật pháp, phạm nói không phạm, pháp nói phi pháp, nhận chứa tám vật bất tịnh v.v....

Dầu biết nghĩa lý vi tế trong các sách luận lý ngoại đạo mà không bị hư hỏng tâm Bồ Đề.

Năm điều trên đây nhiếp lấy sự nghiệp Bồ Đề của Bồ Tát, cũng gọi là năm công đức.

Những gì gọi là sự nghiệp Bồ Đề?

-Vì có sự tự tại, điều phục chúng sanh, thọ trì Phật pháp, chẳng phá cấm giới của Bồ Tát, tu học tâm Bồ Đề không nghiêng ngã, siêng tu tinh tấn, phá hoại tà kiến v.v... Và thuyết minh về Tam thừa.

Bồ Tát thành tựu năm sự như trên, gồm có ba hạng: Thượng, Trung, Hạ.

Đầy đủ hai thứ(1) gọi là bậc hạ. Đầy đủ ba thứ(2) gọi là bậc trung. Đầy đủ bốn thứ(3) gọi là bậc thượng.

Chú thích:

- (1) Đầy đủ hai thứ: Tức là suy về tên và suy về vật.
- (2) Đầy đủ ba thứ: Tức suy về tên, suy về vật, suy về tánh.
- (3) Đầy đủ bốn thứ: Như ba thứ trên, thêm nữa là suy về phân biệt.

PHẨM THỨ SÁU CHẶNG THỂ NGHĨ BÀN

Thế nào là sự không thể nghĩ bàn của Đại Bồ Tát?

-Đại Bồ Tát chứng chánh định tự tại, phát tâm rồi, được công đức chẳng thể lường, chẳng tạo tác nghiệp mà được quả báo, chẳng tu Thánh Đạo, mà được thánh tâm. Đây là sự không thể nghĩ bàn của Đại Bồ Tát.

Tạo thiện nghiệp ít, được quả báo lớn, vì đạo Bồ Đề nên trong vô lượng kiếp tu các hạnh khổ. Bồ Tát biết rõ thật không chúng sanh, nhưng luôn luôn vì chúng sanh mà siêng tu khổ hạnh, rõ biết không người tạo tác, không người thọ nhận, nhưng vẫn luôn luôn tạo tác và luôn luôn chịu đựng. Thế là sự không thể nghĩ bàn của Đại Bồ Tát.

Sự không thể nghĩ bàn này có năm:

Một là: Sáu thần thông không thể nghĩ bàn.

Hai là: Pháp chẳng thể nghĩ bàn.

Ba là: Sống chung chẳng thể nghĩ bàn.

Bốn là: Chẳng sống chung không thể nghĩ bàn.

Năm là: Chung và chẳng chung không thể nghĩ bàn.

Sáu thần thông là những gì?

Một là Thần túc. Hai là Thiên nhãn.

Ba là Thiên nhĩ. Bốn là Tha tâm.

Năm là Túc mạng. Sáu là Lộ tận.

Thế nào là pháp chẳng thể nghĩ bàn?

-Đó là sáu pháp Ba la mật: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ.

1. Thần thông là gì? -Thần thông có hai: Một là biến. Hai là hoá.

-Sao gọi là Biến? Nghĩa là làm chấn động, phát ra lửa, tuôn ra ánh sáng, tự chuyển đổi thân hoặc qua lại trong hư không, hiện các thứ sắc, hoặc ẩn hoặc hiện ở giữa đại chúng, hoặc làm chướng ngại thần thông kẻ khác, lời lẽ không ngại, làm cho kẻ khác nhớ lại, đem sự hoan hỷ cho nhiều người, phóng ánh sáng lớn v.v...Như thế gọi là thần thông biến hiện.

Làm chấn động là thế nào?

-Đại Bồ Tát chúng được chánh định tự tại có thể làm rung nhà cửa, thôn xóm, thành lũy, cõi nước. Từ một thứ thiên hạ cho đến một tiểu thiên thế giới, trung thiên thế giới, đại thiên thế giới, một trăm đại thiên thế giới, một ngàn đại thiên thế giới, ngàn vạn đại thiên thế giới cho đến chấn động vô thiên thế giới. Đó gọi là chấn động.

Thế nào là phát ra lửa?

-Trên thân phun ra nước, dưới thân phun ra lửa, trên thân phun ra lửa, dưới thân phun ra nước, hoặc cử động thân phát ra ánh lửa với đủ màu sắc: xanh, vàng, đỏ, tím, đen...Thế gọi là Phát ra lửa.

Thế nào là tuôn ra ánh sáng?

-Nơi thân phát ra ánh sáng đầy khắp một nhà, một xóm, một thành, một nước, cho đến vô lượng vô biên đại thiên thế giới.

Thế nào là thị hiện?

-Chư Phật, Bồ Tát vì độ chúng sanh mà thị hiện địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Trời, Người, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già. Hoặc hiện thân Phật, thân Bồ Tát khắp mười phương vô lượng vô biên Hằng

hà sa cõi nước cùng chư Bồ Tát quyền thuộc nói danh hiệu Phật làm cho chúng sanh hay biết. Đây gọi là thị hiện.

Thế nào là chuyển đổi thân?

-Chư Phật, Bồ Tát chứng chánh định tự tại có thể biến đất làm lửa, biến lửa làm nước, biến gió cũng vậy. Biến màu sắc thành mùi thơm. Biến mùi thơm thành màu sắc. Hương, vị, xúc biến làm cỏ cây, quần áo, thức ăn, đồ trang sức, chén bát, đá gạch, tiền tệ, lưu ly, chơn châu, vàng bạc... Sắc tốt thành sắc xấu, sắc xấu thành sắc tốt... Đây gọi là chuyển đổi.

Thế nào là qua lại?

-Hoặc qua đến chỗ Phạm thiên, từ Phạm thiên trở về, hoặc lên cõi trời Sắc cứu cánh trở về, hoặc đến phương Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, cho đến vô lượng vô biên thế giới cũng vậy. Xa có thể làm gần, gần có thể làm xa, có thể làm cho núi Tu di nhỏ như hạt bụi, hạt bụi lớn như núi Tu di v. v... Đây gọi là qua lại.

Thế nào là hiện các thứ sắc?

-Có thể biến tự thân trở thành người nam người nữ, lớn, nhỏ, đũa ở, cây rừng, thảo mộc... Đó là hiện các thứ sắc.

Thế nào là ẩn hiện tự tại giữa đại chúng?

-Có thể đem thân đại chúng nhập vào thân mà tâm không sợ, thân không chướng ngại, các đại chúng này mỗi mỗi đều không tự biết chỗ nơi qua lại. Hoặc có khi qua đến chỗ đông đảo Bà la môn hiện hình giống như họ, cũng một màu sắc, hình chất, y phục, tiếng nói không khác gì những kẻ ấy. Họ nói gì cũng có thể nói được. Có thể dùng phương tiện hay khéo dẫn dắt những kẻ kia, chỉ dạy xong rồi liền đó biến mất. Đám đông ấy chẳng biết là từ đâu đến, biến đâu đi đâu, không biết là người hay là trời.

Như đám đông Bà la môn, đám đông Sát đế lợi (quý tộc), đám đông trưởng giả, Tứ thiên vương, Đạo Lợi Thiên, Dạ ma Thiên, Đâu xuất đà Thiên, Hoá Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, Đại Phạm Thiên, Thiếu Tịnh Thiên, Thiếu Quang Thiên, Vô Lượng Quang Thiên, Quang Âm Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên, Biến Tịnh Thiên, Phước Sanh Thiên, Phước Ái Thiên, Quảng Quả Thiên, Nghiêm Sức Thiên, Vô Lượng Nghiêm Sức Thiên, Nghiêm Sức

Quả Thiệt Thiên, Vô Tướng Thiên, Vô Thiển Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Kiến Thiên, Thiện Hiện Thiên, Sắc Cứu Cách Thiên....Sự ẩn hiện thân tại cũng như vậy. Ở nơi những chỗ đông đảo chư thiên như thế, trong khoảng thời gian ngắn, có thể trăm lần hiện, trăm lần ẩn, ngàn lần hiện, ngàn lần ẩn, vạn lần hiện, vạn lần ẩn, ngàn vạn lần hiện, ngàn vạn lần ẩn. Đây gọi là ẩn hiện tự tại giữa đại chúng.

Thế nào là làm chướng ngại thân thông kẻ khác?

-Đại Bồ Tát chứng được thân thông, trừ đức Phật và các Bồ Tát đồng tánh, đồng hành, đồng chánh định, ngoài ra, những chúng sanh lớp sau, có bao nhiêu sức thân thông, Bồ Tát đều hơn tất cả. Đó gọi là chướng ngại thân thông kẻ khác.

Thế nào là lời lẽ không ngại?

-Khi Đại Bồ Tát nói pháp, lời lẽ vô tận, ý vị, nghĩa lý vô tận, lạc thuyết vô tận. Đó gọi là lời lẽ vô ngại.

Thế nào là giúp kẻ khác nhớ lại?

-Khi Đại Bồ Tát nói pháp, những gì xảy ra trong vô lượng đời trước của vô lượng chúng sanh họ đều quên hết, Bồ Tát đều có thể làm cho họ nhớ lại. Đây gọi là giúp kẻ khác nhớ lại.

Thế nào là đem lại sự hoan hỷ cho nhiều người?

-Khi Đại Bồ Tát nói pháp, có thể làm cho chúng sanh tăng trưởng sự an vui, hoại diệt các phiền não, những người nghe vui vẻ như ở đệ tam thiên, các chứng bệnh thuộc thân tứ đại đều tiêu diệt trong một lúc, các thứ ác quỷ chẳng thuận tiện làm hại. Đó là đem lại sự vui vẻ cho nhiều người.

Thế nào là phóng ánh sáng lớn?

-Đại Bồ Tát phóng quang minh lớn soi suốt mười phương vô lượng thế giới. Ánh sáng đến địa ngục phá hoại sự khổ của chúng sanh nơi địa ngục, chiếu đến cõi trời Phóng Dật, chỉ dạy chúng sanh nơi đó tu pháp Nhơn thừa, để được thân người qua đến chỗ Phật, đồng thời mời thỉnh vô lượng Bồ Tát nhóm lại chỗ Phật dạy dỗ chúng sanh. Đây gọi là phóng ánh sáng lớn.

Những việc như trên gọi là Thần Thông Biến Hiện. Vì đở pháp tánh, nên gọi là thần thông biến hiện.

Thế nào là Thần thông Hoá hiện?

-Vật không là vật, cho nên gọi là Hóa, như hóa thân, hóa tiếng chẳng hạn. Hóa thân là, hoặc hóa giống thân mình, hoặc giống thân người, có đủ giác quan, hoặc không đủ giác quan v.v.. Ngoài ra như trong đoạn chuyển đổi thân ở trước.

Lại nữa, hóa làm vô lượng thân. Chư Phật, Bồ Tát vì khắp chúng sanh hóa làm vô lượng thân trong khắp vô lượng cõi. Chư Phật, Bồ Tát hiện thân biến hoá, có thân như huyễn, có thân chơn thật, hoặc hiện áo quần, thức ăn, vàng bạc, lưu ly, chơn châu, pha lê v.v...lại cũng như vậy, để phá sự nghèo nàn khốn khổ của chúng sanh. Đó gọi là hóa thân.

-Hóa ra tiếng: chư Phật, Bồ Tát hóa hiện tiếng hay, tiếng nhanh, tiếng thanh tao, tiếng tự nói nghĩa, tiếng người khác nói nghĩa, tiếng vô tình, tiếng thuyết pháp, tiếng giáo hóa v.v...Dùng các tiếng này có thể phá tâm buông lung của các chúng sanh. Đây gọi là tiếng hóa hiện.

Tiếng của Phật, Bồ Tát xa thẳm như tiếng sấm vang, trong trẻo như tiếng chim Ca lãng Tần Già, tiếng được người nghe vui thích, tiếng khắp vũ trụ, tiếng rõ ràng, tiếng dễ hiểu, tiếng không vương mắc, tiếng hoan hỷ, tiếng không thể chê bai, tiếng vô tận. Các thứ tiếng như trên của Đại Bồ Tát, nếu trong một tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu chư thiên nhỏ, bao nhiêu Thanh văn, Duyên Giác và bao nhiêu Bồ Tát dù xa, dù gần, tất cả đều nghe. Trong tiếng như thế phát ra các thứ pháp môn làm lợi ích chúng sanh.

Tiếng tự hóa là gì?

-Như tự nói pháp để giáo hóa chúng sanh buông lung.

Tiếng tha hóa là gì?

-Như đức Phật hóa ra tiếng người khác nói pháp để độ những chúng sanh buông lung.

Tiếng vô tình là gì?

-Như trong hư không phát ra tiếng nói.

Tiếng nói pháp là gì?

-Vì chúng sanh si mê mà nói pháp.

Tiếng giáo hóa là gì?

-Vì kẻ buông lung làm tăng trưởng tánh không buông lung.

Chư Phật, Bồ Tát đồng hóa thiện nhiều thần thông như vậy, lần lượt không thể kể xiết, thần thông biến hóa vô lượng không thể tính kể. Những sự biến hóa như vậy đều vì hai việc: Một là, làm cho chúng sanh phát sanh lòng tin hướng về Tam bảo. Hai là, vì chỉ ruộng phước vô thượng cho những chúng sanh nghèo hèn khốn khổ.

(Trên đây là nói rõ ý nghĩa thần thông biến hóa. Dưới đây nói về lục thông).

Trí Túc mạng như thế nào?

-Đại Bồ Tát tự biết đời trước của mình với các chúng sanh liên hệ, cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc. Biết giọng tộc của mình và giọng tộc của vô số người khác. Biết sự ăn uống, sự khổ vui của mình và của vô số người khác.

Đại Bồ Tát tự biết đời trước như vậy và có thể dạy người khác, làm cho họ biết được kiếp trước. Tự biết những việc xảy ra trong vô lượng đời. Đây gọi là Trí Túc mạng. Do Trí Túc mạng này mà có thể nói ra nhân duyên, gốc gác thuở xưa của Bồ Tát, làm cho chúng sanh đối với Phật pháp phát sanh lòng tin. Nói ra các kinh Bản Sanh, Bản sự của chư Phật, Bồ Tát, nói nhân duyên nghiệp ác, nghiệp thiện, để phá chấp thường chấp đoạn của những chúng sanh tà kiến. Đây gọi là Trí Túc mạng của Đại Bồ Tát.

Thế nào là thiên nhãn thông?

-Đại Bồ Tát với thiên nhãn thanh tịnh, hơn hẳn mắt của người đời. Thấy các chúng sanh chết nơi này sanh nơi nọ, nào sắc tốt, sắc xấu, nào nghiệp lành, nghiệp dữ, nào quả lành, quả dữ, người già, người trẻ, hoặc tự tạo nghiệp, hoặc bảo người gây tạo, nào thô, nào tế, hình sắc của người, của trời, hình sắc nơi ba đường ác, cho đến hình sắc của vô lượng chúng sanh trong vô lượng thế giới, vô lượng Phật độ ở khắp mười phương. Những sự vật như

vậy, Bồ Tát đều thấy rõ, và khi các đức Phật trong mười phương thuyết pháp, cũng rõ thấu một cách sáng suốt. Đây gọi là thiên nhãn thông.

Thế nào là Thiên nhĩ thông?

-Những gì thuộc về âm thanh, lời lẽ, Đại Bồ Tát đều nghe rõ suốt. Hoặc tiếng cõi trời, tiếng loài người, tiếng thánh nhơn, tiếng chẳng thánh, tiếng to, tiếng nhỏ, tiếng biến hóa, tiếng thật sự, tiếng xa, tiếng gần v.v...

Tiếng cõi trời là sao? -Từ cõi trời Dục giới cho đến cõi trời Sắc cứu cánh thuộc về Sắc giới (có 18 cõi), tột đến vô lượng thế giới ở phương trên, có những âm thanh của chư thiên, Bồ Tát đều nghe tất cả.

Tiếng loài người? -Tiếng của loài người trong vô lượng thế giới ở khắp mười phương.

Tiếng Thánh là sao? -Tiếng của chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác vì giáo hóa chúng sanh mà tuyên nói Phật pháp. Hoặc khen ngợi các thiện nghiệp bố thí, trì giới v.v...để phá những ác nghiệp. Hoặc tiếng đọc tụng, giải nói, biên chép kinh Phật. Đây gọi là tiếng Thánh.

Tiếng không phải Thánh? -Nghĩa là những lời nói dối, hai lưỡi, nói ác, nói thù hận, nói vô nghĩa, dưới là ba đường ác, trên đến cõi trời cao nhất thuộc Dục giới, bao nhiêu chư thiên và mười phương chúng sanh có những lời gì xấu ác, gọi là tiếng chẳng phải thánh.

Tiếng to là sao? -Tiếng của nhiều người, tiếng kêu vang trong địa ngục, tiếng sấm rền, tiếng tù và, tiếng trống v.v...Đây là tiếng to.

Tiếng nhỏ là sao? -Tiếng nói thầm, tiếng không rõ như tiếng các nước Đà tỳ la, Lật Đặc, Nguyệt Chi, An Tức, là những nước biên địa, tiếng nói không rõ, khó hiểu. Đây gọi là tiếng nhỏ.

Bồ Tát thành tựu Thiên nhĩ, nghe chúng sanh phát ra những lời tán thán cung kính, bèn dạy chúng sanh phát khởi tín tâm ở vào Phật pháp, vì chúng sanh mà phân biệt, giải nói mười hai phần giáo và bí tạng Bồ Tát. Nếu nghe lời xấu ác và mở bày pháp môn đối trị. Đây gọi là Thiên nhĩ thông của Đại Bồ Tát.

Thế nào là tha tâm trí thông của Đại Bồ Tát?

-Đại Bồ Tát biết khắp những mê lầm chung và mê lầm riêng trong tâm của bao chúng sanh trong khắp thế giới khắp mười phương, biết những phiền não trói buộc và không trói buộc, biết những tâm nguyện lành và tâm nguyện ác, biết tâm nghi ngờ và tâm không nghi ngờ, tâm tham lam, giận dữ, si mê. Biết tâm chúng sanh ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, nhận đến tâm chịu khổ vui hay chẳng khổ vui của những chúng sanh trong đường súc sanh. Dùng một tâm quán sát tâm của một chúng sanh, dùng một tâm quán sát tâm của vô lượng chúng sanh. Đây gọi là Tha tâm trí thông.

Tha tâm trí thông của Phật, Bồ Tát biết rõ căn tánh lành lợi hay chậm lụt, vì biết được căn tánh cho nên sau khi chúng sanh có những căn lành nào, liền diễn nói mười hai phần giáo và Bồ Tát Tạng. Trái lại, biết tâm ác liền quở trách, nói rõ tội lỗi nghiệp ác. Như thế gọi là tha tâm trí thông của Bồ Tát.

Thế nào là Lưu tận trí thông?

-Đại Bồ Tát vì đoạn phiền não mà tu tập Đạo. Vì phá hoại phiền não của chúng sanh mà thuyết pháp. Vì phá hoại tâm kiêu mạn hữu lậu của chúng sanh mà thuyết pháp, để dứt trừ cái mê lầm chẳng phải Đạo mà cho là Đạo của chúng sanh.

Đại Bồ Tát tuy vì chúng sanh nói pháp dứt trừ lậu hoặc, nhưng tự mình chưa rốt ráo sạch hết lậu hoặc, (vì chưa chứng quả Phật). Dầu chưa hoàn toàn sạch hết lậu hoặc, nhưng không bị lậu hoặc làm ô nhiễm thêm nữa.

Lưu tận trí thông của Bồ Tát không thể nghĩ bàn. Tu lưu tận trí là để giáo hoá khiến chúng sanh bỏ tâm kiêu mạn. Đây gọi là Lưu Tận Trí Thông.

2. Thế nào là Pháp chẳng thể nghĩ bàn?

-Kết quả của bố thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật. Đây gọi là Pháp. Kết quả sáu độ này, mỗi độ đại hoại có bốn điều: Một là vì tu tập đạo. Hai là vì trang nghiêm Vô thượng Bồ đề. Ba là lợi ích tự và tha. Bốn là được kết quả lành rất lớn ở đời sau.

Bồ Tát thực hành bố thí nhằm phá hoại cá tánh sèn tham, trang nghiêm đạo Bồ Đề mà thực hành bố thí. Muốn thí, lúc thí, thí xong hoan hỷ. Đây gọi là tự lợi. Dứt trừ đói khát, nóng lạnh, khổ buồn, sợ sệt của chúng sanh, gọi là

lợi tha. Bỏ thân này rồi được sức tự tại, của cải dồi dào tôn quý, ấy là quả lớn. Đó là bốn điều thuộc Bồ thí độ của Bồ Tát.

Đại Bồ Tát thọ và giữ gìn giới cấm, trừ diệt giới ác, trang nghiêm đạo Bồ Đề nhiếp lấy chúng sanh. Vì đạo Bồ Đề mà kiên trì giới cấm. Là sự lo sợ của nghiệp phá giới, ngũ yên, thức yên, tâm không hối hận mà là sung sướng, vui đẹp. Đây là tự lợi. Đối với chúng sanh không lòng làm hại, đem chúng sanh sự không sợ sệt, gọi là lợi tha. Do giữ giới cấm cho nên cảm thọ cái vui cõi trời, cõi người và được đạo Niết bàn. Đó là quả lớn. Ấy là bốn điều thuộc Trì Giới Độ của Bồ Tát.

Đại Bồ Tát tu nhẫn nhục để phá tâm bất nhẫn, trang nghiêm đạo Bồ Đề, nhiếp lấy chúng sanh, vì đạo Bồ Đề mà tu nhẫn nhục. Tự mình, hoặc khiến người khác đều xa lìa sợ sệt. Đây là tự lợi, lợi tha. Do nhân duyên Nhẫn nên lòng không giận dữ, quyền thuộc chẳng hư hỏng, chẳng bị khổ não, tâm không hối hận. Bỏ thân này rồi, cảm thọ sự vui cõi trời, cõi người và được đạo Niết bàn, gọi là quả lớn. Đó là bốn điều thuộc Nhẫn nhục Độ của Bồ Tát.

Đại Bồ Tát siêng tu tinh tấn, phá bỏ sự biếng nhác, trang nghiêm đạo Bồ Đề nhiếp lấy chúng sanh, vì đạo Bồ Đề mà tu tinh tấn, ngũ yên, thức yên, lìa các phiền não, pháp lành thêm lớn, thân thọ an vui, đây là tự lợi. Bồ Tát tinh tấn chẳng buồn những kẻ đánh ném, quở mắng mình, đó là lợi tha. Bỏ thân này rồi, cảm thọ sự vui cõi trời cõi người, thân được sức khỏe rất mạnh, được đạo Bồ Đề. Đây gọi là quả lớn. Ấy là bốn điều thuộc Tinh Tấn Độ của Bồ Tát.

Đại Bồ Tát tu Thiên định để phá tâm tán loạn, trang nghiêm đạo Bồ Đề, nhiếp lấy chúng sanh. Vì đạo Bồ Đề mà siêng tu thiên định, hiện thời thọ vui, thân tâm vắng lặng. Đây là tự lợi. Do thân tâm vắng lặng nên không làm phiền lụy chúng sanh, ấy là lợi tha. Bỏ thân này rồi, thọ thân trong sạch, an ổn sung sướng, được đạo Niết bàn gọi là quả lớn. Đó là bốn điều thuộc Thiên Định Độ của Bồ Tát.

Đại Bồ Tát thành tựu trí tuệ, phá hoại vô minh, trang nghiêm đạo Bồ Đề, dùng bốn Nhiếp pháp nhiếp lấy chúng sanh, vì đạo Bồ Đề mà tu trí tuệ, vì rõ Pháp giới cho nên thọ an vui. Đây là tự lợi. Hay dạy chúng sanh các việc thế gian, ấy là lợi tha, luôn luôn phá hoại hai chương phiền não, sở tri, gọi là quả lớn. Bốn điều này thuộc Trí tuệ Độ của Bồ Tát.

3. Thế nào là sống chung chẳng thể nghĩ bàn?

-Đại Bồ Tát không phải dùng trí Túc mạng để nhớ biết việc đời trước, mà là xem xét nghiệp lành, nghiệp dữ của các chúng sanh. Sự cùng chịu khổ là muốn chúng sanh được lợi ích.

Đại Bồ Tát ở cung trời Đâu Xuất, thành tựu thọ mạng lâu dài. Có ba điều hơn. Một là sống lâu hơn. Hai là sắc thân hơn. Ba là tiếng đồn hơn.

Từ cung trời Đâu Xuất, lúc mới hạ sanh xuống nhân gian, Bồ Tát phóng ánh quang minh chiếu khắp mười phương, rõ ràng tự biết vừa vào thai mẹ, thời gian thụ thai, lúc xuất thai, khi sanh ra bước đi bảy bước, xoay mặt ngó khắp mười phương, không nhờ người phò đỡ và thốt lời như vậy: “Thân của ta nay là thân cuối cùng” Chư Thiên và các bộ chúng quý thần đem hương hoa quý báu, âm nhạc vi diệu, tràng phan, bảo cái cúng dường, thân Bồ Tát đầy đủ ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm, thân không ai bằng. Bởi sức Từ Thiện mà hoại ma binh. Mỗi mỗi bộ phận cơ thể mà có sức mạnh như trời Na la Diên. Lúc còn thơ ấu chẳng học việc đời nhưng biết tất cả, không thầy dạy học mà tự mình chứng ngộ Vô Thượng Bồ Đề. Phạm Thiên khuyến thỉnh vì các chúng sanh mà chuyển Pháp luân. Sức thiên định kiên cố, dù sét vang, sấm nổ cũng không làm lay động, các giống thú gần gũi mến như cha mẹ, súc sanh biết được đem dâng hiến thức ăn thân mây tuông mưa tắm gội thân thể, thần cây vượn nhánh che mát chỗ ngồi. Khi đã thành đạo, trong sáu năm đầu ma thường rình rập nhưng chẳng tìm thấy điều gì sơ hở, luôn luôn ở trong trạng thái thiên định, thành tựu niệm tâm, khéo rõ biết sự sanh diệt của giác quán. Đây gọi là Sống Chung Chẳng Thể Nghĩ Bàn của Đại Bồ Tát.

4. Chẳng Sống Chung Không Thể Nghĩ Bàn:

-Chẳng sống chung là sao?

Vì muốn lợi ích cho khắp chúng sanh, như kẻ cuồng nộ do thấy Như Lai mà được tỉnh trở lại, người mù được sáng mắt, kẻ sanh nghịch được thuận sanh, kẻ điếc được nghe tiếng, người nhiều tham, giận, si, được trừ diệt tham, giận, si v.v... Đây gọi là chẳng Sống Chung Không Thể Nghĩ Bàn.

Lại nữa, sự sống chung là: Cũng có những việc đi, đứng, ngồi, nằm, ăn uống, thức ngủ như mọi người, nhưng những gì về động tác của Như Lai không thể nghĩ bàn: Luôn luôn mắt nghiêng về hông bên phải, nằm như

dáng sư tử chúa, đầu nằm trên cỏ, trên lá cũng không động đậy cỏ lá. Dầu có gió bão mãnh liệt như gió chướng tỳ lam cũng không làm lay động y phục. Khi bước chân đi như sư tử chúa, hay chúa loài bạch nga. Khi muốn đi đâu, chân phải đi trước, chỗ Phật đi qua dầu có cao thấp cũng thành bằng phẳng. Tuy ăn, nhưng không hạt cơm nào rơi vào trong miệng. Đây gọi là Sống Chung Không Thể Nghĩ Bàn.

5. Thế nào là Chung mà chẳng chung?

-Chẳng chung với Thanh văn, Duyên giác, có ba điều chẳng chung với Thanh văn, Duyên giác: Một là Tế. Hai là Hạnh. Ba là Giới.

Như Lai rõ biết vô lượng phiền não của vô lượng chúng sanh, và có vô lượng pháp môn đối trị. Đây gọi là Tế.

Sáu thần thông, Sáu pháp Ba la mật chẳng thể nghĩ bàn, từ Pháp tánh sanh ra, gọi là Hạnh.

Giới nghĩa là: Tất cả thế gian không thể làm trở ngại Trí tuệ của Phật. Đó gọi là giới. Chẳng chung không thể nghĩ bàn là như vậy.

Thần thông của Thanh văn trong phạm vi một trung thiên thế giới (1 triệu tiểu thế giới). Thần thông của Duyên giác trong phạm vi một đại thiên thế giới (1 tỷ tiểu thế giới). Chư Phật, Bồ Tát thông đạt Vô lượng vô biên thế giới. Đây gọi là chẳng chung.

Sự chẳng chung là trừ ba điều trên, ngoài ra các điều khác có thể đồng. Vì vậy Thanh Văn và Duyên Giác còn chẳng được chung với Phật, Bồ Tát, hưởng gì hạng phạm phu, hàng trời người hay kẻ tà kiến.

Sáu Độ Ba la mật của Đại Bồ Tát cũng từ Pháp tánh chung sanh mà chẳng sống chung.

Thanh Văn, Duyên Giác chung pháp mà chẳng đồng pháp.

Đây gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

QUYỂN THỨ BA BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ BẢY ĐIỀU PHỤC

Thế nào là sự điều phục của Bồ Tát?

-Sự điều phục có sáu:

1. Tánh Điều Phục.
2. Chúng sanh được Điều Phục.
3. Hạnh Điều Phục.
4. Phương tiện Điều Phục.
5. Sự Điều Phục được chín chắn.
6. Ân Điều Phục chín chắn.

Tánh Điều Phục: Có hạt giống lành cho nên tu pháp lành, tu pháp lành cho nên phá hoại hai chướng. Tu pháp lành nên thân tâm trong sạch. Vì thân tâm trong sạch, cho nên nếu gặp thiện hữu tri thức hoặc chẳng gặp thiện hữu tri thức chư Phật, Bồ Tát, cũng có thể phá hoại hai chướng phiền não, sở tri. Như ung nhọt đã mùi, nếu gặp thầy thuốc hay không gặp thầy thuốc cũng được trừ lành. Lại ví như đồ sành đã được nung chín, đến lúc tùy ý sử dụng, hay như trái yêm ma la, lúc đem ăn được. Gọi là đã chín.

Tất cả chúng sanh cũng vậy, tu tập đạo mầu xong xuôi là muốn chứng Vô thượng Bồ Đề, gọi là đã chín chắn. Như thế mệnh danh là Tánh Điều Phục.

-Chúng sanh được Điều Phục: Có bốn:

Một là: Có tánh Thanh Văn được đạo Thanh Văn.

Hai là: Có tánh Duyên Giác gọi là Duyên Giác.

Ba là: Có tánh Phật được Phật đạo.

Bốn là: Có tánh Trời, người, được sự vui cõi trời, cõi người.

Đây gọi là chúng sanh được Điều Phục.

-Hạnh Điều Phục: Có sáu:

Một là: Căn điều phục.

Hai là: Thiện căn điều phục.

Ba là: Trí tuệ điều phục.

Bốn là: Bực hạ điều phục.

Năm là: Bực trung điều phục.

Sáu là: Bực thượng điều phục.

-Căn điều phục là: Do nhân duyên điều phục các giác quan nên được sống lâu, tướng tốt, giòng họ danh giá, tự do, có sức mạnh, tiếng nói thanh tao, thân người nam, không ai hơn nổi. Người thành tựu đầy đủ quả báo này tức được trụ Vô thượng Bồ Đề, thường vì chúng sanh mà tu tập hạnh khổ, tâm của vị ấy lúc ban sơ đã không lo buồn hối hận. Đây là Căn Điều Phục.

-Thiện căn Điều Phục: Tánh không ham thích gây tạo nghiệp dữ, nắm món cái nhẹ mỏng, các giác quán ác lần lần yếu ớt, thích chịu sự trong sạch và nói lời thuần thiện. Đây gọi là Thiện căn Điều Phục.

-Trí tuệ Điều Phục: Đại Bồ Tát nhờ tập trí tuệ cho nên tâm hạnh khoáng đạt, khéo thọ trì đọc tụng kinh điển, hiểu nghĩa thiện ác, tư duy phân biệt và vì người khác giảng nói rộng rãi. Do tu tập trí tuệ, nên đảm nhiệm được đạo Vô thượng Bồ Đề.

Nếu có thể đầy đủ sự điều phục về Căn, về Thiện căn và Trí tuệ, là có thể sạch món Sở tri chướng (Trí chướng). Nếu đủ sự điều phục về Căn, có thể sạch Báo chướng. Nếu đủ sự điều phục về Thiện căn và Trí tuệ, có thể sạch sở tri chướng và phiền não chướng.

-Bực Hạ điều phục: Có hai: Một là chẳng ở trong vô lượng đời tu tập pháp lành. Hai là chẳng ưa suy tầm căn lành trí tuệ. Đây là sự điều phục của bực Hạ.

-Bực Trung điều phục: Trong vô lượng đời tu tập pháp lành, được thiện căn điều phục, song chưa được trí tuệ. Gọi là sự điều phục của bực Trung.

-Bực Thượng điều phục: Đủ ba việc trên (Căn, Thiện Căn, Trí tuệ), gọi là điều phục của bực Thượng.

-Phương tiện điều phục có hai mươi hai:

Một là Giới tăng trưởng.

Hai là Nhơn hiện tại.

Ba là Vào hàng ngũ xuất gia.

Bốn là Mới phát.

Năm là Chẳng phải mới phát.

Sáu là Xa điều Tĩnh.

Bảy là Gần điều Tĩnh.

Tám là Sự trang nghiêm.

Chín là Sự dốc lòng.

Mười là Thí thức ăn.

Mười một là Thí giáo pháp.

Mười hai là Thị hiện thần thông làm sanh lòng tin.

Mười ba là Nói pháp làm sanh lòng tin.

Mười bốn là Nói Tạng thâm mật, rộng phân biệt pháp.

Mười lăm là Trang nghiêm bực Hạ.

Mười sáu là Trang nghiêm bực Trung.

Mười bảy là Trang nghiêm bực Thượng.

Mười tám là Nghe pháp.

Mười chín là Tư duy tu tập.

Hai mươi là Nhiếp giữ.

Hai mươi một là Quả trách.

Hai mươi hai là Chẳng đợi thỉnh và đợi thỉnh nói pháp.

1. Giới tăng trưởng là gì? -Đủ hạt giống (giới) lành, vì đủ hạt giống lành cho nên sang đời khác căn lành lại được tăng trưởng. Do hạt giống pháp tu tập hiện tại nên hạt giống pháp vị lai thêm lớn. Đây gọi là giới tăng trưởng.

2. Nhân hiện tại? -Trong đời hiện tại nói pháp không lộn, nghe pháp không lầm, đúng như pháp thọ trì làm cái nhân. Do nhân đời trước làm tăng trưởng nhân hiện tại, do nhân hiện tại làm tăng trưởng cái nhân vị lai. Lại nữa, nhân hiện tại làm tăng nhân hiện tại. Đây gọi là Nhân Hiện Tại.

3. Vào hàng ngũ xuất gia: Gắn gũi thiện hữu chư Phật, Bồ Tát, lòng tin được pháp sanh. Được tín tâm rồi bỏ lìa việc đời, thọ trì tu hành pháp xuất thế. Pháp xuất thế ấy là Giới Bồ Tát. Nếu chẳng thọ giới để gọi là “Danh tự sa môn”, thì chẳng gọi là xuất gia, dứt điều tham dục mới gọi là xuất gia. Người chẳng thọ trì giới Bồ Tát, chẳng được gọi là rốt ráo dứt hẳn điều tham dục. Dứt tất cả sự yêu thương, luyến mến gọi là xuất gia. Cảm thọ sự vui rốt ráo, gọi là xuất gia. Ưa giản dị hành đạo gọi là xuất gia, thêm lớn Phật pháp gọi là xuất gia, vui giữ giới cấm gọi là xuất gia. Đây gọi là hàng ngũ xuất gia.

4. Mới phát? -Khi mới phát tâm chẳng ưa sanh tử, vì chẳng ưa sanh tử nên lòng tin được mạnh. Tu tập về đạo cho nên tăng trưởng Phật pháp. Đây gọi là mới phát.

5. Chẳng phải mới phát? -Từ lúc phát tâm trở về sau, gần gũi chư Phật và đệ tử Phật, thọ trì giới cấm, đọc tụng biên chép, rộng vì người tuyên nói, cho đến khi tăng trưởng pháp lành thượng thượng. Đây gọi là chẳng phải mới phát.

6. Xa Điều Tĩnh? -Như chẳng thọ và giữ giới Bồ Tát, chẳng hay đọc tụng, biên chép giải nói, chẳng theo sự dạy bảo của thầy, lười biếng, nhất nhúa, trải qua vô lượng kiếp không thể chứng Vô lượng Bồ Đề. Gọi là Xa Điều Tĩnh.

7. Gần điều Tĩnh? -Thọ trì giới cấm của Bồ Tát, đọc tụng, biên chép, vì người giải nói, thuận theo thầy dạy, siêng tu tinh tấn, có thể mau chứng Vô thượng Bồ Đề. Đây gọi là gần điều Tĩnh.

8. Sự trang nghiêm như thế nào? -Dốc lòng siêng cầu Phật đạo, vì Bồ Đề mà trì giới Bồ Tát. Vì sợ bậc sư trưởng, Hòa thượng, vì sợ tiếng đồn đãi cho nên giữ giới Bồ Tát. Đây gọi là sự trang nghiêm.

9. Sự dốc lòng ra sao? -Đối với pháp của Phật, dốc lòng buộc niệm, không tâm bất nhẫn, không lười nghi ngờ, hộ trì chánh pháp, dùng luận tạng Bồ Tát giáo hóa chúng sanh. Đối với đức Thầy, Hòa thượng, tôn túc kỳ cựu là những vị đức độ, rất mực cung kính, siêng năng cúng dường Tam bảo không hề thôi nghĩ. Tin sâu Tam bảo là thường trụ bất kiến. Đây gọi là sự Dốc lòng.

10. Thí thức ăn? -Đại Bồ Tát gặp người đói khát, liền đem món ăn, thức uống cấp giúp. Tất cả món cần dùng khác cũng vậy, đều cung cấp theo chỗ cần cầu của người, như chỗ tu ở trước (bồ thí). Đây gọi là thí thức ăn.

11. Sự thí pháp? -Bồ Tát hoặc dùng 1 câu, 1 bài kệ, nửa bài kệ cho đến một bộ, một Tạng, rộng vì chúng sanh diễn nói nghĩa lý, vì đạo Bồ Đề mà dạy họ thực hành thiện nghiệp. Đây gọi là Thí pháp.

12. Thị hiện thần thông làm sanh lòng tin là sao? -Đại Bồ Tát vì thương xót chúng sanh mà thực hiện sức đại thần thông, vì muốn khiến chúng sanh tâm được thanh tịnh, vì biết lòng tin của chúng sanh đã tịnh, vì thấy rõ về Tịnh tâm trang nghiêm của chúng sanh, vì làm cho chúng sanh phát tâm vô thượng Bồ Đề. Đây gọi là Thị hiện Thần thông làm sanh lòng tin.

13. Nói pháp làm sanh lòng tin? -Bồ Tát tự biết mình chưa lợi ích hoàn toàn nhưng vì người khác mà diễn nói kinh pháp, lại cũng biết rằng do sự lợi tha có thể diệt tội của mình, cho nên diễn nói pháp Phật. Lại nữa, tự biết rằng: vì người khác nói pháp, tức cũng được thêm lớn việc tu thiện của mình. Đây gọi là nói pháp làm sanh lòng tin.

14. Nói Tạng thân mật rộng phân biệt pháp là thế nào? -Đại Bồ Tát dùng sức phương tiện, luôn luôn vì chúng sanh mở bày tạng pháp sâu kín của Như Lai, để chúng sanh hiểu rõ ý nghĩa. Vì tăng thêm cội lành cho kẻ có trí mà nói nghĩa sâu thêm. Đây gọi là Nói Tạng thân mật rộng phân biệt pháp.

15. Trang nghiêm bực Hạ: -Sự trang nghiêm của bực Hạ căn, bực này chẳng hay dốc lòng thực hành những hạnh cao tốt của bực Thánh Hiền. Đây gọi là trang nghiêm của bực Hạ.

16. Trang nghiêm của bực Trung? -Bực trung dầu chí tâm tu tập Thánh hạnh, nhưng không xuyên thực hành, gọi là trang nghiêm của bực Trung.

17. Trang nghiêm bực Thượng? -Bực Thượng chí tâm vừa thường xuyên thực hành, gọi là trang nghiêm của bực Thượng.

18. Nghe Pháp? -Hoặc lúc tu học Phật pháp vô thượng thì dốc lòng nghe pháp, chọn lựa trong 12 phần kinh mà thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói. Đây gọi là nghe pháp.

19. Tư duy tu tập là gì? -Đã nghe pháp rồi, thân tâm lặng lẽ, suy tư nghĩa lý để phá bỏ lòng nghi. Tu tập ba pháp Định Huệ, Xả. Đây gọi là tư duy tu tập.

20. Nhiếp giữ? -Bởi không tâm tham lẫn, cho nên vì người pháp nói pháp, nhận nuôi đệ tử, khéo vì chúng răn dạy, cho chúng áo bát, bệnh cấp thuốc thang, biết chúng khởi phiền não, tùy bệnh chỉ pháp đối trị v.v...Đây gọi là nhiếp giữ.

21. Quả trách: Nếu tự thấy biết mình khởi phiền não liền khởi trách thân tâm. Khởi phiền não tức chẳng thể tự lợi, lợi tha. Tội nhẹ xem như tội trung. Tội trung xem như tội nặng. Giống như người loạn tâm té xuống hố sâu, sau khi bị rơi không để rơi nữa. Nếu phiền não khởi lên phải mau điều phục. Thấy đệ tử khởi phiền não nhỏ nhất phải nên quả trách, chẳng nên nhận sự lễ lạy cúng dường của chúng, dầu là cúng dường nước tắm hay dâng

đưa nhanh dương. Nếu đệ tử phạm tội nặng, nên làm yết-ma tẩn xuất. Quả trách như vậy gọi là tự lợi, lợi tha. Đây gọi là quả trách.

22. Chẳng đợi thỉnh và đợi thỉnh thuyết pháp: Chẳng đợi thỉnh là thế nào?

-Vì lợi ích tu tập mà thọ trì, đọc tụng, giải nói nghĩa sâu, vì phá những phiền não phát khởi, vì thêm những pháp lành của chúng sanh thực hành cho nên nói ra giáo pháp. Chỗ mình thọ trì thế nào, thì cũng đúng như sự thọ trì ấy mà nói giáo pháp, như pháp an trụ. Vì sao thế? Nếu Bồ Tát không như pháp trụ, chúng sanh sẽ xem thường và nói như sau: “Ông chẳng đúng như pháp trụ, làm sao dạy người? Ông nay mới nên theo người thọ pháp, vì sao trở lại thuyết pháp cho người?” Đây gọi là chẳng đợi thỉnh nói pháp.

-Đợi thỉnh mới nói là sao? -Như tự gìn giữ giới cấm, siêng tu tinh tấn, đầy đủ căn lành thích ở chỗ rảnh rang lặng lẽ, thường được mọi người cung kính, nói ra những gì người người tin nhận, biết nghĩa, biết lời và khéo nói pháp yếu. Nếu có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, nam nữ cư sĩ nói như vậy: “Cúi mong Đại sĩ vì điều phục chúng sanh mà mở cửa cam lộ”. Đây gọi là không đợi thỉnh và đợi thỉnh thuyết pháp.

Hai mươi hai việc như trên ai điều phục?

Ấy là sáu bậc Bồ Tát, trụ sáu địa vị. Các Bồ Tát như thế, có thể giáo hóa điều phục chúng sanh.

Sáu địa là những địa nào? -Một là Dốc lòng nhớ nghĩ về hạnh Bồ Đề. Hai là Vì đạo Bồ Đề mà lóng sạch tâm ý. Ba là đúng pháp an trụ. Bốn là Thiền định. Năm là rốt ráo. Sáu là thành tựu đạo Bồ đề.

-Sự điều phục được chín chắn: Vì muốn điều phục chúng sanh không tánh quyết định, Bồ Tát nói về sự vui cõi trời, cõi người, làm cho họ không thoái đạo. Vì hạng có căn tánh, nói pháp điều phục làm cho họ thêm lớn căn lành. Đây gọi là sự điều phục được chín chắn.

Ấn điều phục chín chắn: Hàng Thanh Văn trong vô lượng đời tu tập căn lành, gọi là ấn điều phục chín chắn bậc hạ, sự trang nghiêm bậc hạ. Hạng này không thể phá hoại ác báo trong ba đường ác, hiện tại chẳng được bốn quả sa môn và Niết Bàn. Đây gọi là ấn điều phục chín chắn bậc Hạ.

Sao gọi là ấn điều phục chín chắn bực Trung? -Nếu được tâm trung bình, sự trang nghiêm trung bình và căn tánh trung bình, phá ba đường ác nhưng hiện tại chẳng được bốn quả sa môn hay Niết bàn. Đây gọi là ấn điều phục chín chắn bực Trung.

Ấn điều phục chín chắn bực thượng?

Có tâm bực thượng, sự trang nghiêm bực thượng, và căn tánh bực thượng, phá ba đường ác, hiện tại chứng bốn quả sa môn và Niết bàn. Đây gọi là ấn điều phục chín chắn bực thượng.

Duyên Giác cũng vậy, song có hai điều hơn Thanh Văn. Một là hơn về đường lối tu tập. Hai là, hơn vì không thầy mà ngộ đạo.

Đại Bồ Tát trụ bực thứ nhất (chuyên lòng nhớ nghĩ về hạnh Bồ Đề) gọi là ấn điều phục chín chắn bực hạ. Trụ bực thứ hai (Vì đạo Bồ Đề mà lóng sạch tâm ý) là ấn điều phục chín chắn bực trung. Đứng pháp an trụ là ấn điều phục chín chắn bực thượng.

Bực Bồ Tát sơ tâm còn nhỏ yếu, sự trang nghiêm cũng vậy, đọa vào ba đường ác. Sau khi tu hành trải qua một a tăng kỳ kiếp thứ nhất, trong vô số kiếp (a tăng kỳ) thứ nhứt này chưa thể đầy đủ sự bất động vô thượng và chưa trong sạch được ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Đây gọi là ấn điều phục bực hạ.

Ấn điều phục bực Trung thuộc Bồ Tát tâm lượng bực Trung, sự trang nghiêm bực trung. Bực này không còn đọa ba đường ác, vì tu hành đã trải qua A tăng kỳ kiếp thứ hai, Tuy được trong sạch không động chuyển và khéo tu tập ba mươi bảy trợ đạo, nhưng chưa đầy đủ hoàn toàn sự vắng lặng tối đại về 37 phẩm trợ đạo. Đây gọi là ấn điều phục chín chắn bực Trung.

Ấn điều phục chín chắn bực thượng? -Đại Bồ Tát tâm lượng bực thượng, sự trang nghiêm bực thượng, không còn đọa ba đường ác, sự tu hành đã trải qua a tăng kỳ kiếp thứ ba, thiện nghiệp đầy đủ và thanh tịnh, không bị động chuyển được đại tịch tịnh về 37 phẩm trợ đạo. Đây chính là Bồ Tát Vô thượng đạo vậy. Bực này được gọi là Đại Tịnh, Bất Động, Thuần Thiện, Tối Đại Tịch Tịnh. Đây gọi là ấn điều phục chín chắn bực thượng.

Ấn điều phục chín chắn bực hạ có ba: Hạ hạ, hạ trung, hạ thượng. Ấn điều phục bực trung có ba: Trung hạ, trung trung, trung thượng. Ấn điều phục bực thượng cũng có ba: Thượng hạ, thượng trung, thượng thượng.

Đại Bồ Tát đầy đủ những sự điều phục như thế, luôn luôn nuôi lớn Phật pháp, giáo hóa chúng sanh, điều phục các căn, trí tuệ mạnh mẽ và có thể vì khắp chúng sanh mà mở bày giáo pháp ba Thừa.

PHẨM THỨ TÁM BỒ ĐỀ

Thế nào là Bồ Đề?

-Bồ Đề là hai thứ giải thoát, hai thứ trí tuệ.

Hai giải thoát là: Giải thoát phiền não chướng. Giải thoát Sở tri chướng.

Hai thứ trí tuệ là: Khả năng phá hoại phiền não chướng. Khả năng phá hoại Sở tri chướng.

Lại nữa, Vô thượng Bồ Đề là: Tịnh trí, Vô ngại trí và Nhất thiết Chủng trí đoạn tất cả tập nhân, dứt trừ tất cả Vô minh, vô ký.

Tịnh trí là dứt tất cả Tập, biết tất cả giới (cõi), tất cả Pháp, tất cả Hạnh, tất cả Thế gian, tất cả thời gian, tất cả đối trị.

Giới có hai:

Một là Thế giới. Hai là Chúng sanh giới.

Pháp cũng có hai:

Một là Hữu vi. Hai là Vô vi.

Hạnh cũng có hai:

Một là: Hoại Phiền não chướng. Hai là Hoại Sở tri chướng.

Thế gian có hai: Một là trí. Hai là ngu.

Thời gian có ba:

Quá khứ. Hiện tại. Vị lai.

Đôi trị có ba:

Một là: Quán Bất tịnh. Hai là: Quán Từ Bi. Ba là: Quán Nhân duyên.

Đây gọi là Tịnh trí.

Vô ngại trí là gì?

-Chẳng nhờ trang nghiêm, tư duy, nhập định mà vẫn có thể thông suốt tất cả, tất cả Pháp, tất cả hạnh, tất cả thế gian, tất cả thời gian và tất cả đôi trị. Đây gọi là Vô ngại trí.

Lại nữa, Vô ngại trí là 140 pháp bất cộng. Như Lai còn có những pháp như Vô Tránh Tam Muội, Nguyên, Trí, Tứ Vô Ngại Trí v.v. Đây gọi là vô ngại trí, mệnh danh là Bồ Đề.

Một trăm bốn mươi pháp bất cộng là những gì?

-Đó là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, bốn Tịnh hạnh, mười lục, bốn vô sở úy, ba Niệm xứ Ba món Bất hộ, Đại Bi, Thường chẳng quên, Dứt tất cả tập nhân (đoạn phiền não trí). Tất cả hạnh không còn trí nào hơn (nhứt thiết chủng trí). Đây gọi là 140 pháp bất cộng (sẽ giảng rộng trong phần Trụ ở sau cùng).

Thế nào gọi là Vô thượng Bồ Đề?

-Vì đủ bảy sự vô thượng, gọi là Vô thượng Bồ Đề.

Một là Thân vô thượng.

Hai là Thọ trì vô thượng.

Ba là Đầy đủ vô thượng.

Bốn là Trí tuệ vô thượng.

Năm là Bất khả tư nghị vô thượng.

Sáu là Giải thoát vô thượng.

Bảy là Hạnh vô thượng.

-Thân Vô thượng: Ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm.

-Thọ trì vô thượng: Chư Phật, Bồ Tát thực hành tự lợi, lợi tha, luôn luôn đem lại cho chúng sanh sự an vui cõi trời, cõi người.

-Đầy đủ vô thượng: Chư Phật Bồ Tát có bốn sự đầy đủ: Thọ mạng đầy đủ. Thấy biết đầy đủ. Giới đầy đủ. Việc làm đầy đủ.

-Trí tuệ vô thượng: Nghĩa là bốn vô ngại trí.

-Bất khả tư nghị vô thượng: Là đầy đủ sáu ba la mật.

-Giải thoát vô thượng: Như Lai hay phá hai thứ chướng.

-Hạnh vô thượng: Nghĩa là Thánh hạnh Thiên hạnh, Phạm hạnh.

Thánh hạnh là ba môn tam muội Không, Vô tướng, Vô nguyên và Diệt tận định.

Thiên hạnh là Tứ thiền, Tứ vô sắc định.

Phạm hạnh là Tứ Vô Lượng Tâm.

Ba thứ hạnh này xuất phát bốn hạnh mà Phật thường vui ưa tu tập.

Bốn Thánh hạnh rút lại còn hai. Một là Không tam muội. Hai là Diệt tận định.

Thiên hạnh còn một là Đệ tứ thiền.

Phạm hạnh cũng còn một là Đại bi.

Như Lai dùng nhân duyên Đại bi này, ngày đêm sáu thời luôn luôn xem xét chúng sanh, người nào không căn lành, sẽ đem lại cho họ hạt giống lành, những ai trồng căn lành rồi sẽ làm cho thêm lớn, cho đến những người chưa phát tâm Vô thượng Bồ Đề, Như Lai sẽ làm cho phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Như Lai do thân vô thượng này mà gọi là Đại trượng phu.

Vì Thọ trì vô thượng gọi là Đại Bi.

Vì đầy đủ vô thượng, gọi là đến bờ kia.

Vì trí tuệ vô thượng cho nên gọi là Nhất thiết chủng trí.

Bất khả tư nghị vô thượng, gọi là A la ha.

Giải thoát vô thượng gọi là Niết bàn.

Hạnh vô thượng cho nên gọi là Tam miệu Tam Bồ Đề. Do nghĩa này, Như Lai đầy đủ mười hiệu: Như Lai, Ứng cúng, Chánh Biến tri, Minh Hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự Trượng phu, Thiên sơn sư, Phật, Thế Tôn.

-Vi không hư vọng gọi là Như Lai.

-Vi làm ruộng phước lành, gọi là Ứng cúng.

-Vi biết pháp giới gọi là Chánh biến tri.

-Đủ tất cả Tam Minh gọi là Minh hạnh túc.

-Vi chẳng đến chẳng về gọi là Thiện Thế.

-Vi biết hai thứ thế gian gọi là thế gian giải. Hai thứ thế gian là: Quốc độ thế gian, chúng sanh thế gian.

-Vi có thể điều phục thân tâm xấu ác của chúng sanh, gọi là Vô thượng sĩ Điều Ngự trượng phu.

-Luôn luôn làm cho chúng sanh biết đúng pháp chánh, nghĩa chánh, quy chánh. Vì chúng sanh nói rộng nghĩa lý, nên có thể phá hỏng tất cả phiền não, có thể phá vỡ lưới nghi trong tâm chúng sanh, mở bày những nghĩa rất sâu của các pháp, nghĩa lý căn bản của tất cả pháp. Thế nên gọi là Thiên sơn sư.

-Biết sự chứa nhóm pháp thiện, bất thiện, pháp chẳng phải thiện chẳng phải bất thiện, gọi là Phật.

-Vi hoại ma Ba tuần, được thân khó được của Như Lai. Gọi là Thế Tôn.

Tại sao khó được?

-Vi trong vô lượng kiếp cũng không có một đức Phật ra đời, do đó khó được.

Vô lượng thế giới có vô lượng đức Phật. Mười phương thế giới có vô lượng Bồ Tát đồng một thời gian, đồng một bản nguyện tu tập trang nghiêm và đồng thời phát tâm Vô thượng Bồ Đề, cùng một lúc, một ngày, một tháng, một năm, đồng Thí, đồng Giới, đồng Nhẫn, đồng Tấn, đồng Thiền, đồng Trí v.v. Do nghĩa đó mười phương thế giới lý tất nhiên có vô lượng vô biên cõi Phật, trong một cõi Phật như vậy, không có hai đức Phật ra đời một lúc. Nếu không mười phương vô lượng thế giới, thì vô lượng vô biên Bồ Tát đồng tu hạnh lành, có thể không kết quả hay sao? Bởi vậy mà biết rõ có vô lượng, vô biên thế giới của chư Phật khắp giáp mười phương và trong mỗi Phật độ cùng một lúc không có hai đức Phật xuất hiện.

Đại Bồ Tát khi mới phát tâm, mở lời như sau: “Duy một mình tôi có thể làm cho vô lượng vô biên chúng sanh dứt khổ phiền não và chúng nhập Niết bàn” Do sức nguyện này mà được quả báo (Phật quả).

Như Lai hay vì ba ngàn Đại thiên thế giới mà nói pháp giáo hoá, điều phục chúng sanh, cho nên một quốc độ không có hai đức Phật cùng xuất hiện.

Nếu trong một quốc độ có hai đức Phật cùng ra đời, thì chúng sanh chẳng ưa vui tu tập pháp lành và chẳng sanh cung kính tôn trọng, chẳng sanh ý tưởng khó được gặp gỡ.

Nếu gặp một đức Phật ắt sanh được tâm chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh tự bảo nhau “Phật rồi sẽ nhập Niết bàn, chúng ta nên cùng nhau tu tập thiện pháp cho kịp thời” Nhờ tinh tấn siêng năng hành đạo mà lần lần thoát ly sanh tử.

Do sanh ý tưởng khó gặp, sanh tâm cung kính mà tu Bồ thí cho đến Bát Nhã ba la mật v.v. Thế nên trong một sát độ không có hai đức Phật xuất hiện cùng một lúc.

Các đức Phật trong các thế giới mười phương trừ có bốn điều khác nhau, ngoài ra tất cả bình đẳng không hai. Đó là: sự sống lâu, họ hàng tên gọi, thân tướng.

Bồ Tát trọn không dùng thân người nữ để chứng quả Bồ Đề. Vì sao?

Bồ Tát tu hành trong số vô số kiếp đầu, là đã chấm dứt thân nữ nhơn. Vì thân nữ nhơn nhiều tham dục vậy.

Nữ nhơn là tượng trưng cho cái trí hòa hợp này là ác trí, không thể dùng trí này chứng Vô thượng Bồ Đề.

Đạo Bồ Đề không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì không phải là chỗ chứng ngộ của tất cả Thanh Văn, Duyên giác.

Thế nên, Vô thượng Bồ Đề là sự thành tựu của vô lượng vô biên công đức.

PHẨM THỨ CHÍN LỰC VÀ TÁNH BỒ ĐỀ

Đại Bồ Tát muốn học giới Bồ Tát, phải tu tập sự tin tưởng, thường thích câu pháp, gặp người trì pháp rất sanh cung kính cúng dường, đứng pháp mà trụ, răn dạy đệ tử trú vào chánh pháp và khéo biết phương tiện thâm nhiếp Thân, Miệng, Ý.

Thế nào là Bồ Tát tu tập sự tin hiểu?

-Nghĩa là sáng suốt tin Tam bảo và công đức của Tam bảo, tín nghĩa chơn thật, tin có nhân quả, tin chúng sanh có các thứ nghiệp và quả báo của nghiệp, biết dùng phương tiện hay khéo cũng như không phải phương tiện, tự tin mình tất sẽ chứng Vô thượng Bồ Đề, tự biết sẽ chứng diệu nghĩa, diệu nghĩa ấy là Vô thượng Bồ Đề, Trí Bồ Đề và phương tiện Bồ Đề. Phương tiện Bồ đề là giới Bồ Tát cho đến 37 phẩm Trợ đạo.

Giới Bồ Tát là gì?

-Khi nghe giảng nói về 12 phần giáo thì tâm nhận nại tin nhận, thế gọi là Giới Bồ Tát.

Người học giới Bồ Tát nên tu hai việc: Một là Lòng Từ. Hai là Lòng tin.

Bồ Tát tu hai pháp như vậy là được tâm tin hiểu.

Cầu pháp là cầu việc gì? Cầu như thế nào? Vì sao mà cầu?

Sự cầu đây là cầu Bồ Tát Tạng, Thanh văn tạng, tất cả luận thế gian, và tất cả việc thế gian.

Bồ Tát tạng là gì? -Là các kinh Phương quảng Đại thừa, ngoài ra mười một bộ loại còn lại gọi là Thanh văn Tạng.

Thế luận là gì? -Có ba loại: Nhân minh luận. Thanh minh luận (ngôn ngữ học). Y phương luận (y học).

Tất cả việc thế gian là gì? -Như nghề thợ vàng, thợ bạc, điêu khắc v.v. và tất cả nghệ thuật, phương thuật. Phương thuật có năm:

Một là Nội thuật (còn gọi là Nội minh)

Hai là Nhân thuật (Nhân minh luận luận lý)

Ba là Thanh thuật (hay Thanh minh Ngôn ngữ)

Bốn là Y phương thuật (hay y phương minh)

Năm là Công xảo thuật (hay công xảo minh)

Đại Bồ Tát thường cầu học năm phương thuật như thế.

-Nội thuật là mười hai bộ loại kinh điển.

Một là biết nhơn quả. Hai là Tạo nghiệp chẳng mất, chẳng tạo chẳng thọ.

-Cầu Nhơn thuật (hay nhân minh luận) có hai: Một là, Để biết chỗ lỗi luận lý của ngoại đạo. Hai là để phá hỏng các luận sư ngoại đạo.

-Cầu Thanh thuật (hay ngôn ngữ học) cũng có hai: Một là hiểu nghĩa Pháp giới. Hai là, để đúng với tất cả lời lẽ, tiếng nói.

Cầu Y phương thuật (hay y học) có 4 việc. Một là biết tướng trạng của bệnh. Hai là biết nhân duyên và các điều kiện sanh bệnh. Ba là biết cách trị lành bệnh. Bốn là biết sau khi trị lành, bệnh không tái phát.

Cầu học mười hai bộ loại kinh điển để biết nhân quả là sao?

Tất cả các pháp có mười thứ nhân. Nói tướng nhân chánh là nhiếp tất cả nhân, nào sanh tử, nào giải thoát, nào thiện, bất thiện, nào trong, nào ngoài, nào chúng sanh, nào phi chúng sanh v. v..

Những gì là mười?

1. Nhân lan rộng (lưu bố nhân)
2. Nhân kế tiếp (tùng nhân)
3. Nhân tạo tác (tác nhân)
4. Nhân nhiếp lấy (nhiếp nhân)
5. Nhân tăng trưởng (tăng trưởng nhân)
6. Nhân thay đổi (chuyển nhân)
7. Nhân chẳng chung (bất cộng nhân)
8. Nhân chung (cộng nhân)
9. Nhân tai hại (hại nhân)
10. Nhân chẳng hại (bất hại nhân)

-Một. Nhân lan rộng nghĩa là: Tên được gọi cái nhân của các pháp, có đủ thể và tướng, vì đủ cả thể tướng nên có thể tuyên nói. Đây gọi là Nhân lan rộng.

-Hai. Nhân kế tiếp: Như nhân cái tay mà có sự cầm nắm, nhân cái chân mà có sự cất bước, nhân cái thân mà có sự qua lại, ngồi nằm. Gọi là nhân kế tiếp.

-Ba. Nhân tạo tác: Từ hạt giống mà được trái cây, gọi là nhân tạo tác.

-Bốn. Nhân nhiếp lấy: Lìa khỏi hạt giống theo các duyên mà được trái, gọi là nhân nhiếp lấy.

-Năm. Nhân tăng trưởng: Hạt giống mất, mầm sanh, từ mầm được quả. Gọi là Nhân tăng trưởng.

-Sáu. Nhân thay đổi: Như từ hạt giống trước, sanh ra hạt thóc hiện tại. Hạt thóc hiện tại sanh ra hạt thóc vị lai. Gọi là nhân thay đổi.

-Bảy. Nhân chẳng chung: Theo giống nào, được quả nấy. Gọi là nhân chẳng chung.

-Tám. Nhân chung: Như đất, nước, lửa, gió. Gọi là nhân chung.

-Chín. Nhân tai hại: Phạm bốn giới trọng oan hại pháp lành. Gọi là Nhân tai hại.

-Mười. Nhân chẳng hại: Nếu không hủy phạm gọi là Nhân chẳng hại.

Nhân tai hại có năm thứ:

-Hại thuộc âm thanh.

-Hại thuộc sanh ra.

-Hại chẳng cộng trụ.

-Hại oan đối.

-Hại do Định dứt trừ.

Hại thuộc âm thanh: Như sách luận của học phái Thuận thế Ngoại đạo, đoạn đầu nói có phần đúng, về sau nói chẳng đúng. Như nói: Tất cả pháp đều vô thường, sau rồi lại nói: sanh, lão, tử là thường. Đây gọi là hại về âm thanh.

Hại thuộc sanh ra: Như nói không nhân có thể sanh quả, có nhân không quả.

Hại chẳng cộng trụ: Như sáng khác với tối Tham khác với giận, khổ khác với vui.

Hại oan đối: Như rắn xung khắc với chuột, sói ngựa khác với trâu nước, chồn khác với chuột.

Hại do Định dứt trừ: Như pháp quán Bất tịnh trừ tâm tham sắc. Pháp quán Từ Bi trừ tâm giận đối, pháp quán Nhân duyên trừ tâm si mê. Tám phần Thánh đạo trừ tất cả kiết sử.

Lại có hai phần: Một là Nhơn chân thật.

Hai là Nhân phương tiện.

Nhơn chơn thật là hạt giống. Nhân phương tiện là các duyên bên ngoài.

Nhơn phương tiện có bốn duyên:

Một là Nhân duyên.

Hai là Thứ đệ duyên.

Ba là Duyên duyên.

Bốn là Tăng thượng duyên.

-Nhân duyên: là cái nhân phát sanh của các pháp.

-Tăng thượng duyên là cái nhân phương tiện và cái nhân thứ đệ.

-Duyên duyên là tâm vương, tâm sở.

Đây gọi là Bốn duyên.

Mười nhân như trên, thế nào lại sanh ra tất cả các thế, xuất thế gian? Thế nào chấm dứt sanh tử? Thế nào chẳng chấm dứt sanh tử?

-Như trong thế gian có các thứ hạt giống ngũ cốc. Sự sống của nó được nuôi lớn và có nhiều tên, chẳng hạn như giống lúa Đại mạch, Tiểu mạch, lúa Ngạch, lúa Lang, lúa Hồ ma, đậu lớn, đậu nhỏ v.v. Đây gọi là Nhân lan rộng (lưu bố nhân).

-Do đói khát không có sức lực, vì trừ tai họa đói khát nơi thân cho có sức lực, người ta tìm đại mạch, tiểu mạch cho đến đậu nhỏ v.v. Rồi nhân ăn ngon mà tâm sanh ham đắm, do tâm ham đắm nên nghĩ phương tiện tìm cầu. Đây gọi là nhân kế tiếp (tùng nhân).

-Hạt giống loài nào sanh ra quả tương tự như giống đó, gọi là nhân tạo tác (tác nhân).

-Đất, nước, lửa, gió, công người làm bón phân, gọi là nhân nhiếp lấy (nhiếp nhân).

-Từ hạt giống dần dần lớn lên cho đến khi có trái, gọi là nhân tăng trưởng (tăng trưởng nhân).

-Hạt giống sanh ra trái, trái sanh ra trở lại làm nhân, gọi là nhân thay đổi (chuyển nhân).

-Lúa mạch sanh ra lúa mạch. Đậu xanh ra hạt đậu, gọi là nhân chẳng chung (bất cộng nhân).

-Mầm lìa khỏi hạt giống, nhờ những thứ khác sanh ra cây trái, gọi là nhân chung (cộng nhân).

-Hạt giống bị mưa đá, bị lửa đốt, bị chim ăn, gọi là nhân tai hại (hại nhân).

-Không bị mưa đá, lửa đốt, chim ăn, gọi là nhân chẳng hại (bất hại nhân).

Vì những nghĩa ấy, mười nhân sanh ra tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế.

Lại nữa, diễn nói về mười hai nhân duyên, có những tên và tướng như sau:

-Vô minh làm nhân duyên Hành. Hành làm nhân duyên cho Thức. Thức làm nhân duyên cho Danh sắc. Danh sắc làm nhân duyên cho Lục nhập. Lục nhập làm nhân duyên Xúc. Xúc làm nhân duyên Thọ. Thọ làm nhân duyên Ái. Ái làm nhân duyên Thủ. Thủ làm nhân duyên Hữu. Hữu làm nhân duyên Sanh. Sanh làm nhân duyên Lão Tử và các nhóm buồn khổ lo rầu. Đây gọi là nhân lan rộng.

Vô minh duyên Hành, cho đến Sanh làm duyên cho Lão tử. Vì tham ái nên chẳng dứt mười hai nhân duyên gọi là Nhân kế tiếp.

Hai món Ái, Thủ hiện tại và vô minh vị lai gọi là nhân tạo tác.

Hữu hiện tại và Hành vị lai gọi là nhân tạo tác.

Thức hiện tại và Sanh vị lai gọi là nhân tạo tác.

Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ hiện tại, Sanh Lão, Tử vị lai gọi là nhân tạo tác.

Chẳng gần bạn lành, chẳng ưa nghe pháp, chẳng tư duy nghĩa, chẳng như pháp trụ. Do bốn điều này nhiếp giữ vô minh cho đến Lão tử, gọi là nhân tăng trưởng.

-Vô minh có ba: Hạ, Trung, Thượng.

Hạ là nhân của Trung, Trung là nhân của Thượng, cho đến Lão tử, gọi là Nhân thay đổi.

Có thứ vô minh đọa địa ngục, có thứ vô minh đọa ngã quỷ, có thứ vô minh đọa súc sanh gọi là nhân chẳng chung.

-Tất cả chúng sanh đồng có mười hai nhân duyên gọi là Nhân chung.

-Vi nhân duyên vô minh nên tánh không đầy đủ, chẳng cùng Như Lai sanh một cõi nước, xa lìa bạn lành, chẳng được nghe pháp, chẳng suy tư đúng nghĩa, chẳng như pháp trụ, chẳng được tu 37 phẩm trợ đạo. Gọi là Nhân tai hại.

-Trừ diệt Vô minh, tánh được đầy đủ, sanh cùng một cõi nước với Như Lai, gần gũi bạn lành được nghe chánh pháp, suy tư nghĩa lý, như pháp an trụ, tu tập 37 phẩm trợ đạo v.v. Đây gọi là Nhân chẳng hại.

Bởi nghĩa này, mười thứ nhân sanh ra các pháp thế gian.

Thế nào là mười thứ nhân sanh ra pháp xuất thế.

-Hoặc nói được tên và tướng ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tên và tướng Bồ đề, cho đến tên và tướng Niết bàn. Đây gọi là nhân lan rộng.

-Nhân bốn niệm xứ được bốn Chánh cần, nhân bốn Chánh cần được bốn Như ý túc, nhân Như ý túc được Năm căn, nhân Năm căn được Năm lục, nhân Năm lục được bảy phần Bồ Đề, nhân bảy phần Bồ đề được Tám phần Thánh đạo, nhân Tám thánh đạo được Niết bàn. Đây gọi là Nhân kế tiếp.

Vô minh diệt nên Hành diệt. Hành diệt nên Thức diệt. Thức diệt nên Danh Sắc diệt. Danh Sắc diệt nên Lục nhập diệt. Lục nhập diệt nên Xúc diệt. Xúc diệt nên Thọ diệt. Thọ diệt nên Ái diệt. Ái diệt nên Thủ diệt. Thủ diệt nên Hữu diệt. Hữu diệt nên Sanh diệt. Sanh diệt nên Lão tử diệt. Lão tử diệt nên được Niết bàn. Đây gọi là Nhân kế tiếp.

Tánh đầy đủ nên tu 37 phẩm trợ đạo. Tu 37 phẩm trợ đạo nên chứng Niết bàn, gọi là Nhân kế tiếp.

Tánh đầy đủ cho đến 37 phẩm trợ đạo có thể sanh ra Bồ Đề, gọi là Nhân tạo tác.

Gần gũi bạn lành, chí tâm nghe pháp, tư duy theo nghĩa, như pháp an trụ, điều phục các căn, tu Tám thánh đạo, gọi là Nhân Nhiếp Lấy.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể làm hai thứ nhân Niết bàn, gọi là Nhân thay đổi.

Đủ tánh Thanh văn được quả Thanh văn. Đủ tánh Duyên giác được quả Duyên giác. Đầy đủ tánh Phật được Vô thượng đạo, gọi là nhân chẳng chung.

Tánh không đầy đủ, sanh chỗ tám nạn, chẳng nghe chánh pháp gọi là nhân tai hại.

Tu tập Tám thánh đạo nhân duyên, chứng Thanh văn Bồ Đề, Duyên giác Bồ Đề và Phật Bồ Đề gọi là Nhân Tăng trưởng.

Mười thứ nhân này sanh ra tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế. Hai pháp Thế và xuất thế, mỗi pháp đều có ba đời, quá khứ, hiện tại, vị lai.

Nếu người nào nói lia mười nhân này, lại có nhân khác nữa, điều ấy không đúng.

Thế nào là quả? -Quả có năm thứ:

Một là Quả báo.

Hai là Quả khác.

Ba là Quả giải thoát.

Bốn là Quả Hiện tại.

Năm là Quả tăng thượng.

-Những lời nói ý nghĩ, việc làm chẳng lành, mắc phải ác báo trong ba đường ác. Pháp lành hữu lậu, được phước báo ở cõi nhân Thiên gọi là quả báo.

-Do tâm nghĩ ác, nên vui làm việc ác. Do tâm nghĩ thiện nên thích làm thiện, gọi là quả khác.

-Tu Tám thánh đạo, xa lìa phiền não, gọi là giải thoát. Phạm phu tu đạo tuy lìa Phiền não (thô) nhưng chẳng gọi là quả giải thoát. Vì sao? Vì chẳng phải rốt ráo.

-Nếu con người hiện đời dùng phương tiện ra sức phục dịch để được tiền của, gọi là quả hiện tại.

-Con mắt và cái biết của con mắt, cho đến ý căn, pháp trần và ý thức, gọi là quả tăng thượng.

Đại Bồ Tát vì biết nhân, biết quả cho nên gia tăng năng lực tạo tác và tu tập đạo pháp, biết rằng chẳng phải làm là chẳng phải thọ và tạo tác không mất quả báo.

Đại Bồ Tát biết nhân, biết quả cho nên cầu học mười hai phần kinh, thọ trì, đọc tụng, biên chép giải nói, do đó được nghiệp lực thứ hai là nghiệp lực thanh tịnh. Nếu Bồ Tát chẳng tin nghiệp nhân, quả khổ của chúng sanh, thì không được giới cấm của Bồ Tát.

Bồ Tát cầu học mười hai bộ loại kinh điển như thế nào?

-Bồ Tát hết lòng nghĩ đến giới Bồ Tát mà siêng cầu Phật pháp. Nếu gặp người giải nói ý nghĩa một câu, một kệ, tâm cũng sanh cung kính vui mừng,

thích nghe, chẳng khinh chê người giảng nói pháp và chẳng tìm tòi lỗi quấy của vị ấy. Dốc lòng cung kính sùng phụng như được nghe từ nơi đức Phật. Nếu người nói pháp lẩn tiếc, không bố thí pháp, nên đem tiền của cho đến thân mạng phụng sự dâng cúng. Bồ Tát nếu luôn luôn như vậy, gọi là Bồ Tát đúng nghĩa.

Nếu Bồ Tát luôn luôn dốc lòng nghe nhận cho đến một câu, một kệ, một nghĩa, tất nhiên những phiền não thuộc ba cõi đều bị yếu mòn và đủ giới Bồ Tát.

Khi Bồ Tát chí tâm cầu đức Phật nói pháp, trình trạng khát ngưỡng giáo pháp ấy rất là sâu nặng, sâu nặng đến nỗi không tiếc thân mạng. Giả sử vì nghe pháp mà phải đạp qua chỗ sắt nóng, lửa dữ cũng không lấy làm lo lắng.

Đại Bồ Tát vì một bài kệ còn chẳng tiếc thân mạng, huống gì mười hai phần kinh. Vì một bài kệ còn xem thường mạng sống huống gì những vật khác như tiền của ư?

Do sự lợi ích nghe pháp mà thân được an lạc, sanh được đức tin sâu xa và tâm trở nên mềm mỏng, ngay thẳng, có nhận thức đứng đắn. Thấy người nói pháp như thấy cha mẹ, tâm không kiêu mạn, trọn chẳng vì mình mà vì chúng sanh cho nên dốc lòng nghe pháp. Vì thêm những rể lành sẵn có của chúng sanh mà nghe nhận chánh pháp, không màng lợi dưỡng. Vì chúng sanh mà thọ giới Bồ Tát, chẳng phải chỉ để tự lợi. Vì chánh pháp cho nên chẳng sợ nạn vua, đói khát, nóng lạnh hay những nạn thú dữ, giặc cướp.

Bồ Tát trước hết tự mình điều phục các giác quan, sau đó nghe pháp, cung kính người giảng, tôn trọng giáo pháp. Như vậy gọi là Bồ Tát đủ Bồ Tát giới.

Sự chí tâm nghe pháp của Bồ Tát như thế nào? -Nghe pháp có bốn điều: Chí tâm, Nhứt tâm, Nhứt thiết tâm và Thiệt tâm.

Trên đây gọi là sự siêng năng tìm cầu mười hai phần kinh của Bồ Tát.

Vì có gì Bồ Tát tìm cầu mười hai phần kinh?

-Vì muốn chánh pháp chư Phật được lan rộng, vì muốn tự mình thêm lớn Phật pháp, vì làm cho thế gian tin ưa Phật pháp, vì khiến cho vô lượng

chúng sanh đều được Vô thượng Bồ Đề, cho nên Bồ Tát cầu học mười hai phần kinh.

Bồ Tát do gì mà cầu học nhân luận?

Vì để biết rõ sự sai quấy của các luận thuyết nói về nguyên nhân, vì phá các luận thuyết tà kiến, ác kiến của ngoại đạo, vì rộng phương tiện để điều phục chúng sanh, vì muốn phân biệt ngữ và nghĩa của Như Lai với ngữ nghĩa thế gian cho nên Bồ Tát cầu học nhân luận. (Luận lý học).

Vì sao Bồ Tát cầu học Thanh luận?

-Vì làm cho lời nói được trang nghiêm trong sạch, bởi lời nói bất tịnh chẳng thể tuyên nói rõ ràng nghĩa lý. Vì muốn hiểu biết tất cả các nghĩa để phá hỏng lời nói không đúng, phá tâm tánh kiêu mạn và phá luôn tà kiến. Nói chung lại, vì muốn biết phương tiện để chế ngự chúng sanh cho nên Bồ Tát cầu Thanh luận (ngôn ngữ học).

Vì có gì cầu học các phương thuật y học?

-Vì làm cho chúng sanh lìa 404 chứng bệnh, vì thương xót, vì điều phục, làm cho chúng sanh khởi lòng tin, sanh sự vui mừng cho nên Bồ Tát tìm học các phương học y học.

Vì lẽ gì Bồ Tát tìm tòi các phương thuật nghề nghiệp thế gian?

-Vì muốn của cải để lợi ích chúng sanh, vì để chúng sanh phát khởi đức tin, vì biết được việc đời để phá tâm kiêu mạn, vì điều phục chúng sanh, phá những sự si mê ám chướng của họ.

Nếu Bồ Tát chẳng hay tìm tòi học hỏi năm thuật như trên, chẳng thể mau chứng Vô thượng Bồ Đề, thành bậc Nhứt thiết Chứng trí. Vì chúng Vô thượng Bồ Đề cho nên tìm cầu năm thuật. Bồ Tát thành tựu giới Bồ Tát rồi vì chúng sanh nói ra.

Nói những gì? Nói việc gì? Nói thế nào? Vì lý do gì mà nói?

-Nói việc gì, nghĩa là nói về mười hai bộ loại kinh điển.

-Nói thế nào, nghĩa là sự thành tựu của năm phương thuật.

-Vì lý do gì nói, nghĩa là vì chứng Vô thượng Bồ Đề.

Sự nói ấy có hai điều:

Một là: Nói có thứ lớp. Hai là: Nói trong sạch.

Nói có thứ lớp là sao?

-Ban đầu nói về Bồ thí, kế nói đến trì giới, kế đó nói sự vui ở cõi Trời, kế nữa nói về tu chánh định, tiếp theo là nói sự thọ trì mười hai phần kinh, suy tư nghĩa lý, đúng như pháp trụ.v.v. Đây gọi là nói có thứ lớp,

Nói trong sạch là thế nào?

-Người tại chỗ cao, mình tại chỗ thấp chẳng nên nói pháp, trừ khi họ bệnh, Người không lòng tin chẳng nên vì nói. Người chẳng nhàm chán sanh tử chẳng nên vì nói. Người đứng phía trước, mình đứng phía sau chẳng nên vì nói. Người che trùm đầu chẳng nên vì nói trừ khi họ bệnh. Người hay vạch lỗi chẳng nên vì nói. Ngoài ra như những điều (chúng học pháp) trong giới bản Ba la đề mộc xoa ghi đủ.

Do có gì không nên nói với những người đó?

-Vì chư Phật, Bồ Tát tôn trọng giáo pháp, nếu người nói tôn trọng kinh pháp, người nghe cũng sanh tâm cung kính, hết lòng nghe nhận, chẳng sanh khinh dễ, như vậy mới gọi là trong sạch nghe pháp.

Nói có thứ lớp nghĩa là nói tất cả, nói tất cả để bỏ tâm sên pháp và tâm kiêu mạn. Giảng nói một câu, một bài kệ cho đến nửa bài kệ, nào lời, nào nghĩa v.v.. Chỉ dạy cho người nghe được vui mừng lợi ích. Hoặc có lúc quở trách, hoặc có lúc nói thẳng, có lúc thí dụ, tùy chỗ đáng nói mà nói, hoặc cặn hoặc gằn, nói cho người dễ thâm nhập. Tóm lại, tùy chỗ ưa thích của người nghe mà giảng nói. Đây gọi là Bồ Tát nói có thứ lớp.

Lại nữa, trong sạch nói pháp nghĩa là:

-Đối với kẻ oán ghét, Bồ Tát tu tập lòng Từ, được từ tâm rồi, đối với những chúng sanh tệ ác và người buông lung, dùng các phương tiện vì họ nói pháp, cho đến những kẻ chỉ biết hưởng thụ khoái lạc, những kẻ kiêu xa phóng túng

hay những hạng nghèo cùng, vẫn phương tiện mở bày, vì họ nói pháp. Chẳng vì khen mình chê người, chẳng vì ăn uống danh dự, lợi dưỡng v.v.. Đây gọi là Bồ Tát thanh tịnh nói pháp.

Đúng như pháp trụ nghĩa là: Thân, miệng, ý tu tập pháp lành, chơn chánh suy tư nghĩa lý. Như thế gọi là đúng như pháp trụ.

Thế nào là Bồ Tát suy tư về nghĩa?

-Bồ Tát điều phục thân, miệng, ý, thích ở chỗ rảnh rang, vắng vẻ, hoặc tự mình thọ trì hay nghe từ người khác, suy tư nghĩa chánh chẳng suy tư phi nghĩa, chẳng để rối loạn, độc lòng suy tư về nghĩa chơn thật. Vì đạo Bồ Đề, chẳng căn cứ theo văn tự, suy tư phân biệt đây là lời Phật, đây chẳng phải lời Phật, đây chẳng phải chỗ suy tư v.v... Theo chỗ âm thanh đã nghe mà suy gẫm nghĩa, chẳng theo người khác. Tuy chẳng hiểu nghĩa nhưng chẳng thể nói là quấy. Tại sao vậy? -Vi là cảnh giới của chư Phật.

Đại Bồ Tát y nghĩa không y chữ, như thế có thể biết nghĩa rất sâu của Như Lai, rõ biết Pháp và chẳng phải Pháp, không gì có thể làm lay chuyển, và như vậy nếu Bồ Tát chưa được nhẫn lực thì nay được nhẫn lực, chưa được chánh định thì nay được chánh định. Đây gọi là Bồ Tát đúng như Pháp trụ.

Thế nào gọi là tu tập? -Tu tập có bốn:

Một là tu CHỈ . Hai là tu QUÁN. Ba là mến thích tu tập. Bốn là tùy chỗ tu tập vui thú trong ấy.

Tu Chỉ (xa ma tha) là sao? -Đại Bồ Tát tu tập Tứ Thiên, Tứ Vô sắc định, chuyên chú tâm tư duyên vào định cảnh, có thể phá năm món Cái. Nhơn chú vào Định mà hiểu hạnh chơn thật, có thể lia tất cả giác quán ác, tâm đó không loạn, có thể tư duy nghĩa trong nghĩa ngoài của Pháp giới và tùy thuận theo tướng của pháp. Tâm và tâm sở pháp đều trụ vào một duyên. Đây gọi là CHỈ (xa ma tha).

Tu Quán (tỳ bát xá na) thế nào? -Trong khi tu CHỈ, có thể quán Pháp giới, phân biệt tướng các pháp, cầu pháp lành, xa lìa pháp ác, được trí tuệ, nhận thức đúng đắn, không nhận thức điên đảo, khéo hiểu biết nghĩa. Đây gọi là tu QUÁN (tỳ bát xá na).

Mến thích tu tập là sao?

-Hết lòng tu tập hai pháp Chi, Quán trên. Dốc lòng tu là luôn luôn chẳng buông lung, đây gọi là cái vui của sự mến thích tu tập.

Trú chỗ tu tập là gì?

-Khi tu Chi, Quán, chẳng nhờ phương tiện mà được tùy ý an trú chánh niệm, cho nên gọi là vui trú chỗ tu tập.

Đại Bồ Tát thường tu hai pháp Chi, Quán, cũng gọi là vui trụ, hoặc gọi là thanh tịnh, gọi là thân tâm vắng lặng hay gọi là trí tuệ rộng lớn. Đại Bồ Tát tu hai pháp này tức được căn bản Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát thành tựu giới Bồ Tát, chứng được hai pháp Chi, Quán, đây gọi là tu tập.

Thế nào là dạy dỗ?

-Sự dạy dỗ có tám điều: Đại Bồ Tát thành tựu chánh định rồi, muốn dạy lại chúng sanh, trước hết phải nhập định quán sát người học, hoặc ở chung với họ, sau đó dùng tám điều để giáo hóa. Tám điều ấy là:

1. Biết tâm.
2. Biết căn cơ.
3. Biết căn lành.
4. Biết phiền não.
5. Biết pháp đối trị (gồm bốn điều dưới)

Phương pháp đối trị có bốn: Người nhiều tham dục dạy quán bất tịnh. Người nhiều giận hờn dạy quán Từ bi. Người nhiều si mê dạy quán Nhân duyên. Người nhiều tán loạn dạy quán số tức. Đó gọi là tám điều.

Bồ Tát dùng những phương tiện như trên giáo hóa chúng sanh và để pháp chấp thường, chấp đoạn, nên thuyết về Trung đạo. Dùng phương tiện phá trừ những người không thực sự tu hành mà hiện tướng tu hành, thật không chỗ được mà tướng có sở đắc, thật không chỗ xúc, thật không chứng ngộ mà tướng chừng đã được chứng ngộ. Tám điều này có thể phá trừ những kẻ vọng tưởng, kiêu mạn như trên.

Lại có thêm ba điều:

Một là người chơn chánh tu tập, nếu tâm chẳng trụ, Bồ Tát làm trợ duyên khiến cho được trụ.

Hai là Người đã trụ rồi, có thể quán sát chánh pháp.

Ba là Biết được phương tiện hay khéo.

Nếu biết tâm, biết căn cơ, căn lành và phiền não của chúng sanh, dùng bốn cách trên làm cho kẻ tán loạn trụ vào cảnh sở duyên, thế gọi là trợ duyên được trụ.

Vì phá chấp thường, chấp đoạn mà nói pháp đối trị, gọi là hay quán sát chánh pháp.

Vì phá tâm tham dục, nói pháp quán bất tịnh, phá tâm giận dữ chỉ pháp quán Từ bi. Phá tâm ngu si, chỉ pháp quán nhân duyên. Phá giác quán ác, nói về pháp Sở tức. Đây gọi là biết phương tiện hay khéo.

Nếu Đại Bồ Tát ở chỗ Phật hoặc chỗ Đại Bồ Tát khác học tám việc này, lại đem tám pháp ấy giáo hóa chúng sanh. Đây gọi là Đại Bồ Tát tịnh được tám năng lực.

Một là, năng lực biết được các thiên định giải thoát.

Hai là, năng lực biết được căn cơ.

Ba là, năng lực rõ được sự hiểu biết.

Bốn là, năng lực biết các thế giới.

Năm là, năng lực biết chỗ đạt đến của các đạo quả.

Sáu là, năng lực trí túc mạng biết việc đời trước.

Bảy là, năng lực biết việc sống chết.

Tám là, năng lực của Lưu Tận Trí.

Lại nữa, sự dạy dỗ có năm cách:

-Dạy dỗ làm cho bỏ ác.

-Dạy tu pháp lành.

-Dạy người phạm giới phát lộ sám hối.

-Dạy cách nhớ nghĩ để làm yết ma.

-Dạy bảo nếu không nhận lời, làm pháp yết ma đuổi ra khỏi chúng.

Nếu Đại Bồ Tát dùng năm việc như thế giáo hóa chúng sanh, là bởi lòng thương xót và tâm trong sạch.

Nếu Đại Bồ Tát đem tâm giận dữ dạy bảo chúng sanh, ắt chẳng thể được giới cấm của Bồ Tát.

Nếu người chịu Bồ Tát dạy dỗ, đúng pháp thọ học, Bồ Tát nên cung kính, hết lòng trông nom, cúng dường như phụ mẫu, như Phật, Bồ Tát.

Tại sao thế?

-Bởi người học đúng theo pháp thọ giáo, tức có thể mau được quả giác ngộ Thanh văn, quả giác ngộ Duyên giác hay được Vô thượng Bồ Đề.

Đây gọi là sự dạy dỗ của Bồ Tát.

Lại nữa, phương tiện hay khéo là: Những gì thuộc về thân, miệng, ý của Đại Bồ Tát đều vì điều phục tất cả chúng sanh, gọi là phương tiện hay khéo. Phương tiện này có bốn pháp (gọi là Tứ Nhiếp Pháp): Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự.

Đại Bồ Tát hay bố thí chúng sanh thức ăn áo mặc nhà cửa, mền nệm, thuốc men v.v. Người nhận thí rồi, đối với những gì của Bồ Tát ban bố đều sạch tâm mến tưởng dốc lòng nghe nói, nghe rồi thọ trì. Vì thọ trì nên Bồ Tát dùng lời mềm mỏng khen ngợi. Được khen ngợi nên người nhận vui mừng nên phá bỏ tâm ác và thọ trì pháp lành, vì thọ trì pháp lành phá bỏ tâm ác

nên Bồ Tát lại nói: “Tôi đã đủ Tín, Giới, Văn, Huệ, Thí. Các vị cũng sẽ được đủ”.

Bồ Tát nếu không đầy đủ năm phương thuật tức chẳng thể giáo hóa tất cả chúng sanh và chúng sanh sẽ nói “Người tự chẳng đủ, làm sao dạy bảo kẻ khác cho được đầy đủ”. Vì thế mà Bồ Tát đầy đủ năm thuật. Đây gọi là Bồ Tát dùng phương tiện hay khéo giáo hóa chúng sanh.

Phương tiện nghĩa là khéo điều phục, khéo điều phục là không bỏ, không đổi, không thoái lui, gọi là phương tiện hay khéo.

HẾT QUYÊN BA

--- oOo ---

QUYÊN THỨ TƯ BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ MƯỜI BỐ THÍ ĐỘ (BỐ THÍ BA LA MẬT)

Đại Bồ Tát cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh Giác, trang nghiêm đầy đủ sáu pháp Ba la mật: Bố thí. Trì giới. Nhẫn nhục. Tinh tấn. Thiền định, và Bát Nhã ba la mật.

Thế nào là Bố thí ba la mật của Bồ Tát?

-Bố thí Ba la mật có chín điều:

1. Tánh thí.
2. Thí tất cả.
3. Thí khó khăn.
4. Tự thí của tất cả.
5. Thí của người lành.
6. Tất cả hạnh đều thí.

7. Thí trừ khử.
8. Thí tự lợi lợi tha.
9. Thí vắng lạng.

1. Tánh thí là gì?

-Tự lợi, lợi tha, tự tha đều lợi. Bên trong phát khởi tâm lành ra ba nghiệp Thân, Miệng, Ý. Đối với tiền của vật chất, lòng không tham đắm. Đây gọi là Tánh thí.

Bồ Tát thực hành Bồ thí, trì giới, tinh tấn, tin mười hai phần kinh, tin nhân, tin quả, tùy chỗ chúng sanh mong cầu mà cấp giúp họ, lòng không lẩn tiếc. Ba nghiệp thân, miệng, ý, tâm thí và của cải. Năm sự như trên tức là năm ấm. Đây gọi là Tánh thí.

2. Thế nào là Thí tất cả?

Thí tất cả có hai:

Một là: Vật bên trong.

Hai là: Vật bên ngoài.

Đại Bồ Tát trong vô lượng đời, vì sự bố thí chúng sanh mà chịu thân năm ấm. Đây gọi là vật bên trong.

Đại Bồ Tát vì thức ăn bằng đồ ói mửa của loài quỷ đói, tự mình dùng thức ăn, ăn rồi ói ra để đem thí cho những loài quỷ ấy. Đây cũng gọi là vật thuộc bên trong. Lại hai việc này gọi là vật ngoài.

Đại Bồ Tát bỏ thân bố thí, có hai sự kiện:

Một là, Bồ Tát chẳng được tự tại.

Hai là, thuộc về người khác.

Có người cầu xin mà không cấp thí, chẳng thể nào được Vô thượng Bồ Đề. Đó là Bồ Tát chẳng được tự tại.

Thuộc về người khác nghĩa là: Đại Bồ Tát vì đạo Bồ Đề, thân là thuộc về chúng sanh. Như người thế gian vì cầu áo cơm làm nô bộc cho người sai khiến. Đại Bồ Tát cũng vậy, đối với tự thân chẳng được tự do. Thân thể Bồ Tát từ đầu, mắt, tủy, não, xương, thịt, tay, chân, lông đốt v.v.. Tất cả chúng sanh được tùy ý lấy dùng để được tự tại, như thế gọi là thuộc về người khác.

Bồ thí ra ngoài có hai việc:

Một là Lợi lạc chúng sanh.

Hai là Tâm không tham lẫn.

Đại Bồ Tát đối với sự thí bên trong, bên ngoài, có điều nên thí và không nên thí.

Đại Bồ Tát xem các chúng sanh, khi nhận thí rồi chẳng được lợi lạc, thì không nên làm công việc cấp thí. Nếu người nhận thí, sau khi nhận rồi được sự lợi lạc liền cấp thí ngay.

Nếu Bồ Tát biết trường hợp đem thân của mình bồ thí sẽ làm chúng sanh chịu khổ, phương hại đến sự thực hiện điều lành của người, hoặc kẻ cầu xin một cách vô lý, Bồ Tát cũng chẳng nên thí.

Đại Bồ Tát thấy trăm ngàn vạn ức chúng sanh do những điều kiện phi lý mong cầu chẳng được, đến đời số ấy phải bị mất mạng, trọn cũng chẳng vì những số người này mà làm việc huệ thí. Mong cầu phi lý nghĩa là: Hoặc để giết hại, hoặc để dối gạt, hoặc để trộm cướp, hoặc gây tai họa v.v... Đây gọi là chẳng thí.

Lại nữa, có điều chẳng thí là: Đại Bồ Tát nếu biết thân mình tự có thể làm lợi ích rất nhiều cho vô lượng chúng sanh mà có người đến cầu xin (thân thể) ắt không thể nên thí. Dầu không nên thí cũng gọi là thí. Tại sao vậy? - Vì đã có tâm thanh tịnh.

Nếu biết rõ ma hay quyền thuộc ma cũng không nên thí. Nếu như bị ma làm cho mê loạn và ngay lúc ấy có người cầu xin cũng không nên thí. Nếu kẻ mê cuồng, kẻ muốn quấy nhiễu tìm đến cầu xin cũng không nên thí. Đây gọi là bên trong không thí.

Bên ngoài không thí là gì? -Lửa đốt, thuốc độc, dao mác, rượu mạnh, những thứ này có thể làm nhân duyên ác cho chúng sanh, Bồ Tát chẳng dùng các thứ nói trên đem thí cho người, nếu có lợi ích ắt đem cho khắp.

Đại Bồ Tát trọn không vì người mà làm sự giả để gây nghiệp ác. Nếu biết người nhận sau khi nhận rồi bèn tạo nghiệp dữ, như thế cũng không nên thí. Đây vẫn là thí. Vì sao? -Do tâm thanh tịnh vậy, tuy tay chẳng cho mà tâm đã xả. Sở dĩ như vậy vì sao? -Bồ Tát biết chắc người kia nhận rồi, sẽ tạo vô lượng nghiệp ác, phải bị sa đọa vào ba đường ác, cho nên chẳng thí. Bồ Tát tuy biết được người nhận được vật sanh tâm vui mừng, nhưng biết người này chẳng tránh khỏi khổ trong ba đường ác, cho nên không thí.

Đại Bồ Tát trọn đời chẳng dạy bảo người giãng cung, bầy ná, săn thú, bắt chim, chẳng dạy người thờ Bà tẩu Thiên nương mà giết dê cừu tế tự thiên thần, cũng chẳng dạy người giết dê cừu để tế trời đất. Chẳng đem lưới rập thí cho người câu, không gây cho người những sự oán cừu đánh đập mắng nhiếc, trói buộc hành hạ, cũng không cung cấp dao búa cho người vì cảnh nghèo nàn, khốn rách buồn rầu mà muốn tự sát, cũng không bảo người gieo mình xuống dưới vực sâu hay bảo vào hố lửa để mất thân mạng. Nếu những đồ vật của những người mắc bệnh mà thầy thuốc cấm dùng, cũng không đem vật ấy cấp thí cho người. Với kẻ tham ăn, tham uống, nếu họ no rồi, cũng không cấp thí thức ăn cho họ. Đây gọi là chẳng thí.

Đại Bồ Tát không đem cha mẹ, sư trưởng bố thí. Nếu làm quốc vương, chẳng được tự do đoạt lấy vợ con kẻ khác đem thí cho người, chỉ trừ thành ấp, xóm làng, đất nước. Nếu là vợ con, tôi tớ, bà con tôn tộc với mình, trước hết dùng lời nhỏ nhẹ an ủi khuyên lơn, nếu họ không chịu thì chẳng nên thí. Giả thử họ có khứng chịu, cũng không đem thí cho kẻ oan gia hay kẻ bạo ác, ác quỷ La sát hay hạng chiên đà la. Dầu đem thành ấp xóm làng bố thí, trọn cũng chẳng thí cho người bạo ác, cũng không lén lấy tiền của vật dụng của cha mẹ, sư trưởng, vợ con hay của tôi trai, tớ gái mà đem cho người.

Bồ Tát chẳng làm những điều trái phép để kiếm tiền của rồi đem bố thí.

Trong lúc làm việc bố thí, đối với quyền thuộc, chẳng nên tỏ ý giận hờn hoặc đánh đập quở mắng, hãy khéo lời dạy khiến họ vui mừng “Phước báo như vậy người cũng có phần”.

Khi Bồ Tát bố thí thì tâm ấy bình đẳng, chẳng thấy ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước chẳng thấy oán thân, giòng họ, tôn ty. Vật gì đã hứa trọn không đổi ý, chẳng nên trước hứa vật tốt sau cho vật xấu. Tuy hứa vật xấu lại cho vật tốt, tuy hứa chút ít lại cho số nhiều.

Khi Bồ Tát đem thí, tâm không nổi giận, tâm không loạn động, mà tâm luôn luôn đầy sự hoan hỷ, thí rồi, với kẻ nhận thí, người kẻ đền ơn.

Khi thực hành thí, người nhận mặc dầu là bậc tôn quý, cũng không vì đó mà cung kính tay dâng, dầu kẻ thấp hèn, cũng không vì đó mà khinh khi quăng ném. Nếu kẻ nhận kia trở lại đánh mắng cướp giật v.v. Đối với người đó, Bồ Tát không sanh lòng giận, chỉ tự quở trách phiền não của mình, chẳng quở trách người, sanh tâm thương xót đối với kẻ ấy.

Không thể nghĩ rằng: do sự thí này mà tôi sẽ được Vô thượng Bồ Đề hay do thí này mà tôi có thể trang nghiêm Thánh đạo Vô thượng Bồ Đề. Chẳng vì cầu quả hữu lậu thế gian mà thực hành thí, tất cả việc thí đều đem hồi hướng Vô thượng Bồ Đề. Chẳng đợi người dạy mới thực hành thí, chẳng vì nghe có quả báo việc thí mà thực hành thí. Như trong kinh nói: “Thí các thức ăn được nhiều sức mạnh, thí quần áo mặc được nhan sắc tốt, thí xe cộ được vui vẻ, thí đèn đuốc được mắt sáng...” Trọn không mong mọi những quả báo trên mà thực hành thí, đem lòng thương xót mà thực hành thí.

Thí chẳng phải là Thí là như thế nào?

-Chẳng đem thức ăn còn lại cho bực Thánh nhơn. Dầu chẳng phải thánh nhơn, nếu người không cầu cũng không nên đem thí, chẳng đem thức ăn còn lại thí cho cha mẹ, bực thầy, tôn túc đức hạnh. Nếu các vị ấy cầu tìm ắt đem thí. Chẳng bao giờ đem đồ ăn ói mửa, nước mắt, mồ hôi, đàm giải, phân đất hay thức tạp nhạp cấp thí cho người. Phạm thức ăn đem thí dầu nhiều hay ít, trước nên nói rõ rồi sau đem thí. Người không dùng những hành hạ, chẳng đem thức ăn lẫn lộn hành hạ để thí, người không dùng thịt, chẳng đem thức ăn thịt cá tạp nhạp để thí. Người không uống rượu, chẳng đem rượu tạp để thí, hoặc có rượu ngon cũng chẳng đem thí. Những thức ăn uống như thế là vật bất tịnh, chẳng dùng bố thí.

Đại Bồ Tát thấy kẻ ăn xin đến, khi họ cầu gì liền cấp thí cho, không lấy việc thí mà yêu sách sai sử.

Chẳng vì sự vui cõi trời mà thực hành bố thí, chẳng vì tiếng đồn mà thực hành thí, chẳng cầu báo ơn mà thực hành thí. Chẳng vì phước báo Chuyên luân Thánh vương, chẳng phải phước báo Ma vương, Phạm vương mà hành bố thí. Chẳng vì quốc vương, đại thần, trưởng giả cung kính cúng dường mà thực hành bố thí. Ít vật còn thí huống chi có nhiều. Chẳng vì dối gạt mà đem của thí, chẳng làm bại hoại quyền thuộc kẻ khác thành quyền thuộc mình, hay làm bại hoại xóm làng thành thị, đất nước của người mà thực hành bố thí.

Khi Bồ Tát thí, hai tay dâng lên Hòa thượng Thượng tọa, cho đến Sa di cùng người trì giới, hủy giới mà tâm không nhầm chán.

Khi Bồ Tát thí, trọn chẳng quở trách kẻ đến cầu xin, chẳng vì kiêu mạn mà thực hành thí..

Đại Bồ Tát đối với tất cả vật, thường sanh tâm xả, những gì chất chứa đều vì chúng sanh.

Nếu như có người xét biết Bồ Tát đã bỏ của cải, mình cũng được phần, bèn giữ phần đó ắt không có tội.

Lúc thấy người đến cầu xin, Đại Bồ Tát tâm sanh vui mừng, không khác gì người đang mắc bệnh nặng mà gặp thuốc quý. Tùy chỗ người cầu hứa cho họ lấy, cả ba thời gian thấy đều hoan hỷ, nghĩa là chưa thí, lúc thí, thí xong, Bồ Tát thường phát tâm hoan hỷ như vậy.

Giả sử có người nghèo nàn và người giàu có đồng đến cầu xin, nên tự suy ngẫm: “Nếu có nhiều vật, tôi sẽ bình đẳng bố thí”. Nhưng vì ít của, trước nên cứu kẻ nghèo nàn khốn khổ. Lập nguyện như vậy tức là cái nhân Vô thượng Bồ Đề.

Có ba sự bôn sẻn: Hạ, Trung và Thượng. Đại Bồ Tát trước hết loại bỏ sẻn tiếc bực hạ. Do sự hoại bôn sẻn tiếc lựa hạ, có thể phá hỏng bôn sẻn bực trung, bực thượng. Đã tự chính mình phá bôn sẻn tham, lại vì chúng sanh nói ra phương pháp phá bỏ sẻn tham. Do nói phương pháp cho nên lợi ích chúng sanh.

Lại nữa, đối với người không cầu xin, Bồ Tát cũng gượng đem vật tặng thí. Nếu không của cải bèn dùng phương tiện ra sức phục dịch, tìm kiếm tiền của để làm việc huệ thí.

Nếu không tiền của nên hành pháp thí, dạy bảo chúng sanh “Nay người vì sao không làm bố thí” Người trước đó nếu thuận thực hành, họ rất sanh tâm hoan hỷ bố thí. Bồ Tát tự mình đem thân giúp đỡ, làm kẻ sai khiến cho người.

Nếu không tài sản bố thí, nên vì chúng sanh mà mở bày lành dữ.

Lại nữa, Bồ Tát chẳng đem kinh điển chánh giáo cho người tà kiến, chẳng vì kế sống mà buôn bán kinh luật, người nào đọc tụng ắt đem kinh thí. Nếu tiếc chẳng cho, gọi là sên pháp. Nếu có khả năng giảng nói kinh pháp mà không giảng nói cũng là sên pháp. Nếu chẳng đem pháp bố thí cho người, làm sao phá hồng phiền não chính mình và của chúng sanh.

Bồ Tát chẳng bao giờ nói: “Nay tôi không có tài sản, chẳng thể thực hành bố thí”. Cũng đừng buồn giận để làm mòn môi lòng mình, mà dùng phương tiện hay khéo để an ủi người cầu “Nay tôi chưa có thể làm vừa ý của người”.

Vì sao Bồ Tát tự chẳng buồn giận? -Bởi khi mới phát tâm ta đã tự nói “sẽ bố thí cho tất cả chúng sanh” kia mà!

Lại nữa, Bồ Tát nghe có người đến tìm cầu liền ra nghênh đón và ra sửa soạn giường ghế chỗ ngồi, đã gặp nhau rồi cùng người chuyện vãn, nhỏ nhẹ hỏi han, tùy vật người cầu mà mỗi mỗi cung cấp.

Đại Bồ Tát khi mới phát tâm đã tự mình nói “Nay tôi đang có những vật dụng gì, sẽ đem cúng thí chư Phật, Bồ Tát mười phương và các chúng sanh”.

Ví như một người đệ tử, đem áo, đem bát hay đem vật dụng dâng cúng cho thầy, dù thầy không nhận nhưng đệ tử này được phước vô lượng. Bồ Tát cũng vậy, những vật gì có, dâng cúng chư Phật và chư Bồ Tát, chư Phật, Bồ Tát tuy chẳng nhận lấy, cũng làm cho người cúng vô lượng phước, những phước báo này thường theo Bồ Tát, trải qua số kiếp nhiều như Hằng sa.

Đại Bồ Tát xem của cải vật chất mình hiện đang có, như là của cải mười phương chư Phật, Bồ Tát gửi gắm. Biết rằng chư Phật và chư Bồ Tát đối với của ấy không hề lần tiếc, thế nên Bồ Tát tự do tùy ý đem thí chúng sanh.

Lại nên xét kỹ người không đáng thí. Gặp trường hợp đó hãy nên can dự: “Những vật thể này thật sự chẳng phải vật tôi hiện có, mà là những vật thuộc

về chư Phật và chư Bồ Tát” dùng lời mềm mỏng báo cho người cầu biết rõ, chẳng làm cho họ sanh tâm giận hờn.

Làm những việc này cho nên Bồ Tát thành tựu đầy đủ tài thí, pháp thí, đủ nhị thí rồi, Bồ Tát biết tánh, biết nhân, biết quả và biết sự phân biệt.

Nếu Bồ Tát cấp thí cho kẻ oán ghét là bởi nhân duyên lòng Từ. Bồ thí cho người nghèo cùng khổ là bởi tâm Bi. Cúng thí cho người đức hạnh là bởi nhân duyên tâm Hỷ. Bồ thí cho bà con, anh em, tôi tớ là bởi nhân duyên tâm Xả. Đây mệnh danh là cái nhân bố thí của trí tuệ vậy.

Lại nữa, Bồ Tát biết được những thứ tâm nào tai hại cho sự bố thí. Tâm làm tai hại cho sự bố thí gồm có bốn thứ:

Một là, vô lượng đời trở lại không tập hạnh bố thí.

Hai là, vì những của cải, vật dụng ít ỏi.

Ba là, cũng vì tham đắm vật tốt.

Bốn là, vì chẳng cần cầu quả báu tốt lành đời sau.

-Đại Bồ Tát giàu có của cải, thấy người đến xin, ngay đó chẳng phát tâm thí. Đây chính là bởi vô lượng đời trở lại, Bồ Tát không lòng siêng tu bố thí. Bây giờ Bồ Tát nên dùng sức trí tuệ để tự suy gẫm: “Từ xưa đến nay, vô lượng đời trở lại, ta chẳng chịu tập làm hạnh Bồ thí, cho nên ngày nay chẳng phát tâm liền. Như ta lúc này có nhiều của cải, thêm nữa là có người đến tìm cầu, nếu chẳng giúp họ, về đời vị lai ta lại sẽ thêm lớn tâm bồn sển, thứ tâm ấy chẳng bao giờ thuận với việc tu bố thí”.

-Lại nữa, Bồ Tát thấy người tìm đến cầu xin, vì của cải ít, ngay đó chẳng phát tâm thí. Bồ Tát nên dùng sức trí tuệ để tự suy gẫm: “Ta vì nhân duyên vô lượng nghiệp ác, trong vô lượng đời thân ta phải bị lệ thuộc người khác, chịu khổ rất lớn, nào những đói khát, nóng lạnh dãi dầu, chẳng thể lợi ích vô lượng chúng sanh, vì nghiệp duyên ấy làm cho thân ta ít có của cải. Nay nếu chẳng thí lại sẽ thêm sự nghèo nàn khổ nơi đời vị lai, nay ta dùng ít vật này cho người, tuy đang nghèo khổ, sau rồi sẽ chẳng đến đời khổ sở như ba đường ác”. Tự xét như vậy có thể xả bỏ thứ tâm bồn sển vì ít của cải.

-Lại nữa, Bồ Tát thấy có người đến cầu xin, đối với vật tốt sanh tâm tham đắm, ngay đó chẳng phát tâm thí. Bấy giờ Bồ Tát dùng sức trí tuệ để tự suy gẫm: “Vói lẽ vô thường ta tưởng là thường, trong cái không có sở hữu của ngã mà ta tưởng có. Nếu ta không đem vật tốt để thí, tức nuôi lớn thêm mọi sự tham đắm, rõ là ta tự đảo điên” Do đó Bồ Tát có thể phá hoại thứ tâm tham đắm vật dụng tốt đẹp.

-Lại nữa, Bồ Tát vì không mong cầu quả báo, nên không thực hành công hạnh bố thí. Bấy giờ Bồ Tát nên tự suy gẫm: “Tất cả các pháp vốn là vô thường, vốn không nhất định, nếu là thường định ắt chẳng cần thí. Vì sao thế? -Nếu thường nên định thì không nhân, không quả. Vì lẽ vô thường, cho nên tất cả đều có nhân quả. Nếu nay chẳng thí, làm sao được quả Bồ Đề?” Suy gẫm điều ấy cho nên Bồ Tát có thể phá hoại cái tâm chẳng cầu quả báo, để rồi thực hành huệ thí.

Đại Bồ Tát biết rõ bốn điều điên đảo, pháp không như định có tướng thường hằng, do đó có thể phá hỏng bốn tâm dở xấu oan uổng.

-Lại nữa, Bồ Tát trong thân vắng lặng, hết lòng tư duy, thường nghĩ thế này: “Giả sử tôi có của cải dồi dào, sẽ dùng cúng dường chư Phật, Bồ Tát, hoặc pháp, hoặc tăng” Đây chính gọi là trí tuệ bố thí của Đại Bồ Tát. Có của, không của cũng thường buộc tâm tư duy như vậy. Thí pháp cũng thế.

Trên đây gọi là THÍ TẤT CẢ.

3. Thế nào là khó thí mà có thể thí của Đại Bồ Tát?

-Đại Bồ Tát có chút ít vật, vẫn thường ra ơn cấp thí. Đó mệnh danh là sự thí khó khăn. Những vật mà tâm mến trọng ưa đắm, những vật mà trong suốt vô lượng đời siêng năng tìm cầu mới được, cũng như phải dùng phương pháp to tát là đem sức phục vụ mới có được của, lại đem những vật như thế ban bố cho người. Đây gọi là THÍ KHÓ KHĂN.

4. Thế nào là Tự thí của tất cả?

-Đại Bồ Tát hoặc tự mình bố thí, hoặc là chỉ vẽ cha mẹ, anh em, vợ con, tôi tớ, bà con thân thuộc, làm cho họ đều thực hành bố thí. Như thế gọi là Tự thí của tất cả.

5. Thế nào là Thí của người lành?

-Nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ nào đem lòng lành thí, do lòng tin thí, dốc lòng thí, tụi tay thí, phải thời thí, đúng pháp được của đem thí. Gọi là THÍ CỦA NGƯỜI LÀNH.

6. Thế nào gọi là Tất cả hạnh đều thí?

-Vì chẳng trông mong quả báo, vì luôn luôn thực hành bố thí. Vì làm ruộng phước bố thí. Gọi là TẤT CẢ HẠNH ĐỀU THÍ. Chẳng có quan niệm ruộng phước hay chẳng ruộng phước, chẳng thấy đúng thời hay không đúng thời, chẳng xem của cải đáng thí, hay không đáng thí. Đây gọi là tất cả hạnh đều thí.

7. Thế nào gọi là Thí để trừ khử?

-Nếu có chúng sanh đói khát khôn khổ, vì trừ việc ấy mà thực hành bố thí. Kẻ lạnh cho áo, tìm xe cho xe, cầu đồ trang sức cho đồ trang sức, hương se, hương bột, đèn đuốc, hoa quả, phòng nhà, mền nệm, thuốc men v.v. Đây mệnh danh là THÍ ĐỂ TRỪ KHỬ.

8. Thế nào là Thí tự lợi, lợi tha?

-Đại Bồ Tát đem của cải hoặc giáo pháp bố thí cho người, có thể làm cho mình và chúng sanh được sự an vui thế, xuất thế gian, thường ban bố chúng sanh sự vui, vô úy, nghĩa là thoát khỏi các mối lo sợ vì nạn cạp sói, sư tử, nước lửa, vua, quan, giặc cướp, oán cừu v.v. Luôn luôn vì họ mà siêng cứu tế.

Pháp thí của Bồ Tát là gì?

-Bồ Tát phàm nói ra điều gì đều không điên đảo. Đây gọi là thí pháp, lại khéo có thể giáo hóa chúng sanh, như thế gọi là thanh tịnh thí pháp. Bố thí tài sản của Đại Bồ Tát là lợi hiện tại, thực hành pháp thí có thể lợi ích ngay trong hiện tại và nhiều đời khác.

Lại nữa, có của đem thí, có thể làm cho chúng sanh gây tạo cái khổ hiện tại. Bố thí giáo pháp không phải như vậy, có thể gây sự an vui hiện tại và thuở vị lai. Tài thí bất tịnh, Pháp thí thanh tịnh. Thực hành tài thí chẳng gọi vô bờ, bố thí giáo pháp được mệnh danh là sự thí vô biên. Tài thí dễ được, pháp thí khó gặp. Đây gọi là THÍ TỰ LỢI, LỢI THA.

9. Sao gọi là Thí vắng lặng?

-Thí vắng lặng này gồm có mười điều:

Một là: Thí không chướng ngại.

Hai là: Thí không lầm lộn.

Ba là: Thí chẳng đợi trang nghiêm.

Bốn là: Thí không tâm tỵ cao.

Năm là: Thí không tâm vương mắc.

Sáu là: Thí không e thẹn.

Bảy là: Thí không buồn bã.

Tám là: Thí không ngoảnh mặt.

Chín là: Thí không cầu báo ơn.

Mười là: Thí không cầu quả báo.

-Thí không chướng ngại: Một khi Bồ Tát thực hành việc thí, chẳng vì những việc hung tợn thế gian làm cho chướng ngại. Dầu biết lòng người tìm đến cầu xin không nề chậm rãi, nhưng Bồ Tát luôn luôn nhanh nhẹn thí xả để toại ý người cầu. Đây gọi là Thí không chướng ngại.

-Thí không lầm lộn: Đại Bồ Tát không hề nghĩ rằng “Thí không quả báo, hoặc không có những phước báo lành dữ”. Cũng chẳng nghĩ rằng “giết hại sanh vật để làm việc thí cũng được quả lành” như những luận điệu của phái ngoại đạo Bà Tẩu tuyên bố. Do nhân duyên chẳng tham đắm thực hành bố thí cho nên được sự an vui thế gian và thành quả phúc Vô thượng Bồ Đề. Đây mệnh danh là thí không lầm lộn.

-Thí chẳng đợi trang nghiêm: Đại Bồ Tát chẳng đợi gom góp đồ đạc vật dụng làm cho nghiêm đẹp rồi mới đem thí, mà là tùy được tùy thí, được chừng bao nhiêu đem thí bấy nhiêu, không hề dự trữ. Vì sao thế? -Bồ Tát

sâu sắc biết rõ của cải, mạng sống, cả hai đều là vô thường, khó bảo toàn được. Do đó, khi có người cầu, gặp rồi thì ngay. Không hề nói rằng “Đợi tôi trang nghiêm xong vật dụng đã sau đó mới cho”. Tại sao vậy?

-Trang nghiêm của sự bố thí như thế chẳng gọi trang nghiêm Vô thượng Bồ Đề. Nếu như Bồ Tát chờ vật bố thí cho được trang nghiêm, ắt khiến chúng sanh chịu nhiều khổ sở. Đây gọi là Thí chẳng đợi trang nghiêm.

-Thí không tâm tự cao: Khi Đại Bồ Tát thấy người đến xin bèn tự sanh tâm khiêm tốn hạ mình, chẳng tự khen mình là người thí chủ, chẳng cầu báo ơn, chẳng vì hơn người hay chẳng vì cầu tiếng đồn vang dội mà hành bố thí. Đây mệnh danh là Thí không tâm tự cao.

-Thí không tâm vướng mắc: Đại Bồ Tát không vướng mắc vì danh tiếng đồn đãi. Bồ Tát khéo xét biết tiếng đồn đãi cũng chẳng khác nào gió thoảng hư không hay chẳng khác gì sợi tơ mong manh trong ngó sen dưới nước. “Nếu vì cầu danh mà thực hành thí, ắt tôi chẳng được Vô thượng Bồ Đề”. Thế nên vì Vô thượng Bồ Đề, Bồ Tát chẳng màng tiếng tăm của mình được người đồn đãi. Đây gọi là thí không vướng mắc.

-Thí không e thẹn: Trong lúc Bồ Tát thực hành bố thí, cả ba thời gian đều một lòng hoan hỷ. Đó gọi là Thí không e thẹn.

-Thí không buồn bã: Đại Bồ Tát đem vật quý chuộng bố thí cho người, sau rồi không hề có sự hối tiếc, do đó không buồn. Đây mệnh danh là Thí không buồn bã.

-Thí không ngoảnh mặt: Đại Bồ Tát xem khắp chúng sanh bằng tâm bình đẳng, không một người nào mà chẳng vui ưa gặp gỡ Bồ Tát. Đây gọi là Thí không ngoảnh mặt.

-Thí không cầu báo ơn: Vì tâm thương xót vì tu tập lòng Từ, vì đem lại an vui, cho nên Bồ Tát chẳng cầu báo đáp. Đây gọi là Thí chẳng cầu báo ơn.

-Thí không cầu quả báo: Đại Bồ Tát thực hành bố thí, chẳng cầu ngôi vị Chuyển Luân thánh vương của cải tự tại, chẳng cầu ngôi vị Đế Thích, Ma vương Phạm vương. Vì sao thế?

-Bồ Tát quán xét sâu xa về pháp hữu vi, biết tất cả đều tạm bợ yếm-ớt chẳng khác cây chuối, do đó Bồ Tát trong khi bố thí chẳng cầu quả báo. Như trên gọi là Thí không cầu báo.

Mười điều trên đây có thể làm cho Bồ Tát thành tựu đầy đủ hoàn toàn ĐÀN BA LA MẬT và được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT TRÌ GIỚI ĐỘ (TRÌ GIỚI BA LA MẬT)

Thế nào là Giới của Đại Bồ Tát?

Giới có 9 nghĩa:

1. Giới tự tánh.
2. Giới tất cả (hay tất cả giới).
3. Giới khó khăn.
4. Tự giới của tất cả.
5. Giới của người lành.
6. Giới tất cả hạnh.
7. Giới trừ khử.
8. Giới tự lợi lợi tha.
9. Giới vắng lặng.

1. Giới tự tánh là gì?

Đại Bồ Tát đủ giới tự tánh có bốn công đức.

Một là, do tâm thanh tịnh thọ giới nơi người khác.

Hai là, tâm không thanh tịnh hủy giới đã thọ.

Ba là, phải nên hết lòng hổ thẹn sám hối.

Bốn là, khi sám hối rồi chuyên tâm gìn giữ không dám tái phạm.

Đại Bồ Tát từ nơi người khác thọ giới, sanh tâm hổ thẹn. Vì tâm hổ thẹn cho nên thọ trì chẳng hề hủy phạm. Nếu tâm không tịnh hủy giới đã thọ. Vì lòng hổ thẹn nên chẳng che dấu cho đến một đêm.

Bồ Tát phạm giới nếu qua một đêm, như muốn sám hối, chẳng nên tác bạch “niệm niệm có vô lượng tội” để hối. Vì sao thế? -Nếu là phạm nhiều mà lại cho rằng một lần phạm để sám, chẳng được gọi là sám hối. Người chịu sám hối mắc tội.

Khi Bồ Tát từ nơi người khác thọ trì giới pháp, gồm có bốn việc: Một là hổ thẹn. Hai là: Hết lòng gìn giữ kiên cố, Đại Bồ Tát hết lòng giữ gìn kiên cố, trọn chẳng sanh tâm hủy phạm. Ba là: Thọ rồi một lòng bảo vệ các giới. Bốn là: Tịnh tâm thọ trì.

Bồ Tát đầy đủ bốn công đức của giới, có thể tạo nên bốn việc. 1. Không phạm. 2. Giả sử có phạm liền hối. 3. Sanh tâm hổ thẹn. 4. Không sanh hối hận. Như thế gọi là giới tự tánh. – Tánh giới.

Tánh giới của Bồ Tát mệnh danh là Giới chân thật, Giới Tự lợi lợi tha, Giới nhiều ích chúng sanh, Giới của ý nghĩa lợi ích chúng sanh Giới tăng trưởng cho hàng trời người và là Giới của vô lượng công đức. Bồ Tát thành tựu giới như vậy, sanh tâm thương xót, tức có thể giáo hóa vô lượng chúng sanh.

Nếu Bồ Tát vì khách trần phiền não, không tiện sám hối, nên thường vì người khen sự trì giới, quả việc phá giới và nói tội lỗi của người hủy giới. Nếu thường như thế, dầu gọi hủy phạm, tội lỗi Bồ Tát cũng được nhẹ mỏng, rốt ráo rồi cũng có thể chứng được Vô thượng Bồ Đề. Đây mệnh danh là GIỚI TỰ TÁNH.

2. Giới của tất cả là gì?

-Những giới của người tại gia, xuất gia cần phải thọ trì. Như thế gọi là Giới của tất cả, hay Tất cả giới.

Giới của tại gia, giới của xuất gia đều có ba nghĩa:

Một là: Giới.

Hai là: Giới thọ pháp lành.

Ba là: Giới vì lợi ích chúng sanh.

Thế nào là GIỚI? -Tức là bảy loại giới pháp của bảy số chúng: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thức xoa ma na, Sa si, Sa di ni, Ưu bà tắc và Ưu bà di.

Đại Bồ Tát nếu muốn thọ trì giới pháp Bồ Tát, trước nên tịnh tâm thọ bảy thứ giới. Thọ bảy thứ giới chính là tịnh tâm hướng đến giới Bồ Tát vậy. Như người thế gian khi muốn thỉnh vua đến tại nhà mình, trước hết phải giữ nhà ở sạch sẽ. Bảy thứ giới này là chỗ thọ trì của người tại gia và người xuất gia. Giới Bồ Tát cũng vậy, đều là chỗ thọ của người xuất gia và người tại gia. Đây gọi là GIỚI.

Vì sao gọi là Giới thọ pháp lành? -Nếu Đại Bồ Tát trụ giới địa rồi đọc tụng biên chép, phân biệt giải nói, tư duy tu tập pháp xa ma tha, Tỳ bát xá na, cúng dường cung kính, tôn trọng ca ngợi sư trưởng, hòa thượng, kỳ tức đức độ. Hằng giờ cung cấp, săn sóc trông nom, làm người sai khiến cho các vị già nua bệnh hoạn, hoặc là dọc đường các vị này có mệt nhọc dừng chơn, thay thế cho người mà mang y bát. Lúc các vị ấy nói pháp thuyết kinh thì một lòng khen ngợi, tán dương...Gặp người trì giới liền ra sức ủng hộ, ca tụng giới luật và mong chúng sanh đều giữ tịnh giới. Thấy người phá giới sanh tâm thương xót khéo lời quả trách dạy họ sám hối.

Nói chung, ba nghiệp thân, miệng, ý tạo ra bao nhiêu điều lành, đều nguyện hồi hướng Vô thượng Bồ Đề. Tùy lúc thân, miệng, ý có đủ hơi sức mà siêng cúng dường tán dương Phật, Pháp, Tăng Bảo. Vì tăng trưởng pháp lành mà siêng tinh tấn. Để được tất cả pháp lành cho nên tu đức không buông lung, thường nên hết lòng nhớ nghĩ về giới, bảo vệ các giới, chế ngự các căn, ăn uống vừa đủ, chẳng ham ngủ nhiều, đầu đêm cuối đêm đọc tụng kinh điển, nhớ nghĩ Tam bảo, gần gũi thiện hữu, vui nghe người nói để tự thức tỉnh lỗi quá của mình, khi biết lỗi rồi liền lo sám hối, rất sanh hổ thẹn, hết lòng nhớ nghĩ chẳng hủy phạm lại, hướng về chư Phật, giáo pháp, chúng tăng, các bậc đồng thầy, đồng pháp, đồng giới, đồng học mà phát lộ sám hối. Đây gọi là GIỚI THỌ PHÁP LÀNH.

Gới vì lợi ích chúng sanh: Có mười một việc:

1. Trong số chúng sanh người nào có ý muốn tu thiện nghiệp, liền đến nơi đó ân cần ví dụ, dẫn giải chỉ bày, cùng làm bạn lữ và cùng tạo nghiệp lành.
2. Có người trông nom săn sóc bệnh nhân, cũng qua nơi đó khuyên hóa dẫn dụ chung làm bạn lữ.
3. Nếu người nào muốn tìm hiểu ý nghĩa những pháp thế gian hay pháp xuất thế, liền dùng phương tiện vì họ giải nói.
4. Chỗ mình mang ơn, nhớ nghĩ ơn ấy mà tìm cách báo đáp, báo đáp bằng cách giữ vững giới cấm, đọc tụng biên chép mười hai phần kinh, suy tư nghĩa chính và phân biệt giảng nói.
5. Thường cứu giúp người thoát những sợ hãi như nạn cọp sói, nước lửa, vua quan, giặc cướp oán cừ....Ủng hộ chúng sanh khiến họ xa lìa sợ sệt như thế.
6. Nếu như có người chết mất thân nhân hay bị mất cửa, hoặc lâm vào cảnh ân ái chia lìa, mà sanh buồn rầu, có thể vì họ nói pháp, cho người voi bớt sầu khổ,
7. Nếu người nghèo nàn, khốn đốn có thể đem vật cần dùng cấp thí cho họ.
8. Vì duy trì chánh pháp mà nhận nuôi đệ tử chẳng vì danh lợi.
9. Vì hộ trì chánh pháp mà thường qua lại trong bốn bộ chúng, cùng nhau giảng luận, chẳng vì lợi dưỡng.
10. Vì hộ chánh pháp mà gần vua quan, gần gũi trưởng giả nhưng không vì lợi dưỡng.
11. Chẳng vì tín thí, đàn việt mà cam luôn cúi theo thói nhân tình, ba nghiệp thân, miệng, ý tạo nên những điều trái phép. Chẳng phi thời mà qua lại nhà người. Tại gia, xuất gia đều có phi thời. Phi thời là gì? -Giờ ăn lúc giận, lúc si, gió lớn, mưa to, lúc cưới gả, hội hè, khi ra đi...Trừ những lúc chẳng phải thời như thế, ngoài ra gọi là phải thời.

Trên đây gọi là mười một việc.

Tùy chỗ gặt hái công đức pháp lành, đều đem xoay vần chỉ dạy mọi người, tâm không tham lam ganh tỵ, thấy người hủy giới rất sanh thương xót, dùng tâm thanh tịnh khéo lời dạy bảo cũng như cha mẹ dạy bảo con cái: “Nhu chỗ người phạm hãy nên phát lộ sám hối”. Nếu như kẻ kia chẳng chịu sám hối thì không nên nhận sự cung cấp, phục vụ của họ như trước. Lại nên, như chỗ cử tội theo đó trị phạt, bằng như kẻ kia cố tình chẳng nhận, phải nên xua đuổi ra khỏi chùa viện để đem lại sự tăng trưởng Phật pháp.

Người nào chẳng thể dạy bảo quả phạt, tấn xuất kẻ kia, còn cùng với họ ngồi chung ở chung, như thế gọi là phá giới, chẳng phải sa môn hay Bà la môn, làm như Phật pháp, gọi là kẻ chiên đà la hay kẻ đồ tể (kẻ làm hàng thịt).

Hạng chiên đà la và kẻ đồ tể tuy làm nghề ác nhưng chẳng hay hoại chánh pháp Như Lai, không hẳn phải đọa vào ba đường dữ.

Làm thầy chẳng thường dạy la đệ tử, để chúng phá hoại giáo pháp của Phật, chắc chắn sẽ đọa vào chốn địa ngục. Vì danh dự mà chứa nhóm đồ chúng, đó gọi là kẻ tà kiến hay gọi là hạng đệ tử của ma. Chẳng chứa đệ tử chúng chẳng phá hoại chánh pháp Như Lai, chứa đệ tử xấu làm hỏng pháp Phật. Vì hỏng pháp Phật cho nên gọi là đệ tử của ma. Vì lợi nuôi sống chứa nhóm đồ chúng, cho nên gọi là người tà kiến.

Nếu thật là người có sức thần thông, có tha tâm thông, có túc mạng trí biết việc đời trước, sau đó có thể đem giới Bồ Tát giáo hóa người khác, vị này mới có thể chứa đệ tử xấu. Tại sao vậy? – Vì biết phương tiện, biết cách đối trị. Biết phương tiện nên phá hoại pháp ác và khai pháp lành.

Nếu một tỳ kheo chẳng đủ ba trí tuệ như trên, lại nói rằng mình đủ ba thứ trí ấy, có thể kham nhận nuôi đệ tử xấu. Nên biết người này chính là phạm trọng. Nếu là việc ấy gọi là giới lợi tha.

Đại Bồ Tát thành tựu thiện giới, giới lợi ích người, những giới như vậy gọi là giới lành, nhiếp tất cả các giới, mệnh danh là giới đến bờ bên kia, là giới giải thoát, là giới vô thượng, giới không hơn quả, là giới Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, là giới rốt ráo vô biên hay gọi là giới của tất cả phương tiện hay khéo.

Nếu như Bồ Tát luôn luôn dốc lòng nhớ nghĩ về giới Bồ Tát, là hơn tất cả Thanh Văn, Duyên Giác. Nếu luôn luôn đầy đủ giới Bồ Tát cũng được địa vị Bồ Tát Lục trụ (Chánh tâm trụ).

Nếu có Bồ Tát bỏ ngôi Chuyển Luân Thánh vương, xuất gia học đạo thọ giới giải thoát, buông bỏ ngũ dục như bỏ đàm giải, chẳng nghĩ chẳng cầu chẳng sanh hối tiếc, không vì thọ hưởng khoái lạc cõi Trời cõi người mà thọ trì giới, xem năm dục lạc như lửa dữ rắn độc, như ba ác đạo, được người cúng dường không ham không đắm.

Người đời nếu vì phước báo hơn thiên, vì sự thụ hưởng danh lợi tiếng khen mà thọ giới cấm, nên biết người ấy không được đắc giới.

Người thành tựu giới rồi, nếu ở trong tăng chúng hoặc là ở chỗ vắng vẻ rảnh rang, được gọi là vắng lặng nếu chẳng có thể giáo hóa chúng sanh, chẳng hay hộ trì chánh pháp. Vì tiếc thân mạng chẳng thể hộ pháp, vì tham lợi dưỡng chẳng hay hộ pháp, vì có sợ sệt chẳng hay hộ pháp, vì tánh kiêu mạn nên chẳng hộ pháp, bị kẻ oán cừu kích thích cản trở chẳng hay hộ pháp, vì chẳng thọ pháp nên không hộ pháp, vì lòng thương hại hay vì xấu hổ mà chẳng hộ pháp v.v...Nhu thế gọi là hủy phá giới pháp, là chẳng vắng lặng.

Nếu như có người đối với giới pháp mà sanh tướng vừa đủ, người này chẳng được gọi là trì giới. Nên biết, nhờ giới mà được vô lượng tam muội của các Bồ Tát. Nếu như không giới ắt chẳng tăng trưởng vô lượng tam muội, chính vì tam muội mà trì giới cấm.

Một khi Bồ Tát đã thọ trì giới Bồ Tát rồi, thà mất thân mạng trọn không bằng lòng dùng lời trái phép hay cùng ở chung với người xấu ác, chẳng nghĩ, chẳng khởi các giác quán ác, như có phát khởi, sanh tâm hổ thẹn quả trách sám hối. Khi ngồi giữa chúng, giả sử có nghe lời ác việc ác, tiếng ác, nghĩa ác, lập tức đứng dậy rời khỏi nơi đó.

Nếu như sức mình có thể ngăn chặn, lại cứ để vậy, chẳng dạy chẳng quở mà lại bỏ đi. Đây gọi là phạm. Nếu sức chẳng thể can ngăn mà ở lắng nghe cũng gọi là phạm. Nếu không vừa lòng gọi là trì giới, khởi tâm bằng lòng gọi là hủy giới. Nếu như thích nghe ấy là phá giới, như chẳng thích nghe gọi là trì giới, sanh tâm hối cải gọi là trì giới, tâm chẳng hối cải ấy là phá giới.

Bồ Tát thọ trì giới của Bồ Tát, trọn chẳng nghĩ rằng “Ta thọ giới đây là từ bên thầy hòa thượng mà thọ được giới”. Phải tự nghĩ là từ các đức Phật, Bồ

Tát mười phương mà thọ giới pháp. Nếu từ bên thầy hòa thượng mà đắc giới. Đó chẳng được gọi là giới Bồ Tát. Nếu từ chư Phật Bồ Tát mười phương, thọ mà đắc giới, mới gọi là giới Bồ Tát.

Nếu đại Bồ Tát có sự phân biệt mười tám bộ tăng thì chẳng gọi là đắc giới Bồ Tát. Nếu luôn luôn bình đẳng quán sát, tất cả đều là đệ tử chư Phật, Bồ Tát mười phương. Đây được gọi là đắc giới Bồ Tát.

Nếu xem tất cả đều là đệ tử của các đức Phật, Bồ Tát mười phương, trụ ngôi vị lớn. Bởi do nhân duyên trụ ngôi vị lớn, cho nên đều được Vô thượng Bồ Đề. Cõi chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, pháp giới chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, tánh của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, giới của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Tôi còn không được Nhứt thiết chủng trí, làm sao phân biệt nổi mười tám bộ tăng? Nếu tôi phân biệt tức chẳng thể được giới của tất cả, giới không ngăn ngại và giới vô thượng.

Bởi có thể quán như vậy, cho nên đắc giới Bồ Tát, như chỗ đắc giới của các Bồ Tát quá khứ.

Nếu Bồ Tát thường quán sát như vậy, tức được vô lượng vô biên phước đức, có thể rõ tâm của các đức Phật, Bồ Tát mười phương, cũng biết người đủ giới Bồ Tát là được đạo Vô thượng.

Đại Bồ Tát quán sát chư Phật, Bồ Tát đã qua, trong lúc chưa thành vô thượng Bồ Đề, chư vị này cũng có đủ phiền não, một khi các ngài thành tựu đầy đủ là chúng đạo Vô thượng. Thân tôi ngày nay cũng là chúng sanh, cũng có năm ấm cũng đủ phiền não và cũng thọ giới Bồ Tát để tu tập đạo Bồ Đề, rồi cũng sẽ được Vô thượng Bồ Đề. Tôi cũng có thể chế ngự cái xấu của thân, miệng, ý, tất nhiên sẽ được Vô thượng Bồ Đề.

Bồ Tát thọ trì giới cấm Bồ Tát, hết lòng nhớ nghĩ tự tỉnh lỗi mình, chẳng tranh hơn thua đối với cái dở của người này người nọ. Thấy kẻ tạo ác tâm không hờn dỗi, thấy người phá giới sanh tâm thương xót, không hề buồn giận.

Bồ Tát thọ trì Bồ Tát giới, nếu bị kẻ dữ đánh đập, liệng ném, tay cầm dao gậy, dùng lời hung ác mắng nhiếc chửi bới. Đối với người này, Bồ Tát chẳng khởi ác tâm hoặc to tiếng đáp lại.

Nếu như Bồ Tát học Bồ Tát giới, có năm điều không buông lung:

-Xét đã phạm tội, như pháp sám hối.

-Xét sắp phạm tội, như pháp sám hối.

-Xét đang phạm tội, như pháp sám hối.

-Hết lòng giữ vững, chẳng tưởng hủy phạm.

-Phạm rồi sám hối, không để tái phạm.

Đây gọi là năm điều không bung lung.

Bồ Tát thọ trì Bồ Tát giới, có công đức gì đều nên che dấu. Những tội phạm hãy nên phát lộ, ít muốn, biết đủ, kham nhẫn hết thấy những sự khó khổ, thường thích vắng vẻ, tâm không hối hận, tâm chẳng tự cao, thân chẳng thô tháo, tu hạnh vắng lặng hay hạnh đầu đà, phá bỏ lối sống tà mạng. Bồ Tát thành tựu được điều như trên, đây gọi là trụ vào giới Bồ Tát.

Bồ Tát thọ và học Bồ Tát giới, chẳng nghĩ cái vui ngũ dục đã qua, chẳng cầu cái vui ngũ dục sắp tới, đối với cái vui ngũ dục hiện tại tâm chẳng đắm mến, thường thích lặng lẽ phá ác giác quán, thành tựu đầy đủ hạnh không buông lung, tất cả chúng sanh chẳng dám khinh thường, thành tựu nhẫn nhục và đủ tâm thanh tịnh.

Người học tịnh giới là không tiếc thân mạng không sên tiền của, khéo biết nhân duyên phiền não của sự phá giới, khéo điều phục phiền não của sự phá giới, có thể điều phục phiền não của mình, có thể điều phục thứ tâm phiền não tai hại của người, rõ sự điên đảo, biết nhơn quả lành. Biết nhơn quả lành nên siêng mong cầu, phá sự điên đảo của kẻ chẳng tin có nhân quả lành. Xét tất cả pháp không có những tướng Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, phá chấp điên đảo của các chúng sanh: vô thường, điên đảo tướng là thường hằng. Chẳng vui, điên đảo tướng vui, không ngã, điên đảo cho là có ngã. Bất tịnh, điên đảo cho là thanh tịnh. Thêm vào đó Bồ Tát tu học giới lành và tu cái nhân Thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền, Trí v.v...

Bồ Tát trì giới làm lợi chúng sanh, giáo hóa mọi người, làm cho đa số thực hành thiện nghiệp, làm bạn lữ với người tu thiện nghiệp, thường dạy chúng sanh cúng dường tam bảo. Thấy người đang lâm tình cảnh chia lìa, dùng cách hay khéo làm cho hòa hợp, thấy người bệnh khổ tự thân săn sóc, thấy

kẻ mù lòa, cung cấp vật dụng áo quần thức ăn, chỉ đường đưa lối, vì họ nói pháp. Gặp người điếc lác vẽ hình chỉ nghĩa, gặp người què quặt bố thí xe cộ, nếu không xe cộ đem thân công vác. Gặp người tham lam, vì họ giảng nói hậu quả lòng tham. Đến như những người tánh tình nhiều giận, ngu si, ngờ vực, lại cũng vì họ giải nói như vậy. Đi đường thấy người yếu đuối mệt mỏi, thay họ mang vác, đem cho nước uống hoặc cho dầu thoa thân.

Lại như, có những chúng sanh thích gây tội lỗi, Bồ Tát thấy rồi khôn khéo nói pháp, lời hay nghĩa hay, lời câu ăn khớp, lời nghĩa đều có thứ tự lớp lang, nghĩa nói tròn đủ làm tăng pháp lành.

Vì muốn trang nghiêm đạo quả Bồ Đề cho nên Bồ Tát dùng phương tiện khéo dạy phá nghiệp ác. Vì kẻ sên tham nói cách phá bỏ sên tham, làm cho kẻ ấy được thêm điều lành và thêm của cải. Nếu có chúng sanh chẳng tin Phật pháp, khéo vì nói pháp để sinh lòng tin. Vì phá nghiệp ác phiền não của người mà giải Phật pháp để được tám Thánh đạo.

Lại nữa, Bồ Tát học Bồ Tát giới, phát thệ nguyện lớn: Vì phá ác kiến của nhiều chúng sanh, Bồ Tát biết ơn và nghĩ báo ơn, nói lời nhẫn nhịn, nói lời mềm mỏng thăm hỏi trước người, cúng dường sư trưởng và những vị tôn túc. Phá những buồn sợ như nạn sư tử, cọp, sói, nước, lửa, vua, quan, oán thù, giặc cướp v.v...Nếu có những người chết mất mẹ cha, vợ, con, anh em, hoặc mất tiền của hoặc lâm phải cảnh ân ái chia lìa...Bồ Tát thường dùng phương tiện thích ứng vì họ nói pháp trừ những khổ ấy. Thường hay bố thí áo quần, ăn uống, phòng nhà mềm nệm, thuốc thang, hương hoa, đèn đuốc, đồ trang sức v.v....

Nếu Đại Bồ Tát đã thọ trì giới, chứa nuôi đệ tử, chẳng thường khéo dạy nói pháp chỉ dẫn, khiến chúng điều phục tánh tham, giận, si. Chẳng hay cung cấp y phục, ăn uống phòng nhà, thuốc thang. Chẳng hay cầu lành cho những thí chủ hiền lành phúc hậu, chẳng vì thí chủ mà nói pháp yếu. Được cúng dường của chẳng chia đồng đều v.v...Nên biết người này chỉ vì danh dự mà nuôi đệ tử, chẳng gọi vì pháp.

Nếu thường theo thời nói pháp dạy bảo, vì tánh, vì lực, vì tạng Bồ Tát, vì muốn đầy đủ giới cấm Bồ Tát tu Tám thánh đạo, được Vô Thượng Bồ Đề. Đây mệnh danh là Bồ Tát chơn thật chứa nuôi đệ tử, chẳng vì danh lợi.

Bồ Tát đã thọ giới Bồ Tát, trước nên xét nét để biết tánh tình, pháp thức của người, sau mới cùng ở, để làm thay đổi tánh tình kẻ ấy. Nếu như người kia

ung muốn nói pháp, thì nên cho họ tùy ý đi chung, để người ấy tự điều phục tâm mình, chẳng tạo điều dở, do đó có thể phá bỏ pháp ác, tăng trưởng pháp lành, thường cấp cho người các món cần dùng. Nếu thấy tạo ác nên sanh thương xót. Nếu đối với mình, y gây nghiệp xấu, chẳng nên lấy đó mà sanh buồn phiền, thấy người gây tạo sanh lòng bi mẫn. Vì sao thế?

Bồ Tát tự mình, nếu ba nghiệp ác, có thể nhanh chóng chế ngự sửa đổi, mở lòng sám hối. Do có nhân duyên năng lực đại trí, Bồ Tát vì người mà thân, miệng, ý cũng tạo nghiệp ác. Sở dĩ như thế là vì chế ngự nghiệp ác của người. Vì chiều lòng người nên cũng có lúc Bồ Tát thị hiện thọ sự hoan lạc để điều phục người. Đại Bồ Tát vì lợi ích tha nhân mà chẳng sớm chứng Vô thượng Bồ Đề.

Đại Bồ Tát dầu tùy thuận chúng sanh nhưng chẳng khinh người không đánh, không mắng, không nói điều dữ, không khen đức mình tự cao với người. Tuy gần gũi người nhưng không phải thời chẳng hề hành động. Không nói điều quấy về những gì người khác đăm mẩn, không khen thứ gì người khác không ưa. Không nói nghĩa sâu cho một người nào mà mình chưa biết căn cơ người đó. Chẳng theo người khác để cầu xin vật. Dầu được cúng nhiều song vẫn chi túc. Tâm không cam vui khi nhận cúng dường, thường bỏ của cải cung cấp cho người, thường khen ngợi việc lành của người. Thấy người phạm cấm, chẳng vì kẻ ấy mà nói giới luật. Người không lòng tin chẳng vội vì họ khen ngợi đức tin. Người có tánh tham, chẳng khen ngợi việc ra ơn bố thí. Kẻ không ưa đọc tụng chẳng khen đa văn, với kẻ si ám, không vì kẻ ấy mà khen trí tuệ.

Tại sao vậy?

-Nếu vì kẻ phạm cấm mà khen giới luật, không những kẻ ấy chẳng mừng, chẳng tin mà còn có thể sanh lòng giận dữ, vì có giận dữ nên tâm dữ tợn với người nói và với Phật pháp. Do tâm ác này nên càng thêm lớn tội báo địa ngục.

Đại Bồ Tát nếu như vậy là đem nhân duyên địa ngục cho chúng sanh, chẳng được gọi là Bồ Tát.

Tùy ý nói pháp, cho đến đối với người si không khen trí tuệ lại cũng như vậy.

Nếu Bồ Tát nào có thần thông lớn, mới có thể vì những kẻ bất tín mà nói giới Bồ Tát.

Vì sao thế?

Bởi Bồ Tát này có thể dùng sức thần thông chỉ cho kẻ kia thấy các địa ngục cực nóng cực lạnh, các ngục lớn nhỏ, lại còn nói cho kẻ kia biết rõ “Nay người vì sao không tin lời ta? Quả báo ghê gớm đến thế này là do trong lúc làm người, những tội nhân kia gây nhiều tội ác. Nay nếu người không tin giới Bồ Tát, rồi đây người cũng có thể sẽ chịu quả báo như thế”.

Kẻ bất tín nọ thấy điều ấy rồi kinh khiếp hoảng sợ liền đem lòng tin.

Lại có Bồ Tát vì kẻ bất tín nọ, dùng sức thần thông, hiện hình La sát nói như thế này: “Nay ta tìm kiếm những kẻ bất tín để đoạt mạng sống, người nào tin tưởng ta sẽ ủng hộ”. Kẻ bất tín nọ thấy nghe như vậy liền sanh sợ sệt, vì có sợ sệt cho nên tin giới Bồ Tát.

Hoặc Bồ Tát dùng thần lực hiện hình Kim cương Mật tích, cầm chày kim cương mà nói như vậy “Kẻ nào không tin giới pháp Bồ Tát, đầu kẻ đó sẽ vỡ làm bảy phần” kẻ bất tín nọ thấy nghe việc ấy liền sanh sợ hãi, vì có sợ hãi, tức thời tin ngay.

Bồ Tát lại dùng thần lực hiện các loại thân hoặc làm một thân hoặc làm nhiều thân, hoặc làm cây cối, núi sông v.v... Thân không chướng ngại, thân lớn, thân nhỏ, thân phát ra nước hoặc lửa v.v... Những kẻ bất tín thấy rồi liền hỏi:

-Các việc phi thường như vậy, đó là kết quả bởi những điều gì? Đáp rằng:

-Đều là kết quả của giới Bồ Tát.

Kẻ kia nghe rồi lòng tin mạnh mẽ đối với giới Bồ Tát.

Nếu không thần thông mà đem giới Bồ Tát nói với những kẻ bất tín, người nói sẽ bị tội báo vô lượng. Tội vô lượng là: chịu khổ vô lượng đời. Đó gọi là tội vô lượng. Dầu tội ngũ nghịch cũng không đủ để so sánh ví dụ.

Vì sao thế?

-Vi tội ngũ nghịch có thể đổi đời, như vua A Xà Thế chẳng hạn.

Kẻ chẳng tin kia tội không thể đổi. Tội báo ngũ nghịch cùng cực là một kiếp, còn người bất tín tội vô lượng kiếp, nên Phật nói rằng chẳng thể lấy gì để ví dụ nổi.

Nếu như có người trộm lấy những vật của Phật Pháp, Tăng, vật hiện tiền Tăng. Tội báo như vậy cũng không thể dụ với tội bất tín.

Tại sao vậy?

-Tội báo trộm cắp như trên cùng cực lắm là một kiếp mà thôi, còn kẻ chẳng tin tội vô lượng đời.

Ví như có mười số cát sông Hằng chúng sanh đều đồng phát tâm Bồ Đề, giả sử có kẻ làm cho mười hằng hà sa số chúng sanh ấy thoái Bồ đề tâm, chỉ dạy họ bằng con đường tà kiến, thì tội báo người đó và tội kẻ bất tín đồng nhau không khác.

Lại như cả mười số cát sông Hằng chúng sanh nói trên đều trụ vào bực Bồ Tát Ngũ địa, giả sử có người đoạt hết số mắt của những Bồ Tát ấy, tội báo như vậy không khác gì tội của kẻ bất tín đã nói ở trên.

Nếu lại có người phá nát tất cả tháp miếu của các đức Phật, giết hại tất cả đệ tử của chư Phật, thiêu đốt kinh điển của tất cả các đức Như Lai, tội báo kẻ ấy to lớn thế nào, thì những tội báo vì người chẳng tin mà nói giới Bồ Tát cũng giống như vậy.

Vì sao thế?

-Bởi từ nguyên nhân mà sanh địa ngục và từ nguyên nhân mà được biết Niết bàn. Nhân nơi người nói mà chịu khổ vô lượng, do đó người bị nói bị khổ vô lượng.

Dẫu biết số đông vô lượng chúng sanh hay kham nhận nổi, có thể gây tạo nghiệp lành Trời, người và phát lòng tin, nhưng trong số đó chỉ có một người hoàn toàn không tin, cũng đừng nên nói (về giới bồ Tát).

Như thế gọi là Thiện giới của Bồ Tát lợi ích chúng sanh.

HẾT QUYỂN TƯ

--- o0o ---

QUYỀN THỨ NĂM BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ MƯỜI HAI NHÃN NHỤC ĐỘ(NHÃN NHỤC BA LA MẬT)

1. Thế nào là Tánh Nhẫn của Bồ Tát?

- Vì sức trí tuệ, cho nên có thể kham chịu đầy đủ những việc khó khăn.

Nhẫn tất cả!

Nhẫn tất cả!

Nhẫn tất cả!

Vì được tâm từ vì có sự thương xót.

2. Tất cả Nhẫn là gì? - Có hai: Xuất gia Tại gia. Xuất gia, tại gia đều có ba thứ:

Một là. Có thể nhẫn chịu những việc đánh mắng của chúng sanh.

Hai là. Có thể kham nhẫn tất cả các khổ.

Ba là. Nhẫn những cái vui về các điều lành.

Nhẫn những việc đánh mắng của chúng sanh:

Lúc Đại Bồ Tát bị chúng sanh đánh mắng, tự nghĩ như vậy: “Duyên do thân tôi tạo các nghiệp dữ, ngày nay tự chịu quả báo, thì sao giận dữ đối với người kia? Tôi chẳng tìm chi thứ phiền não này. Nếu nay không nhẫn về sau càng nhiều. Không nhẫn nhục nổi. Gọi là cái nhẫn phiền não khổ sở. Thôi bị thọ thân, cũng như có các phiền não thế này, chẳng phải là lỗi từ nơi chúng sanh mà chính là lỗi vốn tự nơi tôi. Nếu có việc dữ tôi lại không vui hay nếu không nhẫn, hoá ra chính tôi tự gây tạo lấy. Nếu tự gây tạo, lại sẽ tự

mình chịu lấy khổ đau. Nếu thân sẽ phải chịu khổ thì nay sao lại không nhẫn? Bực Thanh Văn, Duyên Giác mục đích tự lợi còn tu nhẫn nhục, hướng gì nay tôi vì muốn lợi ích tất cả chúng sanh mà chẳng nên nhẫn hay sao? Nếu tôi không nhẫn tức không thể nào đủ giới Bồ Tát, tu Tám Thánh đạo, được Vô thượng Bồ Đề”.

Khi Đại Bồ Tát xét như vậy rồi. Tu năm đức nhẫn. Thế nào là năm?

-Đối với kẻ oán, người thân hay không oán thân, tu hạnh nhẫn nhục.

-Tu tập đức nhẫn đối với bực trên, bực vừa, bực dưới.

-Tu tập đức nhẫn đối với những cảnh chịu vui, chịu khổ hay chẳng khổ chẳng vui.

-Tu tập đức nhẫn đối với những người có phước, không phước, chẳng phải có phước hay không có phước.

-Tu tập đức nhẫn đối với tất cả những kẻ hung ác.

Bồ Tát thành tựu năm đức nhẫn trên bằng cách tu tập năm cách quán tưởng:
1. Tưởng chúng sanh. 2. Tưởng pháp. 3. Tưởng vô thường. 4. Tưởng khổ. 5. Tưởng không ngã, sở hữu của ngã.

Khi Bồ Tát bị kẻ ác đánh đập, làm thế nào để tưởng kẻ ác kia như là bạn thân?

Bồ Tát xét nghĩ như vậy: “Từ thời quá khứ trôi lăn mãi mãi trong vòng sanh tử, không chúng sanh nào chẳng là cha mẹ, thầy học, hòa thượng hay bà con thân thuộc đáng kính của tôi”. Khi quán tưởng như thế, ý nghĩ oán ghét bị diệt, ý tưởng bạn thân tự đó phát sanh. Tưởng thân phát sanh, cho nên có thể tu đức nhẫn nhục. Lúc ấy thành tựu cách tưởng chúng sanh.

-Tưởng pháp: Bồ Tát xét kỹ. Chúng sanh gọi là pháp giới, là pháp hữu vi, là pháp hữu lậu. Nếu là pháp giới đối lại pháp giới, không Ngã, Ngã sở, không thọ mạng, sĩ phu. Vậy thì ai đánh, ai giận?

Dùng sức trí tuệ quán như vậy rồi là diệt ngay ý tưởng chúng sanh, thành tựu tưởng pháp.

-Tưởng vô thường: Bồ Tát tư duy. Tất cả chúng sanh, các pháp hữu vi và pháp hữu lậu đều là vô thường. Bởi vì vô thường, nên có ai là người mắng, kẻ nhận? Giả sử người mắng, người chịu đều là tạm thời dừng trụ. tức chẳng thể nói “các pháp vô thường”. Nếu đã là thường, vậy thì ai mắng, ai là người chịu? Trong lý chơn thường và lý vô thường đều không cả hai, đều không kẻ làm và người nhận chịu. Đứng ra còn chẳng sanh tâm ác nhỏ, thì làm gì có kẻ đánh người mắng?

Do nghĩ như thế, Bồ Tát phá bỏ ý tưởng thường hằng và tu pháp quán vô thường. Luôn luôn tu tập ý tưởng vô thường, cho nên thành tựu tâm hay nhẫn nhục, thành tựu tâm nhẫn cho nên tu đạo Bồ Đề, mãi đến khi chứng Vô thượng Bồ Đề.

-Bồ Tát làm sao tu tập tưởng Khổ?

Đại Bồ Tát quán sát như sau: Nếu những chúng sanh sống trong cõi dục được đại tự tại, của cải dồi dào và giàu lớn như chuyển luân Thánh vương, thì chúng sanh ấy vẫn còn ba khổ hướng gì người khác. Ba khổ là gì? Một là Khổ khổ. Hai là Hoại khổ. Ba là Hành khổ. Xét về chúng sanh có ba khổ này, vậy tôi chẳng nên sân hận làm gì. Nếu tôi nổi giận, làm sao có thể sẽ cứu ba khổ cho khắp chúng sanh? Nếu tôi nổi giận, chỉ làm lớn thêm ba khổ mà thôi.

Khi quán như vậy, tưởng vui bị diệt, tưởng khổ pháp sinh. Bởi thường tu tập nhân duyên như thế, cho nên tu Tám thánh đạo, được Vô thượng Bồ Đề.

Bồ Tát làm sao tu quán không Ngã, sở hữu của ngã?

-Bồ Tát quán kỹ: Có những ngoại đạo nói rằng “Bản ngã là thường”. Nếu ngã là thường thì chúng sanh không Ngã.

Vì sao?

-Chúng sanh là năm ấm. Năm ấm vốn vô thường. Nếu đã không Ngã thì làm gì có cái thuộc về Ngã? Vì vậy không Ngã và không ngã sở.

Đại Bồ Tát lại quán sát như vậy “Ngã chính là tâm Bồ Đề. Khi Bồ Tát mới phát tâm Bồ Đề, đối với chúng sanh, Bồ Tát xem họ dường như con một. Đó chính là sở hữu của Ngã. Nếu đối với chúng sanh mà tôi có tâm giận dữ

bực tức, làm sao được gọi là có bản ngã, sở hữu của ngã? Nếu tôi nuôi lớn lòng giận, tức chẳng có thể độ thoát tất cả chúng sanh”.

Khi khởi quán như vậy, Bồ Tát thành tựu về đức Nhẫn nhục và thêm lớn về tâm vô ngã, sở hữu của ngã. Được tướng vô ngã, do nhân duyên này tu Tám Thánh đạo, chứng Vô thượng Bồ Đề.

Thế nào gọi là có thể kham nhẫn tất cả các khổ?

Bấy giờ Bồ Tát khởi quán như sau:

Trong đời quá khứ, ta vì tham đắm năm món dục lạc, cho nên ta đã chịu đủ các khổ. Còn tại gia thì cày cấy ruộng nương, trồng cây gieo giống chịu cực biết bao, khi thì gân gửi vua chúa, quan quyền, buôn bán đổi chác, nhiều nỗi gian nan. Trong những lúc ấy chịu nhiều khổ lớn nhưng nào ích gì. Ngày nay, vì độ chúng sanh mà tôi chịu khổ, rồi sẽ gặt hái nhiều sự lợi ích. Nếu tôi sẽ được sự lợi ích lớn, thì cũng nên nhận vô lượng sự khổ.

Khi vị Bồ Tát khởi quán như trên, có thể kham nhẫn trước những cái khổ. Sự chịu khổ ấy gọi là Nhẫn tất cả.

Hết thấy sự khổ gồm có tám điều.

- Khổ về nương cậy.
- Khổ về thế pháp.
- Khổ về oai nghi.
- Khổ về nhiếp pháp.
- Khổ cầu xin.
- Khổ về tinh tấn.
- Khổ vì lợi ích chúng sanh.
- Khổ vì lo liệu công việc

-Khổ về nương cây: (còn gọi là cái khổ về bốn điều nương ở - Tứ y trụ). Nếu một Tỳ kheo đã nhận bốn điều y trụ, xuất gia thọ giới, được mệnh danh là Tỳ kheo cụ - túc. Như được chút ít áo mặc thức ăn, mền nệm thuốc men mà không buồn khổ tâm không hối hận. Do tâm thường quán sự khổ biến hoại, cho nên tu tập Tám món thánh đạo, được Vô thượng Bồ Đề. Đây gọi là sự khổ nương cây.

-Khổ về thế pháp: Gồm có chín điều:

Khổ vì mong cầu chẳng được.

Khổ vì chịu đựng tiếng xấu.

Khổ vì đương đầu với những điều dữ.

Khổ vì nhiều khổ chất chồng.

Khổ vì mất mặt.

Khổ vì hết sạch vật chất.

Khổ vì tuổi tác già nua.

Khổ vì thân thể bệnh hoạn.

Khổ vì chết chóc.

Trên đây gọi là khổ về thế pháp.

Khi Bồ Tát chịu chín khổ này, tâm không sanh buồn rầu hối hận, chẳng phế bỏ tâm Vô thượng Bồ Đề. Vì chẳng hối hận nên tâm Bồ Đề luôn luôn tăng trưởng. Tâm Bồ Đề tăng, cho nên lại được Vô thượng Bồ Đề.

-Khổ về oai nghi: Oai nghi của thân có bốn: Đi, đứng, ngồi, nằm. Bồ Tát lúc đi hoặc ngồi, ngày cũng như đêm, thường thường chế ngự cái tâm ác nghiệp, nhẫn nại sự khổ lúc đi, lúc ngồi. Phi thời chẳng nằm, trái thời chẳng đứng. Nơi trong hoặc ngoài chỗ đứng ngồi như: giường, đất, cỏ, lá....Nơi bốn chỗ này vẫn thường nghĩ đến các việc cúng dường Phật, Pháp, Tăng bảo, tán thán kinh pháp, thọ trì giới cấm, đem pháp vô thượng tuyên nói

rộng rãi cho các chúng sanh, tư duy nghĩa chánh, như pháp an trụ, phân biệt pháp giới và tu Chỉ, Quán.

Khi vị Bồ Tát tu pháp như vậy, giả sử có gặp bao nhiêu sự khổ đều vui kham nhận và nhẫn chịu đựng... Đây mệnh danh là Khổ về oai nghi.

-Khổ về nhiếp pháp: Gồm có bảy điều:

Thân bỏ trang sức tốt đẹp.

Cạo bỏ râu tóc

Mặc y cắt rọc

Chẳng tự do với việc đời, mạng sống tùy thuộc người khác.

Xin ăn nuôi sống.

Lia nghề nghiệp mưu sinh, ít muốn biết đủ.

Bỏ lia thân thuộc, và năm thứ dục lạc.

Đây gọi là cái khổ nhiếp pháp.

-Khổ cầu xin: Những vật cung ứng cho cơ thể như áo mặc uống ăn, phòng nhà, mền nệm, thuốc thang v.v. Tất cả đều toàn nhờ vả người khác. Những lúc không được chẳng hề hiềm trách, những lúc có được lại phải tri túc. Cứ vậy mà sống cho đến trọn đời. Đè nén tất cả cái vui ngũ dục, cả đến ca nhạc, giỡn cười .v.v... Nhẫn những cái khổ như thế, gọi là sự khổ cầu xin.

-Khổ về tinh tấn: Đại Bồ Tát thường siêng năng tinh tấn cúng dường tam bảo, thọ trì, đọc tụng kinh pháp, luật, luận thuộc Bồ Tát tạng, biên chép, giải nói, ban ngày ban đêm tư duy nghĩa lý chẳng hề bỏ phế, gia công tinh tấn tu tập thánh đạo. Do sự tinh tấn nên kham nhận cả các thứ khổ cực. Như thế gọi là sự khổ tinh tấn.

-Khổ vì lợi ích chúng sanh: Như mười một điều lợi ích trong ngoài đã nói ở trước. Đây gọi là sự khổ lợi ích chúng sanh (Mười một điều như đã nói ở phẩm Trì giới độ).

-Khổ vì lo liệu công việc: Như xông bát, nhuộm áo, may vá y phục, chúng tăng sai khiến phục dịch mọi việc, cung cấp sư trưởng, làm việc cúng dường như tô, quét tháp v.v. Vì pháp lành mà trọn không thôi nghĩ, vì vô thường đạo cho nên nhẫn nại hết các sự khổ. Đây gọi là khổ vì lo liệu công việc.

Nhẫn những cái vui của các điều lành:

Về pháp nhẫn này gồm có tám điều:

Nhẫn thọ công đức của Phật, Pháp, Tăng. (3 điều), Nhẫn không thể nghĩ bàn của Phật, Bồ Tát (2 điều), Nhẫn nhẫn, Quả nhân, Nhẫn của phương tiện hay khéo.

Tánh Phật, Bồ Tát lại có hai nhẫn: Đức nhẫn cứu cánh. Nhẫn của trí tuệ thanh tịnh sáng suốt. Đây gọi là pháp nhẫn.

3.Nhẫn khó khăn của Bồ Tát là như thế nào? -Nhẫn khó khăn có ba:

Một là. Vô lượng chúng sanh đánh mắng, Bồ Tát đều có thể nhẫn.

Hai là. Bồ Tát có đủ năng lực tự tại, dầu rằng có thể đánh mắng trả lại, nhưng vẫn nhẫn chịu, không hề báo trả.

Ba là. Bồ Tát ở vào giòng tộc hào quý, có thể nhẫn xuống làm hạng thấp hèn.

4.Thế nào gọi là Tự nhẫn tất cả?

-Bồ Tát nhẫn nhịn đối với tất cả kẻ oán người thân hay không phải oán thân. Nhẫn với hạng thấp, hạng vừa, hạng cao. Như thế gọi là Tự nhẫn tất cả.

5.Nhẫn của người lành: Đây có năm điều để biết công đức thuộc về hạnh nhẫn:

Một là. Chẳng bị vương mắc tâm ác, tâm giận.

Hai là. Tâm khó bị làm hư hỏng trở ngại.

Ba là. Tâm không buồn rầu.

Bốn là. Khi chết không hối.

Năm là. Chết rồi thọ hưởng cái vui trời, người.

Bồ Tát xét biết Nhân nhục có các công đức như vậy, bèn dạy chúng sanh khiến họ tu nhân. Chỗ tu đức nhân của vị Bồ Tát càng được thêm lớn, khen ngợi đức nhân, thấy người nhân nhục tôn trọng cung kính, ca tụng lễ lạy. Trên đây gọi là Nhân của người lành.

6.Nhẫn trong tất cả hạnh: Đại Bồ Tát thường quan sát lỗi dữ của sự bất nhân. Vì sao gọi là quả báo xấu ác? -Vì hay chịu báo trong ba đường ác. Do sợ ác đạo nên tu hạnh Nhẫn. Nhẫn vì thương xót, nhẫn vì lòng Từ, vì tâm mềm mỏng, vì thương mến chúng sanh. Nhẫn vì quyết cầu Vô thượng Bồ Đề. Nhẫn vì đầy đủ Nhân nhục ba la mật. Nhẫn vì xuất gia, vì đầy đủ tánh, Nhẫn vì muốn tu đức nhân trong vô lượng đời. Nhẫn vì được Tánh nhân, vì được không ái, không sân, vì để thấy tánh pháp giới, vì để thấy chúng sanh giới. Nhẫn trong tất cả thời gian, nhẫn trong tất cả quốc độ, nhẫn trong tất cả tâm...Nhu thế gọi là Nhẫn trong tất cả hạnh.

7.Nhẫn để trừ khử: Nếu có nhiều người nghèo cùng khốn khổ tìm đến Bồ Tát xin những vật dùng, lại có kẻ ác, kẻ hủy giới cấm cũng theo hỏi xin...Nhằm phá ác tâm và tu đức nhân, Bồ Tát bố thí cho người sự vui để phá cái khổ. Đây chính gọi là Nhẫn để trừ khử.

8.Nhẫn tự lợi, lợi tha: Đối với những cảnh đói khát, nóng lạnh, gió mưa, thú dữ...Bồ Tát kham nhẫn chịu đựng tất cả, không tâm buồn lung, vì thương chúng sanh nên chịu khổ sống chết. Đại Bồ Tát được đức Nhân như vậy, nuôi lớn tất cả pháp lành hiện tại, xa lìa phiền não, chuyển sang đời khác thâu hoạch vô lượng quả báo tốt lành, có thể điều phục tâm ác của chúng sanh. Vì chế ngự ác tâm cho nên không bị mọi sự sai sử bởi các phiền não. Hiện tại an vui, sau được quả lành. Đây gọi là Nhẫn tự lợi, lợi tha.

9.Nhẫn vắng lặng: Bồ Tát nếu bị chúng sanh hung ác đánh đập mắng nhiếc, không sanh ác tâm đối với kẻ đó, cũng không hề để ý tưởng oán hận, mà khởi ý tưởng xem như bạn lành.

“Nếu không có những người ác như vậy, làm sao ta được tăng trưởng pháp lành”. Thấy kẻ mắng nhiếc nhỏ nhẹ xin lỗi. Tu lòng Từ bi để có thể phá phiền não cõi Dục.

Đây đủ mười đức nhẫn nhục trên đây, Bồ Tát có thể tu tám Thánh đạo và được Vô thượng Bồ Đề.

PHẨM THỨ MƯỜI BA TINH TẤN ĐỘ (TINH TẤN BA LA MẬT)

1. Thế nào là tánh tinh tấn của Đại Bồ Tát?

-Tánh tinh tấn là: Một lòng chuyên cần, ròng rã tiến tới.

Vì nhiếp giữ pháp lành. Vì lợi ích chúng sanh. Vì làm cho chúng sanh được đạo vô thượng. Vì phá sự điên đảo. Do tánh tinh tấn nên được thiện nghiệp thuộc thân, miệng, ý.

2. Tất cả sự tinh tấn là gì?

Có hai tính cách: Thế gian. Xuất thế gian.

Lại có hai thứ: Tại gia. Xuất gia.

Lại có ba thứ: Sự trang nghiêm. Nhiếp giữ pháp lành. Lợi ích chúng sanh.

Sự trang nghiêm là gì?

-Khi Đại Bồ Tát mới phát đại tâm chuyên cần tinh tấn trang nghiêm (tự thề nguyện rằng) “Nếu như có thể làm cho một người được quả giải thoát mà vô lượng kiếp tôi phải ở địa ngục chịu khổ não lớn, chịu khổ lớn rồi, sau đó mới được Vô thượng Bồ Đề. Chứng Bồ đề rồi, cho đến có thể làm cho một người được quả giải thoát, mà tôi phải chịu sự khổ địa ngục, dầu vậy tâm tôi vẫn không thôi nghĩ”.

Đây gọi là sự trang nghiêm.

Bồ Tát đầy đủ trang nghiêm tinh tấn là hơn tất cả những công đức của Thanh Văn, Duyên Giác không sao tính kể. Tại sao như vậy?

-Vì chịu khổ lớn để làm lợi ích tất cả chúng sanh. Nếu vì một người mà chịu khổ lớn, còn được vô lượng vô biên công đức, hưởng gì lại vì tất cả chúng sanh?

Đây gọi là sự trang nghiêm tinh tấn nhiếp giữ pháp lành của Đại Bồ Tát.

Thế nào là nghĩa chuyên cần tinh tấn nhiếp giữ pháp lành?

-Nếu vì tu hành Thí ba la mật. Giới ba la mật. Nhẫn ba la mật. Tấn ba la mật. Thiền ba la mật. Bát nhã ba la mật mà chuyên tinh tấn, như thế được gọi là sự Bất động.

Tất cả mê lầm, tất cả nghiệp ác, tất cả tà kiến, tất cả khổ não không làm lay động, thế nên cũng gọi là sự kiên cố, là sự trang nghiêm mạnh mẽ, và còn gọi là Biết khắp tất cả, vì biết các thuật thế, xuất thế gian. Còn được gọi là đầy đủ phương tiện, vì làm nhân duyên tu đạo chơn thật. Còn gọi chơn thật, vì được nghĩa thật. Còn gọi rộng rãi, vì trong tất cả thế gian, không gian đều không thôi nghĩ...Còn gọi điều phục, vì siêng tu tinh tấn không sanh kiêu mạn. Bấy việc như thế nuôi lớn pháp lành, cho nên mạn danh là sự tinh tấn nhiếp giữ pháp lành.

Bởi siêng tu tấn, cho nên đầy đủ tinh tấn của sáu pháp ba la mật. Đối với sự thú hưởng Bồ Đề, nó là nhân duyên gần gũi hơn hết, không gì trên nổi, không gì qua nổi. Bởi vậy Như Lai nói trong các kinh: “Này A Nan Đà, sự siêng tinh tấn mau được vô thượng chánh đẳng, chánh giác”.

Vì lợi ích chúng sanh siêng tu tinh tấn:

Gồm có mười một điều, như đã nói nơi phẩm Trì giới độ.

3. Tinh tấn khó khăn là gì?

Bực Đại Bồ Tát không tự tác ý tưởng đến y phục, không tưởng đến những thức ăn, mền mệm không nghĩ tưởng đến “cái gọi là Ta”, không tưởng về pháp, không tưởng về Đạo, không tưởng Bồ Đề.

Đây cũng gọi là sự siêng tinh tấn của Đại Bồ Tát, thế nên gọi là tinh tấn khó khăn. Trong tất cả thời gian, trong tất cả quốc độ, trong tất cả tâm đều siêng tinh tấn. Đó gọi là khó. Không gấp, không hưỡn, ngay đó vận dụng. Như

thể gọi là tinh tấn khó khăn. Cái khó khăn của mọi sự tinh tấn có hai thứ nhân: Một là Từ Bi. Hai là Trí tuệ.

4. Tất cả tự tinh tấn là gì? - Đây có bốn điều:

Một là. Liạ các pháp ác.

Hai là. Tăng trưởng pháp lành.

Ba là. Trao dồi sáng sửa pháp lành.

Bốn là. Tăng trưởng trí tuệ.

-Liạ các pháp ác: Đại Bồ Tát siêng tu tinh tấn, những ác chưa sanh, siêng tạo phương tiện khiến chẳng phát sanh.

-Tăng trưởng pháp lành: Đã sanh pháp lành, dùng phương tiện khéo làm cho thêm rộng.

-Trao dồi sáng sửa pháp lành: Siêng năng tu tập nhân duyên ba nghiệp thuộc thân, miệng, ý. Hết lòng buộc niệm gìn giữ pháp lành.

-Tăng trưởng trí tuệ: Như sự tinh tấn học rộng nghe nhiều, tu tập Thiền định, làm cho trí tuệ của Đại Bồ Tát được tăng trưởng lên.

Trên đây gọi là Tất cả tự tinh tấn.

5. Tinh tấn của người lành:

-Khi Bồ Tát vì cầu thiện pháp mà siêng tinh tấn, giả sử đầu thân đều bị lửa đốt, chẳng lấy làm nóng. Khi Đại Bồ Tát siêng tu thiện pháp tinh tấn thực hành, tự mình còn chẳng cảm giác cái nóng của lửa địa ngục huống lửa thế gian. Khi Đại Bồ Tát siêng tu tinh tấn chẳng nhiều, chẳng ít, vận dụng đều đặn. Vì khéo điều phục nên sự tinh tấn càng được tăng trưởng. Tại sao vậy? Vì tâm đã thanh tịnh. Vì chẳng thôi nghĩ. Vì chẳng hối đổi. Vì được lợi ích không bị điên đảo. Vì rốt ráo có thể chứng Vô thượng Bồ Đề. Đây gọi là tinh tấn của người lành.

6. Tinh tấn trong tất cả hạnh?

-Luôn luôn tinh tấn, dốc lòng tinh tấn, sáng suốt tinh tấn, chẳng ngớt tinh tấn, tinh tấn trang nghiêm, tinh tấn chịu khổ, tinh tấn không lay chuyển, tinh tấn không kể thời gian, tinh tấn không hề thấy đủ...Bồ tát thành tựu những sự tinh tấn trong tất cả hạnh, được mệnh danh là Năng lực vĩ đại. Thường siêng tinh tấn tâm an trú vào chỗ lành vững chắc, trang nghiêm mãi mãi chẳng thôi chẳng nghỉ, do đó chúng được thiện pháp thù thắng.

Vì muốn cho tâm càng tinh tấn hơn, Đại Bồ Tát cầu Vô thượng Bồ Đề. Vì dốc một lòng mong muốn tinh tấn, Đại Bồ Tát tăng trưởng Bồ Đề Tâm và phương tiện tâm. Sự siêng tinh tấn của Đại Bồ Tát, các thứ cầu bợn không thể làm như. Bồ Tát đem thân làm vật cúng dường để mau thành tựu Vô thượng Bồ Đề. Sự tinh tấn của Đại Bồ Tát là vì thiện pháp, dầu lửa đốt đầu thân cũng không cứu chữa. Do những điều này Bồ Tát hơn hẳn tất cả Thanh Văn, Duyên Giác.

Đại Bồ Tát tinh tấn tìm cầu, tinh tấn học hỏi phương thuật thế gian và pháp xuất thế. Vì tinh tấn học cho nên nhanh chóng đạt được kết quả. Đây gọi là sự tinh tấn trong tất cả hạnh.

7.Tinh tấn tự lợi, lợi tha:

-Có mười một điều như phẩm Trì giới đã nói (phẩm thứ mười một).

8.Tinh tấn đề trừ khử?

-Như đã nói nơi phẩm Nhẫn Nhục độ.

9.Tinh tấn vắng lặng? -Có mười điều:

Một là. Thích nghi.

Hai là. Tu tập.

Ba là. Chẳng động.

Bốn là. Giữ vững.

Năm là. Tất cả thời gian.

Sáu là. Duyên ba tướng.

Bảy là. Chẳng bỏ.

Tám là. Chẳng tán loạn.

Chín là. Chế ngự.

Mười là. Hướng đến Bồ Đề.

-Đại Bồ Tát nếu khởi các phiền não, vì để trừ bệnh, cho nên tùy bệnh đối trị. Khi tham dục khởi, tu quán bất tịnh. Khi giận hờn khởi, tu quán từ bi. Tâm si mê khởi, quán mười hai nhân duyên. Tâm tán loạn khởi tu quán sổ tức và quán Giới phân biệt để phá kiêu mạn... Như thế gọi là tinh tấn thích nghi.

-Sự tinh tấn của Bồ Tát chẳng phải về trước, chẳng phải về sau mà vô lượng đời thường được thành tựu, gọi là tinh tấn tu tập.

-Bồ Tát tinh tấn siêng năng tu tập như lúc mới được. Đây mệnh danh là Tinh tấn chẳng động. Trong tất cả thời siêng cần tinh tấn, gọi là chẳng động.

-Đại Bồ Tát thường gần gũi sư trưởng các bậc tôn túc để siêng tu tập đa văn, quảng học, tư duy nghĩa lý tu các tam muội, tinh tấn thực hành thuận sự nghe nhận. Đây gọi là Tinh tấn giữ vững.

-Đại Bồ Tát tâm không nghiêng ngã, khi nên tu Chi thì tu pháp Chi. Lúc nên tu Quán liền tu pháp Quán, hoặc nên tu Xả thì tu pháp Xả. Đây là tinh tấn trong tất cả thời gian.

-Đại Bồ Tát khéo biết Định, Huệ, Xả. Lúc nào cũng đồng tu cả ba tướng. Khi nhập, trụ, xuất không mất chánh niệm, hết lòng tinh tấn. Đây gọi là tinh tấn duyên ba tướng.

-Bồ Tát nghe sự siêng năng tinh tấn chẳng thể nghĩ bàn của Phật, Bồ Tát, nghe điều ấy rồi tâm không xem thường, tâm không buồn rầu, không cho vừa đủ. Đây gọi là tinh tấn chẳng bỏ.

-Đại Bồ Tát mỗi lúc điều phục các căn, điều phục các thức, ăn uống vừa đủ, đầu đêm cuối đêm dẹp bỏ ngủ nghỉ, dóc lòng chẳng loạn, chẳng để phóng túng, nghiêm cẩn suy cứu, phát sức tinh tấn, siêng tu nghĩa thật tâm không điên đảo, tùy thuận đường tu... Như thế gọi là Tinh tấn chẳng tán loạn.

-Bồ Tát tinh tấn không gấp, không hưỡn. Sự nghiệp gây dựng theo đó thực hành. Đây gọi là tinh tấn chế ngự.

-Tất cả tinh tấn của Đại Bồ Tát đều đem hồi hướng vô thượng Bồ Đề. Từ Tánh tinh tấn cho đến Tinh tấn vắng lặng của Bồ Tát đều vì Vô thượng Bồ Đề. Đây gọi là Tinh tấn hướng đến Bồ Đề.

Bồ Tát quá khứ tu trì tinh tấn đều đem hồi hướng Vô thượng Bồ Đề.

Bồ Tát vị lai tu trì tinh tấn cũng đều hồi hướng Vô thượng Bồ Đề.

Bồ Tát hiện tại tâm chẳng phóng túng tu trì tinh tấn, cũng đồng hồi hướng vô thượng Bồ Đề. Đây gọi là Tinh tấn hướng đến Bồ Đề.

PHẨM THỨ MƯỜI BỐN THIỀN ĐỊNH ĐỘ (THIỀN ĐỊNH BA LA MẬT)

1. Thế nào là Tánh Thiền của Đại Bồ Tát?

-Bồ Tát hoặc nghe về Bồ Tát Tạng, hoặc tư duy nghĩa lý các thứ thiền định thế gian hay Thiền định xuất thế, Bồ Tát nghe rồi buộc tâm một chỗ, ổn định tâm trí, phân chia đẳng cấp để tu tập Đạo. Đây gọi là Tánh thiền.

2. Thế nào là Tất cả Thiền?

-Tổng quát gồm có hai loại: Thiền thế gian và Thiền định xuất thế. Hai loại Thiền này lại có ba trạng thái:

Một là. Nhập thiền hiện tại thọ vui.

Hai là. Nhập thiền thêm lớn Bồ Đề.

Ba là. Nhập thiền lợi ích chúng sanh.

-Hiện tại thọ vui là như thế nào? -Đại Bồ Tát phá các lưới nghi ngờ, thân tâm vắng lặng tự cảm nhận được cái vui xa lìa, phá tâm liêu mạn của sự riêng mình, chẳng đắm Thiền vị, lìa tất cả tướng. Đây mệnh danh là Nhập thiền hiện tại thọ vui.

Nhập Thiền thêm lớn Bồ Đề? -Thiền Định của Đại Bồ Tát có nhiều thứ duyên, không thể nghĩ bàn, không thể tính kể, không có hạn lượng, thấu nhiếp hết thảy tánh của mười lục, được các tam muội, những tam muội này dầu cho tất cả Thanh Văn, Duyên Giác còn không biết đến danh từ để gọi hưởng là có thể tu tập.

Những pháp thiền chung đại loại như là: Bát thắng xứ, Thập nhứt thiết xứ, Tứ vô ngại trí, Nguyên trí, Vô tránh trí, Đánh trí v.v.. Vì đồng có pháp tăng trưởng như nhau, gọi là Nhập thiền thêm lớn Bồ Đề.

-Nhập thiền lợi ích chúng sanh? -Có mười một điều như phẩm Trì giới đã nói.

Đại Bồ Tát tu đủ mười một điều thuộc về Thiền định, có thể giáo hóa chúng sanh, phá khổ phiền não, tu tập pháp lành và các môn tam muội, trí tuệ, nghĩ ơn báo ơn, thường hay cứu vớt những sự đau khổ của các chúng sanh, có thể bố thí những vật cần dùng cho khắp tất cả, khéo biết phương tiện, có thể chứa nuôi đệ tử, có thể làm cho đệ tử vâng theo ý mình... Những loại Thiền như vậy gọi là Tất cả Thiền.

3. Thiền khó khăn là gì? -Gồm có ba sự.

Một là. Khi Bồ Tát nhập thiền cảm thọ niềm vui, hơn hẳn tất cả sự vui thế gian, cũng hơn sự vui xuất thế của Thanh Văn thừa. Nhưng vì chúng sanh Bồ Tát bỏ cái vui thiền định, chịu thân cõi Dục.

Hai là. Đại Bồ Tát tu tập Thiền định, những môn tam muội được Bồ Tát tu, nhiều đến vô lượng vô biên vô số, không thể nghĩ bàn, không thể tính kể. Tất cả Thanh Văn và Bích chi Phật đều không thể nào biết đến cảnh giới của Bồ Tát đã chứng nhập.

Ba là. Đại Bồ Tát nhờ nhân duyên thiền định mà được chứng quả Vô thượng Bồ Đề. Đây gọi là Thiền khó khăn.

4. Tự thiền của tất cả?

Có bốn trạng thái:

Chung một trạng thái giác quán.

Chung một trạng thái hoan hỷ.

Chung một trạng thái an lạc.

Chung một trạng thái xả ly.

Vì vậy gọi là Tự thiên của tất cả.

5. Thiên của người lành?

Có năm sự tương đồng:

-Chẳng ái nhiễm.

-Cùng có tâm Từ.

-Cùng có tâm Bi.

-Cùng có tâm Hỷ.

-Cùng có tâm Xả.

Đây gọi là Thiên của người lành.

Thiên trong tất cả hạnh? -Có 13 điều:

-Vô ký đúng mức

-Thần túc

-Hướng đến Chi

-Hướng đến Quán

-Tự lợi

-Lợi tha

-Được công đức của thiên là năm thần thông

-Nhân duyên lời lẽ

-Nhân duyên nghĩa lý

-Nhân duyên về tướng Chí

-Nhân duyên về tướng Quán

-Nhân duyên thọ hạnh an vui hiện tại

Đây gọi là Thiên trong tất cả hạnh.

7. Thiên Trừ khử? -Có tám điều:

Một là. Khi Bồ Tát nhập thiên, có thể trừ những nỗi khổ tham độc cho các chúng sanh. Những khổ độc như: gió mạnh, mưa đá, bệnh nóng, bị quỷ ám nhập. Đây gọi là Thiên.

Hai là. Bồ Tát nhập định, có thể trừ diệt các khổ bốn đại không được điều hòa nơi thân chúng sanh. Mệnh danh là thiên.

Ba là. Hoặc khi nhập định, có thể rưới mưa cứu vãn đói kém vì nắng hạn lâu ngày.

Bốn là. Hoặc khi nhập định, có thể làm cho chúng sanh lìa các sợ sệt, sợ người, sợ quỷ, nỗi sợ dưới nước hay trên đất liền.

Năm là. Hoặc khi nhập định, có thể bố thí nước uống thức ăn, vật dùng cho các chúng sanh đang bị đói khát ở nơi đồng trống.

Sáu là. Hoặc khi nhập định, có thể cấp thí những vật cần dùng cho người nghèo khổ.

Bảy là. Hoặc khi nhập định, có thể phá hỏng tánh tình buồng lung của các chúng sanh ở trong mười phương.

Tám là. Hoặc khi nhập định có thể phá hỏng các mối nghi ngờ trong tâm chúng sanh.

Tám điều trên đây gọi là Thiền để trừ khử.

8.Thiền tự lợi, lợi tha? -Có chín điều:

Một là. Nhập thiền do sức thần túc điều phục chúng sanh.

Hai là. Nhập thiền do tha tâm trí điều phục chúng sanh.

Ba là. Nhập thiền dùng sự giảng thuyết chơn thật điều phục chúng sanh.

Bốn là. Nhập thiền vì chúng sanh ác mà chỉ cho thấy cái khổ địa ngục.

Năm là. Nhập thiền làm cho kẻ câm được nói.

Sáu là. Nhập thiền làm cho kẻ mất sự nhớ nghĩ (loạn trí) được nhớ nghĩ lại.

Bảy là. Nhập thiền tùy thuận giảng nói mười hai phần kinh luận thuộc Bộ Tát tạng để giáo hóa trụ lâu nơi đời.

Tám là. Nhập thiền có thể dạy vẽ chúng sanh các việc ở đời như số giải sách sử, toán học, đọc tụng, in sách, luyện kim, nghề mộc, nghề hồ...

Chín là. Nhập thiền phóng ánh sáng lớn phá sự khổ não của những chúng sanh nơi ba đường ác.

Trên đây gọi là Thiền tự lợi, lợi tha.

9.Thiền vắng lặng? -Có mười:

Một là. Vắng lặng trong sạch về pháp thế gian.

Hai là. Vắng lặng trong sạch về pháp xuất thế.

Ba là. Vắng lặng trong sạch về phương tiện.

Bốn là. Vắng lặng trong sạch về căn bản.

Năm là. Vắng lặng trong sạch bậc thượng.

Sáu là. Thể nhập sự vắng lặng trong sạch.

Bảy là. Trụ cảnh vắng lặng trong sạch.

Tám là. Ra khỏi sự vắng lặng trong sạch.

Chín là. Sự tự tại vắng lặng trong sạch.

Mười là. Vắng lặng trong sạch hai món chướng.

Mười sự vắng lặng trong sạch này, gọi là Thiên vắng lặng.

Bồ Tát tu tập mười điều vắng lặng như trên, thành tựu vô lượng, vô biên công đức là chứng được quả Vô thượng Bồ Đề.

PHẨM THỨ MƯỜI LĂM TRÍ TUỆ ĐỘ (BÁT NHÃ BA LA MẬT)

1. Thế nào là tánh tuệ của Bồ Tát.

-Vi Nhất thiết trí - Tất cả khả năng sáng suốt để phân biệt pháp giới, gọi là Tánh tuệ.

Lại nữa, khéo học năm phương thuật: Nội thuật, Nhân thuật, Thanh thuật, Y phương thuật, Công xảo thuật, gọi là Tánh tuệ.

2. Tất cả tuệ là gì? - Tổng quát có hai:

Thế gian. Xuất thế gian.

Hai thứ này lại chia làm ba:

Một là. Biết đúng như thật: Biết năm phương thuật, biết ba nhóm chúng sanh, biết phương tiện lợi ích chúng sanh, biết pháp giới chẳng thể tuyên nói, biết bốn thánh đế, không ngã, không ngã sở. Đối với các pháp giới không có giác quán, quán các pháp giới với tâm bình đẳng, chẳng bỏ, chẳng chấp, chẳng thường, chẳng đoạn và nói về pháp Trung đạo. Đây gọi là trí tuệ.

Hai là. Biết việc thế gian và pháp xuất thế là bởi Vô thượng Bồ Đề. Đây gọi là trí tuệ.

Ba là. Quán sâu pháp giới, phân biệt diễn nói để làm lợi ích chúng sanh, đó gọi là trí tuệ cũng gọi là Tất cả tuệ.

3. Thế nào là Tuệ khó khăn?

-Có mười một điều, như trong phẩm Trì giới đã nói.

Khéo biết tâm chúng sanh để điều phục gọi là Tuệ khó khăn.

Biết toàn thể pháp giới không bị chướng ngại gọi là Tuệ khó khăn.

Vì khắp chúng sanh mà diễn nói về pháp giới sâu thẳm, gọi là Tuệ khó khăn.

Khéo biết không ngã và không ngã sở, gọi là Tuệ khó khăn.

4. Tự tuệ của tất cả?

-Hoặc thường thọ trì đọc tụng giải nói tạng pháp Thanh Văn, tạng pháp Bồ Tát, do đó (chúng sanh) được tu trí tuệ, do tu tuệ nên được những năng lực trí tuệ, được sức trí tuệ cho nên biết rõ pháp nào đáng tu, điều nào đáng làm, điều chẳng nên làm, hết lòng quán xét vô lượng sự việc. Đây gọi là tự tuệ của tất cả.

5. Tuệ của người lành: Đây có năm sự:

Một là. Do nghe chánh pháp mà được.

Hai là. Do tư duy chánh pháp mà được.

Ba là. Do tự lợi, lợi tha mà được.

Bốn là. Do chẳng điên đảo, nhận thức đúng chỗ các pháp mà được.

Năm là. Do phá phiền não mà được.

Lại có năm sự:

- Có thể biết nghĩa sâu kín nhỏ nhiệm.
- Tu tập Thiền định biết được pháp giới.
- Cùng Tuệ trang nghiêm mà được trí tuệ.
- Từ Phật, Bồ Tát đưa đến.
- Đủ tâm vắng lặng cho đến cứu cánh.

Đây gọi là Tuệ của người lành.

6.Tuệ trong tất cả hạnh? -Có 13 pháp:

Một là. Khô trí. (Trí biết rõ Khô đế)

Hai là. Tập trí. (Trí biết tập nhân phiền não).

Ba là. Diệt trí. (Trí biết Diệt đế-Niết Bàn).

Bốn là. Đạo trí. (Trí biết Đạo đế - 8 thánh đạo).

Năm là. Tận trí. (Trí biết hết các lậu hoặc).

Sáu là. Vô sanh trí. (Trí biết các pháp không duyên sanh).

Bảy là. Pháp trí. (Trí biết các pháp không thực có).

Tám là. Tỷ trí. (Trí biết sự tỷ lượng đối với các pháp).

Chín là. Thế trí. (Trí biết Sự sự trong 9 pháp giới, Trừ Phật pháp giới).

Mười là. Thông trí. (Trí biết các thần thông).

Mười một là. Nhân trí. (Trí biết nguyên nhân sự vật).

Mười hai là. Lực trí. (Trí biết mười lực của Phật).

Mười ba là. Sơ tâm trí. (Trí biết bản thể đầu tiên).

Đây gọi là Tuệ tất cả hạnh.

7.Thế nào là Tuệ trừ diệt?

-Do bốn trí vô ngại, trí thế gian và trí xuất thế, phá hết tất cả mọi sự tối tăm. Vì vậy gọi là Tuệ trừ diệt.

8.Tuệ tự lợi lợi tha? -Như đã nói ở phần đầu đoạn năm phương thuật. Do nhân duyên năm phương thuật này mà được Vô thượng Bồ Đề. Đây gọi là Tuệ tự lợi lợi tha.

9.Tuệ vắng lặng: Vì sự chơn thật cho nên tu tập. Vì khắp chúng sanh cho nên tu tập. Vì để được nghĩa cho nên tu tập. Vì biết nhân quả cho nên tu tập. Vì phá sự điên đảo. Vì khéo biết phương tiện. Vì biết việc đáng làm việc không nên làm cho nên tu tập. Vì biết phiền não, vì để được cứu cánh cho nên tu tập.

Đây gọi là Tuệ vắng lặng.

Bồ Tát đầy đủ chín điều như trên, gọi là TRÍ, gọi là TUỆ, gọi là RỐT RÁO, cũng gọi là chơn thật, cũng gọi là vô lượng tuệ. Do nhân duyên vô lượng tuệ này, Bồ Tát đầy đủ Bát Nhã Ba la mật. Vì đầy đủ Bát nhã Ba la mật cho nên được Vô thượng Bồ Đề.

Như trong các kinh Phật đã từng nói: "Có người đầy đủ Bát nhã, có người không đầy đủ" Nhưng nên biết rằng chín thứ lớp như vậy, từ Tánh cho đến vắng lặng, những ai hoặc nói một pháp Ba la mật, hoặc nói hai pháp, ba pháp, bốn pháp, năm pháp, sáu pháp, nói một pháp là nhiếp luôn sáu pháp, cho đến nói sáu pháp cũng là nhiếp luôn sáu pháp. Nếu có những người nghe những danh từ trong chín thứ ấy rồi tin nhận vâng làm đọc tụng biên chép, phân biệt nói rộng giáo hóa chúng sanh, người đó rốt ráo sẽ được thành tựu đầy đủ sáu pháp Ba la mật.

PHẨM THỨ MƯỜI SÁU NHUYẾN NGŨ (ÁI NGŨ) NÓI NĂNG MỀM MỎNG

1.Thế nào là Tánh Nhuyễn ngữ của Bồ Tát?

Đại Bồ Tát nói năng vui vẻ, nói ra điều gì người nghe đều thích, nói lời chân thật. nói đúng phép tắc, nói đúng nghĩa lý, nói lợi ích người. Đây mệnh danh tánh cách nói năng mềm mỏng hay tánh nhuuyến ngữ của Đại Bồ Tát.

2. Vì sao gọi là Nhuuyến ngữ tất cả?

-Đại Bồ Tát hoặc gặp người mà trước đó chưa quen, Bồ Tát gặp rồi mở lời nhỏ nhẹ ra ý hỏi han và cùng đàm luận. Nếu thấy vị kia là người có đức, tánh tình đang hoang, Bồ Tát không vì đó mà ôm lòng đố kỵ. Vì phá tâm kiêu mạn nên kính ý hỏi thăm: “Thân thể của ngài được an ổn chăng? Trong khi đi đường cực nhọc lắm chăng? Thật là hân hạnh được gặp gỡ ngài”.

Liền đó Bồ Tát sắp đặt chỗ ngồi, cung cấp nước uống như cách thông thường của bao người đời. Bồ Tát tùy thuận lòng người và không vì người nói lời thô xấu, như nói đến sự giết chóc phá hoại, cướp đoạt, mất mát...Chỉ nói đến việc đúng đắn hiền hòa, chẳng hạn như nói: “Con ngài khôn lớn đã tính đến việc xây dựng gia thất cho các cháu chưa? Của cải lúa thóc của cháu có được dồi dào hay chăng? Cháu có kính tin Tam bảo, thọ giới, bố thí, học rộng biết nhiều chăng?...”

Bồ Tát đầy đủ cách thức nói năng lợi ích chúng sanh. Thế nên gọi là Nhuuyến ngữ tất cả.

Lời nói mềm mỏng, lời nói cởi mở có hai:

-Tùy thuận thế gian.

-Tùy pháp xuất thế.

Thế gian lại có hai:

-Thế gian hạ giới. (cõi Dục).

-Thế gian thượng giới. (cõi Sắc, cõi vô sắc).

Xuất thế gian cũng có hai:

-Chánh pháp xuất thế tự lợi.

-Chánh pháp xuất thế lợi tha.

Đại Bồ Tát vì pháp thế gian thượng, hạ mà nói lời mềm mỏng. Vì tự lợi, lợi tha xuất thế nói lời mềm mỏng. Đây gọi là nói năng mềm mỏng cõi mở.

3. Nhuyễn ngữ khó khăn?

-Nếu có kẻ đến mưu hại Bồ Tát, đối với kẻ đó Bồ Tát tưởng như con một, hết lòng nhỏ nhẹ nói với những kẻ đánh mắng cướp đoạt.

Lại nữa, nhuyễn ngữ khó là: Đại Bồ Tát thường vì những kẻ si mê mà nhỏ nhẹ nói pháp, ba nghiệp thân, miệng, ý của Bồ Tát chịu nhiều khổ não. Tuy chịu khổ lớn nhưng Bồ Tát vẫn liên tục dạy dỗ: “Người hãy siêng học rồi về sau này sẽ đồng như tôi hoặc sẽ hơn tôi”. Đây gọi là nhuyễn ngữ khó khăn.

Lại nữa, Bồ Tát gặp kẻ sân hận, những người ganh tị, kẻ nhiều bòn sẻn, kẻ chẳng biết nghe lời thầy, khi dối bực thầy, những kẻ chẳng biết nghe lời cha mẹ, khi người đức độ, những người ác hại, tà kiến cướp đoạt hay chiên đà la v.v... Với những hạng này Bồ Tát cũng vẫn nói năng với họ một cách mềm mỏng, không ý nghĩ xấu về hạng người đó. Đây gọi là Nhuyễn ngữ khó khăn.

4. Tự nhuyễn ngữ tất cả: Gồm có bốn:

- Nhuyễn ngữ để phá nhân duyên phiền não.
- Nhuyễn ngữ để làm nhân duyên phước báo cõi người, cõi trời.
- Nhuyễn ngữ để làm nhân duyên tăng trưởng pháp lành.
- Nhuyễn ngữ để làm nhân duyên nói sự trang nghiêm Vô thượng Bồ Đề.

Lại có bốn:

- Nói bốn thánh đế cho người hiểu biết.
- Vi phá bốn chấp điên đảo.
- Vi phá bốn tánh buông lung.
- Vi phá tâm nghi ngờ.

Đây gọi là Tự nhiên ngữ tất cả.

5.Nhuyên ngữ của người lành:

-Khi Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, vì có nhân duyên cho nên nói pháp.

Nhân duyên nói cho đủ hiểu biết mà thuyết pháp.

Nhân duyên trang nghiêm Vô thượng Bồ Đề mà thuyết pháp.

Nhân duyên sức thần túc mà thuyết pháp.

Nhân duyên sự trì giới mà thuyết pháp.

Thế nên các pháp từ duyên sanh ra, từ duyên mà diệt. Đây gọi là nhuyên ngữ của người lành.

6.Nhuyên ngữ trong tất cả hạnh?

-Hoặc khi Bồ Tát thuyết pháp, có những điều nên nói cho người khác và có những điều cần phải che lấp, dùng lời mềm mỏng nói thuận pháp tánh, chữ nghĩa không lộn. Thấy người sợ sệt, có thể dùng lời mềm mỏng an ủi cho người hết sợ. Gặp người cầu xin dùng lời dịu dàng hứa nhận cấp giúp. Đây mệnh danh là nhuyên ngữ trong tất cả hạnh.

7.Nhuyên ngữ trừ khử:

-Bồ Tát lia bỏ lời nói hư vọng, lời nói hung dữ, lời nói đôi chiều, lời nói vô nghĩa. Thấy nói là thấy, nghe nói có nghe, rõ biết nói biết,. Chẳng biết, chẳng nghe, chẳng hay, chẳng biết cũng nói đúng vậy. Đây gọi là nhuyên ngữ trừ khử.

8.Nhuyên ngữ tự lợi, lợi tha: Nếu thấy người chịu khổ, Bồ Tát vì họ nói lời nhỏ nhẹ, dùng lời mềm mỏng cảm hóa chúng sanh, dùng lời dịu dàng răn bảo chúng sanh, hoặc dùng lời nói nhỏ nhẹ chỉ bảo khiến kẻ tà kiến phát sanh chánh kiến. Hoặc dùng lời nhỏ nhẹ chỉ dạy chúng sanh làm việc bố thí. Dùng lời nhỏ nhẹ chỉ dạy chúng sanh sống nghề chân chánh, hoặc dùng lời nhẹ giảng nói chánh pháp v.v...Như thế gọi là nhuyên ngữ tự lợi, lợi tha.

9. Nhuyễn ngữ vắng lặng?

Có hai mươi hai điều như đã nói trong phẩm ĐIỀU PHỤC (từ trang 126 đến nửa trang 134).

Bị chú: Phẩm này nguyên trong kinh gọi là Nhuyễn ngữ. Đây là danh từ thuộc Cựu dịch. Những dịch phẩm được dịch từ thời ngài Huyền Trang trở về trước, gọi là cựu dịch. Từ ngài Huyền Trang trở về sau gọi là tân dịch. Chúng tôi dịch Ái ngữ là lấy theo tân dịch.

Cũng như danh từ Nhuyễn ngữ, hai danh từ LỢI THA và ĐỒNG LỢI ở hai phẩm kế tiếp đây đều thuộc cựu dịch. Chúng tôi đổi lại là Lợi Hành và Đồng Sự cho hợp với danh từ tân dịch.

Ngoài những thuật ngữ căn bản trên đây còn có rất nhiều thuật ngữ cựu dịch khác nữa mà người dịch không thể ghi chú hết.

Điều đáng ngạc nhiên là bản kinh này dịch vào đời Tống, kể như thuộc tân dịch mà nhiều thuật ngữ lại sử dụng theo lối cựu dịch.

LỢI HÀNH

1. Tánh Lợi hành là gì?

Đại Bồ Tát vì răn dạy người khác mà phân biệt ý nghĩa về giới luật, nói về ý nghĩa Như pháp an trụ, thương xót chúng sanh, tu tập lòng Từ, hết lòng giáo hóa điều phục chúng sanh.

Đây gọi là Tánh Lợi hành.

2. Tất cả Lợi hành.

Chúng sanh dầu chưa thuần phục, Bồ Tát đều làm cho được giải thoát, được vui hiện tại và vui đời sau. Dạy pháp xuất gia cho người gọi là sự vui đời sau. Nói pháp giáo hóa khiến người phá diệt kiết sử cõi Dục, gọi là sự vui hiện tại và vui đời sau. Bởi phá phiền não cõi Dục cho nên thân tâm vắng lặng, thân tâm vắng lặng do đó cảm thọ một niềm an vui. Đây mệnh danh là Tất cả lợi hành.

3.Lợi hành khó khăn: Đây có ba điều:

Một là. Nếu có những người chưa trồng căn lành chưa có nhân lành, khó nói để giáo hóa. Đây gọi là Lợi hành khó khăn.

Hai là. Hoặc có những người của cải dồi dào, thế lực tự tại mà tâm lại đầy tham lam của cải. Người như thế đó khó bề giáo hóa. Vì sao? -Bởi tánh họ buông lung. Đây gọi là Lợi hành khó khăn.

Ba là. Hoặc kẻ ngoại đạo tà kiến cố chấp, khó thể giáo hóa. Vì duyên có gì? -Bởi họ cuồng si. Những người như thế mà có thể dạy, khiến họ lợi ích quả là một điều khó khăn.

4.Tự Lợi hành tất cả: Có bốn điều:

-Người chưa đức tin khiến sanh đức tin.

-Người chưa trì giới làm cho trì giới.

-Người hay sên tham, giáo hóa khiến tu bố thí.

-Người nhiều si ám, giáo hóa khiến được trí tuệ.

Đây gọi là Tự lợi hành tất cả.

5.Lợi hành của người lành:

Đại Bồ Tát giáo hóa làm cho chúng sanh hiểu biết chơn thật, biết đúng thời, biết đúng nghĩa biết nói mềm mỏng, Giáo hóa tu tập lòng Từ v.v...Đây gọi là Lợi hành của người lành.

6.Lợi hành trong tất cả hạnh:

Đại Bồ Tát thấy người nào đáng khen bèn dùng lời lẽ hay đẹp khen ngợi. Người đáng quở trách, dùng lời khổ khắc nghiêm nghị quở trách. Nếu có chúng sanh phá mất niềm tin đối với chánh pháp, Bồ Tát có thể điều phục hạng ấy. Người chưa vào cửa Phật pháp, Bồ Tát giáo hóa làm họ được vào. Người đã được vào liền vì giảng pháp khiến thêm căn lành. Bồ Tát điều phục và đặt để họ vào ba thừa pháp. Còn đối với người căn cơ thuần phục, liền vì họ nói các môn giải thoát.

Người ưa Thanh Văn, Bồ Tát chỉ dạy làm cho phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Người chưa khéo trang nghiêm Vô thượng Bồ Đề, Bồ Tát chỉ dạy khiến được trang nghiêm, người không quyết định, Bồ Tát chỉ dạy được tánh quyết định. Đây gọi là Lợi hành trong tất cả hạnh.

7.Lợi hành trừ khử:

-Người không hổ thẹn, Bồ Tát chỉ dạy cho biết hổ thẹn. Người tánh thô lỗ, Bồ Tát dạy vẽ biết sử tâm tánh. Vì người ganh tị loại trừ thói ganh. Vì kẻ sèn tham dứt tánh sèn tham. Vì kẻ đa nghi phá trừ lưới nghi...Đây mệnh danh là Lợi hành trừ khử.

8.Lợi hành lợi tha:

-Đại Bồ Tát luôn luôn dùng mười thiện nghiệp giáo hóa tất cả chúng sanh, gọi là Lợi hành lợi tha.

9.Lợi hành vắng lặng:

-Có mười pháp lành. Bên trong vắng lặng có năm. Bên ngoài vắng lặng cũng có năm.

Năm điều bên trong: Một là. Trong sạch. Hai là. Không thay đổi. Ba là. Thứ lớp. Bốn là. Có khắp. Năm là. Tùy thuận phép lành.

-Trong sạch là sao? Bồ Tát chẳng đem điều ác, điều không thanh tịnh, điều không đúng đắn mà giáo hóa người. Đây gọi là trong sạch.

-Không thay đổi là gì? -Với sự giải thoát, Bồ Tát chẳng nói là không giải thoát. Với pháp thanh tịnh chẳng nói bất tịnh. Pháp không điên đảo chẳng nói điên đảo. Đây gọi là không đổi. Đối với pháp nào chẳng phải giải thoát, Bồ Tát chẳng nói là pháp giải thoát. Với pháp bất tịnh chẳng nói là tịnh. Với pháp điên đảo Bồ Tát chẳng nói là không điên đảo. Như thế gọi là không đổi.

-Thứ lớp là gì? -Gặp kẻ si mê Bồ Tát bèn nói nghĩa cạn dễ hiểu để điều phục họ. Với người trung căn nói pháp bậc trung. Với người lợi căn nói pháp bậc thượng. Trước nói bố thí, kế nói Trì giới sau hết nói về Trí tuệ sáng suốt. Đây gọi là thứ lớp.

-Có khắp là gì? -Khi Bồ Tát nói pháp, không xem giòng dõi chúng sanh là giàu hay nghèo. Chỉ tùy vào sức, tùy trí của người mà nói giáo pháp, làm cho người nghe được niềm an vui. Đây gọi là Có khắp.

-Tùy thuận pháp lành như thế nào? -Bồ Tát quán sát chúng sanh, đáng được nghe pháp bậc hạ, bậc trung hay pháp bậc thượng, bèn theo trình độ vì họ giảng nói. Đây mệnh danh tùy thuận pháp lành.

Năm điều vắng lặng bên ngoài:

Một là. Đại Bồ Tát vì khắp chúng sanh, tu tập lòng Từ vô lượng.

Hai là. Vì khắp chúng sanh, Bồ Tát chịu đựng vô lượng sự khổ.

Ba là. Chúng sanh vui ưa gặp gỡ Bồ Tát được sự lợi ích.

Bốn là. Được sức tự tại rồi nhưng vẫn tùy thuộc chúng sanh như kẻ tôi tớ.

Năm là. Bồ Tát có đủ các oai đức lớn, nhưng vẫn khiêm tốn, tự hạ thấp mình như con của hạng chiên đà la.

Như trên gọi là vắng lặng trong ngoài.

ĐỒNG SỰ

Thế nào là Đồng sự của Đại Bồ Tát?

-Đại Bồ Tát đã thành tựu đầy đủ vô lượng pháp lành, lại đem pháp lành chuyển hóa chúng sanh. Đây gọi là Đồng sự của Bồ Tát.

Đại Bồ Tát cùng một việc làm mà giáo hóa chúng sanh, chúng sanh nếu được nhận pháp lành rồi, tâm họ vững chắc không gì lay động.

Vì sao thế?

Chúng sanh biết rõ Bồ Tát đã thành thiện pháp này rồi, người mới xoay vần khuyên hóa đến ta được sự an lạc. Nếu tu pháp lành mà bị điều ác thì Đại Bồ Tát không bao giờ tu, rồi đem khuyên ta.

Khi Đại Bồ Tát khuyến hóa vô lượng chúng sanh đồng sự như mình. Thì không người nào có thể nói rằng Bồ Tát tự mình chẳng được thành tựu mà khuyến khích người. Cũng không ai nói “Người tự chẳng đứng, làm sao khuyên người thực hành điều hành?”

Lại nữa, Bồ Tát có vị tự mình thành tựu, nhưng lại chẳng hay khuyến hóa người khác. Có vị tự không thành tựu nhưng hay khuyến hóa người khác. Có vị tự mình thành tựu và cũng có thể khuyến hóa người khác. Có vị tự mình chẳng thành tựu cũng chẳng khuyến hóa người khác.

-Tự mình thành tựu nhưng chẳng khuyến hóa người là: chẳng tự nêu tỏ công phu của mình đối với những người đồng thầy, đồng học, đồng pháp và đồng đức hạnh.

-Tự chẳng thành tựu mà hay khuyến hóa người khác là: Bồ Tát hoặc thấy những chúng sanh ác, thực hành việc ác như kẻ chiên đà la cho đến súc sanh. Vì điều phục hạng đó, Bồ Tát đồng chịu thân thể như họ, làm việc như họ để rồi đả phá nghiệp ác của những hạng này.

-Tự mình thành tựu và có thể khuyến hóa người: Đại Bồ Tát tự thành tựu pháp lành, phá tâm kiêu mạn, phá tâm khinh khi thoái chuyển của người.

-Tự mình chẳng thành tựu cũng chẳng khuyến hóa người là: Có Bồ Tát tự mình buông lung cho nên chẳng thể giáo hóa điều phục chúng sanh.

Đại Bồ Tát dùng sáu pháp Ba la mật tự trang thân mình, dùng Bốn nhiếp pháp trang nghiêm chúng sanh.

Đại Bồ Tát dùng sáu pháp Ba la mật tự điều phục tâm, dùng bốn nhiếp pháp điều phục tâm chúng sanh. Thân, miệng, ý của Bồ Tát trong sạch cho nên những pháp Bồ Đề trong sạch. Tự tâm trong sạch, cho nên trong sạch được tâm của chúng sanh. Bồ Tát thành tựu tốt đẹp thân tâm, nên gọi là bậc Vô thượng, vô thắng, vô cộng-Không gì trên, không gì hơn, không gì chung đồng. Bởi ba nghĩa vô thượng, vô thắng, vô cộng này mà giáo hóa chúng sanh, thế nên gọi là đồng sự.

Đại Bồ Tát đối với chúng sanh, đối với thời gian, đối với vật chất, đều không khởi niệm phân biệt.

-Đối với chúng sanh không khởi phân biệt là: Bồ Tát vì chúng sanh mà thực hành Bồ thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật, cầu các pháp lành.

-Đối với thời gian không khởi phân biệt là: Đại Bồ Tát trong tất cả thời gian, vì chúng sanh mà sinh lòng tinh tấn cầu các pháp lành.

-Đối với vật chất không khởi phân biệt là: Đại Bồ Tát vì chúng sanh mà nhận chứa tạp vật, nhưng với những vật này tâm không tham đắm.

Do nhân duyên ba sự không phân biệt này mà được Vô thượng Bồ Đề. Bồ Tát cam vui tu tập tất cả hạnh lành, tâm không thoái thất hồi đổi. Bởi nhân duyên tu tập, nên có thể làm hư hoại những tà pháp, tà kiến của chúng sanh, chỗ tu học của tự mình càng tăng trưởng thiện căn, hết lòng quan sát công đức các hạnh lành, tất cả những tà kiến không thể làm ngăn trở, hư hoại. Không hề tham cầu thân Chuyển luân vương, thân Thiên đế Thích, thân ma vương hay thân Phạm vương, chẳng cầu báo ơn, lợi dưỡng, danh dự hay sống lâu, sung sướng.

Bồ Tát tu tập những pháp như vậy tức được đầy đủ Bồ thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật. Đây gọi là đồng sự. Khi Đại Bồ Tát tu hạnh Đồng sự tâm không lay động, không hư hoại, trong sạch, vắng lặng, ánh sáng vĩ đại của trí tuệ không bị che lấp.

Đại Bồ Tát trụ tâm thanh tịnh, thực hành đầy đủ pháp lành vô thượng, pháp lành sáng chói, pháp lành sáng chói nghĩa là: Những sự thực hành pháp lành của Đại Bồ Tát tất cả những sự chê bai phá hủy không phá hủy nổi. Tâm bất động của Đại Bồ Tát tu những pháp lành, những gì lay chuyển không lay chuyển nổi. Tâm ấy ngày đêm lớn dần như mặt trăng lớn dần từ lúc mới mọc.

Pháp lành vắng lặng là gì?

-Đại Bồ Tát chứng được Chánh định vắng lặng đồng với Như Lai, gần kề Vô thượng Bồ đề.

Do nhân duyên tất cả sự Bồ thí, Trì giới, Tứ nhiếp cho nên Đại Bồ Tát được thân kim cang được quả Pháp thân.

Do nhân duyên Bồ thí khó khăn, Trì giới khó khăn của Đại Bồ Tát, cho nên Đại Bồ Tát chứng được quả báo vi diệu, công đức không thể nghĩ bàn của Như Lai.

Do nhân duyên Tất cả Tự thí, Tự giới cho nên được quả báo: Các hàng Trời người phụng sự cúng dường.

Do nhân duyên Bồ thí, Trì giới Của Người Lành, cho nên là bậc vô thượng đối với chúng sanh.

Do nhân duyên Bồ thí, Trì giới Trong Tất cả Hạnh, cho nên thành tựu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Như Lai.

Do nhân duyên Bồ thí, Trì giới Trừ khử, cho nên ngôi nơi Đạo tràng dưới cội Bồ đề, ma vương và quyền thuộc chẳng thể khuynh động.

Do nhân duyên Bồ thí, Trì giới Tự Lợi, Lợi tha, cho nên chứng được Thường, Lạc, giải thoát của Như Lai.

Do nhân duyên Bồ thí, Trì giới Vắng lặng cho nên được kết quả bốn sự vắng lặng: Thân vắng lặng, Duyên vắng lặng, Tâm vắng lặng, Trí vắng lặng, Mười lục, Bốn vô úy, Ba Niệm xứ, Đại Bi, Năm Trí tam muội... Vì khắp chúng sanh cho nên có mười tám pháp Bất cộng. Vì trí tuệ lợi ích, cho nên có vô lượng Pháp Bất cộng của Như Lai.

HẾT QUYỀN THỨ NĂM

--- oOo ---

QUYỀN THỨ SÁU BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ MƯỜI BẢY CÚNG DƯỜNG TAM BẢO

Thế nào gọi là Bồ Tát cúng dường Như Lai?

-Cúng dường Như Lai đại loại có mười cách:

Một là. Cúng dường sắc thân.

Hai là. Cúng dường tháp.

Ba là. Hiện gặp cúng dường.

Bốn là. Chẳng hiện gặp cúng dường.

Năm là. Tự mình cúng dường.

Sáu là. Người khác cúng dường.

Bảy là. Cúng dường lợi ích.

Tám là. Cúng dường tối thắng.

Chín là. Cúng dường thanh tịnh.

Mười là. Thọ trì cúng dường.

1.Cúng dường sắc thân: Đại Bồ Tát hiện tiền thấy sắc thân Phật, vì sắc thân mà cúng dường. Gọi là cúng dường sắc thân.

2.Cúng dường tháp: Đại Bồ Tát vì Như Lai mà tạo lập tháp miếu, hang, khám, hình tượng, sửa sang tháp miếu đã bị hư mục. Nếu gặp tháp mới, dùng hương hoa cúng dường, gọi là Cúng dường tháp.

3.Hiện gặp cúng dường: Đại Bồ Tát lúc hiện tiền gặp gỡ hình bóng Như Lai, gặp đức Phật đây không khác gặp các đức Phật trong khắp mười phương. Đây mệnh danh là Hiện gặp cúng dường.

4.Chẳng hiện gặp cúng dường: Đại Bồ Tát hoặc cúng dường chư Phật hiện tại hay tháp miếu Phật, được tâm tin hiểu: “Nay tôi hiện gặp và làm việc cúng dường, cũng được cúng dường chư Phật quá khứ, vị lai” Tại sao vậy? -Tất cả Như Lai đồng một pháp tánh, vì thế tất được cúng dường chư Phật quá khứ vị lai. Nếu tôi cúng dường tháp Phật hiện tại cũng là được cúng dường tháp Phật quá khứ vị lai. Vì sao? -Vì các miếu ấy đồng một pháp tánh. Nếu cúng dường một đức Phật, tức đã cúng dường chư Phật mười phương. Cúng một tháp Phật, tức đã cúng dường tháp Phật trong khắp mười phương.

Tạo lập hang khám, bồi bổ sửa sang tháp cũ, khi cúng dường tháp lại cũng như vậy. Đây gọi là Chưởng hiện gặp cúng dường.

Lại nữa, chưởng hiện gặp cúng dường là:

Hoặc chưởng gặp Phật, chưởng gặp tháp Phật mà tâm tưởng rằng: “Đây là Như Lai, đây là tháp Phật” Tất cả Phật, tất cả tháp, tất cả hang, tất cả tượng lại cũng tưởng như vậy. Đây gọi là Chưởng hiện gặp cúng dường.

Lại có một điều chưởng hiện gặp cúng dường là: hoặc sau khi Như Lai Niết Bàn, Bồ Tát vì Phật mà lập tháp miếu. Tùy sức tạo dựng hoặc là một tháp, hoặc là hai tháp đến vô lượng tháp. Đây gọi là chưởng hiện gặp cúng dường. Việc làm trên đây quả phước vô lượng, nhiếp lấy quả phước vô lượng Phạm thiên. Do nhân duyên này trong vô lượng kiếp Đại Bồ Tát không đọa vào đường ác, cũng do nhân này có thể trang nghiêm đạo quả Bồ Đề.

Đại Bồ Tát chưởng hiện gặp Tam bảo mà vẫn thi thiết về vụ cúng dường, còn hơn việc cúng hiện tại gặp gỡ, không thể tính lường, không thể so sánh, được những quả báo không thể tuyên nói. Với người si mê sau khi hiện gặp mới bày cúng dường, còn bực trí hơn tuy không gặp gỡ nhưng hay cúng dường. Đây gọi là chưởng hiện gặp cúng dường.

5.Tự mình cúng dường: Khi Đại Bồ Tát hoặc cúng dường Phật, hoặc cúng dường tháp, tự tay sắp sửa chưởng sai người khác. Như vậy gọi là Tự mình cúng dường.

6.Người khác cúng dường: Hoặc Phật hoặc tháp, khi muốn cúng dường chưởng riêng mình làm mà nhóm nhiều người hòa hợp cùng làm. Nhiều người như là cha mẹ, vợ con, tôn thân quyết thuộc, tôi trai tớ gái, hoặc vua hoặc quan, đạo sĩ, trưởng giả, những người láng giềng, kẻ nghèo, người giàu, kẻ khổ, người vui, bực thầy hòa thượng, bạn lữ đồng hành, đồng thầy, đồng pháp, cùng ở, cùng nước, cùng tên.v.v...cho đến những kẻ tà kiến, hạng chiên đà la. Đây mệnh danh người khác cúng dường.

-Lại nữa, người khác cúng dường là: Hoặc Đại Bồ Tát giàu có của cải và được tự do, vì lòng Từ bi Bồ thí chúng sanh. Ngay lúc đem thí lập nguyện như vậy: “Chúng sanh nghèo khổ phước đức sút kém. Nay nhận thí rồi tôi sẽ khuyên họ cúng dường Tam bảo, bởi do nhân duyên cúng dường Tam bảo mà phá quả báo khốn khổ nghèo nàn, được nhiều phước đức”. Lập nguyện

này rồi ban cho chúng sanh, bố thí chúng sanh rồi, khiến họ cúng dường Phật, Pháp, Tăng Bảo. Đây gọi là người khác cúng dường.

7.Cúng dường lợi ích: Đối với đức Phật hoặc tháp miếu Phật, Bồ Tát dâng cúng y phục, thức ăn, thức uống, mềm nệm, thuốc men, phòng nhà.v.v. cung kính lễ lạy, lại dùng các thứ hoa tạp, hương se, hương bột, hương đốt, âm nhạc, phang lọng, đèn sáng.v.v. dùng đó cúng dường. Hoặc khen công đức vô lượng của Phật, nãi vóc sát đất, đi nhiều ba vòng đến vô lượng vòng, thêm nữa là đem dâng hiến vàng bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ, mã não, vòng chuỗi nơi thân, những đồ chuông khánh, cho đến đồng tiền hay một sợi chỉ hoặc một hạt lúa...Đây gọi là cúng dường lợi ích.

8.Cúng dường tối thắng: Bồ Tát đối với đức Phật, có bao nhiêu sự bày biện cúng dường, cúng dường lợi ích, cúng dường thường hằng, cúng dường vật tốt, hiện gặp cúng dường, chẳng hiện gặp cúng dường, tự mình cúng dường, người khác cúng dường, hết lòng nhẫn nại ưa thích cúng dường, dốc lòng cúng dường, vui lòng cúng dường Tam bảo.v.v... Bao nhiêu sự việc cúng dường như vậy, đều dùng hồi hướng Vô thượng Bồ Đề. Đây mệnh danh cúng dường Tối thắng.

9.Cúng dường thanh tịnh: Bồ Tát đối với Phật và tháp Phật, hoặc tự tay cúng dường với tâm trân trọng, chẳng phải bởi tâm kiêu mạn khi dễ, khiến kẻ giúp việc không lộ phóng túng. Siêng lòng tinh tấn, dốc lòng tinh tấn, chẳng vì vua chúa sanh kính tin mình, chẳng phải để được vua quan, trưởng giả, cư sĩ cúng dường mình, chẳng phải để tự nêu công đức mình mà cúng dường Phật hay tháp của Phật. Chẳng dùng những chất kê-tử, la-sai, a-giao, dầu, sữa, trộn lộn với đất để tạo tượng Phật, chẳng xông a-giao để cúng dường Phật, hoa Phả Ca cũng không đem dâng cúng. Tóm lại những hoa có mùi hôi hám, dầu có vẻ đẹp cũng chẳng cúng dường. Lìa những uế tạp như trên gọi là cúng dường thanh tịnh.

10.Thọ trì cúng dường: Bồ Tát đối với Phật hoặc tháp Phật, tự xuất tiền của hoặc xin nơi người, tạo lập hình tượng hoặc tạo lập tháp, một tháp, hai tháp, cho đến trăm ngàn vạn ức, vô lượng bảo tháp, nơi mỗi mỗi tượng trong mỗi mỗi tháp lễ lạy cung kính, dùng hương hoa quý, kỹ nhạc đèn sáng, chuỗi hạt, tràng phang, bảo cái cúng dường tượng tháp.v.v.

Mặc dầu như thế nhưng cũng không đem nhân duyên sự cúng dường này mà cầu Vô thượng Bồ đề.

Tại sao vậy?

-Vì Đại Bồ Tát đã trụ vào bực không còn thoái chuyển. Đại Bồ Tát trụ Bất thoái địa rồi, đối với quốc độ của các đức Phật, Đại Bồ Tát này thọ thân vô ngại.

Đại Bồ Tát chẳng tự xuất của cải, chẳng tìm của cải ở nơi người khác, mà lập nguyện rằng: “Nếu các chúng sanh trên cõi Diêm Phù có thể cúng dường Phật, Pháp, Tăng bảo, hoặc các chúng sanh bốn châu thiên hạ, cho đến toàn cõi Đại thiên thế giới, rộng ra cho đến chúng sanh mười phương vô lượng vô biên thế giới...Tất cả số ấy dùng sự cúng dường bực hạ, bực trung hay cúng bực thượng mà cúng dường Tam bảo, tôi sẽ hết lòng tùy hỷ công đức theo sự hoan hỷ phát tâm như thế”.

Bồ Tát lại nguyện: “Xin đem nhân duyên sự tùy hỷ này khiến cho chúng sanh đều được thành tựu Vô thượng Bồ Đề”.

Đây mệnh danh Bồ Tát trang nghiêm Vô thượng Bồ Đề, còn gọi là Như Pháp cúng dường.

Đại Bồ Tát tu tập lòng Từ một cách nhanh chóng, nhanh như thời gian con trâu kêu rống. Tu tập tâm Bi, tâm Hỷ, tâm Xả lại cũng như vậy.

Bồ Tát quán sát tất cả các pháp hữu vi vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Quán sát sâu xa công đức vi diệu của Đại Niết Bàn, nghĩ về đức Phật, nghĩ Pháp, nghĩ Tăng, nghĩ về bố thí, Trì giới và các Thiên định, cho đến sâu vào pháp giới tánh, chẳng thấy một phần tướng vi tế nào có thể tuyên nói, dốc lòng hướng đến thực hành sáu độ (sáu ba la mật) dùng bốn nhiếp pháp nhiếp lấy chúng sanh, gọi là Như pháp cúng dường.

Nếu tỳ kheo nào luôn luôn hoan hỷ cúng dường cung kính tháp miếu vàng, bạc, tượng Phật bằng vàng, tượng Phật bằng bạc hay tháp tượng bằng pha lê, chơn châu, xa cừ mã não, bích ngọc san hô, còn đối với các tháp Phật, tượng Phật bằng đất, bằng gỗ mà chẳng cúng dường cung kính, hoặc gặp mà chẳng vui mừng ưa thích nên biết người đó chẳng được gọi Như pháp cúng dường. Nếu đúng như pháp làm việc cúng dường. Đó gọi là sự cúng dường vô thượng, cúng dường vô thắng, cúng dường tối thượng. Cúng dường như vậy trên hết tất cả mọi sự cúng dường, có thể đạt được quả báo vô lượng, quả báo không gì hơn.

Đại Bồ Tát vì sáu điều mà cúng dường Tam Bảo. Những gì là sáu?

- Vì làm ruộng phước không gì hơn.
- Vì biết ơn, báo ơn.
- Vì hơn tất cả chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân.
- Vì khó được gặp như hoa Ưu đàm.
- Vì không thầy Hòa thượng, tự nhiên mà được Vô thượng chánh giác.
- Vì luôn luôn làm cho chúng sanh được cái nhân của sự vui thế, xuất thế gian.

Sáu điều như trên là đối với Phật bảo, đối với Pháp bảo, Tăng bảo cũng vậy.

Khi Bồ Tát muốn thọ giới Bồ Tát, nên quan sát bực thầy Hòa thượng, nếu người có đủ tám điều sau đây mới theo thọ giới.

1.Đầy đủ giới Ưu bà tắc, đủ giới sa di, đủ giới Tỳ Kheo.

2.Luôn luôn rất mực cúng dường Tam bảo.

3.Khéo xét tướng mạo của kẻ trì giới hoặc kẻ hủy giới.

4.Được pháp Chi, pháp Quán.

5.Lòng Từ thương xót tất cả.

6.Hay xả bỏ những sở thích của mình để cấp cho người.

7.Không tâm sợ sệt.

8.Chẳng nói sai phép, chẳng nghe trái phép. Người nói trái phép thì quả trách can dự, có thể nhẫn chịu tất cả khổ vì bị chọc pháp đánh mắng, nhiều hại. Ở chỗ những người nhiều tham giận, se me, huỷ cấm, biếng lười mà vẫn vì họ nói pháp giáo hóa không hề mệt, giải nghĩa không lười, nói năng không lộn, mở lời mềm mỏng không bị sơ xuất, thường nghĩ đến

người, muốn sao cho họ được niềm an vui, có nghi liền thừa thỉnh, chẳng lấy làm xấu hổ, khéo biết phương tiện dạy bảo chúng sanh. Đối với mọi người luôn luôn bình đẳng không phân sang hèn. Sáu căn đầy đủ, oai nghi chững chạc, chẳng tin lời nói dèm pha của người, giữ gìn tế hạnh, chẳng tự cống cao khinh miệt người khác, chẳng vì lợi dưỡng bề ngoài hiện cách nịnh hót quanh co, bỏ tánh tham lam, đồ kỵ sên lặn, nếu tự được lợi, trước nghĩ đến người, tâm thường chuyên nhất, không hề phóng túng, thấy người lợi ích vui như chính mình, luôn luôn giữ hạnh thiếu dục, tri túc, chỉ chứa sáu vật, ngoài sáu món ra, được món gì khác liền đem bố thí. Thường khuyên nhủ người theo chỗ phạm lỗi mà nên phát lộ, chỉ cách nhớ nghĩ để biết sửa đổi, đúng pháp sám hối, hay chăm sóc người mắc bệnh khổ, không nói lỗi phải của tạng Thanh Văn hay tạng pháp Bồ Tát...

Nếu có đầy đủ những điều như thế, quả thật là bậc Hòa thượng.

Khi Đại Bồ Tát đã thọ giới rồi, nếu Hòa thượng bệnh, tự mình làm kẻ sai bảo cung cấp. Nếu người không bệnh, phải theo mọi người chỉ dạy mà làm, nên sanh cung kính, tôn trọng đưa trước, ân cần lễ lạy, đứng hầu đôi bên, dâng đưa y bát, món ăn thức uống, mền gối, thuốc men và thuận theo những pháp ngữ khai thị, theo pháp thực hành không nên thay đổi. Tùy chỗ phạm tội mà thành thực tỏ bày. Nếu như nghe pháp, tâm tưởng là Phật, tướng Pháp, tướng từ khéo tăng, tướng khó gặp gỡ, tướng như mắt sáng, tướng nhân Đại trí, tướng đại sáng suốt, tướng được quả lớn, tướng cái hơn Đại Niết Bàn, nhân vô thượng đạo, tướng được Thường, Lạc, tướng được pháp xa ma tha Tỳ bát xá na...Tướng như vậy chơn thật tướng pháp. Đây gọi là công đức đầy đủ của sự nghe pháp.

Lại nữa, trong khi nghe pháp nên hết lòng nghe, nên tin tưởng nghe, chẳng nên nghĩ rằng: “Nay tôi chẳng nên theo người phá giới, người này giống họ thấp thỏi kém hèn, các căn không đủ, nói không đúng giọng, cách người thô tệ..!” Phải lìa hết những ý nghĩ như vậy mà dốc lòng nghe pháp.

Đại Bồ Tát thọ Bồ Tát giới gồm có hai hạng. Hạng Trí, Hạng ngu. Nếu khởi quan niệm và nghĩ như trên, gọi là ngu si, chẳng thêm pháp lành và chẳng được đại trí.

TỨ VÔ LƯỢNG TÂM

Bồ Tát tu bốn vô lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Bốn vô lượng tâm này, mỗi vô lượng tâm đều có ba duyên:

Một là. Chúng sanh duyên.

Hai là. Pháp duyên.

Ba là. Vô duyên.

-Chúng sanh duyên là: Đại Bồ Tát tu tập lòng Từ, xét rõ ba nhóm chúng sanh. Một là chịu vui. Hai là chịu khổ. Ba là chẳng khổ chẳng vui.

Đại Bồ Tát tu tập lòng Từ, quán sát chúng sanh hiện đang thọ vui làm cho tăng trưởng. Quán sát chúng sanh hiện đang chịu khổ, dứt khổ sanh vui. Quán sát chúng sanh chẳng khổ chẳng vui mà dứt khổ vui, làm cho đại Niết Bàn. Đây gọi là Chúng sanh duyên.

-Pháp duyên nghĩa là: Đại Bồ Tát chỉ quán pháp tướng, mà chẳng quán tướng (ba nhóm) chúng sanh “Nếu tôi tu tập lòng Từ mà không chúng sanh thì ai là khổ, ai được thọ vui?” Như thế gọi là Pháp duyên từ.

-Vô duyên từ: Bỏ tướng chúng sanh và tướng các pháp để tăng trưởng lòng Từ. Như vậy gọi là Vô duyên Đại từ.

Như cách quán về tâm Từ, ngoài ra ba vô lượng tâm Bi, Hỷ, Xả cũng đồng như vậy.

Đại Bồ Tát nếu như chúng sanh duyên tu vô lượng tâm, nên biết tâm ấy không khác ngoại đạo, cũng là đồng một thứ tâm với bực Thanh Văn, Duyên Giác. Bốn vô lượng tâm của Đại Bồ Tát hiệp chung với nhau chính là tâm Bi, vì vậy Bồ Tát được gọi Đại Bi.

Bồ Tát quán sát chúng sanh chịu khổ, tổng quát gồm có một trăm mười thứ, vì muốn trừ diệt các thứ khổ ấy mà tu Đại Bi.

Những gì là một trăm mười thứ?

-Một là khổ: Khổ sanh ra đời.

-Hai thứ khổ: Khổ cầu không được. Cầu được rồi mất.

-Ba thứ khổ: Khổ khổ. Hoại khổ, Hành khổ.

-Bốn thứ khổ: Khổ vì ân ái chia lìa. Khổ vì oán ghét sum họp. Khổ vì sự chết. Khổ vì năm ấm chẳng diệt.

-Năm thứ khổ: Khổ vì nhân duyên tham dục. Khổ vì nhân duyên giận dữ. Khổ vì nhân duyên ngu ngốc. Khổ vì nhân duyên bứt rứt. Khổ vì nhân duyên nghi ngờ.

-Sáu thứ khổ: Khổ vì cái nhân ác đạo. Khổ vì quả báo ác đạo. Khổ vì mong cầu nhiều thứ. Khổ vì bảo thủ giữ gìn. Khổ vì được không biết chán. Khổ vì mất mát.

-Bảy thứ khổ: Khổ bị sanh ra. Khổ vì già cả. Khổ vì bệnh hoạn. Khổ vì chết chóc. Khổ vì yêu thương chia lìa. Khổ vì oán thù gặp gỡ. Khổ vì mong cầu chẳng toại.

-Tám thứ khổ: Khổ vì lạnh lẽo. Khổ vì nóng bức. Khổ vì đói lòng. Khổ vì khát uống. Khổ vì không được Tự Do. Khổ vì mình làm (như Ni kiền Tử). Khổ vì người khác làm (như việc vua quan). Khổ vì oai nghi lâu đời.

-Chín thứ khổ: Khổ vì thân phận nghèo nàn. Khổ vì người khác nghèo nàn. Khổ vì người thân bị mất. Khổ vì của cải bị mất. Khổ vì bệnh hoạn. Khổ vì phá giới. Khổ vì nhận thức tà vạy. Khổ đời hiện tại. Khổ nơi đời khác.

-Mười thứ khổ: Khổ có thức ăn mà không đồ đạc. Khổ vì không có xe cộ đi lại. Khổ tìm hoa hương chẳng được. Khổ vì tìm đồ trang sức chẳng được. Khổ vì tìm đèn, ánh sáng chẳng được. Khổ vì tìm người sai khiến chẳng được. Khổ vì tìm thức ăn uống chẳng được. Khổ vì tìm cầu y phục chẳng được. Khổ vì được mà không dùng. Khổ vì thấy người đến xin.

(Trên đây là năm mươi lăm thứ khổ)

Lại có chín thứ khổ nữa:

-Tất cả khổ.

-Khổ lớn lao.

-Tất cả tự khổ.

-Khổ không như pháp trụ.

-Khổ xoay chuyển.

-Khổ chẳng tự tại.

-Khổ bị làm hại.

-Khổ bị đuổi theo.

-Khổ trong tất cả hạnh.

Tất cả khổ: Do nhân thưở trước bị quả hiện tại.

Khổ lớn lao: Như các chúng sanh trong vô lượng đời chịu khổ địa ngục.

Tất cả tự khổ: Như khổ địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ. Sự khổ cõi người. Sự khổ cõi trời. (5 điều).

Khổ không như pháp trụ: Ăn ở không đúng.

Như lập mưu định kế muốn toan hại người. Sự việc chẳng thành trở lại mang họa. Tham ăn, tham uống sau đó chịu khổ. Khổ vì nghĩ đến tham dục, giận dữ, si mê, như do tạo nghiệp ác mà thân, miệng, ý chịu khổ, như pháp giới cảm chịu sự lo khổ (8 điều).

Khổ xoay chuyển: Như hiện tại là vua, chuyển sang đời khác trở thành nô bộc. Hiện tại là cha mẹ anh em, vợ con, đời khác bèn là oán thù gặp gỡ. Hiện tại giàu to, chuyển sang đời khác chịu khổ nghèo nàn. (5 điều).

Khổ không được tự tại: Như muốn được sống lâu, muốn được đàng hoàng. Muốn được giòng họ cao cả. Muốn được giàu sang. Muốn được sức mạnh. Muốn được trí tuệ. Muốn trừ oán địch...nhưng khổ sở vì không được như ý (7điều).

Khổ bị hại: Như người trong đời cầu mong phá bỏ hoàn cảnh nghèo nàn nhưng khổ sở vì không thể phá bỏ. Những người xuất gia mong phá phiền não nhưng khổ sở vì không phá hoại nổi (2 điều).

Khổ bị đuổi theo: Như khổ vì những sự việc gian nan. Khổ vì chiến tranh phát khởi. Khổ vì đường xá xa xôi. Khổ vì tay chân bị đứt. Khổ bị giam nhốt đánh trói. Khổ bị xua đuổi khỏi nước (6 điều).

Khổ trong tất cả hành động: Khổ vì gieo nhân đau khổ. Khổ vì dứt lia sự vui. Khổ vì chưa đoạn hết tất cả thọ. Khổ vì chẳng thể xuất gia. Khổ vì không thể vắng lặng. Khổ vì chẳng được Bồ Đề. Khổ vì sanh nhiều tư lự. Khổ vì còn là phạm phu. Khổ vì tâm thân tứ đại. Khổ vì còn trong ba cõi. Khổ vì vô minh phiền não (11 điều).

Trên đây gọi là một trăm mười một khổ (1) Bồ Tát quán sát những khổ như thế mà tăng trưởng tâm Đại Bi.

Tất cả những nỗi khổ này được nuôi lớn là bởi mười tám thứ:

1. Khổ ngu si.
2. Khổ chịu quả báo.
3. Khổ vì sự chi phối không ngừng.
4. Khổ thường hằng.
5. Khổ sinh sống.
6. Khổ tự làm.
7. Khổ người khác tạo.
8. Khổ vì phá giới.
9. Khổ vì tà kiến.
10. Khổ đời quá khứ.
11. Khổ thái quá.
12. Khổ địa ngục.

13.Khổ cõi Trời.

14.Khổ luân chuyển.

15.Khổ vì thọ nhận.

16.Khổ vì chẳng hay chẳng biết.

17.Sự khổ càng lúc càng tăng.

18.Khổ vì biếng nhác.

Bồ Tát thường lấy nhân duyên bốn điều dùng để quan sát, gọi là Đại Bi.

-Quan sát kỹ càng nhân duyên chịu khổ của khắp chúng sanh rất là sâu xa khó hiểu khó biết.

-Tu tập bi tâm vô lượng đời.

-Hết lòng tu tập.

-Bởi hết lòng tu tập, cho nên vì chúng sanh mà không tiếc thân mạng.

Do những nhân duyên của bốn điều này. Bồ Tát có thể vì khắp chúng sanh mà chịu nhọc nhằn, khiếm tốn nhún nhường, nhẫn nại chịu khổ, chịu khổ của thân, vì thế Bồ Tát được mệnh danh là Đại Bi thanh tịnh, Đại Bi thanh tịnh gọi là Như Lai địa.

Đại Bồ Tát quán sát một trăm mười điều như trên, tất cả Bồ Tát thấy đều tu tập. Vì khắp chúng sanh, Bồ Tát tăng trưởng tâm tâm Đại Bi, Bồ Tát luôn luôn quán sát chúng sanh, do tướng các pháp mà sanh tâm Đại Bi. Nếu chẳng thể quán tướng Vô Duyên Từ để sanh khởi Đại Bi, tâm chẳng được gọi là Đại Bi.

Như Lai luôn luôn đầy đủ ba duyên: Chúng sanh Duyên Từ, Pháp duyên từ và Vô duyên từ cho nên gọi là Đại Bi.

Bồ Tát vì tu tập Đại Bi cho nên được thân vắng lặng, tâm vắng lặng. Bởi nhân duyên thân, tâm vắng lặng này mà có thể phá bao nhiêu phiền não của các chúng sanh, trụ bực Tịnh địa, Pháp Vương tử Địa, thương xót chúng

sanh dường như con ruột. Bởi duyên Đại Bi cho nên Bồ Tát vì các chúng sanh siêng tu khổ hạnh tâm không thoái lui.

Như nói đạo quả của bực Thanh Văn, một khi chúng được bốn Chơn đế rồi là cảm nhận được niềm vui vô lậu. Bồ Tát tu tập Bi tâm chỉ vì chúng sanh, chẳng vì tự thân.

Tu nhân duyên Bi tâm, Bồ Tát chẳng tiếc của cải bên ngoài cho đến thân mạng bên trong.

Tu nhân duyên Bi tâm, Bồ Tát bỏ thân, chịu thân, trọn không hủy mất giới cấm của Như Lai, chánh định khó chứng có thể chứng được, trí tuệ khó được có thể đạt được, vì vậy trong kinh Như Lai từng nói:

“Vô thượng Bồ Đề của Đại Bồ Tát trụ tại nơi nào? -Phải nói là trụ nơi tâm Đại Bi”

Bồ Tát tu tập tâm vô lượng này được vui hiện tại, có thể làm cho chúng sanh lia khổ, chứa nhóm vô lượng công đức cao tột và làm trang nghiêm Vô thượng Bồ Đề.

Chú Thích:

(1) Một trăm mười nổi khổ:

110 cái khổ này là nói tổng quát tất cả nổi khổ được trình bày từ trước tới sau.

Từ số mục một nổi khổ, hai nổi khổ cho đến 10 nổi khổ, cộng tất cả 55 sự khổ.

Từ 9 cái khổ sau, mỗi số mục lại có các sự khổ, cộng chung thành 46 nổi khổ lại cộng chung 9 cái khổ đầu thành 55 khổ.

Trước 55 cái và sau 55 tổng quát thành 110 khổ.

PHẨM THỨ MƯỜI TÁM BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO

Thế nào là sự hổ thẹn của Bồ Tát?

Hổ thẹn có hai:

Một là tánh. Hai là nhân duyên.

-Tánh là thế nào? -Đại Bồ Tát tự biết việc làm sai pháp của chính tự mình, vì sợ quả xấu nên sanh tâm hổ thẹn.

-Nhân duyên là gì? -Bồ Tát đối với điều ác do mình gây tạo, vì sợ người biết mà sanh hổ thẹn.

Tánh hổ thẹn chẳng phải nhờ nhân duyên mới được như tánh Bồ Tát. Tu hành hổ thẹn của Đại Bồ Tát vốn từ nhân duyên đưa đến, chẳng hạn nhân duyên Tám món Thánh đạo.

Hổ thẹn có bốn điều:

-Chẳng nên làm mà làm, sanh ra hổ thẹn.

-Nên làm nhưng chẳng chịu làm, sanh ra hổ thẹn.

-Tâm tự nghi ngờ sanh ra hổ thẹn.

-Tội đã che dấu, sợ người hay biết mà sanh hổ thẹn.

Vì sao gọi là Bồ Đề Tát Đỏa?

-Tát đỏa nghĩa là mạnh mẽ, dũng cảm, không sợ điều gì. Tánh của Bồ Đề có sức mạnh mẽ. Bởi sức mạnh mẽ cho nên có thể chế ngự phiền não, chẳng thuận vọng tình, luôn luôn nhẫn chịu những nỗi khó khổ và những đe dọa, dầu bị khủng bố cũng không lay động.

Bồ Tát có bao thiện pháp trang nghiêm, đó mệnh danh là năng lực của tánh dũng cảm mạnh mẽ, vì thế gọi là Bồ Đề Tát Đỏa.

Năng lực về tánh dũng cảm mạnh mẽ của Đại Bồ Tát có năm nhân duyên. Thế nào là năm?

-Các khổ sanh tử.

-Hành vi ác nghiệp của các chúng sanh.

-Trong vô lượng đời lợi ích chúng sanh cho nên chịu vô lượng khổ.

-Hết lòng giữ vững giới cấm của Bồ Tát.

-Hết lòng nghe nhận những pháp sâu diệu.

Lại có năm nhân duyên khiến Đại Bồ Tát vì khắp chúng sanh chịu đủ khổ lớn như cắt tim gan nhưng không buồn rầu. Năm nhân duyên là:

-Vì có đại dũng cảm mạnh mẽ.

-Vì siêng tu tập không chút ưu sầu.

-Vì sức tinh tấn mạnh mẽ mà siêng tu phương tiện hay khéo.

-Vì lực mạnh mẽ của trí tuệ lớn.

-Vì sự chuyên nhứt tu tập ba tâm.

Bồ Tát hiểu biết sử sách thế gian, điều ấy thế nào?

Bồ Tát hay khéo biết các phương pháp, nghệ thuật thế gian. Biết chữ biết câu, biết lời biết nghĩa, tâm miệng hòa hợp, chuyên nhứt thọ trì. Ấy là Bồ Tát biết pháp biết nghĩa, vì biết pháp, nghĩa cho nên có thể vì người giải nói. Do nhân duyên đó nên sự sáng suốt về pháp về nghĩa càng được tăng trưởng. Đó mệnh danh là Văn huệ, Tư huệ. Cũng bởi nhân duyên Văn huệ, Tư huệ này mà các pháp Trợ Bồ Đề phần được tăng trưởng mãi.

Bồ Tát thế nào biết rõ thế gian?

Thế gian có hai:

Chúng sanh thế gian và Khí thế gian.

Đại Bồ Tát quán về chúng sanh thế gian, như trong kinh nói: “Hữu tình thế gian bị khổ chi phối, cho nên phải chịu sự khổ sống chết, chẳng rõ đầu mối sanh tử, chẳng được giải thoát”. Vì thế kinh nói “chúng sanh có năm trước: mạng trước, chúng sanh trước, phiền não trước, kiến trước, kiếp trước”.

Như hiện nay đây người sống không đầy trăm tuổi. Đó là mạng trước.

Lại như hiện nay chúng sanh chẳng hay hiếu với cha mẹ, chẳng kính thầy bạn, Hòa thượng, sa môn, bà la môn, hành động không lễ, chẳng sợ quả báo hiện tại, vị lai, chẳng ưa bố thí, chẳng vui làm phước, chẳng thích thọ trai, giữ giới tinh tấn, Đây gọi là chúng sanh trước.

Lại như hiện nay chúng sanh đều do phiền não mê muội, hoặc giết cha mẹ, đối với mẹ, dì, chị gái, em gái, bà con thân thuộc mà cưỡng hành dâm. Hoặc vì gây tạo nhân duyên ác độc đối với chúng sanh mà chứa cung tên, dao gậy, mâu, sóc... Có nhiều chúng sanh nói dối, hai lưỡi, nói năng hung hiểm, nói lời vô nghĩa... Có đến vô lượng điều ác như vậy. Khi mà phiền não chẳng lành pháp khởi đây đây như thế, gọi là phiền não trước.

Lại như chúng sanh hiện nay, thật chẳng phải pháp nhận thức là pháp. Chính thật là pháp lại cho phi pháp. Chẳng phải chánh pháp nói là chánh pháp. Do sự nhận thức nói năng sai lầm ấy mà phá hoại Chánh pháp, nuôi lớn tà pháp. Vô lượng chúng sanh tu theo tà kiến, tà pháp như vậy gọi Kiến trước.

Lại như, thời đại ác trước, chúng sanh ác trước, có ba tai kiếp dữ dần khởi lên trong khắp cõi đời: Tai kiếp đói kém, tai kiếp bệnh dịch, tai kiếp chiến tranh. Đó gọi là kiếp trước.

Trên đây là nói Bồ Tát biết rõ chúng sanh thế gian.

Bồ Tát lại biết Khí thế gian, nghĩa là khéo biết nhân duyên thành hoại của cả thế gian. Vì vậy kinh nói: “Này Ca chiên Diên! Như Lai hay khéo biết về thế gian, biết rõ nguyên nhân và sự hoại diệt của toàn thế giới, biết đạo giáo trong khắp cả thế gian, biết rõ đạo vị, biết rõ sự khổ và sự giải thoát của toàn thế gian. Này Ca chiên Diên! Sáu Nhập, năm Âm, Bốn đại hợp lại gọi là thân người. Bởi có thân người nên theo thế gian mà lập thành tướng, hoặc gọi là Ta, gọi là chúng sanh, gọi là mạng sống, gọi là sĩ phu, gọi là Ất, Giáp... Những danh từ ấy tánh nó không thật. Bởi phiền não mà chúng sanh nói rằng “tôi thấy” “tôi nghe” “tôi biết” v.v. Cái thấy, nghe, biết cũng không

chân thật. Cứ như vậy lan rộng trong đời. Nào tên, nào họ, ăn uống, nghỉ ngơi, chịu khổ, chịu vui, sống lâu, chết yểu... Những cái như thế gọi là lan rộng. Sự lan rộng này gọi nó là tướng, chẳng gọi chân thật. Như Lai biết đúng chúng sanh thế gian và Khí thế gian, vì thế gọi là Như Lai chơn thật khéo biết thế gian”.

Bồ Tát nếu như gặp người tuổi tác đức độ hơn mình, nên ra nghênh đón, chào hỏi lễ lạy, sắp đặt giường tọa. Gặp người tuổi tác đức độ ngang mình, hãy nên ra ý khiêm hạ hỏi chào, nói năng mềm mỏng, bắt tay cùng hòa, chẳng sanh kiêu mạn, cho mình hơn người. Gặp người tuổi tác đức độ nhỏ thua cũng ra ý hỏi, nhỏ nhẹ lời nói khuyên khích bồi đức, dạy làm điều lành, tâm không khi dễ. Giả sử người ấy có tội, cũng không soi mói, theo vật người cầu mà tùy tình cấp thí.

Bồ Tát đối với tất cả mọi người bực trên, bực giữa và bực dưới mình, đều ra ý chào, nói năng mềm mỏng, đem pháp lành dạy. Dùng thức ăn uống và dùng giáo pháp nhiếp giữ chúng sanh. Với ba nghiệp lành thuộc thân, miệng, ý và sự khéo tư duy, đều đem hồi hướng đến các chúng sanh. Thường nghĩ như vậy: “Nguyện tôi chớ tạo nhân duyên xấu ác đối với chúng sanh. Nguyện tôi chẳng gây tư tưởng oán hờn mà thường sanh khởi ý tưởng thân thiện và không giận dữ, giả sử có giận cũng không để tâm”.

Nếu gặp người khác giận hờn đánh đập, nên quán Pháp giới, thân, miệng, ý nghiệp thường tự ngưng đọng, đầy đủ mười bốn điều, đó là: Sáu phương tiện, bốn hạng ác tri thức, bốn hạng thiện tri thức như trong kinh Thiện sanh nói rõ.

Thường làm lợi ích đời này đời sau. Siêng tìm của cải, được rồi bảo vệ để làm phước đức, không tham, không sên, không làm trò huyễn để mê hoặc người. Trì giới hộ thệ, có người gởi gắm chẳng để sanh nghi, chúng sanh gặp gỡ như gặp điều thật. Thường gần bạn lành, trị nước an dân, khuyên tu Thập thiện. Thấy nói có thấy, nghe nói có nghe, biết nói rằng biết, rõ nói là rõ... Vì thế Bồ Tát được mệnh danh là rõ biết thế gian.

Thế nào là sự học Tứ Y của Bồ Tát?

1. Bồ Tát y nghĩa chẳng y vào chữ: Bồ Tát nghe pháp chẳng y theo chữ, chỉ nương theo nghĩa.

2.Đại Bồ Tát y pháp chẳng y người: Bồ Tát hiểu biết thế nào là Pháp, thế nào phi pháp. Biết pháp như vậy là lời Phật nói, lời trưởng lão nói hay lời chúng tăng nói. Nếu chẳng phải pháp, mặc dầu nghe là lời đức Phật nói tâm cũng không tin. Nếu đúng là pháp, dầu không phải Phật nói, không phải trưởng lão nói, không phải chúng tăng nói, nhưng đúng pháp tướng. Bồ Tát nghe rồi liền tin nhận ngay.

3.Bồ Tát y kinh liễu nghĩa, chẳng y kinh bất liễu nghĩa: Y liễu nghĩa là: Chẳng động, chẳng dời, không sanh lòng nghi về kinh liễu nghĩa. Với kinh liễu nghĩa, nếu như Bồ Tát sanh tâm nghi ngờ tức có thể đổi đời.

4.Bồ Tát y trí chẳng y thức: Vì sao thế? -Vì tu trí tuệ, gọi là tịnh trí. Do đó Bồ Tát hiểu nghĩa rất sâu. Dầu với nghĩa sâu mà chưa hiểu rõ cũng sanh tâm phi báng.

Đây gọi là sự thành tựu Tứ y của Đại Bồ Tát.

Bồ Tát thành tựu Tứ y như trên, có thể biết rành đạo giáo thế gian và đạo pháp xuất thế.

Đại Bồ Tát lại có bốn đường lối, do bốn đường lối mà biết tất cả pháp giới, được trí vô ngại. Bốn đường lối ấy là Tứ Vô ngại trí.

-Biết tất cả pháp giới là Pháp Vô ngại trí.

-Nếu Bồ Tát biết hết thảy danh từ của tất cả pháp, biết rất sáng suốt không bị chướng ngại, không chút điên đảo, gọi là Nghĩa Vô ngại trí.

-Nếu Bồ Tát biết hết thảy danh từ của tất cả pháp, gọi là Từ Vô ngại trí.

-Bồ Tát hiểu biết tất cả pháp giới, biết rõ danh từ nghĩa lý các pháp, nói không cùng tận. Gọi là Lạc thuyết Vô ngại trí.

Bồ Tát đầy đủ Tứ Vô ngại trí là biết phương tiện của Âm, Giới, Nhập, phương tiện mười hai nhân duyên và biết phương tiện Thị Xứ Phi xứ.

Bồ Tát đầy đủ Tứ Vô ngại trí là biết rõ ràng đạo quả Bồ Đề, lại còn có thể vì những điều khác phân biệt giảng nói một cách rộng rãi.

Thế nào là sự trang nghiêm Bồ Đề?

Trang nghiêm có hai: Công đức trang nghiêm, Trí tuệ trang nghiêm (Như trong phẩm Lợi Hành đã nói).

Bồ Tát trong vô số kiếp (a tăng kỳ kiếp) thứ nhất, tu tập hai thứ trang nghiêm, gọi là trang nghiêm bậc hạ.

Tu hành trong vô số kiếp thứ hai, gọi là trang nghiêm bậc trung.

Tu hành trong vô số kiếp thứ ba, gọi là trang nghiêm bậc thượng.

S

Thế nào là sự tu tập ba mươi bảy phẩm Trợ đạo của Bồ Tát?

-Bồ Tát đầy đủ tứ vô ngại trí, được trí phương tiện, do trí phương tiện này mà tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, vẫn chưa chứng đạo Vô thượng Bồ Đề, nhưng cũng biết được chỗ tu đạo phẩm của bậc Nhị thừa, biết về Nhị thừa như trong phẩm đầu đã nói sơ lược.

Thế nào là biết chỗ tu ba mươi bảy Phẩm Trợ Đạo của Bồ Tát?

-Bồ Tát quán thân bằng cách tuần tự quan sát về thân. Trong khi khởi quán không chấp tướng thân, cũng không tác ý là tướng hư không, nhưng vẫn biết thân chẳng thể tuyên nói. Đây gọi là quán thân đệ nhất nghĩa, chẳng qua có sự lan rộng mà gọi là thân.

Như cách quán thân, quán ba mươi bảy phẩm Trợ Đạo lại cũng như vậy.

Khi đại Bồ Tát quán về thân này, không tác ý Khổ, không tác ý Tập, không tác ý Diệt, cũng không tác ý nhân duyên Đạo đế.

Vì sao thế?

-Bởi vì pháp giới (toàn thể nhất tâm) bất khả thuyết vậy.

Nếu như Bồ Tát có thể biết về Khổ, Tập, Diệt, Đạo như vậy, được mệnh danh là tu đệ nhất nghĩa về ba mươi bảy Phẩm Trợ đạo.

Vì sự lan rộng cho nên gọi là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bồ Tát nếu biết chẳng do giác quán, quán về ba mươi bảy Phẩm Trợ đạo. Đó gọi là Xa ma tha. Bồ Tát nếu biết pháp giới chơn thật không thể tuyên nói, như thế gọi là Tỳ bát xá ma (huệ).

Pháp Xa ma tha của Bồ Tát có bốn:

- 1.Độ nhứt nghĩa Xa ma tha.
- 2.Kỳ hạn của Xa ma tha.
- 3.Chơn thật của Xa ma tha.
- 4.Sự lia các phiền não của Xa ma tha.

Bồ Tát đầy đủ bốn nghĩa Xa ma tha, là biết toàn thể pháp giới, gọi là Vô thượng Bồ Đề.

Tỳ bát xá ma của Bồ Tát cũng có bốn:

- 1.Cùng vận dụng với Xa ma tha.
- 2.Lìa khỏi điên đảo.
- 3.Phân biệt vô lượng pháp giới.
- 4.Biết pháp giới một cách thông suốt.

Bồ Tát tu tập bốn nghĩa Tỳ bát xá ma là vì Vô thượng Bồ Đề.

Thế nào là phương tiện hay khéo của Bồ Tát?

-Phương tiện hay khéo có mười hai thứ: Trong có sáu thứ, ngoài có sáu thứ.

Sáu thứ bên trong là:

-Đối với chúng sanh, Bồ Tát luôn luôn khởi tâm Đại Bi.

-Chơn thật biết rõ về tất cả hạnh.

- Thường thích buộc niệm nơi đạo vô thường.
- Vì chúng sanh mà xoay vần sanh tử.
- Chơn chánh biết rõ thế nào là phiền não, thế nào chẳng phải phiền não.
- Vì Vô thượng Bồ Đề nên siêng tu tinh tấn.

Đây gọi là sáu phương tiện bên trong.

Sáu thứ bên ngoài là:

- Có thể làm cho người cúng thí ít lại được vô lượng phước.
- Người có công đức, có thể làm cho càng được tăng trưởng.
- Người hủy phá Phật pháp, có thể khiến họ phát sanh đức tin.
- Người đã có đức tin làm cho tăng trưởng.
- Người chưa thuần thực làm cho thuần thực.
- Người đã thuần thực khiến được giải thoát.

Đây gọi là sáu phương tiện bên ngoài.

Vì sao thí ít mà lại được phước vô lượng?

- Nếu có chúng sanh ở chỗ Bồ Tát, được nghe những pháp Bồ Tát nói ra, kẻ ấy nghe rồi đem nắm thức ăn thí cho chó đói. Vật thí ấy ít, phước lại mỏng manh, nhưng do có thể dùng đó hồi hướng Vô thượng Bồ Đề, cho nên được phước nhiều hơn vô lượng.

Người có công đức làm cho tăng trưởng là như thế nào?

- Nếu như có người trước đó đã thọ tám pháp trai giới, Bồ Tát vì họ phân biệt giải nói, chỉ cách hồi hướng Vô thượng Bồ Đề.

Nếu có chúng sanh chấp sâu tà kiến, một tháng không ăn, dứt ăn ban ngày, ăn uống về đêm, Bồ Tát vì họ tuyên giảng chánh pháp, khiến cho kẻ ấy pháp bỏ tà tâm, lại vì kẻ ấy dạy bảo thọ trì Bát quan trai giới.

Nếu có chúng sanh muốn cầu giải thoát nhưng không biết phương pháp, Bồ Tát vì họ giải nói ý nghĩa Trung đạo Thật tướng lìa khỏi nhị biên.

Nếu có chúng sanh muốn được thân trời mà phải trên cao nhảy xuống vực sâu, gieo mình vào lửa. Bồ Tát nhằm phá cái khổ hiện tại, vì họ giải nói về việc trì giới. Hiện tại được vui sau được sanh thiên.

Nếu có chúng sanh vì sự vắng lặng, đọc tụng giải nói bốn kinh Phệ đà. Bồ Tát liền đem mười hai phần kinh giảng nói chỉ dạy khiến họ phân biệt tư duy nghĩa lý.

Lại nữa, Bồ Tát dùng nhiều hương hoa thượng diệu trên đời cúng dường Tam bảo, lại cũng chỉ vẽ chúng sanh để họ hiểu biết cúng dường. Bồ Tát hướng về chư Phật mười phương phát nguyện cúng dường và dạy chúng sanh hướng về chư Phật trong khắp mười phương pháp nguyện cúng dường.

Lại nữa, Bồ Tát thường tu lục niệm, từ việc niệm Phật cho đến niệm Thiên, cũng dạy chúng sanh làm cho cùng biết tu hành lục niệm.

Lại nữa, nghiệp lành thuộc thân, miệng, ý của Bồ Tát hoặc nhiều hoặc ít đều thí chúng sanh, cũng đem pháp này chỉ dạy tất cả.

Bồ Tát thường lập nguyện lớn như vậy:

“Tất cả chúng sanh có bao sự khổ, nguyện đều góp hết vào một thân tôi, chớ để họ chịu những nỗi khổ ấy”. Bồ Tát tự mình lập nguyện như vậy và đem điều này xoay vần giáo hóa chúng sanh.

Lại nữa, nếu Bồ Tát có những tội đã qua, những lỗi hiện tại, Bồ Tát hướng về mười phương chư Phật tỏ bày sám hối, cũng dùng sự sám hối này giáo hóa chúng sanh.

Lại nữa, Bồ Tát tự mình thường xuyên tu tập bốn vô lượng tâm và dạy người tu, người có công đức khiến được tăng trưởng, kẻ phá Phật pháp khiến họ có thể phát sanh đức tin rồi khiến được gia tăng, người chưa thuần thực làm cho thuần thực, người đã thuần thực khiến được giải thoát.

Đại Bồ Tát vì bốn pháp ấy (bốn pháp thuộc xa ma tha, tỳ bát xa na), mà tu sáu việc: Sáu việc đó là: 1.Tùy người khác. 2.Không chướng ngại. 3.Không động. 4.Tâm tương tự. 5.Báo ơn. 6.Vắng lặng.

Tùy người khác là: Đại Bồ Tát nếu vì chúng sanh nói pháp, trước hết dùng lời mềm mỏng dịu dàng, thuận theo tâm người mà nói. Tùy sức kham nhận bởi thân, miệng, ý của người mà ban bố giáo pháp, khiến họ cung kính, tâm ưa mến pháp. Sanh tâm mến rồi sau đó Bồ Tát vì họ tuyên nói. Theo căn cơ hạng thượng, trung và hạ, nói pháp dễ hiểu, nói đúng thời tiết, nói có thứ lớp, nói không lộn lạo, nói sanh lợi ích, nói với lòng thương. Nếu cần thân thông ứng cảm để độ, bền hiện thân tức. Việc lược có thể nói thành rộng rãi, sự việc rộng rãi có thể nói lược, hay phá lưới nghi, có thể đem lại một sự nhớ nghĩ cho rất nhiều người, có thể phân biệt rộng rãi về sự xuất định, nhập định.

Nếu có người nào chẳng hiểu nghĩa sâu về ý nghĩa Không của Như Lai nói, Bồ Tát vì họ mở bày phân biệt diễn nói rộng rãi.

Nếu có người nào bài bác kinh điển Phương đẳng Đại Thừa, Bồ Tát vì họ nói pháp chỉ dạy, khiến được điều phục.

Nếu có chúng sanh phát ngôn như vậy: “Đức Như Lai nói không có các pháp, không tất cả vật. Tất cả các pháp không sanh không diệt, dường như hư không, như ảo, như mộng, như tia lửa chớp, như thành Càn thất bà, như trăng đáy nước, như tiếng vang dội...” Người này vì chẳng hiểu nỗi nhân duyên pháp tánh, cho nên đâm ra sợ sệt, bởi có sợ sệt mà sanh phi báng, cho rằng chẳng phải kinh Phật mà là luận thuyết tà kiến.

Đại Bồ Tát khéo dùng phương tiện vì kẻ mê ấy lần hồi khai mở nghĩa trong kệ kinh, giải thích như vậy:

“Chẳng phải các pháp hoàn toàn không có, chỉ vì các pháp không thể tuyên nói, cho nên Như Lai nói là không pháp. Bởi tánh không thể nói nay nó chẳng thuộc cái có, cho nên gọi là không vật. Nếu không một pháp nào có thể nói, không một pháp nào mà tánh của nó là chẳng thể nói, thì đâu thể nói là có sanh có diệt? Vì thế Phật nói tất cả các pháp không sanh không diệt, nếu chẳng sanh diệt, đó mệnh danh là tựa như hư không.

Ví như trong hư không có vô lượng sắc, có vô lượng nghiệp, các sắc, các nghiệp không hề chướng ngại nhau, như sự đi đứng, co duỗi, cúi ngược chẳng hạn. Nếu không có sắc các nghiệp như thế mà gọi hư không, thì hư không chẳng thể tuyên nói, đâu được nói rằng tánh (vọng) hư không chẳng thể tuyên nói. Nếu hư không kia chẳng thể tuyên nói, thì các sắc, các nghiệp làm sao có thể nói?”.

-Không chướng ngại là thế nào?

-Khi Đại Bồ Tát được thánh trí rồi, biết sự không thể nói của pháp giới, bấy giờ Bồ Tát phá hỏng cái tướng tà vạy, có thể nói lên cái Có và cái có thể nói của tất cả pháp. Trước hết Bồ Tát đem thánh trí như vậy dạy lại chúng sanh, chúng sanh được rồi tự thấy pháp tánh, pháp tánh chẳng thể tuyên nói, dù như hư không. Vì thế Như Lai nói tất cả pháp đồng như hư không, tánh tướng như huyễn, chẳng phải là có, chẳng phải là không. Thánh nhơn cũng nói chẳng phải có, chẳng phải không.

Nếu như cái huyễn như định là có, thì do duyên gì lúc có thể thấy, lúc không thể thấy? Nếu như định không, thì sao có thể làm cho người thấy các thứ tướng trạng? Pháp nếu thật không đáng lẽ chẳng sanh ra tướng? Tất cả pháp giới lại cũng như vậy.

Đối với phàm phu nói có danh tướng, vì có danh tướng đâu được nói là không? Đến như tánh đệ nhưt-nghĩa thì không thể nói năng, thế nên chẳng được nói là chẳng có, vì vậy pháp tánh như huyễn có hai (chẳng phải có, chẳng phải không). Do đó Bồ Tát đối với pháp giới chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng thêm chẳng bớt. Thật biệt là Thật, cũng nói là thật. Đây Bồ Tát khéo tùy phương tiện, không bị chướng ngại.

-Không động là sao?

-Đại Bồ Tát thấy người đến cầu cứu, liền nói như sau:

“Này trang thiện nam! Nếu người có thể cúng dường cha mẹ, thầy học, sa môn, bà la môn bằng những vật dụng: áo quần, thức ăn, giường nệm, thuốc thang, hương hoa, đồ trang sức, phan lọng, kỹ nhạc, ruộng đất, nhà cửa tô tở, xe cộ hay đồ tư trang... Được như thế thì, tùy người ưa thích món gì, tôi sẽ trao cho món ấy”.

Nếu có chúng sanh bị đe dọa sợ, Bồ Tát nói rằng: “Nay nếu như người có thể cúng dường Tam Bảo cho đến Bà la môn, ta sẽ cấp cho nào là áo quần, thức ăn, các vật cần thiết, cho đến những đồ trang sức.v.v. Cũng sẽ giải cứu cho người thoát khỏi mối dọa sợ”.

Nếu có người bệnh, Bồ Tát cũng nói: “Nhu người có bệnh có thể cúng dường Tam Bảo cho đến Bà la môn. Tôi sẽ vì người tìm kiếm lương y để nhờ xem bệnh, bốc thuốc cho người và sẽ cung cấp áo quần, thức ăn cho đến đồ trang sức và giúp cho người trị lành chứng bệnh!”.

Những chúng sanh ấy nếu hay tin nhận lời của Bồ Tát, Bồ Tát sẽ lập ra nhiều phương tiện làm cho hết thảy đều được vừa ý. Nếu họ không nhận, bấy giờ Bồ Tát tu tập tâm Xả.

Như có người tin nhận, nếu Bồ Tát không làm vừa ý họ ấy là đắc tội.

Bồ Tát trước hết dạy cách cúng dường Tam Bảo, cha mẹ, thầy học, chỉ cách trì giới, tinh tấn để điều phục người, khiến họ tiến dần đến Đạo Bồ Đề.

Nếu như trước đó họ vâng theo lời, sau đó không chịu, Bồ Tát do lòng Từ Bi thương xót, hiện cách giận trách, nhưng thật sự ra chẳng phải ác tâm. Nếu không cho họ các vật cần dùng hay chẳng làm người giúp đỡ, chẳng phải Bồ Tát hiềm hận thật sự, chẳng qua điều phục kẻ nọ mà thôi.

Đây gọi là không chương, không động.

-Tâm tương tự là gì?

-Nếu như Bồ Tát làm vua, làm quan, thế lực tự do có nhiều quyền thuộc. Trước tiên Bồ Tát đề xướng như vậy: “Trong lãnh thổ ta, trong gia đình ta, người nào chẳng hay cúng dường Tam Bảo, cha mẹ, sư trưởng, sa môn, Bà la môn, người nào phá giới, biếng nhác, trễ lười, ta sẽ cắt đứt không cung cấp cho áo quần, ăn uống, ta sẽ đánh trói, bắt giam vào ngục hoặc sẽ giết chết, hoặc đuổi đi xa. Ta dặn các quan phải lo xem xét để biết rõ ràng người nào giữ giới, người nào phá giới, để biết người nào cúng dường Tam Bảo, kẻ nào chẳng hay cúng dường Tam Bảo, cha mẹ, sư trưởng”.

Bấy giờ nhân dân vì có sợ sệt, cho nên xa tránh các điều dữ và tu pháp lành như tâm Bồ Tát.

Đây gọi là phương tiện tương tự.

-Sự báo ơn là thế nào?

-Bồ Tát nếu nhận thí chủ cúng dường áo mặc, mền nệm, thuốc thang, phòng nhà.v.v. dầu ít dầu nhiều, hoặc bị đe dọa mà có người cứu hoặc lúc bệnh khổ có người trị liệu, hoặc nghe nói pháp được phá lòng nghi...Đại Bồ Tát vì sự nhớ ơn mà dạy người ơn thực hành thiện pháp. Đó gọi là Báo ơn. Bồ Tát nói pháp, chúng sanh nghe rồi, ngay đó có thể cúng dường Tam Bảo, cha mẹ, sư trưởng, sa môn, Bà la môn hoặc cúng dường người giữ giới tu hành. Đây gọi là sự báo ơn.

-Sự vắng lặng là gì?

-Đại Bồ Tát an trụ Địa vị Tát cánh (Đẳng giác) tu tập vắng lặng về đạo Bồ Đề, sanh lên cung trời Đâu xuất, nên biết vị này chẳng bao lâu sẽ sanh xuống Nam Diêm Phù Đề, thành đấng Vô thượng, chánh đẳng chánh giác. Những người nghe rồi thấy đều phát nguyện: “Khi Bồ Tát thành Phật, chúng tôi sẽ ở trong pháp hội ngài mà xuất gia học đạo”.

Đến thời kỳ đó Bồ Tát giáng thần xuống cõi Diêm phù, sanh vào giòng giống sát để lợi hoặc Bà la môn, vì chúng sanh mà bỏ vui ngũ dục, xuất gia học đạo, tu hành khổ hạnh, được những người tu khổ hạnh cung kính. Tu khổ hạnh xong Bồ Tát chứng quả Vô thượng Bồ Đề, loại trừ tâm của Thanh Văn, Duyên Giác. Khi thành đạo rồi im lặng an trụ. Lặng lẽ an trụ cho nên Phạm Vương, Đế Thích đến nơi khuyến thỉnh. Phạm Vương khuyến thỉnh là vì muốn khuyến chúng sanh sanh tâm tôn trọng đối với chánh pháp.

Bây giờ đức Phật tự dùng Phật nhãn xem xét chúng sanh, sau đó nói pháp. Dùng Phật nhãn xem là để phá trừ cái tướng không hay của các chúng sanh. Nghĩa là chúng sanh nói rằng Như Lai chỉ vì Phạm Vương mời thỉnh, chẳng phải vì lòng thương xót.

Nếu dùng Phật nhãn quán sát chúng sanh và chuyển bánh xe pháp, đó là để phá bánh xe tà ác nơi tâm chúng sanh.

Chuyển Pháp luân rồi, nhóm chúng đệ tử chế định giới luật làm cho chúng sanh chứng đạo giải thoát.

Trên đây gọi là phương tiện vắng lặng của Đại Bồ Tát, nhằm một mục đích khiến các chúng sanh phát khởi tín tâm, người chưa vào cửa Phật pháp làm cho được vào, người chưa thuần thực làm cho thuần thực, người đã thuần thực liền được giải thoát.

HẾT QUYỀN THỨ SÁU

--- o0o ---

QUYỀN THỨ BẢY BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ MƯỜI CHÍN NHỮNG PHÁP TRỢ BỒ ĐỀ KHÁC

Thế nào là Đà la ni của Bồ Tát?

-Đà la ni có bốn thứ:

1. Pháp Đà la ni.
2. Nghĩa Đà la ni.
3. Từ Đà la ni.
4. Nhẫn Đà la ni.

Pháp Đà la ni: Tâm của Bồ Tát được sự nhớ nghĩ. Nhờ sức nhớ nghĩ cho nên Bồ Tát được trí tuệ lớn, do sức trí tuệ lớn cho nên Bồ Tát biết các pháp giới, vững tâm thọ trì lời lẽ, chữ, câu, trái vô lượng đời không hề quên mất.

Nghĩa Đà la ni: Như Pháp Đà la ni nói trên, thêm nữa là tùy thuận giải thích nghĩa lý, trong vô lượng đời thọ trì chẳng quên.

Từ Đà la ni: Đại Bồ Tát vì phá những điều ác của chúng sanh mà thọ thân chú, đọc tụng thông lợi và làm lợi ích vô lượng chúng sanh. Vì chú thuật nên Bồ Tát thọ trì năm pháp: Một là không ăn thịt. Hai là không uống rượu. Ba là không ăn năm thứ cay nồng. Bốn là không dâm dục. Năm là không ăn uống trong những gia đình bất tịnh.

Bồ Tát đầy đủ năm pháp như trên, có thể làm điều lợi ích rất lớn vô lượng chúng sanh. Các chứng bệnh ngặt như bị quỷ thần hung dữ ám nhập, những bệnh nơi thân hay các thứ độc hại, không chứng bệnh nào mà Đại Bồ Tát chẳng thể chữa trị.

Nhẫn Đà la ni: Đại Bồ Tát nhờ sức mạnh trí tuệ cho nên tâm người ưa vui vắng lặng, chẳng cùng ở chung với người nào khác, lặng lẽ không nói, không có bạn hữu, với sự cốt sao vừa đủ, chỉ ăn độc nhất một thứ thức ăn, tọa thiền, tư duy, ban đêm không ngủ. Bấy giờ đức Phật đem đại Đà la ni truyền dạy để Bồ Tát này trì tụng: ÁT TRÍ, MẬT TRÍ, Ý TRÍ TỶ, SẴN ĐỀ, BÁT ĐÀN NA, TÁ HA.

Khi ấy Bồ Tát từ nơi đức Phật nhận lãnh chú rồi, quán sát mật chú với tâm sâu xa, biết chữ không nghĩa. Vì chữ không nghĩa cho nên sự nói không nghĩa. Do vì không nghĩa nên tất cả pháp chẳng thể tuyên nói. Nghĩa ở đây là Nghĩa Không Nghĩa của tất cả pháp. Do lực của Nhẫn cho nên có thể biết rất rõ ràng bốn thứ Đà la ni, vì thường đầy đủ Nhẫn Đà la ni nên chẳng bao lâu Bồ Tát sẽ chứng Vô thượng Bồ Đề.

Trong a tăng kỳ kiếp thứ nhất đại Bồ Tát tu tập thực hành, được Pháp và Nghĩa Đà la ni trên.

Nhờ Pháp và Nghĩa Đà la ni này mà tu chánh định, do tu chánh định mà phát đại nguyện cho nên Bồ Tát được Từ và Nhẫn Đà la ni.

Nếu như Bồ Tát đầy đủ bốn việc là được bốn thứ Đà la ni nêu trên. Bốn việc ấy là gì?

Một là, không tham ngũ dục.

Hai là, không lòng ganh tị đối với chúng sanh.

Ba là, luôn luôn bố thí.

Bốn là, ưa nghe chánh pháp, thọ trì đọc tụng, biên chép giải nói về Kinh và Luận thuộc về Bồ Tát Tạng.

Thế nào là sự phát thệ nguyện lớn của Bồ Tát?

Sự phát thệ này gồm trong năm điều:

Một là Phát tâm pháp nguyện.

Hai là Hữu phát nguyện.

Ba là Hạnh phát nguyện.

Bốn là Thiện phát nguyện.

Năm là Đại phát nguyện.

-Khi mới phát tâm Bồ Đề, gọi là Phát tâm phát nguyện.

-Vì lợi ích chúng sanh mà ở cõi Trời cõi người gọi là Hữu phát nguyện.

-Vì chúng sanh mà tu vô lượng tâm gọi là Hạnh phát nguyện.

-Tu tập tất cả pháp lành của Bồ Tát gọi là Thiện phát nguyện.

-Chẳng tiếc thân mạng, hộ trì chánh pháp gọi là Đại phát nguyện.

Bồ Tát nếu dùng mười cách cúng dường Phật pháp, Tăng bảo (như phẩm cúng dường Tam Bảo đã nói), hộ trì chánh pháp, thấy người trì pháp thì cúng dường cung kính. Đây gọi là Đại phát nguyện.

Đại Bồ Tát sanh lên cung trời Đâu Xuất, mãi cho đến lúc vào Đại Niết Bàn, gọi là Đại phát nguyện.

Đại Bồ Tát từ sơ phát tâm mãi đến lúc chứng Vô thượng Bồ Đề, gọi là Đại phát nguyện.

Đại Bồ Tát vì độ chúng sanh mà ở khắp các nẻo, tùy loài thọ thân, gọi là Đại phát nguyện.

Đại Bồ Tát thường dùng tạng kinh, tạng Luận của Bồ Tát thừa giáo hóa chúng sanh, gọi là Đại phát nguyện.

Đại Bồ Tát phàm có diễn nói, không gì chẳng làm lợi ích chúng sanh. Người không căn lành, Bồ Tát làm cho phát sanh mầm lành, gọi là Đại phát nguyện.

TAM GIẢI THOÁT MÔN

Thế nào là pháp tu về Không Tam Muội của Đại Bồ Tát?

-Bồ Tát quán sát một cách sâu xa tánh có thể nói của tất cả các pháp. Tánh khả thuyết này với tánh bất khả thuyết nó là rỗng không, cho nên gọi là môn Không Tam Muội.

Thế nào là Vô Nguyện Tam Muội?

-Đại Bồ Tát thường nhận thức rằng: Vì tất cả pháp có thể tuyên nói, cho nên có ngã và có ngã sở. Do có cái ngã, sở hữu của ngã đều gọi là khổ.

Đại Bồ Tát phá ý tưởng lệch lạc, cho nên rõ biết tất cả các pháp chẳng thể tuyên nói, do đó chẳng bị vướng mắc vào ngã, sở hữu của ngã. Vì không có ngã, không có ngã sở, cho nên Bồ Tát chẳng nguyện cầu gì. Đây mệnh danh là Vô Nguyện Tam Muội.

Thế nào là Vô Tướng Tam Muội?

-Đại Bồ Tát biết tất cả các pháp chẳng thể tuyên nói, vì chẳng thể nói cho nên tất cả đều không có tướng tất cả phiến nào. Chính vì không tướng cho nên gọi là vắng lặng. Do sự tu tập đã được vắng lặng cho nên gọi là Vô Tướng Tam Muội.

Vì có gì Như Lai nói về Ba Môn Tam Muội?

-Vì tất cả pháp đại loại có hai tính cách.

Một là. Có là có (hữu vi có)

Hai là. Không mà có (vô vi có)

-Có là có, đó là bản ngã, sở hữu của ngã.

-Không mà có, ấy là Niết Bàn.

Về nghĩa có là có. Đại Bồ Tát quán sát tất cả đều khổ cho nên chẳng sanh mong cầu. Đây gọi là Vô Nguyện Tam Cầu.

Về nghĩa Không mà có, tức là Niết Bàn (hữu dư), Đại Bồ Tát đối với Niết Bàn chẳng sanh ý tưởng ưa thích. Đây gọi là vô tướng.

Vô vi pháp là cũng có cũng không, cho nên Bồ Tát chẳng phải có nguyện, chẳng phải chẳng nguyện.

Đại Bồ Tát thấy có có, thấy không không, có trong cái không không, không trong cái không mà có Đây mệnh danh là Không Tam Muội. Lúc Bồ Tát tu môn Không Tam Muội được trí chơn thật. Tam muội như thế Thanh Văn, Duyên Giác cũng tu cũng học, nhưng chẳng thể nói. Tất cả các pháp chẳng thể tuyên nói.

TỨ PHÁP ÁN

Chư Phật, Bồ Tát vì làm cho chúng sanh được sự vắng lặng mà nói bốn pháp án sau đây: Tất cả các pháp hữu vi thấy đều vô thường, Khổ, vô ngã và Niết Bàn vắng lặng.

Các đức Phật, các vị Bồ Tát vì các chúng sanh nói bốn pháp này, phải biết tất cả pháp giới được nói, thì bốn pháp này là gốc hết thấy. Đây gọi là Ưu đà na. Ưu đà na đây vô lượng tất cả chư Phật quá khứ cũng nói như vậy, có thể làm sự trên hết, làm tăng trưởng thiện pháp, gọi là Ưu đà na (vô vấn tự thuyết).

Thế nào là sự nhận thức các pháp hữu vi vô thường?

-Đại Bồ Tát biết rằng: Pháp có thi vi, pháp có thể nói vốn đều vô thường, do đó những gì thuộc pháp hữu vi đều là vô thường. Biết tánh các pháp trong nghĩa chơn thật vốn không hơn quả, cho nên chẳng thể tuyên nói, vì vậy mỗi khi thành tướng nói năng thì tất cả pháp là pháp sanh diệt. Do đó pháp hữu vi quá khứ cũng là pháp sanh diệt. Bởi vậy pháp thuộc quá khứ chẳng thấy có nhân, chẳng thấy có tánh. Vì chẳng thấy nhân, chẳng thấy có tánh, cho nên nói rằng pháp quá khứ đều là vô thường.

Pháp thuộc hiện tại biết có sanh ra nhưng chẳng biết diệt, các pháp hiện tại chẳng thấy nhân mà lại thấy quả, thấy tánh của nó. Vì chẳng diệt cho nên biết tánh mà chẳng biết nhân.

Pháp hữu vi vị lai chẳng thấy sanh diệt, vì vậy biết nhân, chẳng biết quả, chẳng biết tánh, vì có chưa sanh vậy. Thế nên Bồ Tát biết hơn mà không

biết tánh. Khi đó quán về ba đời, mỗi niệm mỗi niệm đều có ba tướng (quá, hiện, vị lai). Nếu qua một niệm là có bốn tướng (sinh, trụ, dị, diệt). Trước hết là pháp diệt, tiếp đến sinh ra một pháp tương tự, đây gọi là sinh. Sinh rồi có sự tác động, đó gọi là trụ. Trước diệt pháp tướng, pháp tướng diệt rồi lại thấy tương tự, đó gọi là dị. Sinh rồi chẳng dừng cho đến hai niệm. Đây gọi là diệt.

Bồ Tát nhận thức: Thấy tướng của pháp hữu vi đều là một thứ: Như tướng sinh, tướng trụ và dị cũng vậy, chỉ có tướng diệt là khác. Vì sao biết? -Vì chẳng cộng trụ với ba tướng khác. Bốn tướng như thế thấy ra có hai: Một là có, hai là không. Có là ba tướng trước. Không là tướng thứ tư.

Bồ Tát nhận thức về pháp hữu vi, chẳng thấy tướng sinh, chẳng thấy tướng trụ, chẳng thấy tướng dị, chẳng thấy tướng diệt. Tại sao vậy? -Vì sinh, trụ, dị, diệt không tánh chơn thật. Đại Bồ Tát thấy sự sinh, trụ, dị, diệt của sắc pháp mà chẳng khởi quan niệm về sinh, trụ, dị, diệt.

Đại Bồ Tát dùng trí phương tiện quán sát chẳng thấy bốn tướng. Phương tiện quán là pháp quán của Bồ Tát.

Nếu lìa sắc pháp riêng có cái sinh thì khi sắc pháp sinh, cái sinh lẽ ra cũng sinh? Nếu vậy tất cả các pháp lẽ ra có hai cái sinh? Một là sắc sinh, hai là cái sinh sinh. Hai cái sinh như thế hoặc là pháp tức, hay là pháp ly? Nếu là chẳng rời thì không sinh ra cái sinh. Nếu nói lìa pháp riêng có cái sinh, nghĩa này không đúng. Nếu như chẳng lìa thì khi có sắc không có sinh. Sinh vì nương duyên mà sinh. Tướng trụ, dị, diệt cũng vậy.

Nếu tự tánh của pháp Diệt là có, nên biết sự diệt này cũng là sinh, cũng là diệt. Nếu pháp diệt cũng là diệt cũng là sinh, nên biết rằng tất cả pháp hữu vi đều không có diệt. Trường hợp khi nhập Diệt tận định, tâm và tâm sở pháp lẽ ra thường sinh trở lại? Và khi sắc pháp diệt lẽ ra cũng sinh trở lại? Vì sao? -Vì cái diệt này sinh. Thế thì các pháp lẽ ra là thường? Chính vì các pháp hữu vi vô thường, cho nên khi Bồ Tát lìa sắc pháp rồi chẳng thấy bốn tướng, biết tánh của pháp hữu vi là vô thường, vì vậy cũng luôn luôn tuyên nói sự vô thường của pháp hữu vi.

-Bồ Tát quán sát, thấy pháp hữu vi có ba thứ khổ: Khổ khổ, Hoại khổ, Hành khổ. Vì thế Như Lai nói: pháp hữu vi tất cả là khổ.

Bồ Tát thế nào nhận thức pháp hữu vi vô ngã? Vô ngã có hai: 1.Chúng sanh không tự ngã. 2.Pháp không có tự ngã.

-Chúng sanh không tự ngã: Chúng sanh chẳng phải pháp có, chẳng phải pháp không, chẳng phải là pháp có, chẳng phải là pháp không. Đây gọi là chúng sanh không ngã.

-Pháp không có tự ngã: Tất cả các pháp đều có thể nói. Tánh của sự có thể nói này lại không. Đây gọi là Pháp không có tự ngã.

Đã có hai thứ vô ngã như trên, cho nên Phật nói: “Các pháp hữu vi thấy đều vô ngã”. Đoạn cái nhân hiện tại, làm chướng cái nhân vị lai của pháp hữu vi như thế gọi là Niết Bàn, không có kiết sử phiền não gọi là vắng lặng.

Nếu Bồ Tát dùng tâm không thanh tịnh quán về Niết Bàn, hoặc bực Thanh Văn chưa chứng đạo quả mà quán về Niết Bàn, thì cả hai hạng cũng chưa thật sự biết rõ tâm lượng Niết Bàn và cũng chưa biết về tướng Niết Bàn.

Ví như nhà vua vì các người con đang ngủ, lấy gỗ chạm khắc thành những con thú: voi, ngựa, nai, thỏ. Con vua thức dậy thấy voi, ngựa này cũng tưởng đúng là thú vật thật. Có lúc nhà vua khen ngợi voi, ngựa, mỗi người con vua cho rằng vua cha khen ngợi voi ngựa của mình. Sau đó các thái tử ra khỏi cung điện được thấy voi ngựa thật sự, các người con vua đều sanh mắc cỡ và tự bảo nhau: “Vì sao đối với voi ngựa giả tạo mà chúng ta lại tưởng là chơn thật? Vì sao đối với sự đồng tên, đồng tướng mà chúng ta lại sanh ý tưởng cho là chơn thật?”.

Như Lai cũng nói: “Nếu tâm Bồ Tát không được thanh tịnh, hoặc bực Thanh Văn chưa chứng đạo quả, cả hai đều ở ngôi nhà sanh tử, Như Lai vì họ nói đến Niết Bàn vắng lặng. Bồ Tát, Thanh Văn nghe rồi cũng sanh ý tưởng đúng là Niết Bàn mà thật sự ra cả hai chưa biết bề chơn Niết Bàn. Khi nghe Phật thuyết tâm sanh tướng tượng, nói là Niết Bàn. Sau này các vị ấy tu Tám thánh đạo, được trí thanh tịnh, khỏi thân sanh tử, khi đó các vị chơn thật rõ biết về tánh Niết Bàn mới sanh hổ thẹn và tự nghĩ rằng: “Vì sao lúc trước chẳng phải Niết Bàn mà chúng ta lại sanh ý tưởng là Niết Bàn chơn thật?”.

Lại ví dụ như một người có bệnh đến chỗ thầy thuốc, khi đó lương y vì sự phá bệnh, tùy bệnh trao thuốc, người bệnh được thuốc lòng sanh vui mừng, tưởng là đúng thuốc liền nhận uống ngay. Đã uống thuốc xong, dầu trừ mỗi

lo, nhưng lại phát sanh một thứ bệnh khác. Khi ấy lương y dứt thứ thuốc trước và đưa thuốc mới, bệnh nhân lại nói: “Thuốc trước của thầy thật là tốt lành, đây do tài năng trị bệnh của thầy, không phải hiệu lực của thuốc”. Lương y đầu nói “thuốc ấy rất tốt” nhưng bệnh nhân này vẫn còn chẳng tin. Đến khi bệnh nhân dùng thứ thuốc sau và bệnh được lành, lòng sanh hổ thẹn mới tin tưởng thuốc.

Khi Phật nói pháp cũng tựa như thế, chúng sanh nghe rồi hoại diệt một ít phiền não, ngay đó liền sanh ý tưởng chơn thật. Khi phiền não khởi lại, bèn nói “Phật là vô thường” Như Lai vì họ nói pháp sâu hơn. Tuy lại nghe pháp nhưng còn chưa tin, cho rằng lúc trước mới chính là thật.

Bồ Tát nếu được quả thanh tịnh, khi ấy mới sanh hổ thẹn mà tự nghĩ rằng: “Như Lai Chơn thường, vì sao ta lại cho rằng Như Lai là không thường hằng?”

Bởi vậy Như Lai thường nói: “Các pháp hữu vi thấy đều vô thường, tất cả đều khổ. Tất cả vô ngã và Niết Bàn vắng lặng”.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI CÔNG ĐỨC

Đại Bồ Tát tu hạnh Bồ Đề, có năm sự không thể nghĩ bàn:

1. Thương xót tất cả chúng sanh.
2. Vì lợi ích chúng sanh chịu khổ sống chết.
3. Dùng phương tiện khéo điều phục chúng sanh.
4. Phát tâm muốn biết nghĩa sâu thẳm khó khăn.
5. Muốn biết thần túc chẳng thể nghĩ bàn.

Năm pháp trên đây tất cả chúng sanh chẳng thể chung cùng, do đó gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát lại có năm sự không thể nghĩ bàn. Thế nào là năm?

1. Vì lợi ích chúng sanh, Đại Bồ Tát chịu cái nhân khổ, bởi chịu nhân khổ cho nên cảm thọ an vui, do sự thọ vui cho nên thành tựu pháp chẳng thể nghĩ bàn.

2. Đại Bồ Tát xem tai họa của sự sống chết, quán sát Niết Bàn thanh tịnh vắng lặng, vì khắp chúng sanh, Bồ Tát tự mình chẳng đắm Niết Bàn, chịu sự trôi lăn trong vòng sinh tử. Đây gọi là thọ vui. Do sự thọ vui cho nên thành tựu đầy đủ pháp chẳng thể nghĩ bàn.

3. Bồ Tát thích ở những chỗ rảnh rang, vắng vẻ, im lìm, song vì chúng sanh mà diễn nói chánh pháp. Đây gọi là thọ vui. Do sự thọ vui cho nên thành tựu đầy đủ pháp chẳng thể nghĩ bàn.

4. Đại Bồ Tát vì khắp chúng sanh mà tu lục độ (sáu ba la mật), lại cũng chẳng mong thành quả bởi lục ba la mật. Đây gọi là thọ vui. Do sự thọ vui cho nên thành tựu đầy đủ pháp chẳng thể nghĩ bàn.

5. Đại Bồ Tát xem sự nghiệp của người không khác sự nghiệp chính mình gây tạo, cam lòng vui ưa không nề siêng khổ. Đây gọi là thọ vui. Do sự thọ vui cho nên thành tựu đầy đủ pháp chẳng thể nghĩ bàn.

Trên đây là pháp chẳng thể nghĩ bàn, thuộc năm sự việc của Đại Bồ Tát.

Bồ Tát lại có năm điều mà với chúng sanh, tâm của Bồ Tát luôn luôn bình đẳng. Đây là năm Điều:

1. Lúc mới phát tâm Bồ đề, Bồ Tát vì khắp tất cả chúng sanh, chẳng phải chỉ riêng vì một người nào. Đó là bình đẳng.

2. Đại Bồ Tát tu tâm Đại bi, là vì chúng sanh chẳng phải chỉ riêng vì một số người. Đây gọi là bình đẳng.

3. Khi Đại Bồ Tát tu hành đến bậc Pháp vương Tử, Bồ Tát cũng vì tất cả chúng sanh, chẳng phải chỉ vì một cá nhân nào, gọi là bình đẳng.

4. Bồ Tát quán khắp mười hai nhân duyên, tất cả chúng sanh đồng có, gọi là bình đẳng.

5. Đại Bồ Tát cầu Vô thượng Bồ Đề, chính là vì khắp tất cả chúng sanh, chẳng phải chỉ vì một cá nhân nào. Đây gọi là bình đẳng.

Đại Bồ Tát có năm điều làm lợi ích chúng sanh. Đây là năm điều:

1. Chỉ dạy chúng sanh tu sửa theo cách mưu sinh chánh đáng.
2. Chỉ dạy tập học các phương pháp theo sự nghiệp thế gian.
3. Gặp kẻ nghèo nàn, dùng phương tiện dạy, khiến họ phá hỏng sự khổ nghèo nàn.
4. Vì bực thượng thiện nói đạo chánh thật.
5. Vì khắp ba thừa mà nói giáo pháp thuộc về ba thừa.

Trên đây gọi là năm sự lợi ích.

Tất cả chúng sanh có năm điều để báo ơn Bồ Tát. Đây là năm việc:

1. Thọ trì pháp lành và các giới cấm.
2. Kẻ nghèo nghe rồi y giáo tu hành hầu phá sự nghèo.
3. Cúng dường Tam Bảo.
4. Những pháp gì được nghe từ Bồ Tát, nghe rồi đọc tụng, biên chép, phân biệt giải nói, xoay vần dạy lại cho những người khác.
5. Gặp người trì pháp thì kính cúng dường.

Đại Bồ Tát hành đạo Bồ Đề dốc lòng lập nguyện thường cầu năm việc:

1. Thường nguyện thế gian có Phật xuất hiện.
2. Thường nguyện đầy đủ sáu ba la mật.
3. Thường nguyện tìm tòi tạng Kinh, tạng Luận thuộc Bồ Tát thừa.
4. Thường nguyện sẽ được giải thoát sanh tử.
5. Thường nguyện quyền thuộc đều được thành tựu.

Đó gọi là năm việc.

Đại Bồ Tát có năm sự việc lợi ích chúng sanh, như trước đã nói ở phần lợi hành.

Đại Bồ Tát có năm điều làm cho mau được Vô thượng Bồ Đề:

1. Hộ trì chánh pháp.
2. Tu hành thiện hạnh.
3. Sức mạnh của trí tuệ.
4. Chuyên tâm vắng lặng.
5. Quyết định được tánh Bồ Tát.

- Hộ trì giáo pháp (chánh pháp): Bồ Tát đầy đủ Đà la ni hộ trì, nghe pháp nơi người, nhanh chóng được hiểu.

Lại nữa, Bồ Tát đủ sự hộ niệm của các đức Phật, cho nên Bồ Tát thọ pháp chẳng quên.

Lại nữa, Bồ Tát đủ trí tuệ hộ trì, bởi trí tuệ hộ trì cho nên phân biệt pháp giới.

Lại nữa, Bồ Tát đầy đủ thâm tâm hộ trì để chế ngự các giác quan.

Lại nữa, Bồ Tát đủ tâm hộ trì tha nhân mà thực hành phương tiện.

Trên đây gọi là hộ trì giáo pháp.

- Tu hành thiện hạnh: Đối với giáo pháp, Bồ Tát hiểu biết một cách xuôi thuận, nói cũng xuôi thuận, thường tu thiện pháp, bốn Vô lượng tâm, nguyện hướng Vô lượng chánh đẳng Bồ Đề. Đây mệnh danh là tu hành thiện hạnh.

- Sức mạnh của trí tuệ: Đại Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm cho đến được Vô thượng Bồ Đề. Đó gọi là sức mạnh của trí tuệ.

-Chuyên tâm vắng lặng: Đại Bồ Tát dùng mười pháp thanh tịnh cúng dường Như Lai, gọi là vắng lặng. (mười pháp cúng dường như đã nói nơi phẩm Cúng dường Tam Bảo).

-Quyết định được tánh Bồ Tát: Đại Bồ Tát trụ bực Pháp vương tử hoặc bực Bất thoái chuyển. Gọi là quyết định được tánh Bồ Tát.

Trên đây gọi là năm việc mau được Vô thượng Bồ đề.

Có năm điều làm cho Bồ Tát tổn giảm thiện pháp. Năm điều là gì?

- 1.Một chẳng hay cúng dường giáo pháp và người thuyết pháp.
- 2.Buông lung, biếng nhác.
- 3.Ua khởi phiền não, tâm động không ngừng.
- 4.Sanh tâm kiêu mạn đối với Bồ Tát đồng hạnh.
- 5.Giải nghĩa lộn xộn về tạng pháp Bồ Tát.

Bồ Tát có năm điều làm tăng trưởng pháp lành:

- 1.Cúng dường kinh pháp và người thuyết pháp.
- 2.Nhiếp tâm tinh tấn.
- 3.Tâm ưa dứt trừ phiền não sanh khởi.
- 4.Sanh tâm cung kính Bồ Tát đồng hạnh.
- 5.Tùy thuận giảng nghĩa tạng pháp Bồ Tát.

Có năm điều xét chẳng phải Bồ Tát mà mạo danh Bồ Tát, chẳng phải sa môn, hay Bà la môn mà xưng sa môn hay Bà la môn, chẳng được giới Bồ Tát. Chẳng cùng ở trong Tăng số. Năm điều đó là:

- 1.Tánh tình hung dữ.
- 2.Che chở cho người hủy phạm giới cấm.

3.Chẳng được Thiên định lại trá hiện tướng thiên định.

4.Tà mạng nuôi sống.

5.Thấy bậc trí giả sanh lòng ganh ghét, tìm cách phỉ báng.

Có năm điều xét thật là Bồ Tát, chơn thật sa môn hay Bà la môn, được giới Bồ Tát và cùng ở trong Tăng số:

1.Tánh tình điều hòa.

2.Sửa trị những người hủy phạm giới cấm.

3.Thật được Thiên định nhưng chẳng hiện tướng thiên.

4.Sống bằng đường lối sinh hoạt chơn chánh.

5.Thấy bậc trí giả sanh tâm vui mừng, ca ngợi đề cao.

Đại Bồ Tát dạy dỗ chúng sanh, gồm có 10 điều:

1.Vì để pháp ác pháp.

2.Vì để biết pháp giới.

3.Chẳng cho phạm phải.

4.Phạm rồi hổ thẹn hối cải.

5.Chế ngự các giác quan.

6.Chẳng hề buông lung.

7.Xa lìa ác trí thức.

8.Ở chỗ vắng lặng.

9.Xa lìa phiền não.

10.Được chứng quả giải thoát.

Thọ ký Bồ Tát có sáu điều:

- 1.Chắc chắn có tánh Bồ Tát nhưng chưa phát tâm Vô thượng Bồ Đề.
- 2.Chưa có tánh Bồ Tát nhưng phát tâm Vô thượng Bồ Đề.
- 3.Có tánh Bồ Tát và cũng phát tâm Vô thượng Bồ Đề.
- 4.Trong vô lượng đời vì đạo Bồ Đề mà tu các hạnh lành.
- 5.Chắc chắn được Vô thượng Bồ Đề nhưng không nói rõ thời gian như định.
- 6.Chắc chắn được Vô thượng Bồ Đề và cũng nói rõ thời gian như định.

Có ba điều xác định Bồ Tát sẽ được Vô thượng Bồ Đề:

- 1.Xác định có tánh Bồ Tát.
- 2.Được tâm bất thoái.
- 3.Phàm làm việc gì cũng nhằm mục đích sanh mầm pháp lành cho các chúng sanh.

Bồ Tát do ba sự xác định này, quyết định được sự thọ ký của Phật.

Đại Bồ Tát không đủ năm việc, chẳng được Vô thượng Bồ Đề:

- 1.Chẳng phát tâm Bồ Đề.
- 2.Chẳng được tâm thương xót.
- 3.Chẳng siêng năng tinh tấn.
- 4.Chẳng kính trọng giới luật.
- 5.Chẳng biết tất cả việc thế gian.

Bồ Tát chẳng đủ năm điều như trên, chẳng được Vô thượng Bồ Đề. Người nào nói rằng: Là năm pháp này vẫn được Vô thượng Bồ Đề. Điều ấy phi lý.

Có năm điều, luôn luôn là chỗ tu hành của chư Bồ Tát:

- 1.Chẳng buông lung.
- 2.Vì phá sự cùng khôn của chúng sanh.
- 3.Cúng dường Tam Bảo.
- 4.Hết lòng giữ giới, nếu phạm liền hối.
- 5.Làm việc lành nào cũng đều hồi hướng Vô thượng Bồ Đề.

Đại Bồ Tát có mười pháp, là pháp hơn hết tất cả. Mười pháp là gì?.

- 1.Tánh Bồ Tát hơn tất cả tánh.
- 2.Mới phát tâm Bồ Đề là hơn tất cả những sự phát tâm thế, xuất thế gian.
- 3.Tinh tấn ba la mật, Bát nhã ba la mật hơn tất cả ba la mật khác.
- 4.Nhiếp pháp Ái ngữ hơn các nhiếp pháp khác.
- 5.Như Lai hơn tất cả chúng sanh.
- 6.Bi tâm hơn tất cả tâm vô lượng.
- 7.Tu đệ tứ thiên hơn các thiên thiên.
- 8.Môn không tam muội hơn các tam muội.
- 9.Diệt tận định hơn các diệt định.
- 10.Phương tiện thanh tịnh hơn các phương tiện.

Có bốn pháp này, chỉ Phật, Bồ Tát mới hay tự mình làm cho lan rộng, ngoài ra chẳng phải Thiên vương, Phạm vương hoặc là ma vương có thể làm nổi.

Nếu những số ấy được nghe từ Phật, tức cũng có thể làm cho lan rộng. Bốn pháp ấy là:

1. Pháp lan rộng.

2. Thật lan rộng.

3. Phương tiện lan rộng.

4. Thừa lan rộng.

-Pháp lan rộng là: Lần lượt diễn nói mười hai phần kinh.

-Thật lan rộng là: Có một cách thức, cách thức ấy là sự không nói vọng.

Lại có hai: Lý tương đối. Lý tuyệt đối.

Lại có ba: Tướng thật. Lời thật. Hạnh thật.

Lại có bốn: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Lại có năm: Nhơn thật, Quả thật, Trí thật, Biết cảnh giới thật, Vô thượng thật.

Lại có sáu: Thật sự chơn thật. Thật sự hư vọng. Thật sự sáng suốt. Thật sự xa lìa. Thật sự chứng nhập. Thật sự tu hành.

Lại có bảy: Thật sự ái nhiễm. Thật sự khổ đau. Thật sự giải thoát. Thật sự đúng pháp. Thật sự hiểu biết. Thật sự là thánh. Thật chẳng phải thánh.

Lại có tám: Hành khổ thật. Khổ khổ thật. Sanh khổ thật. Hoại diệt thật. Phiền não thật. Giải thoát thật. Hạnh lành thật. Quả lành thật.

Lại có chín: Vô thường thật. Khổ thật. Bất tịnh thật. Không thật. Vô ngã thật. Hữu ái thật. Đoạn ái thật. Phương tiện dứt hai thứ ái thật. Hữu dư Niết Bàn thật.

Lại có mười: Thật khổ vì không phải bốn phần nhưng bị cưỡng ép làm việc. Thật khổ vì nghèo nàn. Thật khổ vì bốn đại không điều hòa. Thật khổ vì ái

ân chia lia. Thật khổ vì oán hờn gặp gỡ. Nghiệp nhân thật. Quả báo thật. Phiền não thật. Khéo tư duy thật. Nhận thức đúng đắn thật.

Trên đây là mười pháp thuộc về Thật lan rộng.

-Phương tiện lan rộng: Như đã nói ở phần phương tiện.

-Thừa lan rộng: Tức Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa.

Như trên gọi là bốn pháp lan rộng.

Đại Bồ Tát quán sát tất cả phương tiện, có năm sự không thể suy lường:

1.Chúng sanh giới không lường.

2.Thế giới không lường.

3.Pháp giới không lường.

4.Điều phục giới không lường.

5.Phương tiện điều phục không lường.

-Chúng sanh giới không lường: Gồm có 62 món kiến. Bồ Tát trụ Hoan hỷ địa, quán về chúng sanh chuyển thành vô lượng.

-Thế giới không lường: Vì không thể lường cho nên có vô lượng tên. Như thế giới này gọi là Ta bà, Trời Phạm vương, gọi là chủ cõi Ta bà.

-Pháp giới không lường: Nghĩa là pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký chuyển thành vô lượng.

-Điều phục giới không lường: Có một nghĩa ấy là: Có sự điều phục.

Lại có hai: Đủ phiền não. Chẳng đủ phiền não.

Lại có ba: Thượng căn. Trung căn. Hạ căn.

Lại có bốn: Bà la môn. Sát đế lợi. Tỳ xá. Thủ đà.

Lại có năm: Nhiều tham. Nhiều giận. Nhiều si. Nhiều ngã mạn. Nhiều giác quán ác.

Lại có sáu: Tại gia. Xuất gia. Chưa thuần thực. Đã thuần thực. Chưa giải thoát. Đã giải thoát.

Lại có bảy: Nghe rồi liền hiểu. Nhờ thí dụ được hiểu. Mỗi câu mỗi câu tự hiểu. Mỗi chữ mỗi chữ đều hiểu. Hiện tại thành thực. Đòi khác thành thực. Theo nhân duyên thành thực.

Lại có tám: Ấy là tám bộ chúng.

Lại có chín: Được Như Lai điều phục. Được Bồ Tát điều phục. Được Thanh Văn điều phục. Bực Duyên Giác điều phục. Khó điều phục. Dễ điều phục. Nói nhỏ nhẹ điều phục. Quở trách điều phục. Nói nhỏ nhẹ và quở trách để điều phục.

Lại có mười: Địa ngục. Súc sanh. Ngạ quỷ. Trời người và cõi Dục. Thân trung ấm. Có hình sắc. Không phải có hình sắc. Có tướng. Không tướng. Chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng.

Trên đây là tổng quát tất cả mười pháp, gồm năm mươi lăm chủng loại. Năm mươi lăm chủng loại này nếu đem quán sát chuyển thành vô lượng.

Về cõi chúng sanh, và giới hạn điều phục có gì khác biệt chẳng?

Về cõi chúng sanh, chẳng phân biệt là có tánh hay không tánh. Về giới hạn điều phục, có sự phân biệt có tánh, không tánh.

-Phương tiện điều phục không lường:

Như đã nói trong phẩm điều phục ở trước (phẩm thứ bảy).

Năm tính cách vô lượng của Bồ Tát, nhiếp hết tất cả phương tiện. Đại Bồ Tát nếu muốn rõ biết một cách chơn thật phải nên suy ngẫm bốn sự: Suy vật. Suy tên. Suy tánh và Suy về phân biệt. Bốn nghĩa như thế đã nói ở trước.

Các đức Phật, các vị Bồ Tát, vì chúng sanh nói pháp, có năm điều kết quả:

- 1.Khi nói, chúng sanh liền tỏ ngộ bốn Thánh đế.
- 2.Khi nói, ngay đó chúng sanh được pháp giải thoát.
- 3.Khi nói, ngay đó chúng sanh phát tâm vô lượng Bồ Đề.
- 4.Khi nói, ngay đó chúng sanh được pháp nhẫn của Bồ Tát.
- 5.Chúng sanh nghe rồi thọ trì đọc tụng, biên chép giải nói, hộ trì chánh pháp.

Như trên gọi là: Chư Phật, Bồ Tát vì chúng sanh nói pháp được công đức chẳng thể nghĩ bàn.

Sao gọi là Đại thừa?

Có bảy ý nghĩa rộng lớn, cho nên gọi là Đại thừa. Những gì là bảy?

1.Pháp lớn. 2.Tâm lớn. 3.Sự hiểu lớn. 4.Thanh tịnh lớn. 5.Sự trang nghiêm lớn. 6.Thời gian lớn. 7.Đầy đủ lớn.

-Pháp lớn: Trong mười hai phần giáo thì Tạng pháp Bồ Tát cực kỳ rộng lớn, rất là cao tột, cho nên gọi là Đại phương quảng (tỳ Phật lược).

-Tâm lớn: Nghĩa là phát tâm Vô thượng Bồ đề.

-Sự hiểu lớn: Hiểu Tạng pháp Bồ Tát và các kinh Phương quảng.

-Thanh tịnh lớn: Khi Bồ Tát phát tâm rồi, thì tâm của người thuần túy trong sạch, mãi đến lúc chứng Vô thượng Bồ Đề.

-Sự trang nghiêm lớn: Đại Bồ Tát đầy đủ công đức trang nghiêm, trí tuệ trang nghiêm và được Vô thượng Bồ Đề.

-Thời gian lớn: Đại Bồ Tát vì Vô thượng Bồ Đề, tu các hạnh khổ trong ba vô số kiếp.

-Đầy đủ lớn: Đại Bồ Tát đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp đề tự trang nghiêm, chứng được Vô thượng Bồ Đề.

Pháp lớn, Tâm lớn, Hiểu biết lớn, Thanh tịnh lớn, trang nghiêm lớn, thời gian lớn. Sáu nghĩa lớn này là nhân. Đầy đủ lớn là quả.

Có tám pháp hay nhiếp tất cả Đại thừa:

1. Diễn nói tạng pháp Bồ Tát.
2. Nói nghĩa lý của Bồ Tát tạng.
3. Nói về sự không thể nghĩ bàn của Phật, Bồ Tát trong Bồ Tát tạng.
4. Tư duy về nghĩa.
5. Tu tập nghĩa ấy.
6. Được nghĩa đầy đủ.
7. Được quả vị tu tập.
8. Hiểu nghĩa rất sâu.

Đại Bồ Tát tu học tám pháp như thế là chứng Vô thượng Bồ Đề.

Bồ Tát học đạo Bồ Đề của Bồ Tát, gồm có mười việc. Đây là mười:

1. Tánh trụ.
2. Nhập.
3. Tâm chẳng tịnh.
4. Tâm tịnh.
5. Chẳng thành thực.
6. Thành thực.
7. Không chắc chắn.
8. Chắc chắn.

9. Một đời nữa chứng được.

10. Hiện đời chứng được tánh quyết định.

- Tâm thanh tịnh học các pháp gọi là Tánh trụ.

- Phát tâm Vô thượng Bồ Đề gọi là Nhập.

- Sự thể nhập chưa đến chỗ thanh tịnh gọi là chẳng tịnh.

- Được chỗ thanh tịnh gọi là tâm tịnh.

- Sự thanh tịnh chưa vào địa cứu cánh gọi là chưa thành thực.

- Vào địa vị cứu cánh, gọi là thành thực.

- Sự thành thực chưa quyết định, gọi là không chắc chắn.

- Đã vào địa vị quyết định gọi là chắc chắn.

Sự thành thực có hai:

- Một đời nữa chứng Vô thượng Bồ Đề.

- Thân hiện đời được Vô thượng Bồ Đề.

Mười điều như trên, Đại Bồ Tát thường thọ giới Bồ Tát. Mười điều trên đây, Bồ Tát nhiếp hết tất cả Bồ Tát. Nếu ai luôn luôn chí tâm thọ trì và luôn thực hành giới của Bồ Tát, bậc này gọi là Bồ Tát ma ha tát, gọi là bậc trí nhân, là bậc đồng kiến, là bậc Thượng tiến, gọi là Phật tử, gọi là được Phật Hộ trì, là bậc Đại thắng, gọi là giới của Phật, là đáng Vô úy, là đáng Đại thánh, là bậc Thương chủ, gọi là Thuyền sư, còn gọi là đáng tiếng đồn vang dội, là đáng thương xót, là đáng Đại công đức, đáng Đại tự tại, Đáng Rõ biết các pháp, đáng chẳng thể nghĩ bàn, và gọi là đáng “Rõ biết mười phương vô lượng Thế giới như xem trái am-ma-lặc trong lòng bàn tay”.

Nếu có người nói: “Tôi là Bồ Tát, chẳng thọ giới Bồ Tát, chẳng thường chí tâm thực hành giới Bồ Tát nhưng sanh được tín tâm”, nên biết Bồ Tát này muốn được Vô thượng Bồ Đề.

Nếu có người nói: “Tôi là Bồ Tát chẳng thường hết lòng trì giới Bồ Tát, tâm chẳng tin tưởng” Đây gọi là danh dự Bồ Tát, người này lâu lắm mới được Vô thượng Bồ Đề.

Nếu có người nói: “Tôi là Bồ Tát, thọ trì giới Bồ Tát, chí tâm tu hành và tin giới Bồ Tát” Bực này gọi là vào trong mười hạng Bồ Tát, chẳng bao lâu quyết định được Vô thượng Bồ Đề.

Nếu có người nói: “Tôi là Bồ Tát, thọ giới Bồ Tát mà chẳng thường hay dốt lòng hộ trì giới cấm, trái lại còn hủy những giới đã thọ, tâm không tin tưởng giới pháp Bồ Tát” Đây gọi là Bồ Tát chiên đà la, chẳng gọi là Bồ Tát thật sự, chẳng được gọi là Bồ Tát đúng nghĩa.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI MỘT TƯỚNG NHƯ PHÁP TRỤ CỦA BỒ TÁT

Bồ Tát chân thật có năm tướng. Vì đầy đủ năm tướng, gọi là Bồ Tát chân thật.

Năm tướng đó là:

1. Tâm thương xót.
2. Nói năng mềm mỏng.
3. Đồng cảm mạnh mẽ.
4. Không tham lam.
5. Giải nói nghĩa sâu.

Năm pháp như vậy có năm thứ khả năng phân biệt. Năm khả năng là:

1. Tánh. 2. Nhân duyên. 3. Quả công đức. 4. Thứ lớp. 5. Nhiếp thủ.

1. Tánh thương xót: có hai: Một là chí tâm. Hai là như pháp.

Sự chí tâm là: Đem lại an ổn cho nhiều người.

Như pháp là: Đại Bồ Tát đem lại cho chúng sanh sự vui như vui của mình. Đây là tánh thương xót.

Tánh nói năng mềm mỏng: Mở lời chào hỏi trước người, nói năng vui vẻ, nói năng tránh xa điều ác, nói lợi ích người. Đây gọi là Tánh nói năng mềm mỏng.

Tánh dũng cảm mạnh mẽ: Tâm của Bồ Tát không sợ điều gì. Dũng mãnh, quả cảm, có thể phá tướng sợ hãi của người. Đây là tánh dũng cảm mạnh mẽ.

Tánh không tham lam: Thí tất cả! Thí tất cả! Thí tất cả! Thí rồi không hối. Thí trong sạch. Đây gọi là Tánh không tham lam.

Tánh giải nói nghĩa sâu: Bốn trí vô ngại của Bồ Tát, gọi là tánh giải nói nghĩa sâu.

2.Nhân duyên sự thương xót: Gồm có năm duyên: 1.Chúng sanh chịu khổ. 2.Chúng sanh làm ác. 3.Chúng sanh buông lung. 4.Chúng sanh tà kiến. 5.Chúng sanh ưa vui theo đuổi phiền não.

-Chúng sanh chịu khổ: nghĩa là luôn luôn chịu khổ, cho đến không một khoảnh khắc an vui. Đó gọi là chịu khổ.

-Lại có chúng sanh tuy chẳng chịu khổ nhưng thân, miệng, ý tạo mười nghiệp ác, như làm mười nghề ác chẳng hạn. Như thế gọi là chúng sanh làm ác.

-Lại có chúng sanh chẳng chịu khổ não, chẳng làm nghề ác nhưng ưa tham đắm năm thứ dục lạc, đam mê chơi bời, tham ái rồi thân chẳng tu pháp lành. Đây gọi là buông lung.

-Lại có chúng sanh chẳng chịu khổ não, chẳng làm nghề ác, cũng chẳng buông lung, nhưng cầu giải thoát lại thấy biết sai lầm, thật chẳng phải nhân nhận thức là nhân, thật chẳng phải quả nhận thức là quả. Đây gọi là hạng tà kiến, như những ngoại đạo chẳng hạn.

-Lại có chúng sanh chẳng chịu khổ não, chẳng làm nghề ác, chẳng có buông lung, chẳng theo tà kiến nhưng đủ sức trói buộc bởi các phiền não, vì phiền não làm chướng cho nên chẳng tu pháp lành.

Trên đây gọi là nhân duyên của sự thương xót. Do nhân duyên này mà tâm thương xót của Bồ Tát càng được tăng trưởng.

Nhân duyên nói năng mềm mỏng: Gồm có năm:

- 1.Lời nói hay khéo thăm hỏi trước người.
- 2.Lời nói hay khéo hoan hỷ.
- 3.Lời nói hay khéo không sợ.
- 4.Lời nói hay khéo trong sạch.
- 5.Lời nói hay khéo giáo hóa.

Năm nhân duyên này như đã nói trong phẩm Ái ngữ (thuộc tứ nhiếp pháp).

Nhân duyên đồng cảm mạnh mẽ: Gồm có năm: (Như đã nói ở phần đầu trong 37 phẩm trợ đạo. (Tức là: Các khổ sanh tử. Các hành vi ác nghiệp của chúng sanh. Vô lượng đời làm lợi ích chúng sanh, cho nên chịu vô lượng khổ. Hết lòng giữ vững giới cấm của Bồ Tát. Hết lòng nghe nhận những pháp sâu diệu).

Nhân duyên không tham lam: Gồm có năm:

- 1.Không phân biệt bố thí.
- 2.Vui vẻ bố thí.
- 3.Dộc lòng bố thí.
- 4.Trong sạch bố thí.
- 5.Đúng pháp được của bố thí.

Năm nhân duyên chẳng tham như đã nói rộng ở phẩm Bồ thí độ.

Nhân duyên giải nói nghĩa sâu: Gồm có năm:

-Nói nghĩa rất sâu trong các Khế kinh, giải nói nghĩa Không của Đại thừa, nói về thân trung ấm, giải nói nghĩa thoái chuyển, về ngã, về ngã sở, về Phật tánh, Bồ Tát tánh, Như Lai tánh, giải nói về nghĩa Niết Bàn của ba thừa, nói về các sự cấu tạo của sắc, giải nói mười hai nhân duyên. Đây gọi là nghĩa rất sâu trong các Khế kinh.

-Có thể nói về nghĩa lý tỳ ni, như nói: Đây gọi là phạm, Đây chẳng phải phạm, Có thể sám hối, Không thể sám hối, là nhẹ, là nặng, là tánh trọng, là giá trọng... Như thế là nói nghĩa rất sâu của tỳ ni.

-Nói nghĩa tạng Luận: Dụ như nói rằng: “Đức Phật lúc ấy vì các chúng sanh, ngài dạy những điều gọi là vi phạm. Vì số người khác Phật nói giới khinh thành ra giới trọng, hoặc nói giới trọng thành ra giới khinh. Nói như vậy là để cho một người được phép sám hối, cho đến để cho nhiều người được phép sám hối...” Đây gọi là nói nghĩa rất sâu của tạng luận.

-Có thể tự giải nói nghĩa chơn chánh.

-Có thể biết tên gọi của tất cả pháp.

3. Quả công đức của sự thương xót:

Tâm từ của Bồ Tát vì tất cả chúng sanh, vì hoặc ác tâm mà tu Từ tâm, luôn luôn lợi ích chúng sanh, tâm không hối hận. Vì luôn tu tập cho nên hiện đời được sự an vui. Bởi vậy Phật nói: Thành quả công đức của lòng từ bi, độc chẳng thể hại, đao kiếm chẳng làm tổn thương, ngũ không ác mộng, chư thiên thường theo ủng hộ bên mình. Khi bỏ thân này rồi sanh lên sơ thiên. Đây gọi là quả công đức của tâm thương xót.

Quả công đức của sự nói năng mềm mỏng: Đại Bồ Tát tu hành cách thức nói năng mềm mỏng. Tu hành như vậy có thể phá trừ bốn lỗi của miệng. Lỗi nói mềm mỏng, tự lợi, lợi tha có thể làm cho chúng sanh yêu thích, vui nghe. Đây gọi là thành quả công đức nói năng mềm mỏng.

Quả công đức của sự đồng cảm mạnh mẽ: Bồ Tát ngay khi hiện tại hay phá biếng lười, cảm thọ một niềm hoan hỷ an lạc, sự vui đối với tâm cảnh vắng lặng, hộ trì giới cấm, tâm không hối hận, tự mình tư Nhẫn và giáo hóa người tu hạnh nhẫn nhục, tu các khổ hạnh, trang nghiêm đạo Bồ Đề, tâm không thoái chuyển. Đây gọi là thành quả công đức của sự đồng cảm mạnh mẽ.

Còn hai thành quả công đức: Chẳng tham lam và Giải nói nghĩa sâu, như đã nói ở trước.

4.Thứ lớp: Thứ lớp là thế nào?

-Đại Bồ Tát trước hết dùng tâm thương xót điều phục chúng sanh. Kế đó nói năng mềm mỏng để phá nghiệp ác của chúng sanh. Thấy những chúng sanh chịu lấy ác nghiệp, Bồ Tát không chút sợ sệt mà sanh tâm cứu vớt. Đó chính là sự đồng cảm mạnh mẽ. Vì điều phục chúng sanh mà thực hành thí, kế đó nói về sự không tham lam và nói nghĩa sâu xa.

5.Nhiếp thủ: Đại Bồ Tát tùy thuận năm tướng trên đây, nhiếp hết sáu pháp ba la mật.

Tướng thương xót nhiếp về Thiên Ba la mật và Bát Nhã ba la mật.

Tướng đồng cảm mạnh mẽ nhiếp về Tinh tấn ba la mật, nhẫn nhục ba la mật và Bát nhã ba la mật.

Tướng chẳng tham lam nhiếp về bố thí ba la mật.

Giải nói nghĩa sâu nhiếp về Bát nhã ba la mật và Bồ thí ba la mật.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI NHƯ PHÁP TRỤ THIÊN

Đại Bồ Tát tại gia hay xuất gia đều có bốn pháp, người có khả năng tu học là được ngay hạnh Vô thượng Bồ Đề và thể hiện sự thương xót chúng sanh bằng những phương tiện thiện nghiệp. Phương tiện thiện nghiệp là: Vì Bồ thí ba la mật mà tu các hạnh như sau:

Hạnh từ thiện.

Hạnh chuyên tâm.

Hạnh thường hằng.

Hạnh trong sạch.

1.Hạnh từ thiện: Bồ Tát có nhiều tiền của trong khi cấp thí, có người cầu xin, Bồ Tát chẳng hề để ý là kẻ biết ơn hay kẻ vô ơn, chẳng thấy ruộng phước hay không phải ruộng phước. Dầu có Trời, người, dầu có sa môn hay ba la môn cũng không làm trở ngại hư hỏng quyết tâm bố thí của Đại Bồ Tát. Đây gọi là Hạnh Từ thiện.

2.Hạnh chuyên tâm: Khi Bồ Tát bố thí, có kẻ tìm cầu, Bồ Tát xả bỏ vật bên trong thân và vật ngoài thân, bố thí tất cả tâm không tham lẫn. Đây gọi là Hạnh chuyên tâm.

3.Hạnh thường hằng: Khi Bồ Tát bố thí, có người tìm đến cầu xin, Bồ Tát chẳng xem nay là đúng lúc hay không đúng lúc, mà tùy được tùy thí. Đây gọi là Hạnh thường hằng.

4.Hạnh trong sạch: Khi Bồ Tát bố thí, có người đến cầu xin, Bồ Tát chẳng vì danh dự, tiếng khen, lại cũng chẳng vì sự vui cõi trời mà làm việc cấp thí, như đã nói trong phẩm Bồ thí độ. Đây gọi là Hạnh trong sạch.

Về Bồ thí ba la mật có bốn pháp trên. Đến như Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát Nhã ba la mật cũng đồng có đủ bốn tướng như vậy.

Thế nào phương tiện hay khéo của Bồ Tát?

-Nếu như có người manh tâm phá hoại Phật pháp, vì điều phục họ Bồ Tát thực hành phương tiện hay khéo. Vì khiến cho người vào cửa Phật pháp, Bồ Tát thực hành phương tiện hay khéo. Dầu người đã vào ngưỡng cửa Phật pháp, nếu chưa thuần thực, Bồ Tát thực hành phương tiện hay khéo làm cho thuần thực. Người đã vào cửa và đã thuần thực Bồ Tát thực hành phương tiện hay khéo, làm cho kẻ ấy chứng quả giải thoát.

Bồ Tát thực hành phương tiện hay khéo bằng cách áp dụng y học thế gian, kỹ thuật khoa học và các môn luận lý.

Vì muốn hết lòng thọ giới Bồ Tát, kiên trì chẳng phạm, Bồ Tát thực hành phương tiện hay khéo, phương tiện thiện nguyện, phương tiện của Thanh văn thừa, của Bích Chi Phật thừa và phương tiện của Đại thừa.

Mười phương tiện này có thể tạo thành năm sự. Bốn phương tiện đầu là sự lợi ích chúng sanh. Phương tiện kỹ thuật thế gian là phá các luận thuyết tà kiến.

Bồ Tát thọ trì giới cấm của Bồ Tát, trọn không hủy phạm. Giả sử có phạm cũng theo chỗ phạm mà làm pháp sám hối, khéo dùng phương tiện phát những thiện nguyện, do đó tùy chỗ sự việc mong muốn liền có thể được đúng như sở nguyện.

Phương tiện tam thừa của Đại Bồ Tát là tùy căn cơ, trình độ chúng sanh mà giảng chánh pháp, cho nên mười phương tiện như trên của Bồ Tát (từ câu: Có người manh tâm...đến phương tiện Đại thừa) có thể tác thành năm việc (bốn hạnh phương tiện và phá các tà kiến), do năm việc này Bồ Tát đầy đủ tánh cách quyết định, có thể đạt được kết quả mọi việc thế gian trong khi hiện tại hoặc thuở vị lai.

Thế nào là sự lợi ích tha nhân của Bồ Tát?

-Như trong phẩm Tứ nhiếp đã nói đủ.

Thế nào là sự khéo phát nguyện của Bồ Tát?

-Phàm tất cả những sự nghiệp lành nào Bồ Tát đã tu, Bồ Tát đã làm trong thuở quá khứ, hiện tại, vị lai, Bồ Tát chẳng cầu thành quả gì khác, mà chỉ cầu quả Vô thượng Bồ Đề. Đây gọi là sự khéo phát nguyện.

Khi Phật thuyết giới cho người xuất gia và người tại gia, tất cả sự thuyết giới ấy đều là nhiếp lấy bốn sự như trên. Nếu các Bồ Tát xuất gia, tại gia quá khứ, vị lai, hiện tại, những ai thọ trì giới cấm Bồ Tát, tất cả đều sẽ chứng được Vô thượng Bồ Đề. Bồ Tát xuất gia hơn Bồ Tát tại gia. Vì sao thế? - Bồ Tát xuất gia gạt hái tất cả kết quả cấm giới của Bồ Tát. Tại gia Bồ Tát chẳng được tất cả giới cấm của Bồ Tát.

Xuất gia Bồ Tát có thể thực hành phạm hạnh vắng lặng thanh tịnh. Bồ Tát tại gia khó nổi, hoặc chẳng thể tu phạm hạnh vắng lặng.

Bồ Tát xuất gia có thể tu tập 37 phẩm trợ đạo.

Bồ Tát tại gia chẳng hay tu hành 37 phẩm trợ đạo.

Bồ Tát xuất gia giải thoát tất cả sự việc thế gian. Bồ Tát tại gia còn bị sự việc thế gian ràng buộc.

HẾT QUYỀN BẢY

--- o0o ---

QUYỀN THỨ TÁM BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ HAI MƯƠI BA NHƯ PHÁP TRỤ ĐỊNH TÂM

Đại Bồ Tát thương xót chúng sanh, có bảy điều. Thế nào là bảy?

1. Không e sợ.
2. Chân thật.
3. Không âu sầu.
4. Không mong cầu.
5. Không đắm mến.
6. Quảng đại.
7. Bình đẳng.

-Đại Bồ Tát thương xót chúng sanh. Vì không e sợ mà tu ba nghiệp lành thuộc thân, miệng, ý để phá các nghiệp dữ của chúng sanh. Gọi là không e sợ.

-Đại Bồ Tát thương xót chúng sanh, chẳng phải bởi phiền não ái nhiễm, chẳng ở trái phép, trái luật, chẳng nói hư vọng, chẳng dạy bảo bằng những điều phi lý. Đây gọi là chân thật.

-Đại Bồ Tát bởi tâm thương xót, vì chúng sanh mà siêng tu khổ hạnh, tâm không lo buồn, tâm không hối hận, gọi là chẳng âu sầu.

-Dầu cho tất cả chúng sanh chẳng cầu, chẳng khản, Bồ Tát tự mình tu tập lòng từ. Đây gọi là không mong cầu.

-Khi Đại Bồ Tát tu tâm thương xót đối với chúng sanh, Bồ Tát không có một chút lòng tham, không lòng tham là không cầu báo ơn, không cầu quả báo bởi lòng Từ bi. Gọi là không đắm mến.

-Đại Bồ Tát tu hạnh Từ Bi, giả sử chúng sanh đánh mắng, làm hại, Đại Bồ Tát vẫn không vì đó mà xả bỏ lòng Từ. Đây gọi là quảng đại.

-Đại Bồ Tát tu tập lòng Từ, chẳng phải chỉ vì một số chúng sanh mà vì vô lượng, vô biên chúng sanh trong vô lượng pháp giới. Đây gọi là bình đẳng.

Bảy pháp là như vậy.

Bồ Tát đầy đủ bảy pháp trên đây. gọi là Bồ Tát hết lòng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh đây có 15 điều:

1.Vô thượng tịnh.

2.Như pháp tịnh.

3.Ba la mật tịnh.

4.Chơn thật nghĩa tịnh.

5.Bất khả tư nghị tịnh.

6.An ổn tịnh.

7.Lạc tịnh.

8.Bất phóng tịnh.

9.Kiến cố tịnh.

10.Bất cưỡng tịnh.

11.Bất tịnh tịnh.

12.Tịnh tịnh.

13.Thiện tịnh.

14.Điều phục tịnh.

15.Tánh tịnh.

-Đại Bồ Tát hết lòng nghĩ đến Tam Bảo, gọi là vô thượng tịnh.

-Bồ Tát thọ giới Bồ Tát rồi, dốc lòng bảo trì không để hủy phạm, gọi là như pháp tịnh.

-Đại Bồ Tát dốc lòng tu tập năm pháp ba la mật, mệnh danh là ba la mật tịnh.

-Đại Bồ Tát dốc lòng rõ biết pháp giới vốn không bản ngã, sở hữu của ngã. Vì sự lan rộng mà gọi là Ta hoặc gọi là người... Thông đạt rõ ràng nghĩa lý rất sâu của 12 phần giáo, nghĩa lý rất là đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa gọi là Chơn thật nghĩa tịnh.

-Chư Phật, Bồ Tát không thể nghĩ bàn, từ khi xuất thế cho đến Niết Bàn, mệnh danh là bất khả tư nghị tịnh.

-Bồ Tát hết lòng tu tập tâm Bi, đem lại an lạc cho khắp chúng sanh, gọi là an ổn tịnh.

-Đại Bồ Tát vì những chúng sanh khổ mà tu lòng Từ, làm cho số đó đều được sung sướng, gọi là Lạc Tịnh.

-Đại Bồ Tát vì các chúng sanh tu tập lòng Từ Bi nhưng chẳng có tâm mong cầu cúng dường, chẳng mong quả báo hay cầu báo ơn, cũng không để mặc chúng sanh làm ác. Đây gọi là bất phóng tịnh.

-Đại Bồ Tát vì Vô thượng Bồ Đề, tâm người vững vàng không thể phá hoại. Gọi là kiên cố tịnh.

-Đại Bồ Tát trong vô lượng đời, hết lòng tu tập hạnh lành của hạnh Bồ Đề. Hạnh Bồ Đề và đạo Bồ Đề như vậy chẳng hề luống dối, gọi là bất cuống tịnh.

-Đại Bồ Tát trong khi chưa được địa vị hiểu ngộ, mệnh danh là bất tịnh tịnh.

-Đại Bồ Tát trụ bực Cứu cánh địa tu Bồ thí ba la mật, trì giới ba la mật. v.v. gọi là thiện tịnh.

-Đại Bồ Tát vì muốn được Tịnh tâm địa mà hàng phục tâm mình, gọi là điều phục tịnh.

-Đại Bồ Tát trụ vào tịnh tâm địa hay Cứu cánh địa, gọi là Tánh tịnh. Tánh tịnh là không phải nhờ tu tập sau đó mới thanh tịnh, mà là thể tánh tự nó vốn như vậy. Vì thân và tâm cả hai đều tịnh, cho nên gọi là tánh tịnh.

-Bồ Tát đầy đủ 15 pháp như trên, có thể làm thành mười việc:

1. Bồ Tát do vô thượng tịnh cho nên siêng năng cúng dường Tam Bảo, cúng dường Tam Bảo là sự trang nghiêm căn bản hơn hết của đạo Bồ Đề.

2. Bồ Tát như Thọ trì tịnh (như pháp tịnh) mà luôn luôn thọ trì giới cấm của Bồ Tát, đến đời xả bỏ thân mạng, trọn không hủy phạm, nếu mất chánh niệm hủy phạm giới cấm tức liền sám hối.

3. Bồ Tát như ba la mật tịnh, thường siêng tu tập tất cả thiện pháp, trở thành không buông lung.

4. Bồ Tát như chơn thật nghĩa tịnh, vì chúng sanh mà trôi lăn trong sanh tử, dầu có phiền não, trọn không vì đó mà quên mất tâm vắng lặng (Niết bàn tâm).

5. Bồ Tát như bất khả tư nghị tịnh, làm cho chúng sanh đối với Phật pháp, được lòng tin rộng lớn và tu tập đạo quả.

6. Bồ Tát như an ổn định, Lạc tịnh, bất phóng tịnh, thành tựu đầy đủ sự lợi ích chúng sanh, mà tâm Bồ Tát vẫn không sầu lo hối tiếc.

7. Bồ Tát như kiên cố tịnh, siêng tu tinh tấn, phá bỏ lười biếng và trở thành không buông lung.

8. Bồ Tát như bất cuống tịnh, tức có thể được Vô thượng Bồ Đề, pháp lành thêm lớn và sự tu hành không biết chán nản.

9. Bồ Tát như điều phục tịnh, Tánh tịnh mà luôn luôn dùng Vô thượng Bồ Đề giáo hóa chúng sanh, đem sự an ổn thí khắp trời người và tất cả chúng sanh.

10. Bồ Tát như Tánh tịnh nhiếp cả ba tịnh. Ba tịnh là bất tịnh tịnh, Tịnh tịnh và Thiện tịnh.

Chư Phật và chư Bồ Tát quá khứ, vị lai, hiện tại chứng Vô thượng Bồ Đề, hoặc đã được, hoặc đang được, không một vị nào chẳng do mười lăm tịnh pháp này mà được Vô thượng Bồ Đề.

Nếu có thuyết nào nói rằng Bồ Tát lia mười lăm pháp này vẫn được Vô thượng Bồ Đề, điều ấy không thể nào có.

PHẨM THỨ HAI MƯỜI BỐN NHƯ PHÁP TRỤ SANH BỒ ĐỀ ĐỊA

Đại Bồ Tát đầy đủ Tánh, đầy đủ giới, đầy đủ sự học giới Bồ Tát, đầy đủ tướng Bồ Tát, thành tựu đầy đủ sự trang nghiêm của Bồ Tát, đủ 15 món của Tịnh tâm, là được sự nghiêm tịnh của ba nghiệp thân, miệng, ý.

Có 12 hạnh, nhiếp tất cả những gì thuộc hạnh Bồ Tát, nhiếp luôn hạnh Như Lai (hạnh thứ mười ba). Khi được Vô thượng chánh đẳng giác rồi, gọi là Vô thắng hạnh.

Những gì gọi là 12 hạnh của Bồ Tát?

1. Tánh hạnh.
2. Giải hạnh.
3. Hỷ hạnh.
4. Giới hạnh.
5. Tuệ hạnh. (Tuệ hạnh lại kiêm luôn ba hạnh kế).
6. Chung Trụ Bồ Đề hạnh.
7. Chung Thánh Đẳng hạnh.

8.Chung Thập Nhị nhân duyên hạnh.

9.Hành hạnh.

10.Vô tướng hạnh. (hay vô hành hạnh).

11.Vô ngại hạnh.

12.Bồ Tát hạnh.

Nếu Bồ Tát tu mười hai hạnh này là nhiếp các hạnh là nhiếp luôn hạnh Như Lai, hơn tất cả hạnh. Đó là Vô tướng hạnh.

1.Tánh hạnh là gì? -Đại Bồ Tát tu tập công đức của Bồ Tát, đầy đủ thiện pháp, vì tu tập các thiện pháp cho nên thường vui với thiện pháp, thọ trì tất cả chủng tử Phật pháp. Tự biết thân mình có hạt giống Phật, phá hoại phiền não phần thô, thế gọi là Tánh hạnh. (thập tín vị).

Bồ Tát đầy đủ về tánh hạnh đây, trọn không thể khởi phiền não sâu nặng như tạo năm tội nghịch hay tội Nhứt xiển đề. Đây mệnh danh là Tánh hạnh.

2.Giải hạnh là gì? -Đại Bồ Tát phát Bồ Đề tâm tu về các hạnh, gọi là Giải hạnh (Thập trụ, Thập hạnh, Thập Hồi hướng).

Về Tánh hạnh, khi Bồ Tát thực hành Tánh hạnh là còn trong nhân vị của hạnh Bồ Tát, là nhân của mười hai hạnh, là nhân của hạnh Như Lai. Dầu là cái nhân của chung các hạnh, nhưng chưa được các hạnh khác hướng gì Hạnh Như Lai. Cũng chưa được đủ nhân, chưa được quả và cũng là chưa được sự thanh tịnh.

Nếu được một hạnh gọi là Giải hạnh, gọi là thực hành về hạnh Như Lai, song cũng vẫn chưa được Hạnh Như Lai, chưa tịnh được hạnh Như Lai, mà mệnh danh là Tịnh được Giải hạnh.

Bởi tịnh Giải hạnh nên được Hỷ hạnh và tịnh Hỷ hạnh. Vì tịnh Hỷ hạnh nên được Giới hạnh. Tịnh được Giới hạnh cũng thế, cho đến hạnh thứ 12 gọi là Bồ Tát hạnh. Đầy đủ Bồ Tát hạnh và tịnh Bồ Tát hạnh rồi được Như Lai hạnh và tịnh Như Lai hạnh.

3.Hỷ hạnh: Bồ Tát dốc lòng tịnh Bồ Đề tâm, gọi là Hỷ hạnh.

4.Giới hạnh: Bồ Tát trước hết trong sạch các giới trọng thuộc về Tánh giới, chẳng hủy giá trọng. Bởi giới được thanh tịnh cho nên tu các thiền định thế gian, gọi là giới hạnh.

5.Tuệ hạnh: Nương vào thiền định thế gian mà nhập bốn Thánh đế.

6.Tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, gọi là Chung Trợ Bồ Đề hạnh.

7.Tu Trợ Bồ Đề hạnh, nhận thực về Bốn thánh đế, gọi là Chung Thánh đế hạnh.

8.Chung Thập nhị nhân duyên hạnh: Hoặc quán tứ đế, thấy tất cả khổ từ nhân duyên sanh, từ nhân duyên diệt. Đây gọi là Chung Thập nhị nhân duyên hạnh.

9.Hành hạnh: Vì pháp Trợ Bồ Đề mà siêng tu tinh tấn, gọi là Hành hạnh.

10.Vô tướng hạnh: Tuy chẳng thấy tướng chúng sanh hay tướng Bồ Đề, nhưng tu đạo Bồ Đề không thôi, không nghĩ gọi là Vô tướng hạnh.

11.Vô ngại hạnh: Tu tập vô phân biệt pháp giới, vì vô lượng chúng sanh diễn nói chánh pháp làm cho chúng sanh tu đạo Vô thượng Bồ Đề.

12.Thực hành hạnh vô thượng, lần lượt chứng Vô thượng Bồ Đề, làm tất cả Phật sự, mệnh danh là Bồ Tát hạnh.

Đầy đủ Tánh hạnh, Đại Bồ Tát nhưt định được 12 hạnh.

Đầy đủ Giải hạnh, Đại Bồ Tát đoạn được lậu hoặc về phần thô tướng.

Đầy đủ Hỷ hạnh, cho đến Bồ Tát hạnh cũng vậy (chẳng còn thoái chuyển đối với quả Phật).

Khi Đại Bồ Tát thực hành Tánh hạnh, chẳng chấp tướng mạo tất cả các pháp, cho đến thực hành Bồ Tát hạnh cũng vậy.

Khi Đại Bồ Tát tu hành Tánh hạnh, chẳng chấp sự mong cầu thiện pháp và thành quả thiện pháp, cho đến Bồ Tát hạnh cũng vậy.

Khi Đại Bồ Tát tu hành Tánh hạnh được sức mạnh của trí tuệ vĩ đại, cho đến thực hành Bồ Tát hạnh cũng vậy.

Khi Đại Bồ Tát tu hành Tánh hạnh, dứt năm sự sợ sệt là: Sợ chẳng được sống. Sợ chịu tiếng xấu. Sợ chết. Sợ nẻo ác. Sợ đại chúng.

Tuy nhiên nhiều lúc còn có nghiệp ác thuộc thân, miệng, ý. Nhiều lúc ham muốn nghĩ đến ngũ dục, nhiều lúc còn tiếc những vật mình có, nhiều lúc theo người không tự quyết định. Hoặc có lúc chẳng quan tâm đến Phật, Pháp, Tăng thật hay chẳng thật, chẳng quan tâm về sự không thể nghĩ bàn của Phật, Bồ Tát, chẳng cầu nhân, chẳng cầu quả, chẳng cầu nhiều, chẳng cầu ít. Với sự đắc, thất không sanh lo mừng, thực hành phương tiện quấy hay chẳng thực hành phương tiện. Có chút ít Văn huệ lại nhiều khi quên mất, đầy đủ sự khổ, trí tuệ không thông lợi, ít nghĩ về Vô thượng Bồ Đề, chẳng siêng Tinh tấn, chẳng được tâm tin hiểu sâu xa, khi tiếp xúc với sắc, thanh, hương, vị, xúc sanh tâm điên đảo, bỏ thân sanh qua đời khác quên mất chánh niệm. Hoặc có khi sáng suốt, có khi mất sự sáng suốt, chẳng thể biết phương tiện thích nghi để điều phục chúng sanh. Hoặc có khi nói pháp nhưng chẳng hiểu đúng câu, nghĩa, văn tự, người nghe có kẻ tin nhận, như người nhắm bắn trong tối khi trúng khi không trúng. Phát Bồ Đề tâm hoặc thoái hoặc không, hoặc phá hồng giới Bồ Tát đã thọ, hoặc chỉ muốn tự vui, chẳng vì chúng sanh, hoặc quan niệm lộn lạc về quả báo, phước báo của Bồ Tát. Khi nghe pháp sâu có lúc sinh sợ, có lúc vui mừng, hoặc có lúc tin sâu, có khi nghi hoặc, chẳng thể tu tập về lòng Từ Bi, hoặc thí ít cho người, tâm sanh vui mừng cho là vừa đủ, không tương Bồ Tát, không tương trang nghiêm của một Bồ Tát, thấy mình cách xa với đạo vô thượng, chẳng thể đến nói đến chốn. Tâm nghĩ về Đại Niết bàn mà chẳng biết về danh tánh các pháp trợ Bồ Đề v.v. Còn có những tướng như vậy, gọi là Bồ Tát Tánh hạnh.

Bồ Tát Giải hạnh được ba đức nhẫn: bậc hạ, bậc trung, bậc thượng. Khi được Hạ nhẫn tức đồng với tướng thượng nhẫn của hạnh dưới. Trung nhẫn là mức trung bình. Được Thượng nhẫn là đồng với tướng Hạ nhẫn của hạnh trên. Đến khi chúng được Hỷ hạnh là được chấm dứt tướng Nhẫn như vậy, chỉ một mực thiện. Vì đầy đủ thiện pháp cho nên gọi là Tịnh tâm.

Bồ Tát Giải hạnh tuy có ba bậc nhẫn như trên nhưng chẳng thanh tịnh. Tại sao vậy? -Bởi khi thực hành ba pháp nhẫn, còn có các phần Hạ, Trung và Thượng, nên chẳng thanh tịnh. Khi trụ Hỷ hạnh đoạn hết các điều ác, thể nên thanh tịnh.

Lại nữa, khi trụ Hỷ hạnh, phát tâm Vô thượng Bồ Đề, tùy thuận người nói lại tùy mình tư duy, bởi hai nhân duyên này mà tâm được kiên cố, cho nên gọi là tịnh nguyện, lìa pháp thế gian, được pháp xuất thế, phá sự khổ của chúng sanh, hơn sự phát nguyện của Thanh văn, Duyên giác.

Đại Bồ Tát trong một niệm tâm phát nguyện, có thể được vô lượng vô biên công đức, nguyện này không động, không cùng, không lui, không đổi, tăng trưởng lũy từng, rốt ráo có thể chứng được Vô thượng Bồ Đề, mệnh danh là chơn nguyện.

Về chơn nguyện này, Bồ Tát có bốn điều để quán sát: Ai phát đạo tâm? Do gì phát tâm? Phát tâm là những tánh gì? Phát tâm có những công đức gì? Đó gọi là bốn.

Ai phát đạo tâm là: Sự thành tựu Giải hạnh, đủ công đức lành và khéo thực hành đạo Bồ Đề. Sự phát Bồ Đề tâm của chúng sanh cũng vậy.

Do gì phát tâm là sao? Nghĩa là đủ sự trang nghiêm về đạo Bồ Đề, làm lợi ích chúng sanh, tu vô lượng hạnh thuộc Vô thượng Bồ Đề, thành tựu đầy đủ tất cả pháp Phật, tất cả hạnh Phật. Đây gọi là nhân duyên. Do nhân duyên này mà phát Bồ Đề tâm. Tất cả những sự phát tâm đều nhằm trang nghiêm Vô thượng Bồ Đề. Tất cả công hạnh cũng đều là việc của đạo Bồ Đề, tùy thuận Nhứt thiết trí, tùy thuận tất cả Phật sự, xa lìa phàm phu, được mệnh danh là Bồ Tát danh tự, Bồ Tát danh tự lìa địa vị phàm phu, vào địa vị quyết định, sanh vào giòng giống Phật, được gọi Phật tử, như định chứng quả Vô thượng Bồ Đề, được tâm đại Hỷ xả, xa lìa tâm tham vọng, ganh tỵ, sân hận, vì chúng sanh mà diễn nói đạo Vô thượng Bồ Đề, trang nghiêm đầy đủ tất cả pháp Phật, việc Phật, hạnh Phật, chứng được tâm Hỷ, được vui vắng lặng, xa lìa phiền não, thân được an lạc, thành tựu đầy đủ thiện pháp thanh tịnh, gần với Vô thượng Bồ Đề, chí tâm, tịnh tâm, vì hướng đi của Bồ Tát, lìa tất cả sợ sệt, được tâm Đại hỷ, phát tâm Bồ Đề sâu nặng, bỏ lìa năm thứ sợ sệt, tụ tập chướng vô ngã, rõ biết không ngã, sở hữu của ngã.

Bởi quán không ngã, sở hữu của ngã, cho nên chẳng tham chấp thân, do đó lìa mối lo sợ chẳng sống.

Chẳng tìm, chẳng cầu vật dụng người khác, dầu vật đáng giá, thường lập nguyện rằng “Làm sao cho tôi có thể đem lợi ích lớn cho khắp mọi người” do thế Bồ Tát bỏ lìa lo sợ bị mang tiếng xấu.

Vì lìa chấp ngã, chẳng thấy có ngã, do đó lìa bỏ mọi lo sợ chết.

Vì dốc lòng biết rõ: “Tôi bỏ thân rồi thường cùng đi chung với Phật, Bồ Tát” Thế nên lìa mọi lo sợ đọa ba đường ác.

Vì dốc lòng cầu pháp xuất thế gian, do đó bỏ lìa sợ sệt oai đức đại chúng.

Bồ Tát xa lìa các nỗi lo sợ như thế rồi, cũng được bỏ lìa mọi sợ nghe nghĩa sâu xa, lìa tất cả tâm kiêu mạn và tâm nhiều hại, lìa tâm vui mừng theo kiểu thế gian, được tâm thanh tịnh tâm không hư hỏng, được tâm vĩ đại, được tâm bất động. Được những tâm ấy cho nên siêng năng tinh tấn hành đạo, vì dốc lòng nghĩ đến Vô thượng Bồ Đề. Bởi dốc lòng tin, cho nên chuyên ròng siêng năng tu tập pháp Trợ Bồ Đề. Đây gọi là Hỷ hạnh.

Do trụ Hỷ hạnh tâm được thanh tịnh. Vì tâm thanh tịnh nên dốc lòng nghĩ đến việc cúng dường các đức Như Lai, thường nghĩ đến việc hộ trì chánh pháp, sự tăng trưởng pháp, hết lòng nghĩ đến điều phục chúng sanh, trụ thế giới Phật, gìn giữ chư Phật, chí tâm nghe pháp, tinh quốc độ Phật. Thường nghĩ đến chung hạnh với Phật, các vị Bồ Tát, các thiện tri thức. Vì lợi ích chúng sanh, mong chúng Vô thượng Bồ Đề để làm Phật sự.

Trong khi chưa được Vô thượng Bồ Đề, Bồ Tát thường lập những nguyện như vậy, gọi là đại nguyện. Trăm ngàn vô lượng những nguyện như vậy gọi là thiện nguyện. Lập nguyện này rồi nơi đời hiện tại siêng tu tinh tấn. Vì tịnh Hỷ hạnh mà tu mười pháp. Mười pháp ấy là:

1. Tin tất các pháp Phật.
2. Do mười hai nhân duyên chúng sanh chịu khổ. Vì chúng sanh chịu khổ khiến được giải thoát mà tu Bi tâm.
3. Vì đem an vui cho khắp chúng sanh nên tu từ tâm.
4. Vì chúng sanh khổ mà không tiếc thân. Không tiếc thân mạng cho nên xả bỏ vật trong lẫn ngoài.
5. Vì lợi ích chúng sanh mà chịu thống khổ không hề hối hận.
6. Tâm không hối hận cho nên biết được sách vở, phương thuật thế gian.

7. Vì biết thể diễn nên có thể biết được căn tánh khác biệt thuộc thượng, trung, hạ của các chúng sanh.

8. Tùy căn cơ của bậc Hạ, Trung, Thượng mà đầy đủ hổ thẹn.

9. Tu những việc như vậy, tâm không lui sụt.

10. Được sức đồng kiên, nhận tài vật của người rồi xử dụng vào việc cúng dường tam bảo. Trên đây gọi là mười pháp.

Tóm lại, mười pháp này là: Lòng tin, lòng Bi, lòng Từ, bố thí, chẳng sâu, biết rõ thể diễn, tùy thuộc thế gian, hổ với người, thẹn với mình, mạnh mẽ.

Đại Bồ Tát tu mười pháp này, vì trì giới mà thực hành chín cách quán sát đạo quả, công đức và mối lo ngại. Biết rồi có thể tu tập về đạo. Hết lòng thọ trì qua tất cả hạnh, được Vô thượng Bồ Đề, luôn luôn độ sanh nơi biển sanh tử, luôn luôn giáo hóa chúng sanh tu các hạnh lành. Bồ Tát bấy giờ trụ lực thiện hạnh là thấy vô lượng đức Phật, như chỗ nói về sự thấy, sự nghe trong Bồ Tát tạng. Bồ Tát lại biết vô lượng thế giới trong khắp mười phương, có vô lượng tên, có vô lượng Phật. Biết rồi chí tâm mong thấy và có thể thấy. Đây gọi là thiện nguyện.

Bồ Tát lại lập nguyện: “Nguyện tôi thường sanh nơi thế giới chư Phật, tùy nguyện vãng sanh”. Đó gọi là thiện nguyện. Bởi được sanh qua thế giới chư Phật, cho nên cũng được tùy sức cúng dường Phật, Pháp, Tăng bảo, nghe pháp thọ, trì, đúng như pháp trụ. Những thiện pháp đã tu, đều đem hồi hướng Vô thượng Bồ Đề, dùng bốn nhiếp pháp nhiếp lấy chúng sanh, do đó thiện pháp càng thêm lũy lũng. Cúng dường Tam bảo, nhiếp lấy chúng sanh trong vô lượng kiếp, thanh tịnh thân tâm. Như sự luyện vàng trải qua nhiều lần, màu sắc của vàng càng sáng gấp bội. Tâm Bồ Tát cũng tương tự như vậy. Vì tâm của người trong sạch cho nên thiện pháp quyết phải trong sạch.

Khi Đại Bồ Tát thọ lấy thân người, làm chuyển luân vương, làm vua bốn châu, được tùy ý tự tại, xa lìa sên tham và phá sên tham của các chúng sanh. Tạo pháp lành gì hoặc nhiều hoặc ít đều hồi hướng Đạo Vô thượng Bồ Đề, nguyện khiến chúng sanh, tất cả đều được lợi ích vô thượng.

Khi đó Bồ Tát bởi sự siêng năng tinh tấn thúc đẩy, bỏ ngôi xuất gia, trong khoảng một niệm có thể chứng đủ một trăm tam muội, một niệm thấy Phật

trong trăm thế giới, cũng biết việc làm của trăm đức Phật, có thể làm rung chuyển thế giới của một trăm đức Phật, ánh sáng soi đầy một trăm thế giới, có thể làm thần thông một thân biến ra trăm thân, mỗi thân biến hóa đều biết những việc quá khứ vị lai trong một trăm kiếp, nhập trăm pháp môn ám nhập giới môn, mỗi mỗi đều biết trăm số, mỗi mỗi đều hiện trăm người để làm quyến thuộc. Tất cả đều được thần thông v.v...

Khi Đại Bồ Tát trụ bực Hỷ hạnh, vì sức thế nguyện nên có thể làm những sự thần thông như vậy, do đó Bồ Tát phát nguyện không thể nghĩ bàn.

Bồ Tát Hoan hỷ hạnh có sáu phát tâm: Vì phát thiện nguyện siêng tu tinh tấn. Vì tịnh các hạnh. Vì chứng các hạnh khác. Vì tịnh các thiện căn. Vì khéo ứng thân các cõi. Vì chẳng thể nghĩ bàn.

Hoan hỷ hạnh đây, như trong Thập trụ nói về Hoan hỷ Địa, Vì tự lợi gọi là Địa. Lợi tha gọi là Hạnh.

Bồ Tát Giới hạnh có những tướng nào?

-Những công đức gì Bồ Tát Hỷ hạnh đã có, Bồ Tát giới hạnh thấy đều đầy đủ, gồm có mười tịnh tâm. Đây là mười:

Tâm thanh tịnh, hết lòng cung kính vâng thờ các bậc sư trưởng. Hòa thượng, tôn túc kỳ cựu có nhiều đức độ, chẳng sanh khi dối.

Tâm thanh tịnh khi gặp Bồ Tát đồng hạnh, trước mở lời chào, nói năng mềm mỏng.

Tâm thanh tịnh thắng tất cả ma nghiệp phiền não.

Tâm thanh tịnh thấy các tội lỗi qua tất cả hạnh.

Tâm thanh tịnh thấy rõ công đức Niết Bàn.

Tâm thanh tịnh tu tập tất cả pháp trợ Bồ Đề phần.

Tâm thanh tịnh vì pháp trợ Bồ Đề mà tu tập vắng lặng.

Tâm thanh tịnh không bị pháp thế gian làm nhiễm ô.

Tâm thanh tịnh là Thanh văn thừa, ưa nghĩ về Đại thừa.

Tâm thanh tịnh thường nghĩ làm lợi ích chúng sanh.

Trên đây gọi là mười tịnh tâm.

Bởi đủ mười tâm thanh tịnh như thế, gọi là Giới Địa Hạnh.

Khi Bồ Tát trụ Giới Địa Hạnh là đầy đủ Tánh giới, chung đặng với giới tà nghiệp mà chẳng nhận, chẳng nhớ, chẳng sanh vui mừng. Những điều giới nhẹ còn chẳng làm hồng, huông gì giới trung, giới thượng. Đủ mười pháp lành biết đâu là thiện, đâu là bất thiện, biết nghiệp lành, nghiệp dữ, nẻo lành, nẻo dữ, là thừa, phi thừa, nào nhân, nào quả thấy đều biết rõ. Vì biết rõ ràng cho nên Bồ Tát tự tu thập thiện, lại còn dạy bảo chúng sanh thực hành thập thiện. Nếu các chúng sanh do nhân duyên nghiệp ác, bị các khổ, Bồ Tát sanh tâm lân mẫn, tu tập đại bi, để phá nổi khổ của các chúng sanh. Bồ Tát Giới hạnh thân được vắng lặng và tâm vắng lặng. Thân tâm vắng lặng thanh tịnh sáng suốt, tựa như vàng ròng lại được chất thuốc ca tu bà thoa vào, khi bỏ vô lửa càng thêm sáng sạch. Tâm lành của Bồ Tát và những pháp được tu cũng giống vậy.

Khi Bồ Tát trụ vào bậc Giới hạnh, nếu sanh ra đời là thường làm thân chuyển luân thánh vương làm vua trong toàn bốn châu thiên hạ, có thể chuyển hóa nghiệp ác hủy giới của nhiều chúng sanh, đặt để chúng sanh trong giới pháp lành. Ngoài ra, như đã nói ở bực Hoan hỷ hạnh. Lại như trong Thập trụ về Ly cấu địa, vì là tất cả cấu bợn hủy giới, cho nên gọi là Ly cấu địa. Vì dạy giới Bồ Tát mà gọi Giới hạnh. Nghĩa Ly cấu địa nói trong Thập trụ và Giới hạnh đây tương đương không khác.

Bồ Tát Tuệ Hạnh có những tướng gì?

Bồ Tát trụ bực Tuệ Hạnh được mười Tịnh Tâm, khởi quán như vậy:

Mười tịnh tâm của tôi không thoái không chuyển.

Đối với tất cả các pháp hữu lậu, tâm tôi chẳng sanh cam vui.

Với pháp hữu lậu, tôi nên ưu tu pháp môn đối trị.

Nơi sự đối trị này tôi không thoái chuyển.

Tất cả nghiệp ma phiền não hữu lậu, không một thứ nào mà tôi chẳng nhận ra và chẳng chiến thắng.

Vì sự tu tập cho nên tôi chẳng sanh tâm xả bỏ.

Tôi rất cam vui với những công hạnh của Phật, Bồ Tát.

Vì Đạo Bồ Đề của các đức Phật mà tôi tu hành các thứ hạnh khô, không sanh chán nản.

Nay tôi dốc lòng nhớ nghĩ giáo pháp Đại thừa.

Tôi thường muốn làm lợi ích chúng sanh.

Trên đây là mười tịnh tâm.

Bồ Tát Tuệ Hạnh quán sát tất cả hạnh có vô lượng sự khổ chi phối. Khởi quán này rồi chẳng nhiễm các sự chi phối. Quán sát công đức và vô lượng phước hạnh của Trí tuệ Phật. Bồ Tát hết lòng nghĩ những công đức chư Phật đã có, được tín tâm lớn. Vì phá khổ não của khắp chúng sanh mà tu Bi tâm. Khéo nghĩ phương tiện vì khiến chúng sanh được sự giải thoát. Vì sự giải thoát quán pháp đối trị. Được pháp đối trị cho nên quán các thiện tam muội, thích nghe kinh điển thuộc tạng Bồ Tát, đã được nghe rồi siêng tu tinh tấn. Vì sự nghe pháp mà chẳng tiếc thân. Của cải trong ngoài đều đem cúng dường cha mẹ, hòa thượng, sư trưởng, tôn túc kỳ cựu đức độ. Vì chúng sanh mà chịu nhiều thứ khổ. Nếu như được nghe một chữ, một câu, một kệ, một nghĩa thuộc Bồ Tát tạng, tâm Bồ Tát vui, còn hơn được của trân quý đầy khắp đại thiên thế giới, còn hơn được thân Đế Thích, Phạm vương, Ma vương hay Chuyển Luân vương.

Nếu có người bảo: “Ta có một chữ, một câu, một kệ, một nghĩa, đây là Phật nói. Nếu người có thể chịu khổ gieo mình vào hầm lửa lớn, ta nói cho người”.

Đại Bồ Tát nghe điều kiện này rồi, vui mừng nhận chịu, liền phát lời rằng: “Giả sử toàn cõi Đại thiên thế giới này đầy đặc lửa dữ, ta còn có thể đem thân ở vào trong ấy đến vô lượng kiếp, hưởng gì chút lửa”.

Khi đó Bồ Tát vì sự siêng tu tinh tấn, suy nghĩ như vậy: “Nếu được nghe nghĩa chân thật thì ta có lợi ích lớn. Phật pháp vô thượng chẳng phải bởi chữ hay câu mà có thể lợi ích”.

Bồ Tát vì muốn hiểu nghĩa chân thật, cho nên tu về Tứ Thiên, Tứ vô sắc định, Tứ vô lượng tâm và năm thần thông. Bởi tu thiên định cho nên Bồ Tát nguyện sanh cõi Dục, tu tập pháp Trợ Bồ Đề làm lợi ích chúng sanh. Dầu sanh cõi Dục song lại không bị Dục giới trói buộc. Trước hết là đoạn tham dục, giận dữ, ngu si v.v...

Ví như vàng ròng được đem luyện nấu, sửa đổi nhiều lần vẫn không tổn giảm. Tu thiện căn trong sạch cho nên được thân thắng tốt của trời Đế Thích. Vì người thích dục hoại sự tham dục khiến được tư duy về các pháp lành. Vì khiến chúng sanh có thể hay biết hạnh nghiệp, thế giới và chúng sanh giới. Vì biết phương tiện khéo. Vì chúng sanh khổ khiến được giải thoát. Vì cúng dường cha mẹ, sư trưởng, hòa thượng và người có đức. Vì khiến chúng sanh ăn ở đúng cách. Vì được thiên định tam muội đứng đắn và các thần thông... Như trong Thập trụ, nói về Minh Địa Như Minh Địa trong Thập trụ, Tuệ hạnh đây cũng vậy, ngang nhau không khác.

Bồ Tát Trợ Bồ Đề hạnh có những tướng gì?

Bồ Tát Tuệ hạnh đã có mười pháp như trước đã nói. Trụ pháp như vậy tâm không hư hoại, tu tập trí tuệ, có thể vì chúng sanh diễn nói chánh pháp khiến được điều phục và được thuần phục, người đã thuần thực, vì họ nói pháp khiến được giải thoát, sanh chủng tánh Phật. Vì tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo và phương tiện khéo, xa lìa chấp ngã. Do phá chấp ngã mà dứt phiền não, được tâm an nhẫn, tâm nhu nhuyễn, tâm thanh tịnh thuần thiện và tâm của vô lượng hạnh. Biết ơn, biết ơn, đầy đủ vô lượng thiện pháp trong sạch, càng siêng tinh tấn tu các nghiệp lành của bậc địa thượng. Biết rõ pháp giới và chúng sanh giới. Tất cả kẻ ác, tất cả ác ma, quyến thuộc ác ma không thể dối đời hay làm trở ngại hoặc làm hư hỏng tâm Bồ Tát này.

Ngoài ra như đã nói qua nơi các Hạnh trước.

Ví như tay thợ làm sâu chuỗi vàng, dễ khiến mọi người ham thích. Thiện pháp của Bồ Tát này cũng tự như vậy, không bị hàng Thanh văn, Duyên giác hay các hạng khác lay động.

Bồ Tát này sanh về Trời Dạ Ma, nhằm phá chấp ngã của chúng sanh nơi đó. Đây gọi là Bồ Tát Trợ Bồ Đề hạnh.

Vì muốn tu tập trí tuệ lợi ích. Vì tu tập ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, phá tất cả kiến chấp, tất cả mê lầm. Vì ngăn đóng tất cả ác nghiệp. Vì tăng trưởng thiện pháp. Vì làm cho quả địa được thanh tịnh, Bồ Tát tu tập Hạnh Trợ Bồ Đề.

Như trong Thập trụ nói về Diệm Huệ địa. Diệm Huệ địa với Trợ Bồ Đề hạnh này ngang nhau không khác. Tự lợi gọi là Địa. Lợi tha là Hạnh.

Bồ Tát Chung Thánh Đế Hạnh có những tướng gì?

Bồ Tát Đế Hạnh trước hết được mười pháp thanh tịnh. Vì sự thanh tịnh cực kỳ vĩ đại đối với bốn Chơn đế, cho nên gọi là Cộng Đế hạnh. (Chung Thánh đế hạnh).

Bồ Tát Đế hạnh thấy vô lượng thế giới, vô lượng đức Phật, quán bốn Thánh đế đều có mười hạnh. Nếu nói về sự khổ, vì có gì nói? Nói nhân duyên nào? Nói cách nào? Nói về những ai? Những điều như thế Bồ Tát đều biết một cách chơn thật.

Khổ đế như vậy, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế cũng vậy. Trong khi quán sát, biết những phương tiện của bốn Thánh đế, quán tất cả khổ, tất cả tội lỗi và những công đức của mỗi mỗi đế. Vì chúng sanh mà thêm lớn tâm Bi. Biết rõ nghiệp báo của các chúng sanh qua lại thế gian. Biết rõ đế lý (hữu vi) thế gian và biết rõ sự nhận chịu hậu quả bởi những pháp tà. Vì kẻ thực hành pháp tà mà nói môn giải thoát. Biết về những sự trang nghiêm, đầy đủ tâm ghi nhớ. Đủ tâm sáng tỏ và đủ phương tiện điều phục chúng sanh. Hiểu rõ tất cả phương thuật thế gian. Vì cảm hóa chúng sanh mà phá những thống khổ. Vì chứng Vô thượng Bồ Đề mà thường bố thí chúng sanh những vật cần dùng. Luôn luôn phá sự nghèo nàn khốn khổ của các chúng sanh. Biết rõ ý nghĩa Xứ chẳng phải xứ, phá thờ tự tà, chẳng chấp nhận lối hiểu biết điên đảo nghĩa Bồ Tát tạng, mà thuyết minh về đạo lý chân thật. Ngoài ra như các hạnh trên đã nói.

Ví như vàng ròng được cần trong các vật quý, giá trị của nó khó lường. Đại Bồ Tát này cũng vậy. Bao nhiêu thiện pháp đều hơn tất cả Thanh Văn, Duyên Giác, hơn những Bồ Tát ở các Địa dưới.

Đại Bồ Tát ở bực Tuệ Hạnh (Đệ Tam địa), trí tuệ đã như ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trăng. Không ai có thể phá hoại che lấp, gió chướng Tỳ lam không thể thổi dờn.

Bao nhiêu trí tuệ của Đại Bồ Tát Cội Hạnh này lại cũng như vậy và còn trội vượt hơn. Tất cả Thanh Văn, Duyên Giác không thể làm cho nghiêng ngã, những gì thế pháp không thể phá hoại. Khi bỏ thân mạng, sanh nơi cõi trời Đâu Xuất, được đại tự tại và phá hỏng pháp tà, thành tựu vô lượng ức số phước đức, đầy đủ trí tuệ của Bồ Tát để tịnh hóa chúng sanh. Vì biết phương tiện nói về chơn đế. Vì xem sanh tử có sự khổ lớn. Vì muốn tăng trưởng về tâm Đại Bi. Vì muốn đầy đủ phước đức trang nghiêm. Vì phát nguyện lành. Vì làm cho tâm ghi nhớ, tâm thí xả và tâm sáng suốt thay đổi thêm lớn. Vì muốn tư duy các thứ thiện pháp. Vì muốn điều phục hạnh các chúng sanh. Vì dạy pháp phương tiện thế, xuất thế gian. Vì trong sạch các căn lành...Ngoài ra, như trên đã nói.

Như trong Thập trụ nói về Nan thắng Địa, Đế hạnh đây cũng vậy, ngang nhau không khác.

Bồ Tát Chung Thập Nhị Nhân Duyên hạnh có những tướng gì?

-Như trước đã nói sơ lược, Bồ Tát trụ hạnh Chung Thập nhị Nhân duyên, quán về tướng Đệ nhất nghĩa của tất cả pháp Đệ nhất nghĩa là tướng KHÔNG của các pháp. Vì tất cả pháp đều không thể tuyên nói, cho nên gọi là không tướng. Không tướng là tướng không sanh, không diệt. Vì không sanh, không diệt, cho nên cái thấy Vô sanh là bình đẳng. Vô thì vô chung bình đẳng. Có và không bình đẳng. Không lấy không bỏ bình đẳng, như huyền bình đẳng. Tánh không bình đẳng. Chẳng có, chẳng không bình đẳng.

Đại Bồ Tát trụ những sự bình đẳng đây rồi thêm lớn tâm đại bi, hết lòng nhớ pháp Bồ Đề, biết rõ chỗ xuất và chỗ hoại diệt của các thế gian, biết mười hai duyên, rõ biết các pháp vốn từ duyên sanh. Lại cũng biết rõ Từ mười hai nhân duyên, sanh ra ba giải thoát môn Không, Vô tướng, Vô nguyện. Vì tu tập ba giải thoát môn mà dứt hẳn tướng ngã, tướng sở. Đoạn hẳn tướng tác, tướng thọ. Đây gọi là Đệ Nhất nghĩa. Vì chúng sanh mà chơn thật tư duy tánh chất phiền não bởi nhân duyên hòa hợp, không bền không chắc. Vì nhân duyên không chắc, cho nên pháp hữu vi mong manh, do đó không ngã và không ngã sở. Thành tựu đầy đủ vô lượng các khổ. Bồ Tát tự nghĩ: “Tôi có thể làm tan hoại tất cả các pháp hữu vi. Tuy có thể làm,

nhưng tôi chẳng nên diệt hẳn. Tôi để pháp hữu vi là vì chúng sanh”. Khi khởi quán này liền được Tuệ hạnh vô ngại. Vì rõ Tuệ hạnh sáng suốt vô ngại, nên không trở ngại đối với tất cả các hạnh trong đời. Vì được Tuệ hạnh vô ngại cho nên gọi là Nhiếp lấy sức Nhân của Đệ Thất Địa.

Tu Hạnh Trợ Bồ Đề Chung pháp hữu vi đây, chẳng thích diệt hẳn các pháp hữu vi. Tuy chẳng diệt hẳn, cũng không nhiễm mắc. Lúc Bồ Tát tu về phương tiện này, liền chứng một vạn môn không tam muội, Vô tướng, Vô nguyện tam muội lại cũng như vậy. Bởi tu ba vạn môn tam muội cho nên tất cả ngoại đạo tà kiến, tất cả Thanh Văn, Duyên Giác hay quyền thuộc của các thứ ác ma không thể lay động, không thể làm cho ngăn trở hư hoại. Ngoài ra như đã được nói ở các hạnh trên.

Ví như vua trời Đế Thích và Chuyển luân vương đầu đội Kim quan có cần tạp bảo, là thứ chân bảo mà Chư Thiên, loài người đều rất ưa nhìn. Trí tuệ của Đại Bồ Tát này cũng vậy, đều được chư Phật và chư Bồ Tát mười phương ưa thấy. Lại như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, hơn hẳn tất cả mọi ánh sáng khác, trí tuệ Bồ Tát cũng lại như vậy.

Đại Bồ Tát trụ Hạnh Chung Thập nhị Nhân Duyên, vì khiến chúng sanh thấy sự bình đẳng các pháp. Vì biết mười hai nhân duyên được chứng giải thoát. Vì được ba giải thoát môn. Vì phá hỏng tất cả tướng tà. Vì biết phương tiện giáo hóa xoay chuyển sanh tử. Vì được trí tuệ vô ngại. Vì được hạnh sáng suốt vô ngại. Vì được vô lượng môn tam muội. Vì không phá, không động. Vì thêm lớn thiện pháp. Vì làm trong sạch các cõi. Ngoài ra, như trong Thập trụ nói về Hiện Tiền Địa. Trong Thập trụ nói và chỗ nói nơi đây ngang nhau không khác.

Bồ Tát Hành Hạnh có những tướng gì?

-Khi Đại Bồ Tát được Hạnh Trợ Bồ Đề, sự tu hành đầy đủ, có thể chứng vô lượng tam muội có sự chung cùng đối với thế gian và chẳng chung thế gian. Vì được đầy đủ cho nên vào hạnh thứ bảy.

Bấy giờ Bồ Tát được sức đại tự tại đối với các pháp thế gian, dốc lòng nghĩ về Từ Tâm. Sự trang nghiêm về công đức, trang nghiêm về Đạo Bồ Đề thấy đều tăng trưởng. Chỗ chứng ngộ về pháp Trợ Bồ Đề của Bồ Tát này chẳng cùng với Thanh Văn, Duyên giác. Biết được pháp giới, biết chúng sanh giới, thế giới, và biết thâm tâm Phật. Khi Bồ Tát này đầy đủ các thứ công đức như vậy, biết cảnh giới Phật không tướng, không nghiệp và không

giác tri, thấy được vô lượng quốc độ chư Phật, trong tất cả động tác đi, đứng, ngồi, nằm đều không mất đạo tâm. Khi đó Bồ Tát trong mỗi mỗi niệm thêm lớn mười ba la mật, thành tựu đầy đủ pháp trợ Bồ Đề.

Khi trụ Hoan hỷ hạnh, sự phát nguyện của Bồ Tát chỉ mới là nhân duyên. Trụ hạnh thứ hai (giới hạnh), là nhân duyên xa lìa tất cả sự hủy giới. Trụ hạnh thứ ba (Tuệ hạnh) là thêm lớn thiện nguyện và được pháp sáng suốt. Trụ hạnh thứ tư (Trợ Bồ Đề hạnh) là nhân duyên lìa các tướng đạo. Trụ hạnh thứ năm (Cộng Thánh Đệ hạnh) là lìa chướng ngại sự học phương tiện thế gian. Trụ hạnh thứ sáu (Cộng Thập Nhị nhân duyên hạnh) được vào nghĩa thâm sâu. Đền hạnh thứ bảy (Hành hạnh) là tăng trưởng sự hướng đến tất cả pháp Phật, tăng trưởng đầy đủ pháp Trợ Bồ Đề, thế nên Bồ Tát lần lượt sẽ được Tịnh hạnh là hạnh thứ tám (Vô tướng hạnh). Vì sự trong sạch đã được hoàn tất cho nên gọi là Tịnh hạnh. Ở đệ thất hạnh vì còn xen tạp cho nên chẳng gọi là Tịnh hạnh.

Khi trụ Đệ thất hạnh đây đoạn các phiền não, lại cũng chẳng gọi là lìa phiền não. Nghĩa là: Phiền não chẳng khởi nên chẳng gọi là đi đôi (tương ứng), vì chưa được quả Phật cho nên chẳng được gọi là lìa. Nhưng đến địa vị này, ba nghiệp đã được thanh tịnh, biết rõ tất cả phương tiện và học thuật thế gian, có thể làm thầy cho hàng trời, người trong toàn cả cõi Đại thiên thế giới. Chỉ trừ Bát địa, ngoài ra chúng sanh trong khắp đại thiên thế giới, không ai có thể có tâm ngang hàng với Bồ Tát này. Lại cũng trừ Bát địa Bồ Tát, bậc Thất địa này có thể tự do xuất nhập vô lượng pháp môn, lìa hẳn con đường của Thanh Văn, Duyên Giác. Đây gọi là bậc “Thanh tịnh thân, khẩu, ý nghiệp” cũng vẫn tu tập về đạo Bồ Đề không biết chán đủ, có thể chứng quả Vô thượng Bồ Đề, vì chúng sanh mà nói pháp hữu vi lìa tất cả tướng mạo thuộc thân, miệng, ý, được pháp nhãn sâu, không sanh không diệt.

Khi thực hành hạnh thứ sáu vào Diệt tận định. Qua đến hạnh này, tuy niệm niệm diệt nhưng không thủ chứng Niết bàn, do đó mệnh danh chẳng thể nghĩ bàn. Dầu cùng chúng sanh tu hạnh Bồ Đề nhưng chẳng bị pháp thế gian làm cho ô nhiễm. Ngoài ra, như đã được nói ở các hạnh trước.

Đại Bồ Tát tu ba giải thoát môn điều phục chúng sanh, chẳng để cho họ ở vào địa vị Thanh Văn, Duyên giác. Điều phục chúng sanh khiến lìa ngũ dục, dứt các tà kiến. Khi tu như vậy, tất cả thiện pháp ngày càng tăng trưởng, tâm của Bồ Tát không ai có thể phá hoại lay động.

Ví như vàng ròng, được cần vào giữa các thứ báu vật, giá trị khó lường, vô biên không thể tính kể.

Lại như ánh sáng mặt trời, tất cả chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, ánh sáng trí tuệ của Bồ Tát này lại cũng như vậy.

Đại Bồ Tát tu tập hạnh này vì khiến chúng sanh được vô lượng ức các môn tam muội. Vì phá tất cả những tâm chấp tướng. Vì được phương tiện khéo tu đạo quả. Vì thấy thế giới Phật được chứng giải thoát. Vì có thể nhập các pháp môn rất sâu. Vì được đầy đủ pháp Trợ Bồ Đề. Vì đoạn hẳn tịnh bất tịnh pháp. Vì trang nghiêm đầy đủ về đạo Bồ Đề. Vì tịnh tam nghiệp. Vì biết rõ tất cả phương thuật thế gian. Vì chứng vô lượng pháp môn và các tam muội chẳng đồng chung với Thanh Văn, Duyên Giác.

Ngoài ra như trong Thập trụ nói về Viên hành địa. Về nghĩa Viên hành địa và Hạnh hạnh đây ngang nhau không khác.

Bồ Tát Vô tướng hạnh có những tướng gì?

-Khi Đại Bồ Tát trụ bực thứ nhất (Hỷ hạnh), đã được pháp hạnh, biết nghĩa các pháp và biết sự không sanh không diệt trong ba đời. Quá khứ chẳng sanh, vị lai chẳng diệt. Hiện tại không tướng. Vì không nhân duyên cho nên chẳng sanh chẳng diệt. Do đó tướng Đệ nhất nghĩa chẳng thể tuyên nói, chẳng thể tuyên nói về Pháp, còn pháp có thể nói, là phần tướng lan rộng. Tuy có thể lan rộng nhưng thật sự ra vốn không có tánh. Vì tánh không có tướng cho nên không nhân, không quả. Nhưng tánh “bất khả thuyết” này, chẳng thể bảo nó là không. Tại sao vậy? -Vì nó thể diễn bày bởi ngôn thuyết. Nếu tánh có thể nói là có tướng, đó gọi là tướng tà. Nếu có vật gì không thể nói được, tức không có sự khác nhau ở ban đầu, chặn giữa và rốt sau. Vì lẽ ấy trong tất cả thời gian phiền não chẳng thể chi phối, vào đúng pháp giới, không sự tư duy, tâm được bình đẳng, vì đã lìa khỏi lưới si mê, Bồ Tát đầy đủ mười thứ sáng suốt như vậy rồi nhập Đệ Bát hạnh.

Khi Đại Bồ Tát trụ vào hạnh này liền được sự vắng lặng của vô sanh pháp nhẫn. Lại có bốn sự suy cầu về tất cả pháp, có bốn chơn trí biết tất cả pháp. Vì sự cầu biết, cho nên có thể đoạn hết tất cả tà nghiệp v.v...vì đoạn tà nghiệp cho nên thấy các phiền não chẳng còn tái sanh. Tại sao vậy? -Vì đã qua rồi. Lại thấy tất cả phiền não chẳng diệt. Vì sao thế? -Vì không nhân sanh lại thấy hiện tại chẳng phát khởi những kiết sử phiền não, vì chẳng tập nhân vậy.

Bốn sự suy cầu như đã nói trong phần nghĩa chơn thật. Bốn chơn trí cũng được nói trong phần Giải hạnh. Đệ Bát hạnh này gọi là Pháp nhẫn vắng lặng, bởi vì Bồ Tát được vô sanh pháp nhẫn. Vì chứng vô sanh pháp nhẫn cho nên được chỗ rất sâu của Bồ Tát hạnh. Khi trụ vào hạnh rất sâu xa này, Bồ Tát tu hành diệu hạnh vô tướng. Nếu Bồ Tát có những mối lo ngại hay tướng vô minh vi tế nào, thì đến địa này Bồ Tát đều xa lìa. Do thế hạnh này gọi là vắng lặng.

Bồ Tát trụ hạnh sâu thẳm này rồi, bèn thích ở luôn nơi giòng pháp trí (nhập hẳn Niết bàn). Bây giờ vô lượng Đức Phật đều cùng hiện thân an ủi khuyến phát. Do sự khuyến phát cho nên Bồ Tát khởi nhập pháp môn, vì chứng pháp môn, cho nên lại được mười tám tự tại như trên đã nói. Vì được sức tự tại nên Bồ Tát này nếu muốn trụ kiếp lâu dài hay kiếp ngắn ngủi đều được tùy ý. Muốn nhập định nào tùy ý được nhập. Muốn làm hạnh nào là tùy ý thực hành. Trong khoảng một niệm muốn cầu việc gì, có thể được ngay. Muốn biết tất cả phương tiện thế gian có thể biết rõ. Muốn sanh chỗ nào là tùy ý sanh. Muốn thị hiện ra sức thần thông gì liền có thể thị hiện. Muốn lập thế nguyện gì, đều có thể như ý. Muốn khởi quán hạnh nào, liền có thể tùy ý thành tựu. Muốn biết pháp giới, tức có thể biết. Muốn biết văn tự, lời lẽ, câu nghĩa, những chỗ đúng pháp, sai pháp v.v... Liền có thể biết rõ ràng. Đây mệnh danh là công đức tự tại của Đại Bồ Tát ở Đệ Bát Địa. Trong mỗi mỗi niệm thường thấy chư Phật... Ngoài ra như đã lược nói ở các địa trên. Những ví dụ vàng và ví dụ mặt trời lại cũng như vậy.

Khi Đại Bồ Tát trụ nơi hạnh này, vì phá chấp tướng của chúng sanh. Vì nhận thức chơn thật về Đệ Nhất nghĩa. Vì được trí tuệ chơn thật. Vì được vô sanh vắng lặng. Vì biết hạnh rất thẳm sâu. Vì trụ vào giòng pháp. Vì vào pháp môn của Phật. Vì nhập pháp môn chẳng thể nghĩ bàn. Vì đối với Phật pháp tâm không hư hỏng, chẳng thể lay động. Vì được vô lượng thần túc. Vì được mười tám tự tại. Vì được mười tám công đức tự tại. Vì làm cho căn lành vắng lặng. Vì đối với các cõi được tự do sanh đến...

Ngoài ra, có những pháp khác như trong Thập trụ nói về Bất động địa. Bất động địa và Vô tướng hạnh này ngang nhau không khác.

Bồ Tát Vô ngại hạnh có những tướng gì?

-Đại Bồ Tát đã thực hành công hạnh rất là sâu xa không biết chán đủ, tu huệ vô thượng đủ tất cả pháp, vì chúng sanh mà nói ra giáo pháp. Rõ biết

pháp giới. Pháp giới nghĩa là cấu uế phiền não đã hết. Những gì cấu, tịnh đều biết rõ ràng và nói được tất cả những pháp như vậy. Đây mệnh danh là Bực Đại Pháp sư, là bực thành tựu vô lượng môn đà la ni, biết phương tiện nói không cùng tận về lời, về nghĩa, thọ pháp, trì giới, tùy niệm chúng sanh vì đó diễn nói, phi thời chẳng nói, tùy sự ưa thích của chúng sanh mà nói. Đây gọi là bốn trí vô ngại của Bồ Tát Vô ngại hạnh. Ngoài ra, những công đức khác như trên đã nói.

Đại Bồ Tát trụ nơi hạnh này, vì các chúng sanh nhập sự vắng lặng. Vì các chúng sanh mà biết pháp giới. Vì các chúng sanh làm đại pháp sư chẳng thể nghĩ bàn. Vì tăng trưởng Phật pháp. Như trong Thập trụ thuyết minh rộng rãi về Thiện Huệ địa. Nhằm khiến chúng sanh được sự an vui, Đại Bồ Tát trụ Vô ngại hạnh, cùng với nghĩa Thiện Huệ địa ngang nhau không khác.

Bồ Tát trụ Bồ Tát hạnh có những tướng gì?

Đại Bồ Tát tịnh Vô ngại hạnh rồi, muốn trở thành một đấng pháp vương, cho nên nhập tam muội thanh tịnh, muốn được đầy đủ Nhứt thiết chủng trí, chỗ chứng pháp môn và tam muội sau cùng đồng với chư Phật, cùng Phật ngồi chung, làm tất cả hạnh, rõ tất cả pháp, biết phương tiện giải thoát, biết sở hành của Phật, biết vô tận môn đà la ni giải thoát, biết sức nghĩ nhớ cực đại, biết đại thần thông, thiện căn vắng lặng, biết sự tịnh hóa các cõi v.v... Ngoài ra như trong Thập trụ nói về Pháp vân địa, đầy đủ trang nghiêm về đạo Bồ Đề và hạnh Bồ Tát.

Bực Phát vân địa Bồ Tát cùng chư Phật chung chúng Bồ Đề rồi, thí khắp chúng sanh vô lượng mưa pháp, mưa pháp như vậy hay khiến chúng sanh lắng đọng tất cả phiền não trần ai, làm nảy mầm mống hạt giống pháp lành, làm tăng mầm lành và làm thành thực căn lành sẵn có. Do vậy địa này gọi là Pháp vân địa, cũng bởi nghĩa đây mà mệnh danh là Bồ Tát hạnh. Nếu nói về công đức của Pháp vân địa, thì công đức của bậc trước không có.

Bồ Tát tu mỗi mỗi hạnh, phải trải qua thời gian vô lượng na do tha kiếp và phải đầy đủ ba a-tăng-kỳ đại kiếp mới chứng được hết tất cả các hạnh.

A-tăng-kỳ đại kiếp thứ nhứt được bực Giải hạnh (các quả vị Tam hiền) Qua Giải hạnh rồi đến đầu a-tăng-kỳ kiếp thứ hai chứng được Hỷ hạnh (sơ địa) Qua Hỷ hạnh rồi cũng cứ tu hành mãi miết cho đến Vô tướng hạnh (đệ Bát địa). Đến Vô tướng hạnh là mãn a-tăng-kỳ đại kiếp thứ hai, đến đây Bồ Tát

chứng Vô tướng hạnh, được gọi là Hạnh quyết định. Qua khỏi Vô tướng hạnh được Vô ngại hạnh, qua Vô ngại hạnh được Bồ Tát hạnh.

A-tăng-kỳ có hai cách gọi: Một là đại kiếp a-tăng-kỳ. Hai là trung kiếp a-tăng-kỳ. Không thể đếm xiết gọi là a-tăng-kỳ. Sự tu hành của Bồ Tát là a-tăng-kỳ đại kiếp (vô số đại kiếp).

Nếu Bồ Tát siêng năng tinh tấn, có thể đổi a-tăng-kỳ trung kiếp, chẳng thể đổi đại kiếp.

Đại Bồ Tát tu tập các hạnh như vậy, luôn luôn phá phiền não và sở tri chướng. Khi trụ Vô tướng hạnh là dứt tất cả phiền não về phần thô tướng. Khi trụ các hạnh sau là dứt tất cả tập khí phiền não (còn gọi là căn bản vô minh), cho nên gọi là Như Lai hạnh.

Sở tri chướng có ba lớp, cũng ví như lớp da ngoài, lớp da trong và lớp xương tủy.

Khi chứng Hoan hỷ địa là mới đoạn món chướng da ngoài. Chứng Vô tướng hạnh có thể đoạn món chướng da trong. Đến khi chứng Như Lai hạnh là chấm dứt hoàn toàn lớp chướng trong xương tủy.

Đầy đủ những hạnh trên, được mười một sự thanh tịnh:

Hạnh thứ nhất được Tánh tịnh.

Hạnh thứ hai được Giải tịnh.

Hạnh thứ ba được Tâm tịnh.

Hạnh thứ tư được Giới tịnh.

Hạnh thứ năm được Nguyên tịnh.

Hạnh thứ sáu được Trí trang nghiêm tịnh.

Hạnh thứ bảy được Trí trang nghiêm tịnh.

Hạnh thứ tám được Trí trang nghiêm tịnh.

Hạnh thứ chín được đủ trang nghiêm Bồ Đề tịnh.

Hạnh thứ mười được Trí chơn thật tịnh.

Hạnh thứ mười một được Trí vô ngại tịnh.

Hạnh thứ mười hai. Nhứt thiết trí tịnh.

Hạnh thứ mười ba. Tập khí tịnh.

Hạnh thứ nhứt, thứ hai nhờ nghe tạng pháp Bồ Tát được sanh tín tâm.

Hạnh thứ ba, dốc lòng lập nguyện tu tập nguyện khác.

Hạnh thứ tư, thứ năm, thứ sáu là biết rõ tướng các pháp.

Hạnh thứ bảy đến hạnh thứ mười là sự vắng lặng tất cả hạnh, là sự rốt ráo nhân quả của tất cả hạnh.

Thanh Văn thừa cũng có mười hai hạnh:

Có tánh Thanh văn là hạnh thứ nhứt.

Nếu được pháp thứ nhứt về thế gian, gọi là hạnh thứ hai.

Được nhãn pháp Khổ là hạnh thứ ba.

Được bốn tín tâm, được giới trong sạch là hạnh thứ tư.

Đúng theo giới trụ, pháp được tăng trưởng là hạnh thứ năm.

Quán Tứ thánh đế là hạnh thứ sáu, thứ bảy thứ tám.

Tu Vô tướng tam muội là hạnh thứ chín.

Thành tựu đủ ba môn tam muội là hạnh thứ mười.

Chúng được giải thoát là hạnh thứ mười một.

Quả vị A la Hán là hạnh thứ mười hai.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI LĂM SỰ RA ĐỜI CỦA TẤT CÁNH ĐỊA

Sự ra đời của Bồ Tát có năm tính cách ứng hóa khắp cả (ngũ chủng nhưt thiết).

Tất cả hạnh và tất cả sự thanh tịnh của Bồ Tát là làm cho chúng sanh được an ổn, vui thích.

Năm tính cách khắp cả của Bồ Tát là gì?

1. Ở trong các cõi làm cho chúng sanh lia khô.
2. Ở trong các cõi được tùy tâm hành động.
3. Ở trong các cõi được sự trỗi vượt.
4. Ở trong các cõi được sức tự tại.
5. Sự sau cùng của Bồ Tát ở trong các cõi.

Ở trong các cõi làm cho chúng sanh lia khô là như thế nào?

Thời kỳ đói kém, Bồ Tát thấy chúng sanh đói khát khổ sở, nhằm năm mất mùa, lúa thóc đất đỏ. Bấy giờ Bồ Tát do đại nguyện lực, chịu làm thân cá, mình rất dài lớn để bố thí thịt cho nhiều chúng sanh. Chúng sanh ăn rồi trừ được đói khát. Vì sức thế nguyện mà thân Bồ Tát đổi ra to lớn.

Hoặc vào thời buổi ác độc, hết thầy chúng sanh bị các bệnh tật thuộc 404 chứng. Những chứng bệnh này cùng lúc lan tràn khắp cả mọi nơi. Bấy giờ Bồ Tát dùng năng lực đại nguyện, hoá thân làm bực đại danh y, có thể trị lành hẳn các chứng bệnh, làm cho chúng sanh thoát khỏi nỗi khổ bệnh hoạn.

Hoặc gặp thời đại đao binh chém giết, nhiều xứ đua nhau phát khởi chiến tranh, làm cho dân chúng vô cùng sợ hãi, các lãnh chúa tranh bá đồ vương không chán không đủ. Bấy giờ Bồ Tát ứng thân làm bực vua lớn, có đủ thế lực hùng mạnh và chế định luật pháp hẳn hoi, nhà vua bèn dùng phương tiện hay khéo, làm cho đôi bên oán cừ trở lại hòa hợp, dùng lời mềm mỏng trừ

kẻ ác tâm, chẳng dùng hình phạt đánh đập, giam nhốt, chẳng giết mạng người hoặc chiếm đoạt tài sản của người, bình đẳng xem dân chúng như con một, thương xót tất cả như nhau.

Nếu có những hạng tà kiến mê muội, vì sự dâm cúng thiên thần tà đạo mà làm nghiệp ác, vì phá số đó, Bồ Tát thị hiện làm thân quý thần ứng mộng dạy bảo: Nay ngươi chẳng nên giết hại dê cừu để đem tế tự.

Thế nên, vì phá khổ não của các chúng sanh, mà thọ thân trong các cõi, các loài. Đây mệnh danh là “Ở trong các cõi làm cho lìa khổ”. (ly khổ hữu)

Ở trong các cõi tùy tâm hành động:

Đại Bồ Tát dùng năng lực thế nguyện, thị hiện chịu thân các giống súc sanh nhằm phá nghiệp ác của các giống ấy, hoặc làm thân ác quỷ, làm kẻ hung dữ, lại còn làm thân bà la môn tà kiến, hoặc thị hiện làm người ham ngũ dục....

Bồ Tát trước hết là tùy tâm loài nào chịu làm thân như trong loài đó, để khiến chúng sanh lìa bỏ nghiệp ác. Tuy rằng thọ thân trong các nẻo ác nhưng chẳng tạo ác. Hoặc khi người có gây tạo chẳng nữa, sau đó chẳng tạo. Chúng sanh thấy vậy cũng bắt chước theo mà dừng việc ác. Vì sự tùy loài chúng sanh, phá hỏng bao nhiêu nghiệp ác, cho nên gọi là ở trong các cõi tùy tâm hành động (tùy tâm hành hữu).

Ở trong các cõi được sự trỗi vượt:

Khi Đại Bồ Tát sanh ra nơi nào, là hơn hẳn bao nhiêu người khác. Hơn về giòng họ, nhan sắc, tuổi thọ hoặc quả báo v.v... Đây mệnh danh là ở trong các cõi được sự trỗi vượt (thắng hữu).

Ở trong các cõi được sức tự tại:

Từ lúc Bồ Tát tu lên đến bậc Sơ hoan hỷ địa cho đến hạnh thứ mười hai, trong suốt thời gian dài đằng đẳng đó, những thân nào mà Bồ Tát thị hiện, đều gọi chung là được sức tự tại. Sức tự tại là năng lực bản nguyện. Từ tánh địa cho đến hạnh thứ mười hai, hoặc thọ thân chuyển luân vương, thân tự tại thiên cho đến thân trời Sắc cứu cánh. Nói chung lại là tất cả các cõi và ở trong các cõi được thân ô thượng. Bởi do nghiệp lực, cho nên gọi là “Ở trong các cõi được sức tự tại” (tự tại hữu).

Sự sau cùng hết của Đại Bồ Tát ở trong các cõi:

Thân tối hậu của Bồ Tát, gọi là Bồ Tát hữu, thành tựu đầy đủ các sự trang nghiêm về đạo Bồ Đề, hoặc sanh vào giòng Bà la môn hay sát đế lợi mà chứng Vô thượng Bồ Đề, làm tất cả Phật sự. Đây mệnh danh là sự sau cùng của Bồ Tát ở trong các cõi (Bồ Tát hậu hữu).

Các Đại Bồ Tát quá khứ cũng thọ năm thứ “hữu” này. Hiện tại, vị lai tất cả Bồ Tát cũng đều như vậy.

Do năm “hữu” này mà chúng quả vị Vô thượng Chánh giác.

Nếu Bồ Tát nào tu hành thị hiện, thọ năm thứ “hữu” là chứng Vô thượng Bồ Đề.

HẾT QUYỀN TÁM

--- o0o ---

QUYỂN THỨ CHÍN BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ HAI MƯƠI SÁU SỰ NHIẾP LẤY CỦA TẤT CẢNH ĐỊA

Khi Bồ Tát tu tất cả Hạnh, có sáu việc khéo nhiếp chúng sanh:

1. Hết lòng nhiếp lấy.
2. Tăng thêm sự nhiếp lấy.
3. Giữ sự nhiếp lấy.
4. Rốt ráo nhiếp lấy.
5. Chẳng rốt ráo nhiếp lấy.
6. Sự nhiếp lấy sau hết.

-Đại Bồ Tát lúc sơ phát tâm nhiếp lấy chúng sanh như: cha mẹ, anh em, vợ con, bà con thân tộc, v.v...Hết lòng buộc niệm về phương tiện nhiếp lấy, nghĩ rằng: “Làm sao tôi có thể đem lại cho chúng sanh mọi sự an vui”. Khi khởi nguyện như vậy rồi, tùy sức của mình mà cấp giúp cho. Đây gọi là sự hết lòng nhiếp lấy của Bồ Tát.

-Đại Bồ Tát tuy tấm lòng trội hơn cha mẹ, vợ con, anh em thân thuộc, nhưng không kiêu căng, tự cao ngã mạn, mà còn cung cấp, nuôi dưỡng gấp bội. Nếu được làm vua, thì việc cư xử đối với thân tộc lại cũng như vậy. Sự tăng thêm là phá hồng điều ác, dạy làm điều lành, tùy sức lễ lạy, ca tụng, cung cấp dưỡng nuôi, mang lại món ăn, áo mặc và các món cần dùng. Biết ơn, báo ơn, trông nom bệnh hoạn, tìm kiếm thuốc thang. Đối với gia nhân, chẳng xem họ là kẻ tớ hèn hạ mà tưởng chừng như anh em cật ruột. Nếu thấy tộc thuộc gây tạo tội lỗi, bèn kham nhẫn chịu. Nói năng ngay thẳng lời lẽ nhu hòa, không hề thô bạo. Nếu làm vua một nước, chẳng gây đau khổ đối với nhân dân, chẳng giết mạng người, lia bỏ cực hình, lấy chánh pháp trị nước. Tùy theo gốc gác của mỗi giòng tộc mà phân ranh giới, chẳng sanh tham lam xâm đoạt nước người, ra sức nuôi dân, xem khắp dân chúng dường như con một. Những vật sở hữu đều cùng quyền thuộc chia dùng cân bằng, lời nói thành thực, lời nói dịu dàng không chút thô tục và lia tánh sèn tham.

Đây gọi là tăng thêm sự nhiếp lấy của Bồ Tát.

Đại Bồ Tát nhiếp lấy chúng sanh, có hai nhân duyên: Một là bố thí tài sản, hai là bố thí giáo pháp. Dem tài sản thí phá sự nghèo nàn. Dem giáo pháp bố thí phá chấp tà bậy. Đối với chúng sanh tâm Bồ Tát luôn luôn bình đẳng, chẳng tạo điều sèn lặn, chẳng có ý ngã mạn kiêu xa, làm ra tướng trạng bực thầy, chẳng cầu mong người đền ơn đáp nghĩa, chẳng cầu mong người cung cấp dưỡng nuôi. Nếu có người nào vì cầu phước báo mà tìm đến cúng dường, Bồ Tát cũng không ngăn cấm, vì khiến cho họ thêm lớn phước đức trang nghiêm. Nếu như có người tu tập pháp lành, trì giới, tinh tấn, Bồ Tát thấy rồi cúng dường, gàn gũi và làm người sai khiến. Người không hiểu nghĩa, vì họ giải nói rõ nghĩa. Người đã hiểu nghĩa, Bồ Tát vì nói khiến được tăng trưởng. Nếu như có người mắc vào lưới nghi, liền vì người ấy nói nghĩa sâu xa khiến dứt trừ nghi. Dẫu khổ hay vui cũng đồng cảnh ngộ với người nhưng tâm không tăng giảm. Biết người phạm tội, dùng phương tiện khéo chỉ vẽ sám hối, có khi quở trách, có lúc đề cao, gặp người bệnh khổ trông nom không bỏ, khéo dùng phương tiện trừ mọi lo âu.

Nếu có chúng sanh kém sắc, chậm tiến, tâm Đại Bồ Tát không hề khinh miệt, mà tùy lúc giảng nói nhân duyên của tâm chơn chánh, gặp người sâu khổ, nói pháp an ủi. Tự mình khéo tư duy, lời lẽ bất tín của những người khác không thể lay động, được người cho vật liền đem chia đều đại chúng. Thành tựu đầy đủ sự tu tập lòng từ, gặp người mưu sinh chơn chánh đón chào hỏi han, xa lìa ác tâm, thường tu thiện pháp, không hề phóng túng, lìa bỏ biếng lười, thường lập thế nguyện: “Làm sao cho phước đức của tôi san sẻ đồng đều đến khắp tất cả”.

Trong tất cả thế gian, không phải lúc nào Đại Bồ Tát cũng thực hành giữ sự nhiếp lấy, mà là những lúc có sự lợi ích mới là nhiếp giữ. Đây gọi là Giữ sự nhiếp lấy của Đại Bồ Tát.

-Nếu có những người căn tánh tối chậm, hoặc là những người căn lành khó thuần, thì sự nhiếp lấy của Đại Bồ Tát phải trải lâu xa. Vì trải qua lâu xa, cuối cùng họ phải có tâm trong sạch. Đây gọi là rốt ráo nhiếp lấy.

-Nếu những chúng sanh căn tánh trung bình sự thành thực bực trung, thì việc nhiếp lấy chẳng phải lâu xa. Vì sao? Vì không bao lâu sẽ được tâm trong sạch. Đây gọi là chẳng rốt ráo nhiếp lấy.

-Nếu như có người căn cơ lanh lợi, dễ được thuần thực, sự thuần thực bực thượng, dễ tịnh, dễ điều. Đây gọi là sự nhiếp lấy sau hết của Đại Bồ Tát.

Như trên gọi là sáu điều nhiếp lấy của Đại Bồ Tát.

Đại Bồ Tát dùng sáu sự nhiếp thủ này, nhiếp tất cả chúng sanh trong ba đời. Bồ Tát quá khứ, vị lai, hiện tại nhiếp lấy chúng sanh đều không ra ngoài sáu thứ nhiếp này.

Khi Đại Bồ Tát nhiếp hóa chúng sanh có mười hai sự khó:

-Đại Bồ Tát biết rõ không ngã, không ngã sở, không chúng sanh, nhưng vì chúng sanh mà tu tập hạnh khổ. Đó là sự khổ thứ nhất.

-Vì điều phục chúng sanh mà tạo sự quả trách, nhưng vẫn tự mình bảo vệ giới cấm chẳng để tổn thương. Đây gọi là cái khó thứ hai.

-Vật dùng có ít kẻ xin lại nhiều, ấy là cái khó thứ ba.

-Bồ Tát chỉ một thân lại hệ thuộc nhiều người, phải quây quần đem thân làm người cung cấp sai khiến. Đây là cái khó thứ tư.

-Cùng mang một thân, đồng với chư thiên phóng dật, nhưng trong thâm tâm không chút phóng dật. Đây gọi là cái khó thứ năm.

-Thường làm sai sử cho rất nhiều người nhưng riêng tự mình đối với giới cấm không để hồng mắt. Ấy là cái khó thứ sáu.

-Thường chung đụng với những kẻ xấu ác như tham dục, giận hờn, ngu si, se lặn, nịnh hót quanh co, gian tà xảo quyết...Ở chung với họ nhưng chẳng hành động theo. Đó là cái khó thứ bảy.

-Biết rõ sanh tử có nhiều mối lo ngại, nhưng vì chúng sanh mà chẳng bỏ xa. Ấy là cái khó thứ tám.

-Tất cả phiền não qua lần sống chết, khi bỏ mạng sống tâm chưa thanh tịnh, dầu chưa thanh tịnh nhưng không mất chánh niệm. Đây là cái khó thứ chín.

-Chưa được tâm thanh tịnh nhưng có thể đem thân mình và những gì yêu mến như vợ con, quyến thuộc cung cấp cho người. Đây là cái khó thứ mười.

-Chúng sanh tâm tư khác biệt, cảnh giới rộng lớn chẳng đồng, có khi phải mềm mỏng, có khi phải hỷ xả. Ấy là cái khó thứ mười một.

-Trọn không buông lung, chẳng dứt phiền não, ấy là cái khó thứ mười hai.

-Đại Bồ Tát đối với chúng sanh, chẳng tạo điều khinh trọng. Có lúc làm ra vẻ khinh thường, có lúc giả làm ra vẻ trịnh trọng, có khi chỉ nhìn cảnh tượng, có khi tâm phát mạnh dạn, khi thì lập nguyện, khi thì buông lung, hoặc tu trí tuệ, hoặc tu mềm mỏng, hoặc như quả trách, hoặc như bỏ rơi, hoặc siêng năng tinh tấn, hoặc bê trễ lười biếng, hoặc tạo ra phương tiện v.v.

Đại Bồ Tát lập sự học như thế, ở trong cảnh ngộ khó khăn mà làm người không lo rầu, hối hận, đã có thể tự bảo vệ lấy mình, lại làm lợi ích cho khắp tha nhân.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI BẢY SỰ RỐT RÁO CỦA TẮT CÁNH ĐỊA

Đại Bồ Tát tu mười hai hạnh, tóm lại có thể chia làm bảy Địa. Sáu địa thuộc về Bồ Tát, một địa chung với Thanh Văn. Bảy địa là:

1. Tánh địa.

2. Giải địa.

3. Tịnh tâm địa.

4. Trì địa.

5. Định địa.

6. Định hạnh địa.

7. Tắt cánh địa.

Tánh Hạnh, Giải Hạnh, mỗi Hạnh là một Địa. Hỷ Hạnh gọi là Tịnh tâm địa.

Giới Hạnh, Tuệ Hạnh cho đến Hành Hạnh, gọi là Trì địa.

Vô tướng Hạnh gọi là Định địa.

Vô ngại Hạnh gọi là Định hạnh địa.

Như Lai Hạnh gọi là Tắt cánh địa. (Phần sau sẽ nói về Tắt cánh địa)

Khi Bồ Tát từ địa dưới vào Tịnh tâm địa, làm sao có thể chấm dứt nỗi khổ nơi ba ác đạo?

Bồ Tát khi còn tu tập các thiện định hữu lậu thế gian. Tu pháp tiền hữu lậu rồi, được kết quả sự thanh tịnh của thế thiện, tu thế thiện được thanh tịnh rồi liền được giải địa, trang nghiêm đạo Bồ Đề và tu tập 110 món thuộc Bi tâm. Bởi tu Bi tâm cho nên được tâm cứu vớt đối với chúng sanh. Vì được Bi tâm cho nên vẫn thấy vui thích với ba ác đạo, xem ba đường ác như nhà cửa của mình.

Bồ Tát lại quán xét: “Nơi ba đường ác, trong khi trang nghiêm Vô thượng Bồ Đề, vì chúng sanh mà tôi chịu phiền khổ não, nếu tâm trong sạch của tôi có đủ thế lực, nguyện cho bao nhiêu nỗi khổ của chúng sanh đều gom vào thân tôi”.

Sự khéo lập nguyện lớn, do năng lực thiện nghiệp và năng lực thiền định thế gian, cho nên Bồ Tát xa lìa tập khí phiền não nơi thân tâm. Vì lìa tập khí cho nên thân tứ đại thay đổi. Tứ đại thay đổi và do sự thanh tịnh của thể thiền mà chẳng đến ba đường ác, vì thế Bồ Tát được dứt sự khổ nơi ba ác đạo.

Qua Giải Hạnh Địa rồi vào Tịnh tâm địa, những công đức và mười tịnh tâm như đã nói trong Hỷ hạnh, mười tịnh pháp như vậy là những pháp đối trị, nhằm đối trị những tâm bất tịnh như: Tâm không muốn tạo tác. Không chịu phát tâm lập nguyện. Không thọ giới Bồ Tát. Tâm không tin tưởng, Tâm xấu ác, Tâm chẳng tu Bi nguyện. Tâm giận dữ. Tâm lo rầu hối hận. Tâm không từ mẫn và Tâm buông lung. Nói chung là những thứ tâm thô hèn do tham tiếc thân mạng, chẳng tùy thuận thế gian, trể nải, lừa dối, không hổ, không thẹn, sợ khổ bức thân, nghi ngờ, hèn nhát, chẳng chịu siêng năng cúng dường Tam Bảo. Mười tịnh tâm là để đối trị những tâm bất tịnh như trên.

Trong mười Tịnh tâm này, ba pháp đầu nhằm làm cho tâm trong sạch, Bảy pháp sau làm thanh tịnh sự trang nghiêm.

Đại Bồ Tát tin về Bồ Đề và đạo Bồ Đề, vì tin đạo Bồ Đề và thấy chúng sanh chịu khổ, Bồ Tát phát sanh lòng Từ rộng lớn, vì sanh lòng Từ cho nên liền lập đại nghiệp: “Nguyện cho tôi cứu vớt tất cả những nỗi khổ như thế”.

Bởi tâm thương xót cho nên xả thân ban cho không tham tiếc thứ gì, làm lợi ích chúng sanh tâm không lo hối. Vì tâm không lo hối, Bồ Tát cầu học phương thuật thế gian. Biết các phương thuật thế gian, cho nên khéo biết thời tiết để chiêu chuộng lòng người. Do biết đúng thời cho nên gọi là Biết rõ thế gian. Do sức trí tuệ cho nên khách trần phiền não khó bề xâm nhập. Nếu bị xâm nhập rất sanh hổ thẹn. Vì sự hổ thẹn nên chẳng để phiền não tự do phát khởi. Đây gọi là sự mạnh mẽ. Do sự mạnh mẽ nên không buông lung. Vì không buông lung cho nên tu tập pháp lành. Vì tu pháp lành cho nên thọ giới Bồ Tát. Thọ Giới Bồ Tát cho nên cúng dường Tam Bảo, do cúng dường Tam Bảo mà tâm trở nên thanh tịnh, thế nên gọi là Tịnh địa.

PHẨM THỨ HAI MƯỜI TÁM HẠNH TẤT CẢNH ĐỊA

Đại Bồ Tát trụ Giải địa cho đến Bồ Tát địa có bốn hạnh:

1. Hạnh Ba la mật.
2. Hạnh Bồ đề.
3. Hạnh thần thông.
4. Hạnh thành thực chúng sanh.

Hạnh Ba la mật: Như trước đã nói về sáu pháp ba la mật, Phương tiện ba la mật, Nguyện ba la mật, Lực ba la mật, Trí ba la mật, Mười ba la mật như thế gọi là Hạnh ba la mật.

Phương tiện ba la mật hay khéo, gồm có mười hai cách thức như đã nói ở phẩm trước (12 sự khó).

Nguyện ba la mật gồm có năm điều, cũng đã nói như ở trước.

Mười Lực trang nghiêm thanh tịnh, gọi là Lực ba la mật.

Biết rõ Xứ chẳng phải Xứ của tất cả các pháp, gọi là Trí ba la mật. Biết đệ nhứt nghĩa đế, gọi là Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, vô lượng trí gọi là phương tiện ba la mật. Cầu Thắng trí hơn nữa gọi là Nguyện ba la mật. Chẳng bị bốn thứ mà làm chướng ngại gọi là Lực ba la mật. Có thể biết tánh chơn thật của các pháp giới gọi là Trí ba la mật.

Trên đây gọi là Hạnh ba la mật.

Hạnh Bồ Đề: Bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, Bốn sự suy cầu, Bốn Chơn trí như đã nói ở trước, gọi là Hạnh Bồ Đề.

Hạnh thần thông: Như trong phẩm chẳng thể nghĩ bàn đã nói rõ. Sáu thần thông cũng đã nói đến, gọi là Hạnh thần thông.

Hạnh thành thực chúng sanh: Có hai ý nghĩa vô lượng: Điều phục vô lượng và Phương tiện vô lượng như trước đã nói, gọi là Hạnh thành thực chúng sanh.

Bốn Hạnh như thế của Bồ Tát nhiếp tất cả Hạnh.

Đại Bồ Tát tu hành trải qua vô lượng a tăng kỳ kiếp, rốt ráo đầy đủ sự thanh tịnh về các thiện pháp, hơn tất cả Thanh Văn, Duyên Giác, rốt ráo nhiếp lấy đạo quả Bồ Đề, vì rốt ráo có thể chứng quả Bồ Đề, cho nên gọi là Thập ba la mật.

Nếu nói theo thứ lớp thì có ba điều:

1. Vì đối trị.

2. Vì sanh ra.

3. Vì đắc quả.

-Về đối trị: Với những thiện pháp đối trị gồm có sáu pháp:

Đối trị sân tham. Đối trị nghiệp ác phá giới. Đối trị giận dữ. Đối trị biếng lười. Đối trị loạn tâm. Đối trị ngu si.

Do sáu pháp ác này mà chẳng chứng Vô thượng Bồ Đề. Vì phá hoại sáu pháp ác như trên mà nói về lục ba la mật. Sáu ba la mật này nhiếp luôn bốn ba la mật sau. Đó gọi là đối trị.

-Về sanh ra: Đại Bồ Tát bỏ cả sự nghiệp thế tục, xuất gia học đạo, mệnh danh là Thí ba la mật. Được xuất gia rồi thọ giới Bồ Tát, gọi là Giới ba la mật. Vì hộ trì giới luật, mặc dù bị người đánh mắng vẫn lặng lẽ nhận, không hề báo trả, gọi là Nhẫn ba la mật. Giới đức đã đủ, siêng tu pháp lành, gọi là Tấn ba la mật. Nhờ sự tinh tấn điều phục các căn, tư duy quán sát, gọi là Thiên ba la mật. Các căn đã được điều phục, biết được Chơn pháp giới, gọi là Trí ba la mật. Đây mệnh danh là sanh ra.

Về đắc quả: Bồ Tát hiện tại tu các thiện pháp như bố thí, v.v. Nếu bỏ thân rồi sanh sang đời khác, bên ngoài thì được của cải dồi dào, bên trong được năm điều đầy đủ như là: Sanh trong cõi trời, cõi người, sống lâu sắc tốt, sức mạnh an vui và có tài biện luận. Đây là quả báo thứ nhứt của Đại Bồ Tát. Do nhân duyên bố thí, tu tập các thiện pháp, tâm không ganh ghét, nhẫn chịu

tội lỗi. Đây gọi là đầy đủ quả báo thứ hai. Do nhân duyên bố thí, nếu tạo sự nghiệp thế gian, hay sự nghiệp xuất thế, tâm không chán nản tâm không hối tiếc, gọi là quả báo thứ ba. Do nhân duyên bố thí mà tâm mềm mỏng không bị thác loạn, là quả báo thứ tư. Do nhân duyên bố thí, có thể biết rõ ràng, đây là ruộng phước, biết là có thể thí hay không nên thí, khéo biết phương tiện tìm của giữ của, là quả báo thứ năm.

Bốn ba la mật sau, nhiếp về sáu ba la mật trước, gồm có ba sự ngăn đón (giới):

1.Ngăn đón theo giới.

2.Ngăn đón theo tâm.

3.Ngăn đón theo trí.

-Trì giới ba la mật của Bồ Tát, gọi là ngăn đón theo giới (tùy giới giới).

-Thiền ba la mật gọi là ngăn đón theo tâm (tùy tâm giới).

-Trí tuệ ba la mật gọi là ngăn đón theo trí (tùy trí giới)

Là ba thứ ngăn đón này không có giới Bồ Tát. Ba thứ ngăn đón của Bồ Tát nhiếp lấy tất cả giới.

Bồ Tát có bốn việc có thể lợi ích khắp cả chúng sanh. Bốn việc đó là: 1.Vì Bồ Đề mà tu tập thiện pháp. 2.Trước dùng chơn trí biết nghĩa của pháp. 3.Tăng trưởng thiện pháp. 4.Thành thực căn cơ chúng sanh.

Bốn việc như vậy Bồ Tát luôn luôn làm lợi ích lớn cho khắp chúng sanh.

Nếu thuyết nào nói: Là bốn việc này vẫn có thể lợi ích chúng sanh, điều đó hoàn toàn không có lý.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI CHÍN 32 TƯỚNG TỐT, 80 VỀ ĐẸP CỦA TẤT CÁNH ĐỊA

Hạnh Như Lai thứ mười ba gọi là Tất Cánh Phật Địa. Tất Cánh Phật Địa có 140 pháp Bất cộng. Đó là:

Ba mươi hai tướng tốt, 80 vẻ đẹp, 4 Tịnh hạnh, 10 Lực, 4 Vô úy, 3 Niệm xứ, 3 Bất hộ. Đại Bi, Thường không quên mất, Trí đoạn tập nhân phiền não, Nhứt Thiết Trí. Đây gọi là 140 pháp Bất cộng.

Ba mươi hai tướng:

1. Dưới lòng bàn chân bằng phẳng.
2. Dưới bàn chân có hình bánh xe ngàn cọng.
3. Các ngón tay búp măng dài đẹp.
4. Gót chân no tròn.
5. Ngón tay ngón chân có màng da liền lạc.
6. Tay chân mềm mại.
7. Bắp chân như chân nai chúa.
8. Xương mắt cá chẳng lộ bày.
9. Đứng thẳng tay dài quá đầu gối.
10. Ngọc hành ẩn kín như mã vương.
11. Thân hình đầy đặn như cây Ni câu Loại.
12. Lông trên mình mượt đẹp.
13. Mỗi mỗi sợi lông đều xoay về phía mặt.
14. Thân mình màu vàng rực.
15. Thân thường có ánh sáng chiếu xa một tầm.
16. Da thừa mịn màng, bụi đất không dính.

17. Bảy chỗ hõm như: hai lòng bàn tay, hai lòng bàn chân, hai vai, sau ót đều đầy đặn.

18. Phần trên của thân như thân sư tử chúa.

19. Cánh tay, khiu tay, bả vai tròn trịa.

20. Các khớp xương đầy đặn, bằng phẳng.

21. Thân thể cân đối.

22. Bốn mươi cái răng.

23. Răng khít khao chẳng thừa hở.

24. Răng sắc trắng tinh.

25. Cằm vuông vức như cằm sư tử chúa.

26. Nước miếng ngon ngọt.

27. Tướng nhục kế trên đánh đầu.

28. Lưỡi dài và rộng, có thể che đến chân tóc.

29. Tiếng nói trong trẻo thanh tao.

30. Mắt sắc xanh biếc.

31. Mắt tựa như mắt ngưu vương.

32. Tướng lông trắng giữa chận mày (bạch hào).

Tám mươi vẻ đẹp:

1. Tướng Vô kiến đánh.

2. Mũi cao nhưng chẳng lộ hai lỗ mũi.

3. Lông mày đẹp như trăng đầu tháng.

4. Vành tai dài rũ xuống.
5. Thân vững chắc như Trời Na la diên.
6. Các đốt xương giao nhau như móc câu.
7. Trông lại được phía sau.
8. Khi đi chân cách đất 4 tấc mà vẫn hiện dấu.
9. Móng tay, móng chân như sắc đồng đỏ.
10. Đầu gối vững chắc tròn đẹp.
11. Thân trong sạch.
12. Thân dịu dàng mềm mại.
13. Thân không cong vẹo.
14. Ngón tay, ngón chân tròn có màng da liền lạc.
15. Lằn chỉ trên ngón tay được che khuất.
16. Các gân mạch ẩn sâu không hiện.
17. Mắt cá không lộ bày.
18. Thân thể tươi nhuận.
19. Thân tự giữ ngang.
20. Thân đầy đặn.
21. Uy nghi toàn vẹn nghiêm túc.
22. Dáng dấp đầy đặn.
23. Khi đi đứng an ổn, không lay động.

- 24.Uy đức lừng lẫy.
- 25.Chúng sanh được gặp rất sanh ưa thích.
- 26.Gương mặt không dài lớn.
- 27.Dung mạo đoan chánh, sắc mặt chẳng nhăn.
- 28.Mặt đầy đặn.
- 29.Môi đỏ tươi, đẹp như trái tân bà.
- 30.Tiếng nói sâu xa.
- 31.Rún tròn đẹp và lún sâu vào.
- 32.Lông trên mình xoay về phía phải.
- 33.Tay chân đầy đặn.
- 34.Tay chân như ý.
- 35.Lằn chỉ trên tay sáng thẳng.
- 36.Lằn chỉ tay dài.
- 37.Lằn chỉ tay chẳng đứt quãng.
- 38.Những người ác tâm được gặp đều vui mừng.
- 39.Mặt vuông đẹp.
- 40.Mặt trong sáng như trăng rằm.
- 41.Chiều ý chúng sanh mà nói lời hoà vui.
- 42.Từ lỗ chân lông phát ra mùi thơm.
- 43.Trong miệng phát ra mùi thơm.

44. Dáng dấp oai hùng như sư tử chúa.
45. Tới lui như voi chúa.
46. Tướng đi như Nga vương.
47. Đầu tròn đẹp như quả ma dà na.
48. Diễn nói một thứ tiếng mà đầy đủ cho tất cả.
49. Bốn cái răng cắm trắng và bén.
50. Lưỡi sắc đỏ tươi.
51. Lưỡi mỏng.
52. Lông màu hồng.
53. Lông mềm mại sạch sẽ.
54. Con mắt dài rộng.
55. Hậu môn có đủ tướng.
56. Tay chân trắng đỏ như màu hoa sen.
57. Rún chẳng lộ bày.
58. Bụng thon thon.
59. Bụng chẳng lộ.
60. Thân vững vàng không nghiêng ngả.
61. Thân giữ sức nặng.
62. Thân lớn hơn người thường.
63. Thân cao hơn người thường.

64. Tay chân mềm mại, láng sạch.
65. Ánh sáng nơi thân chiếu ra bốn bên cách khoảng một tầm.
66. Đi có hào quang chiếu sáng.
67. Bình đẳng xem khắp chúng sanh.
68. Không khinh khi chúng sanh.
69. Tiếng nói tùy tâm chúng sanh, không thêm không bớt.
70. Nói pháp không vương mắc.
71. Theo lời lẽ của chúng sanh mà thuyết pháp.
72. Phát âm đúng với các giọng, các tiếng.
73. Theo thứ tự nói pháp cho người có nhân duyên.
74. Chúng sanh xem tướng Phật không thể xiết.
75. Xem tướng Phật không nhầm chán.
76. Tóc dài đẹp đẽ.
77. Tóc không rối.
78. Tóc xoắn đẹp.
79. Tóc màu như thanh châu.
80. Tay chân biểu lộ tướng phước đức.

Đại Bồ Tát trụ bực Tịnh tâm địa rồi, nhờ năng lực của nghiệp thanh tịnh, mặc dầu được tám mươi vẻ đẹp nhưng chưa trong sáng vĩ đại, đợi khi ngồi nơi Bồ Đề đạo tràng (thành Phật), lúc ấy mới hoàn toàn trong sáng. Khi chưa được trong sáng hoàn toàn, gọi là Địa hay Hạnh Bồ Tát.

Sự trang nghiêm đạo Bồ Đề có hai tính cách:

Một là gần. Hai là xa.

Xa nghĩa là chưa được quả báo (chưa có) về 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Nếu được (đã có), gọi là gần.

Nói 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trên đây là để chúng ta gây tạo nghiệp lành.

Chúng sanh vì tạo các thứ nghiệp ác, bởi nghiệp ác mà phải chịu quả báo, do đó Như Lai nói về nghiệp lành và quả báo lành, chúng sanh nghe rồi, ngay đó phá trừ các thứ nghiệp ác.

Đây là sự thành tựu 32 tướng tốt, 80 mươi vẻ đẹp, nói về nghiệp lành và quả báo lành, chúng sanh nghe rồi, ngay đó phá trừ các thứ nghiệp ác.

Đây là sự thành tựu 32 tướng:

-Bồ Tát chí tâm tu hành, gìn giữ tịnh giới cho nên được tướng lòng bàn chân bằng phẳng.

-Cúng dường cha mẹ, bực thầy, hòa thượng, người có đức độ, do nhân duyên đó được tướng: Bánh xe có 1000 cọng dưới lòng bàn chân.

-Không sanh lòng làm hại chúng sanh, không có ý tưởng cướp đoạt trộm lấy. Nếu gặp cha mẹ, hoà thượng, thầy học, người có đức độ, bèn nghênh đón từ xa, sắp đặt giường ghế, cung kính lễ lạy, phá bỏ kiêu mạn, do nhân duyên đó được tướng. Ngón tay búp măng dài đẹp.

-Đủ ba hạnh trên đây được tướng: Gót chân no tròn.

-Dùng bốn nhiếp pháp nhiếp hóa chúng sanh do nhân duyên đó được tướng: Ngón tay, ngón chân có màng da liền lạc.

-Đem dầu, sữa tốt thoa rửa cha mẹ, hòa thượng, bực thầy, người có đức độ, do nhân duyên đó được tướng: Tay chân mềm mại.

-Tu lập pháp lành không biết chán đủ, do nhân duyên đó được tướng: Bắp chân như chân nai chúa.

-Nghe pháp tâm sanh vui mừng, ưa vì người giải nói, vì pháp mà làm kẻ sai khiến. Do nhân duyên đó được tướng: Mắt cá không lộ bày.

-Ba nghiệp trong sạch, xem bệnh cho thuốc ăn uống vừa đủ, phá trừ kiêu mạn. Do nhân duyên đó được tướng: Đứng thẳng cánh tay dài quá đầu gối.

-Thấy kẻ chia lìa khéo nói lời hòa hợp, tự mình tu đức hổ thẹn và dạy người cùng tu. Do nhân đó được tướng: Ngọc hành ẩn kín như mã vương.

-Tự mình trong sạch ba nghiệp và dạy người trong sạch, nếu có chúng sanh tứ đại chẳng điều hòa, thường vì họ chữa trị, do nhân duyên đó được tướng: Thân hình đầy đặn như cây Ni câu loại.

-Nghe pháp vui mừng hay vì người diễn nói do nhân duyên đó được tướng: Lòng trên mình mượt đẹp.

-Suy gẫm các ý nghĩa sâu xa các pháp, ưa tu pháp lành, cúng dường cha mẹ, hòa thường, người có đức độ, dọn dẹp gai góc, sỏi đá, vật nhơ ở chỗ tháp Phật, chùa tăng, hay trên đường xá. Do nhân duyên đó được tướng: Lòng trên mình mỗi sợi đều xoay về phía phải.

-Dùng món ăn, thức uống, các đồ trang sức, bố thí cho người, tự mình bỏ lìa lòng giận. Do nhân duyên đó nên được hai tướng: Thân có màu vàng rực. Thân thường có ánh sáng chiếu ra một tầm.

-Cũng do nhân duyên này mà được tướng: Da thịt mịn màng, bụi bặm không dính.

-Thường bố thí những vật cần dùng cho chúng sanh. Do nhân duyên đó được tướng: Bảy chỗ đều đặn.

-Tự mình phá bỏ kiêu mạn, tánh tình điều độ làm đúng phép tắc, thuận theo lòng người, hay dùng pháp lành trừ điều chẳng lành. Do nhân duyên đó được tướng: Phần trên của thân như thân sư tử. Được tướng hai vai tròn trịa và các khớp xương đầy đặn bằng phẳng.

-Do nhân duyên gì được tướng thân thể nở nang?

Tức cũng do nhân duyên trên mà được tướng thân thể nở nang.

-Đẹp bỏ lời nói đôi chiều, khéo giảng hòa sự tranh chấp. do nhân duyên đó được tướng: Bốn mươi cái răng: Răng khít khao chẳng hở.

-Ở cõi Dạ tu tập lòng Từ. Do nhân duyên đó được tướng: Răng sắc trắng tinh.

-Gặp người đến cầu xin liền niềm nở đưa đón. Do nhân duyên đó được tướng: Cầm vương như cầm sư tử chúa.

-Bình đẳng xem khắp chúng sanh dường như con một. Do nhân duyên đó được tướng: Nước miếng ngon ngọt.

-Thường ban cho chúng sanh pháp vị cam lồ vô thượng, thấy người lãng quên làm cho được nhớ, tự giữ cấm giới, xoay vần dạy người. Tu tập bi tâm và thực hành lục ba la mật. Do các nhân duyên đó được tướng: Nhục kế trên đánh và tướng lưỡi rộng dài.

-Nói lời chân thật, nói lời vui vẻ, nói đúng chánh pháp, nói lời mềm mỏng, chẳng nói trái thời. Do duyên đó được tướng: Tướng nói trong trẻo thanh tao.

-Tu tập bi tâm, xem khắp chúng sanh dường như cha mẹ. Do nhân duyên đó được hai tướng: Mắt sắc xanh biếc. Mắt tựa như mắt trâu chúa.

-Gặp người đức hạnh mở lời tán dương ca ngợi. Do nhân duyên đó được tướng: Lông trắng ở giữa chận mày.

Tuy rằng trong 32 tướng, tướng nào nói nhân duyên tướng đó, song nhân duyên chính là sự trì giới và sức tinh tấn. Vì sao thế?

-Nếu chẳng trì giới và luôn luôn siêng tu tinh tấn, còn chẳng được làm thân người huống gì được 32 tướng tốt.

Tướng nhục kế và tướng vô kiến đánh đồng nhau.

Lại nữa, phạm làm việc lành nào, hễ tâm quyết định không hề hối đổi. Do nhân duyên đó được tướng: Lòng bàn chân bằng phẳng.

-Nếu hết lòng gây tạo. Do nhân duyên đó được tướng: Bánh xe có ngàn cọng dưới bàn chân, tướng Màng da liền lạc nơi các ngón tay ngón chân,

tướng Bảy chỗ đầy đặn không khuyết, tướng thân thể mềm dịu, tướng vai tròn trịa, tướng Các đốt xương bằng phẳng không khuyết, tướng Thân ngay thẳng và tướng Lưỡi rộng dài.

-Nếu luôn luôn thực hiện, do nhân duyên đó được tướng: Các ngón tay búp măng dài. Tướng cánh tay dài đến đầu gối. Tướng ánh sáng nơi thân chiếu ra một tầm và Tướng răng khít khao không hở.

-Nếu làm với tâm trong sạch, do nhân duyên đó được các tướng khác.

Lại nữa, nếu khởi tâm thuần thiện đối với chúng sanh, do nhân duyên đó được tướng: Tay chân mềm dịu, da thừa mịn láng, bụi bặm không dính.

-Nếu tu tập có thứ lớp, tu đúng thời tiết, do nhân duyên đó được các tướng như: Dưới bàn chân có bánh xe ngàn cọng, tướng ngón tay búp măng, tướng gót chân no tròn.

-Nếu vui tu pháp lành, tâm không hồi đổi, do nhân duyên đó được tướng: Thân sắc vàng chói, tướng Thân thường có ánh sáng, tướng răng trắng tinh và tướng lông trắng giữa chặn mày.

-Nếu nghe người khen ngợi mà không sanh kiêu mạn, không che dấu pháp lành để người không hay biết. Do nhân duyên đó được tướng mã âm tàng.

-Tu tất cả thiện pháp nào cũng đều hồi hướng đạo Vô thượng Bồ Đề. Do nhân đó được tướng: Mỗi lỗ chân lông đều có một sợi lông. Tướng lông trên mình xinh đẹp. Tướng trong miệng có bốn mươi cái răng và tướng nước miếng ngon ngọt hơn tất cả các vị.

Vì siêng năng tinh tấn tu hành, do nhân duyên đó được tướng cầm vuông và tướng: Phần trên của thân như thân sư tử chúa.

-Hết lòng mến tướng chúng sanh, xem tất cả đồng như con một. Do nhân duyên đó được tướng: Răng bằng phẳng đều đặn. Tướng mắt xanh biếc. Tướng mắt như mắt trâu chúa.

Tu tập thiện pháp không biết chán đủ. Do đó được các tướng khác.v...v..

Khi Đại Bồ Tát trụ bực Tánh hạnh, là lúc tu các nghiệp về ba mươi hai tướng.

Khi trụ bực Tịnh hạnh, tuy có ba mươi hai nhưng các tướng đó chưa đầy đủ vẹn toàn và chưa sáng sủa.

Trụ hạnh thứ mười ba, khi đó ba mươi hai tướng mới sáng sủa rõ ràng và mới đầy đủ hoàn toàn tất cả pháp Phật, dầu cho vô lượng tướng tốt của chúng sanh cũng không bằng.

Về ba mươi hai tướng hảo trên đây, có tướng bực hạ, bực trung, bực thượng, khó bề hiểu hết. Bởi vậy Phật nói về ba mươi hai tướng.

Tất cả chúng sanh có bao nhiêu phước lành giả sử cùng gom góp lại, chính thật chỉ đồng tướng một chân lông của Như Lai. Gom hết những công đức của hết thầy tướng chân lông mới thành một vẻ đẹp (trong 80 vẻ đẹp)

Tập trung những công đức của các vẻ đẹp rồi tăng lên gấp một trăm lần, mới thành một tướng. Chỉ trừ tướng lông trắng giữa chặn mày, và tướng Vô kiến đánh. Ngoài ra, tập hợp tất cả các tướng rồi nhân lên gấp 1000 lần mới thành hai tướng đó.

Gom hết những công đức về 32 tướng và tám mươi vẻ đẹp, rồi nhân lên cho đến gấp ngàn vạn ức lần mới thành tướng: Tiếng nói rộng suốt vô tận của Như Lai (Lê âm) tiếng nói ấy vang xa đến vô lượng, vô biên thế giới của tất cả các đức Phật.

Như Lai thành tựu vô lượng, vô biên công đức như vậy, do nghĩa đó Như Lai Thế Tôn mệnh danh là đấng vô thượng. Những gì Như Lai thực hành, gọi là Hạnh vô thượng.

32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp có ba nghĩa vô lượng:

1. Trải qua ba a tăng kỳ đại kiếp tu hành vô lượng.
2. Tu tất cả hạnh là vô lượng.
3. Lợi ích chúng sanh trong khắp pháp giới là vô lượng.

Thế nên nói rằng Như Lai Thế tôn thành tựu vô lượng công đức.

PHẨM THỨ BA MƯƠI TRỤ TẤT CÁNH ĐỊA

Bốn Tịnh Hạnh của Đại Bồ Tát gồm có:

- 1.Thân tịnh.
- 2.Duyên tịnh.
- 3.Tâm tịnh.
- 4.Trí tịnh.

-Đoạn hẳn căn bản vô minh, hoàn toàn thanh tịnh, chứng Vô thượng Bồ Đề, thân được tự tại, sanh diệt tự do, mệnh danh là Thân tịnh.

-Sức thần thông tự tại như ý, gọi là Duyên tịnh.

-Tu tập thiện pháp, tâm lìa phiền não, gọi là Tâm tịnh.

-Biết tất cả pháp giới không bị chướng ngại, được sáng suốt tự tại, biết sự chi phối của các pháp, gọi là Trí tịnh.

Đại Bồ Tát do bốn pháp thanh tịnh này mà được kết quả mười bực. Mười bực ấy là:

- 1.Năng lực biết rõ Thị xứ phi xứ.
- 2.Năng lực biết rõ các nghiệp quá khứ, hiện tại vị lai.
- 3.Năng lực biết rõ cảnh giới các Thiên định giải thoát.
- 4.Năng lực biết rõ sự hơn kém, lanh chậm của các căn cơ.
- 5.Năng lực biết rõ chỗ tri giải của chúng sanh.
- 6.Năng lực biết rõ cõi chúng sanh.
- 7.Năng lực biết đến nơi đến chốn các đạo lý.
- 8.Năng lực biết rõ những đời quá khứ.

9.Năng lực thiên nhãn thấy rõ không bị chướng ngại.

10.Năng lực dứt sạch tận cùng các thứ mê lầm.

Như Lai nói ra chơn thật không hai, do đó mệnh danh là Đa Đà A già độ (Như Lai).

-Nếu nói quả lành và quả chẳng lành, nói về nhân duyên chơn thật, thể chơn thật, an trụ chơn thật, sanh ra chơn thật. Đây gọi là Thị xứ. Quả lành, quả chẳng lành. Chẳng phải nhân cho là nhân. Đây gọi là phi xứ.

Trí phá tâm kiêu mạn, gọi là trí chơn thật, là trí vô ngại, là Nhứt thiết trí, là trí thanh tịnh, trí lia mạn v.v...vì tính theo thứ lớp cho nên gọi là Lực thứ nhứt.

Vì không còn gì cao hơn nữa gọi là Tất cả Hạnh. Vì lợi ích chúng sanh, phá dẹp các ma cho nên gọi là Lực. Vì chơn thật trang nghiêm, được sức tự tại, cho nên gọi là đầy đủ. Vì có thể phá hoại mọi sự đe dọa, cho nên gọi là Niết Bàn. Do Tám thánh đạo, cho phá các khổ gọi là vô thượng. Đúng như pháp trụ, cho nên gọi là chơn thật. Tự mình được pháp thanh tịnh, thương xót chúng sanh vì chúng sanh diễn nói, cho nên gọi là Phạm luân (đứng trong sạch). Phạm luân là Như Lai. Như Lai còn gọi là Trong mát. Sự trong mát gọi đó là Giới, Thọ trì tịnh giới, đúng như giới nói ra, gọi là Nói đúng đắn, nói thật, nói lợi ích, nói rộng rãi, nói không ngăn ngại, nói tất cả, nói rốt ráo, nói không gì hơn, nói không mê lầm, nói không thi vi, nói hiện tiền v.v...Bởi thế gọi là “Tiếng rống oai hùng của sư tử”. Nói phương tiện của năng lực thiện, nói nhân chân thật, do nhân duyên chân thật được quả chân thật. Nghĩa là quả phước trời, người và quả vị giải thoát vô thượng.

Đây gọi là năng lực Thị xứ Phi xứ.

-Nếu tạo nghiệp rồi tăng trưởng, thành ra kết quả, gọi là quá khứ. Nghiệp đã tạo rồi mà chưa chịu quả cũng gọi là quá khứ. Chưa tạo nghiệp mà muốn tạo, chưa được quả mà muốn được, gọi là vị lai. Nghiệp đã tạo rồi nhưng chưa chịu quả báo hay nghiệp chịu quả rồi diệt đi quá khứ, gọi là Hiện tại. Nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại đều có ba thứ quả: quả của thân, quả của miệng, quả của ý. Nơi ba nghiệp này, chỗ nào tạo nghiệp lành thì chỗ ấy được quả báo tốt, chỗ nào gây nghiệp ác chỗ ấy bị quả báo xấu (thị xứ). Nghiệp bất thiện và nghiệp hung ác chẳng được quả lành (phi xứ) chỉ trừ

siêng tu thân giới, tâm huệ, khiến cho chịu báo địa ngục nhẹ đi trong lúc làm người (vì có sự tương trợ cho nên gọi là địa ngục). Trong lúc làm người chịu quả báo nhẹ, gọi là quả báo của người.

-Đây gọi là năng lực biết rõ các nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại (thông cả năng lực Thị xứ, phi xứ).

-Bốn cõi Thiên thiên (thuộc sắc giới), tám pháp giải thoát v.v... Những pháp như thế Phật đều tu chứng một cách tự tại. Vì có sự tự tại cho nên Như Lai luôn luôn ở trong chánh định, trong khi Như Lai thuyết pháp, trời Phạm Thiên vương và các thiên chúng khác chỉ nghe âm thanh mà không thấy hình bóng. Các thiên định thuộc Tứ thiên, Bá định như trên, những người tu tập còn có hai thứ phiền não lo âu: 1. Người chưa được định lo âu muốn được định. 2. Người đã được rồi lo âu bị mất. Như Lai đã chấm dứt hai mối lo âu như thế, được sức tự tại, biết tất cả tâm nghĩ tưởng của tất cả chúng sanh, tuy được biết rõ nhưng không tham đắm, cũng không sanh vui thích, tu tập đầy đủ rồi muốn được liền được, được một cách vĩ đại, được một cách dễ dàng, được rồi không thoái lui.

Đây gọi là năng lực thứ ba, năng lực biết rõ Thiên định, giải thoát.

-Biết rõ năm căn (Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ), mỗi căn đều có Thượng, Trung, Hạ. Những trình độ này từ sự nghe pháp sanh ra hoặc từ sự tư duy sanh ra. Đây gọi là năng lực Biết rõ sự hơn kém, lạnh chậm của các căn cơ.

-Rõ thấu sự mong muốn của hạng Thượng, Trung, Hạ. Đây gọi là năng lực hiểu biết, biết hết mọi tâm tánh như tánh Thanh Văn, tánh Duyên Giác, tánh Bồ Tát, tánh Như Lai, tánh tham dục của chúng sanh, cho đến tánh chất của tám mươi bốn ngàn phiền não v.v... Gọi là năng lực thứ năm, Năng lực biết rõ chỗ trị giải của chúng sanh.

-Biết rõ ràng: Do phiền não mà chúng sanh chịu thân trong cõi. Đây gọi là năng lực thứ sáu, Năng lực biết rõ chúng sanh.

-Biết rõ các thứ phiền não, mỗi mỗi đều có cách đối trị, biết sự lưu chuyển của các loài (hữu), mỗi mỗi đều có pháp đối trị, biết cách phá trừ các lỗi chấp tà xấu ác. Đây gọi là Năng lực biết đến chôn các đạo lý (lực thứ bảy).

-Biết rõ các tên họ của các loài chúng sanh trong bốn phương cho đến mười phương, biết rõ tám việc của chúng sanh trong đời quá khứ: 1.Tên tộc. 2.Sanh ra. 3.Họ hàng. 4.Sự ăn uống. 5.Nghiệp chịu khổ. 6.Tuổi thọ. 7.Ở đời. 8. Chết mất.

-Lại nữa, nhớ rõ sáu việc: 1.Tên họ. 2.Giọng giống như Sát đê lợi, Bà la môn...3.Họ hàng cha mẹ. 4.Sự ăn uống. 5.Cảnh giàu nghèo. 6.Sống lâu, chết yếu...Đây gọi là Năng lực thứ tám, năng lực biết rõ những đời quá khứ.

-Tu hành thiện nghiệp để sanh lên bốn tầng trời thuộc Sắc giới được quả tứ thiên, sự nhìn thấy rộng lớn gọi là thiên nhãn. Chúng được đầy đủ kết quả của sự thuần thiện, gọi là thanh tịnh, vì sự sáng tỏ giữa loài người loài trời chẳng đồng, cho nên nói là hơn mắt người đời. Có thứ thiên nhãn ở cõi Dục, tên tuy đồng nhưng lại không thanh tịnh, cho nên chẳng gọi là thiên nhãn.

Cái thấy biết của thiên nhãn thanh tịnh là thấy rõ sự sa đọa của chúng sanh. Biết được sự sa đọa gọi là Thiên. Lại có sự đọa lạc gọi là người chết, có cái sanh gọi là thân trung ấm, thân trung ấm có hai loại: Một là lạnh, hai là chẳng lạnh. Thân trung ấm chẳng lạnh hình thù như chiếc áo vá màu đen (hắc lữ hạt). Lúc ban đêm, thiên nhãn thanh tịnh mới nhìn thấy, thiên nhãn thanh tịnh nhìn thấy sắc thân trung ấm rất rõ ràng. Thân trung ấm lạnh, hình thù như chiếc áo đàn bà ở xứ ba la nại (ba la nại nữ y). Khi trời trắng sáng tỏ, chư thiên có mắt thanh tịnh mới thấy. Thiên nhãn thanh tịnh cũng thấy sắc thân trung ấm rõ ràng như vậy. Thân trung ấm sắc đen là hạng chúng sanh bực thấp, bực dưới. Sắc trắng là hạng chúng sanh bực trên. Do nhân duyên ác nghiệp của thân, miệng, ý gọi là chúng sanh hạng dưới. Do nhân duyên nghiệp lành thuộc thân, miệng, ý, gọi là hạng trên. Nghiệp ác, phần nhiều là những kẻ tà kiến. Tà kiến lại có hai hạng: Một là có thể sửa đổi. Hai là chẳng thể sửa đổi. Hạng bài bác nhân quả, bảo rằng không có thánh nhân giải thoát, hạng này không thể sửa đổi. Hạng thứ hai chẳng phải nhân nhận thức là nhân, chẳng phải quả chấp cho là quả, hạng này có thể cải đổi. Bởi vậy, nghiệp ác gọi là tà kiến, nghiệp lành gọi là chánh kiến. Không chê bai bốn thánh đế, tin quả báo chơn thật của nghiệp lành, nghiệp dữ, hạng nghiệp lành như vậy gọi là chánh kiến. Nhân duyên nghiệp ác, chết rồi qua chốn Địa ngục, vì chẳng vui ưa chịu quả thống khổ, gọi là Địa ngục. Phóng túng nghiệp ác, cùng một hành vi với loài có lông có cánh, quyết định đến chốn Địa ngục. Thấy rõ nhân quả cho nên làm hạng có Thiên nhãn. Do nhân duyên của nghiệp lành mà qua khỏi cái chết hung dữ, vui thích nhận thấy quả báo và thọ thân trời, người. Vì nhận thức đúng đắn cho nên sanh

về đường lành, sanh đến nẻo lành cõi trời, cõi người, thấy sáng tỏ rõ ràng, gọi là Thiên nhãn. Thế nào là nẻo lành?

Đây gọi là năng lực thứ chín, Năng lực Thiên nhãn thấy rõ không bị chướng ngại.

Do nhân duyên tu giới luật nơi thân, định huệ nơi tâm, dứt tất cả mê lầm, bởi dứt mê lầm cho nên đưa đến kết quả sạch hết mê lầm (lậu hoặc). Thân giới và tâm tuệ có hai thứ: 1.Nhận ra Đạo. 2.Tu tập Đạo. Do hai đường hướng này mà tâm được giải thoát, tuệ được giải thoát, vì được tâm tuệ giải thoát mà thị hiện sức thân thông giáo hóa chúng sanh. Đây gọi là năng lực thứ mười, Năng lực sạch tận cùng tâm mê lầm.

Với mười năng lực trên đây, đại Bồ Tát biết rõ về tánh, biết rõ về phân biệt, biết tự tướng, cộng tướng, biết bất cộng tướng, biết sự bình đẳng, biết nghiệp, biết thứ lớp hơn hoặc chẳng hơn.

Đại Bồ Tát luôn luôn biết rõ bảy điều như thế.

1.Biết về tánh: Tánh của mười lực tức là tánh của năm căn. Do tuệ nhiều cho nên gọi là Trí tánh, vì vậy nói là biết Xứ chẳng phải xứ, không nói tin Xứ chẳng phải xứ. Cho đến trí biết Sạch hết các lậu hoặc cũng vậy.

2.Biết về phân biệt: Phân biệt có ba: Phân biệt thời gian, phân biệt Hạnh, Phân biệt Tự tướng, cộng tướng.

Mười Lực luôn luôn biết rõ qua các thời gian quá khứ, vị lai, hiện tại, gọi là phân biệt thời gian.

Mười lực có công năng biết tất cả sự đối trị vô lượng phiền não của vô lượng chúng sanh trong mười phương thế giới, gọi là phân biệt Hạnh.

Mười lực có công năng biết tất cả sắc tướng. Đây gọi là biết tự tướng. Biết sắc là vô thường cho đến biết tất cả pháp đều vô thường. Đây gọi là Phân biệt cộng tướng.

3.Ba sự phân biệt như trên gọi là biết về Tự tướng, cộng tướng.

4.Bất cộng tướng nghĩa là: Mười lực như trên, hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thể chung đồng.

5. Biết sự bình đẳng là: Các đức Phật trong mười phương đồng chứng thập lục, gọi là sự bình đẳng.

6. Biết nghiệp: Nghĩa là năng lực biết Thị xứ, phi xứ. Nhân biết thật là nhân, quả biết thật là quả. Như Lai biết rõ nghiệp quả của tự mình, cũng biết những gì thuộc nghiệp quả của tất cả chúng sanh. Bởi năng lực thiên định, giải thoát, Như Lai được ba sự thị hiện, có thể điều phục chúng sanh.

-Do năng lực biết rõ căn cơ hơn kém, Như Lai biết căn tánh thượng, trung, hạ của chúng sanh. Do biết căn tánh, cho nên tùy mỗi trình độ vì họ thuyết pháp.

-Do năng lực biết chỗ tri giải, Như Lai thấu rõ tánh thiện, tánh ác của tất cả chúng sanh Nhằm đối trị tánh ác, Phật nói về tánh Thiện.

-Do năng lực biết rõ chúng sanh, Như Lai thường thực hành các phương tiện thế gian, nhưng không bị thế pháp làm ô nhiễm, biết rõ thế giới, chúng sanh giới cho nên tùy căn cơ, tâm tưởng và tùy phiền não của chúng sanh, Như Lai thuyết pháp giáo hóa.

Thế nào là cách giáo hóa đầu tiên của Như Lai khiến cho chúng sanh vào trong giáo pháp của Phật?

Lúc ban sơ dạy Thanh văn, Bồ Tát, Như Lai nói như thế này:

“Hỡi kẻ Thiện nam! Người nên ưa thích sự vắng lặng, một mình ở chỗ rảnh rang. Lúc người mới sanh, cha mẹ vì người mà đặt cho tên tộc, cho nên các thầy Hoà thượng đặt cho tên tộc, người hãy hết lòng quán xét: Như tên gọi của ta được cha mẹ, hoà thượng đặt ra đây, đối với sáu nhập bên trong lẫn bên ngoài, là có hay không có? Thiện nam tử! Nếu lià sáu nhập, bên trong lẫn bên ngoài mà người chẳng thấy có, thì lúc ấy người sẽ được sự sáng suốt chơn thật, người sẽ biết rằng: tên chỉ là cái hư giả, chẳng phải chơn thật, pháp cũng chẳng phải chơn. Danh từ và pháp đều không chơn thật, thế sao nơi đó lại sanh kiêu mạn?”

“Thiện nam tử! Đến khi đó thì người nên quan sát con mắt và tên gọi con mắt. Con mắt có hai: Một là tên, hai là pháp lan rộng. Tên con mắt chẳng phải là mắt. Tướng con mắt cũng chẳng phải là mắt. Nếu có vật nào tên gọi là mắt thì vật ấy cũng không thật. Nếu thật sự có cái gọi là mắt, thì tên gọi

lẽ ra cũng thật ư? Nếu là chơn thật thì khi chúng sanh mới sanh ra đời, đáng lẽ phải tự biết lấy chẳng cần dạy vẽ. Nhưng chưa từng thấy có kẻ không ai chỉ dạy mà có thể tự biết. Do đó biết rõ tên vốn không thật, vật cũng không thật, cái biết của con mắt (hoặc cái biết của các giác quan khác) cũng không thật.

“Khi khởi quán như thế sẽ dứt trừ sự tham đắm bên trong, bên ngoài bởi các giác quan (nhập) Do dứt thân tâm bên trong, bên ngoài mà dứt tất cả tướng các pháp. Vì dứt tất cả tướng các pháp, tức biết một cách chơn thật về tánh các pháp. Tất cả các pháp chẳng có tánh chơn thật, không có tướng mạo.

“Thiện nam tử! Khi khởi quán như vậy, nếu muốn được Nhưt thiết trí, muốn được Đại từ, Đại Bi, muốn chứng sơ thiền cho đến Phi phi tướng xứ, muốn được Tánh hạnh cho đến Như Lai hạnh, muốn được lục thông của Bồ Tát, cho đến muốn chứng Vô thượng Bồ Đề... Tất cả những việc đó đều có thể được.”

Đây gọi là năng lực thứ sáu của Như Lai, năng lực biết đến nơi đến chốn về pháp đối trị (Nhứt thiết chí xứ đạo trí lực). Do năng lực biết đến nơi đến chốn pháp đối trị này mà nhận thấy rõ Đạo chơn thật, đạo chẳng chơn thật. Biết rồi dùng đạo chơn thật chỉ rõ để phá bỏ đạo không chơn thật.

Do năng lực biết được việc đời trước, cho nên biết sự chịu đựng thống khổ, biết rồi chẳng thích sanh tử và phá lối chấp thường.

Do năng lực thiên nhãn không chướng ngại, Như Lai thọ ký cho người, dứt trừ chấp đoạn.

Do năng lực biết rõ sạch hết lậu hoặc, Như Lai tự biết đã được giải thoát, nên có thể phá hỏng chấp lầm của chúng sanh, những kẻ không phải Như Lai tự cho là Như Lai, chẳng phải sa môn tự nói sa môn, chẳng phải bà la môn, tự xưng bà la môn.

Khi Như Lai chứng Vô thượng Bồ Đề, mười lực trên đây cùng chứng được trong một lúc.

7. Làm thế nào nói cho có thứ lớp?

Khi Như Lai chứng Vô thượng Bồ Đề rồi, trước hết là xem xét nhân quả, vì thế, Lực thứ nhứt gọi là Thị xứ phi xứ.

Nhân quả như thế cái gì tạo ra? Cái gì chịu lấy? Đây là Lục biết nghiệp quả, hiện, vị lai. (lục thứ hai).

Biết chúng sanh phá trừ nghiệp chướng là do tu tập thiền định (lục thứ ba).

Để biết các chúng sanh, người nào có thể tu, người nào không thể tu, do đó quán sát các căn cơ (lục thứ tư).

Căn cơ có thượng, trung, hạ, gọi là chúng sanh tánh. Đến đây gọi là Lục thứ năm (Biết chỗ tri giải).

Vì biết tánh cho nên biết là tâm trong sạch hay chẳng trong sạch. Như thế gọi là Lục biết chúng sanh giới (Lục thứ sáu).

Muốn biết nhân của tâm tịnh hay tâm bất tịnh, cho nên xét về sự đến nơi đến chốn, đối trị các đạo (Lục thứ bảy).

Biết được các lỗi chấp thường, chấp đoạn. Đây gọi là năng lực túc mạng (thứ tám), năng lực thiên nhãn (thứ chín).

Biết rõ hai chấp đã dứt trừ, các mê lầm sạch hẳn. Đây gọi là năng lực Lưu tận trí (lục thứ mười). Như vậy gọi là Biết có thứ lớp.

Lại nữa, có thứ lớp nghĩa là: Khi Như Lai chứng Vô thượng Bồ Đề, đầu tiên quán xét phải trái của các đạo lý (thị xứ, phi xứ). Kế đó xét rõ về nghiệp thế gian. Vì phá bậc thế gian cho nên quán về Thiền giải thoát và quán sát chúng sanh có thể hay không thể tu tập đạo quả. Kế nữa dùng thiên nhãn xem xét căn cơ chúng sanh có thể hay không thể tu tập đạo quả. Kế nữa dùng thiên nhãn xem xét căn cơ chúng sanh lanh hay chậm. Ngoài ra như trên đã nói.

Lại nữa, khi Như Lai chứng Vô thượng Bồ Đề rồi, quán về 12 nhân duyên. Đây là Thị xứ Phi xứ.

Mười hai nhân duyên do đâu phát xuất? Vì vậy quán về nghiệp. Các nghiệp của chúng sanh, hoặc có thọ báo hoặc không thọ báo.

Thiên nhãn xem xét những gì? - Vì chúng sanh mà quán pháp giới. Đây gọi là năng lực biết chỗ tri giải.

Pháp giới và thế giới vốn không sai khác. Muốn biết sự khó điều phục hay dễ điều phục, vì vậy mà biết về túc mạng.

Đề biết những kẻ nghe dạy và kẻ không nghe dạy, do đó biết về căn cơ lợi độn.

Biết rồi nói ra Tám Thánh đạo, gọi là Lục Chí xứ đạo.

Biết rõ sự đoạn phiền não của bậc có Đạo lực, gọi là năng lực sạch hết mê lầm (lậu hoặc).

-Năng lực biết rõ Xứ phi xứ và năng lực biết rõ nghiệp báo ba đời, giữa hai lực có gì sai khác?

-Nghiệp lành, nghiệp dữ đều thấu rõ. Quả lành, quả dữ đều biết rõ. Đây gọi là Thị xứ, phi xứ.

-Gây tạo quyết định chịu quả, chẳng tạo chẳng chịu quả báo. Đây gọi là năng lực biết rõ nghiệp báo ba đời.

Vì muốn điều phục nghiệp bất thiện mà tu tập thiện định. Sự điều phục có hai: Một là kẻ tin Hai là kẻ không tin. Do đó quán xét cội gốc của lòng tin cũng có hai: Một là tin Tam Bảo. Hai là tin Trời Ma Hê thủ la. Điều phục các hạng như trên gọi là Tri giải thoát lực.

Căn cứ có thượng, trung, hạ, gọi là Tri chúng sanh giới lực.

Biết thế giới, chúng sanh giới rồi nói về đạo thế gian, đạo Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật đạo, gọi là Chí xứ đạo lực.

Thấy rõ nhân lành, nhân dữ, nghiệp nặng, nghiệp nhẹ của chúng sanh, gọi là Tri túc mạng lực.

Biết như vậy rồi dứt trừ chấp thường, chấp đoạn, gọi là năng lực thiên nhãn.

Thấy rõ đạo chơn thật, các mê lầm đã sạch hết. Đây mệnh danh là Lậu tận trí lực.

Tánh của mười lực đều là tánh sáng suốt của tuệ giác không gì sai khác. Vì cảnh giới để duyên có khác, cho nên cách thuyết minh có khác vậy thôi.

Bốn Vô sở Úy, như nhiều chỗ thường nói. Như Lai vì chúng sanh nói pháp có bốn sự:

1. Pháp giải thoát của Phật, Thanh Văn chẳng chung.
2. Pháp giải thoát của Phật, Thanh Văn nói chung.
3. Sự giải thoát khổ của chúng sanh.
4. Vì chúng sanh nói pháp đối trị dứt khổ để được giải thoát.

Thanh văn chẳng chung là như thế nào?

-Như Lai biết rằng, nếu nói các vị Thanh Văn về pháp giác ngộ mà Phật đã có, các vị này chẳng rõ biết được.

Ta chẳng thấy có một sa môn, bà la môn hay ma vương, Phạm vương nào đúng như thật bảo rằng Như Lai chẳng rõ, chẳng biết. Vì không thấy ai nói như thế, cho nên Như Lai chẳng e sợ.

Như Lai đã sạch cùng tất cả mê lầm. Nếu nói rằng chưa sạch hết, thì sao không thấy sa môn, bà la môn, ma vương hay Phạm vương nào đúng như thật nói rằng Phật chẳng sạch hết mê lầm. Vì chẳng thấy, cho nên Như Lai chẳng e sợ.

Như Lai đã chứng Vô thượng Bồ Đề. Nếu nói đạo này chẳng rốt ráo, Như Lai cũng chẳng thấy có sa môn, bà la môn, Ma vương hay Phạm vương nào đúng như thật nói rằng Như Lai chưa chứng đạo, hoặc nói rằng đạo này chẳng phải rốt ráo. Vì chẳng thấy cho nên ta chẳng e sợ.

Khi Như Lai nói về sự chứng đạo hay không chứng đạo, ta cũng chẳng thấy có sa môn, bà la môn, ma vương hay Phạm vương nào đúng như thật nói rằng ta nói chứng đạo là không phải chứng đạo. Bởi chẳng thấy cho nên ta chẳng e sợ.

Những gì về đạo mà Phật nói ra, đều vì các vị Bồ Tát và chư Thanh Văn. Sau khi Phật Niết bàn lúc kiết tập kinh điển, trong Tạng Thanh văn bỏ ra tên

các Bồ Tát, trong tạng Bồ Tát để tên các vị Bồ Tát. Do đó, bộ loại các kinh Phương đẳng, gọi là Bồ Tát tạng. Đây gọi là chẳng chung.

Lại nữa, chẳng chung với Thanh Văn là ba niệm xứ của Như Lai.

Như Lai thuyết pháp, có người hết lòng nghe nhận, tâm được vui mừng, cảm thọ an lạc, sống đúng như pháp, chẳng trái lời Phật dạy... Với việc như thế Phật chẳng lấy làm mừng, vẫn tu tập tâm Xả, không mất chánh niệm, cũng không buông lung.

Như Lai thuyết pháp, hoặc có người đã không tin nhận, còn trái nghịch lời dạy của Như Lai. Với việc như thế Phật cũng chẳng giận, chẳng chút buồn rầu, mà vẫn tu tập tâm xả, không mất chánh niệm, cũng không buông lung.

Như Lai thuyết pháp, cùng một lúc có người chịu nghe, có người chẳng chịu nghe. Với hai hạng trên, Phật cũng chẳng vui buồn, vẫn tu tập tâm xả, không mất chánh niệm, cũng không buông lung.

Như thế gọi là Ba niệm xứ.

Lại nữa, chẳng chung với Thanh Văn là luận về ba Bất hộ của Như Lai là: Thân, Miệng và Mệnh.

A la hán, có người vì nghiệp vô ký khởi lên, cho nên không giữ chánh niệm. Nghiệp vô ký là tội đột kiết la (ác tác). Như Lai đã chấm dứt hoàn toàn nghiệp vô ký. Vì sao thế? - Vì luôn luôn tu chánh niệm, cho nên Như Lai tùy tâm mà phát ngôn, như quả trách đệ tử quyền thuộc chẳng hạn. Dầu Phật có nói lời thô xua đuổi kẻ xấu, tâm cũng không sợ nạn. Tại sao vậy? - Vì thân, khẩu và mệnh của Phật đều thanh tịnh hoàn toàn.

Lại nữa, chẳng chung với Thanh Văn là tâm Đại bi như trước đã nói:

Như Lai làm việc gì? Làm nơi nào? Nhân duyên gì làm? Làm bằng cách nào? Khi nào làm? v.v... Những việc như thế Phật đều luôn luôn biết đúng sự thật. Đây gọi là Tâm ghi nhớ chẳng quên (thường bất vong thất).

Như Lai biết những việc gì?

-Biết tất cả Hạnh.

Làm ở nơi nào?

-Tất cả thế giới.

Vì nhân duyên gì làm?

-Vì điều phục chúng sanh.

Làm bằng cách nào?

-Những phương tiện hay khéo.

Khi nào làm?

-Trong tất cả thế gian.

Bởi luôn luôn tu tâm chánh niệm, cho nên Như Lai Thế Tôn hoặc cử động, hoặc nhìn ngó, hoặc nói năng, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc làm bất cứ việc gì, trong tất cả thời gian ấy, hoàn toàn không một mây may tập quán phiền não phát khởi. Thế nên nói rằng Như Lai dứt hẳn tập khí phiền não.

Bậc A la Hán v.v...không thể như vậy, do đó Như Lai chẳng cùng chung với Thanh Văn. Đây gọi là trí đoạn tập nhân phiền não.

Như Lai giác ngộ các pháp hữu vi, biết rõ về ba nhóm: Một là nghĩa lợi ích. Hai là nghĩa chẳng phải lợi ích. Ba là nghĩa chẳng phải lợi ích chẳng phải không lợi ích. Như Lai biết rõ ràng, Như Lai được Nhứt thiết chủng trí.

Một trăm bốn mươi pháp bất cộng như trên, hàng Thanh Văn và Bích chi Phật chẳng thể chung đồng, vì vậy mà gọi rằng: Thanh Văn bất cộng pháp (pháp Thanh Văn chẳng chung).

Khi còn trụ Bồ Tát Hạnh, được 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, nhưng không được tươi sáng. Đến khi ngồi nơi Bồ Đề đạo tràng, không thấy mà tu tập 37 phẩm trợ đạo (chứng quả vô thượng) Khi đó các tướng hảo mới sáng tươi xinh đẹp.

Đại Bồ Tát Địa taten (Đẳng giác), sau khi chứng Kim cang tam muội rồi, niệm thứ hai là được mười lực, được tất cả Phật pháp, cho đến tất cả tịnh trí. Vì

được tất cả cho nên gọi là Nhứt thiết chủng trí, Vô ngại trí, Vô chướng trí, Tịnh trí, Tịch tịnh trí, Cụ túc trí. Đến đây gọi là Tất Cảnh địa.

Khi còn ở Bồ Tát hạnh (Đệ thập Pháp Vân địa), Đại Bồ Tát nhìn thấy Pháp thân Phật, như cái nhìn xuyên qua lớp lụa mỏng. Như Lai Thế tôn không có điều đó, cho nên gọi là Pháp thân Thanh Tịnh.

Bồ Tát ở bậc Địa tận đối với sự nhìn thấy Pháp thân Phật, như từ xa nhìn thấy màu sắc, Chư Phật thấy pháp thân như ở gần nhìn rõ màu sắc.

Bồ Tát Địa tận đối với sự nhìn thấy Pháp thân Phật, như từ chỗ tối mà nhìn thấy sắc. Chư Phật thấy Pháp thân như giữa ban ngày nhìn thấy màu sắc. Bồ Tát Địa tận như lúc chưa ra khỏi thai, chư Phật Thế Tôn như đã ra khỏi thai.

Bồ Tát Địa tận thấy pháp thân Phật như người còn trong mộng. Các đức Như Lai như người đã thức giấc, thấy rõ muôn vật.

Bồ Tát Địa tận như ngọn đèn chẳng sáng. Chư Phật Thế Tôn như những ngọn đèn sáng rực.

Đại Bồ Tát chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, làm Phật sự ở nơi thế giới của tất cả chư Phật. Sự thi tác Phật sự này có chín cách. Mỗi mỗi Phật sự có thể làm lợi ích rất nhiều cho vô lượng chúng sanh. Chín cách đó là:

1. Tự làm công việc của bậc Đại tướnɡ phu và có thể làm cho chúng sanh tin tướnɡ sự việc của bậc Đại tướnɡ phu.

2. Dùng 32 tướnɡ tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm tự thân, làm lợi ích chúng sanh bằng cách phá trừ lưới nghi của chúng.

3. Như Lai đầy đủ mười lực. Vì đủ mười lực nên có thể lợi lạc vô lượng chúng sanh. Nếu có ai hỏi về Lực, Phật liền khéo léo giải thích, phá trừ tâm nghi của kẻ đó, và điều phục chúng sanh liả bỏ chấp tà.

4. Như Lai với bốn Vô sở úy, làm cho người tin tướnɡ Tam Bảo, điều phục chúng sanh, phá bỏ chấp tà và làm tiếng rỏnɡ oai hùng của đại sư tử.

5.Sự đầy đủ ba niệm xứ của Như Lai, theo chỗ nói mà làm, như chỗ làm mà nói, phá các thứ phiền não. Chứa nuôi đệ tử và dạy dỗ chúng sanh.

6.Sự đầy đủ ba món Bất hộ của Như Lai làm lợi ích chúng sanh, ngày đêm thường vận dụng Phật nhãn xem xét khắp các chúng sanh.

7.Sự đầy đủ tâm Đại bi của Như Lai nhờ tu Nhẫn nhục ba la mật, làm cho chúng sanh lìa các sự khổ, ban cho chúng sanh những sự an vui.

8.Sự đầy đủ tâm không làm lẫn, không mất chánh niệm của Như Lai, không thấy mà vẫn đúng pháp thực hành, đúng pháp an trú, làm lợi ích chúng sanh khiến họ được điều phục và phá bỏ tâm buông lung của chúng sanh.

9.Sự đoạn hẳn tất cả vô minh phiền não, với nhưt thiết chủng trí, Như Lai rõ biết Pháp đúng như nghĩa, lìa pháp chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa v.v....

Nói tóm lại, Như Lai đầy đủ một trăm bốn mươi pháp Bất cộng và chín việc như thế, luôn luôn làm Phật sự, vì vậy gọi là Như Lai Hạnh, Như Lai địa hay gọi là Tất cánh địa của Như Lai.

Tại sao thế?

-Vì Hạnh Như Lai, Địa Như Lai Tất cánh địa của Như Lai vốn từ vô lượng na-do-tha đại kiếp thọ giới Bồ Tát, siêng năng dạy dỗ vô lượng, vô biên chúng sanh cũng trụ Tất cánh địa (đồng với Như Lai).

Tất cả Phật pháp của Như Lai đều vì chúng sanh, chẳng tự vì mình. Pháp của Thanh Văn, Duyên Giác chỉ tự lợi mình, lợi người rất ít. Do đó pháp của Nhị thừa chẳng cùng với Như Lai. Phật pháp vô thượng trọn không giống như Phật pháp của Thanh Văn, Duyên Giác.

Đấng Đại Bi chẳng thể làm lẫn về sự đoạn hẳn tất cả tập khí vô minh phiền não. Với Nhưt thiết chủng trí, ngũ trí tam muội, Như Lai đầy đủ tất cả các pháp bất cộng. Do đây gọi là Đấng Vô thượng.

Kinh này diễn nói về giới cấm của Bồ Tát, nói về đạo Bồ Tát và nói về quả đức của Bồ Tát giới.

Tất cả Hạnh của Bồ Tát. Tất cả Giới, Hạnh, Quả của Bồ Tát mệnh danh là Bồ tát địa, gọi là Bồ Tát tạng, gọi là Bồ Tát luận.

Kinh này nhiếp tất cả kinh điển Đại thừa, là kinh điển của trí vô ngại.

Nếu chư Thiên hay loài người, hoặc sa môn hay bà la môn tin tưởng kinh điển này, rồi thọ trì đọc tụng, nghe giảng, biên chép, nói rộng cho người, theo ý nghĩa của kinh mà tu tập, hoặc cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen người trì kinh này, hay là dâng cúng dầu đèn, hương hoa, âm nhạc v.v... Được như thế, người này luôn luôn được các đức Phật trong mười phương che chở, ủng hộ và nhắc đến tánh danh, người ấy được sự chứa nhóm vô lượng phước đức.

Tại sao vậy?

-Vi làm nhân duyên cho giới Bồ Tát là làm nhân duyên cho sự chứng ngộ Vô thượng Bồ Đề.

Nhờ Thọ trì, đọc tụng, biên chép giải nói giới Bồ Tát mà chánh pháp Như Lai trụ lâu nơi đời, không bị phá diệt, các Tỳ kheo xấu ác sẽ lần lần giảm đi.

Nếu không có giới Bồ Tát, các Tỳ kheo xấu sẽ dần dần lầy lừng thanh thế và chánh pháp Như Lai chẳng bao lâu sẽ bị phá diệt.

Lúc bấy giờ ngài Ưu Ba Ly bạch hỏi đức Phật:

-Kính bạch Đức Thế Tôn! Kinh này tên gọi là gì?

Phật dạy:

-Ưu Ba Ly! Kinh này gọi là Thiện giới, gọi là Bồ Tát Địa, gọi là Luật Bồ Tát, gọi là Luận Bồ Tát, gọi là Như Lai Tạng, gọi là Căn bản của Tất Cả Thiện Pháp, gọi là Nhân của sự An lạc, gọi là Sự Chứa Nhóm các Hạnh Ba la Mật.

Khi ngài Ưu Ba Ly nghe đức Phật dạy xong, vui mừng đánh lễ lạy, nhiễu quanh đức Phật và lui trở về.

HẾT QUYỂN CHÍN

QUYỀN THỨ MƯỜI BỒ TÁT ĐỊA

PHẨM THỨ HAI MƯỜI SÁU NGÀI ƯU BA LY HỎI THỂ THỨC THỌ GIỚI VÀ NHỮNG PHÁP GIÁ, KHAI CỦA GIỚI BỒ TÁT

Đại Bồ Tát muốn thành tựu Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới, trước hết phải đầy đủ sự học về giới Cư sĩ giới Sa di và giới Tỳ kheo.

Nếu nói không cần giới cư sĩ vẫn được giới Sa di, điều đó thật quái, hoặc không cần đủ giới Sa di vẫn được giới Tỳ kheo, việc đó cũng không phải. Hoặc không đủ ba bậc giới như trên mà được giới Bồ Tát, điều này cũng vô lý.

Ví như lâu đài bốn tầng, nếu không do tầng nhất mà xây lên tầng hai, điều ấy khó có. Hoặc không từ tầng hai mà xây lên tầng ba, hay không do tầng ba mà xây tầng bốn, việc đó cũng hoàn toàn phi lý.

Bồ Tát đủ ba thứ giới rồi, nếu muốn thọ giới Bồ Tát, phải nên hết lòng, lấy sự không tham đắm làm gốc. Tâm phải buông bỏ những vật bên trong bên ngoài. Nếu không buông bỏ, hoặc không đủ ba loại giới trước, trọn không thể được giới Bồ Tát.

Người muốn thọ giới Bồ Tát, hãy sự xét nét bản thân, cũng như xét nét khả năng hiểu biết của mình, có thể kham năng lãnh thọ thực hành và giữ gìn hay không? Nếu có thể, thì nên phát nguyện và đối trước Tam Bảo tự nguyện thọ giới Bồ Tát.

Khi đó, nên ở chỗ vắng lặng, lễ lạy chư Phật trong mười phương, xoay mặt về hướng Đông (hoặc tượng Phật xoay về hướng nào, thì đối hướng đó), đối trước tượng Phật quý gồi sát đất, chắp tay trước ngực và nói lên như sau:

Kính bạch chư Phật và chư Bồ Tát Đại đức Tăng chứng minh cho:

Nay con pháp danh là...Cầu giới Bồ Tát Con đã đủ giới Ưu bà tắc, cho đến đã đủ những việc làm của người có chút ít học vấn. Vì thế con theo các đức Phật và các vị Bồ Tát trong mười phương, cầu giới Bồ Tát.

Nay đây chư Phật, Bồ Tát mười phương đều xét biết tâm con. Như con không có tâm tin tưởng, hủy bỏ Bồ Đề tâm, hoặc có tâm xấu ác hư dối, xin

chớ ban bố cho con giới pháp. Nếu con không có những tâm như thế, xin chư Phật Bồ Tát thương xót đến con, ban bố cho con giới Bồ Tát (lạy 1 lạy).

(Lập lại lời tác bạch này lần thứ hai rồi lần thứ ba. Sau mỗi lần tác bạch lạy 1 lạy).

Bạch ba lần như vậy xong rồi, đứng lặng trong chốc lát, chuyên tâm tưởng đến chư Phật Bồ Tát trong 10 phương. Kế đó là quỳ bạch:

Nay chư Phật và chư Bồ Tát đã ban cho con giới Bồ Tát. Vì sao vậy? Vì chư Phật, Bồ Tát 10 phương do Tha tâm trí xem xét tâm con, con có tâm chơn thật, cho nên biết rằng chư Phật Bồ Tát vì thương xót mà đã ban giới cho con rồi vậy.

Nay con không thầy dạy dỗ, chư Phật và chư Bồ Tát mười phương là thầy của con. Xin thương xót chứng minh cho con (lạy 1 lạy).

(Lập lại lần thứ hai, lần thứ ba lời bạch trên đây, mỗi lần bạch xong lạy một lạy).

Lúc đó chư Phật, Bồ Tát sẽ hiện điềm lành (như có gió mát bốn phương thổi nhẹ đến chẳng hạn), cho biết là đắc giới.

Chư Phật Bồ Tát mười phương bảo khắp đại chúng:

Ở thế giới đó có Tỳ kheo... chơn thật thọ giới Bồ Tát. Vì thương xót người ấy, ta đã ban cho giới pháp. Nay người ấy không thầy dạy dỗ, ta vì người ấy mà làm thầy và che chở pháp đệ của ta.

(Đến đây là kết thúc việc đối trước Tam Bảo tự nguyện thọ giới Bồ Tát. Người thọ giới đứng lên lễ Phật, hồi hướng v.v... Đây gọi là pháp Tự Yết ma cầu giới Bồ Tát).

Xin lưu ý: Pháp đối trước tượng Phật, Bồ Tát mà thọ giới trên đây. Áp dụng cho người đã thọ giới Tỳ Kheo nhưng chưa thọ giới Bồ Tát. Đến khi muốn thọ giới Bồ Tát, nhưng các nơi lại không có giới đàn, hoặc trong vòng hàng trăm đến hàng ngàn cây số mà không có vị giới sư trao truyền, hoặc vì loạn ly không đi xa được, mới cho đối trước Tam Bảo tự cầu thọ giới Bồ Tát. Nếu có giới sư đã thọ giới Bồ Tát mà giới tử không đến cầu thỉnh giới

sư tác pháp chứng minh, lại chỉ tự đối trước tượng Phật, Bồ Tát cầu thọ giới, điều này không đúng. Vì xem thường vị đã thọ giới trước.

Việc đối trước tượng Phật, Bồ Tát xin tự thọ giới, trong kinh Phạm Võng có dạy: Cần nên đối trước Tam Bảo sám hối trong 7 ngày, 14 ngày 21 ngày hoặc đến ba tháng, sáu tháng, cầu cho được thấy hảo tướng là: Trong chiêm bao thấy Phật xoa đảnh, thấy hoa quý, các cảnh tượng lạ... Thấy triệu chứng như vậy, đối trước tượng Phật, Bồ Tát thọ giới liền đắc giới.

Ngoài ra những cư sĩ muốn cầu thọ giới Bồ Tát, nên đến chư sư hướng dẫn và y theo sự hướng dẫn ấy mà cầu thọ giới Bồ Tát tại gia.

PHÉP ĐỐI TRƯỚC GIỚI SƯ CẦU THỌ GIỚI

Nếu có bậc minh sư đã thọ giới Bồ Tát, song người muốn thọ giới lại vì tâm kiêu mạn, không theo bậc minh sư để thọ, thì không đắc giới Bồ Tát. Trừ khi vị sư đó hủy giới.

Hoặc có vị minh sư, mà người thọ giới ở xa hoặc nước có loạn lạc, hoặc tự mình mang bệnh nặng, hoặc bận làm lợi ích cho nhiều người. Gặp những trường hợp đó đối trước tượng Phật, tượng Bồ Tát tự nguyện thọ giới (như thể thức ở trước).

Những người xuất gia, tại gia, nếu có thể buông bỏ bớt tài sản vật chất, nếu có thể thực hành bố thí, trong thâm tâm lập nguyện cao cả, quyết chí cầu Vô thượng Bồ Đề và muốn thọ giới Bồ Tát. Vị này khéo biết nghĩa lý, có thể giải nói, chỉ dạy người khác. Người muốn thọ giới Bồ Tát hãy nên qua đến chỗ vị đồng pháp ấy, cúi đầu làm lễ, vén áo vai hữu, quỳ gối sát đất, chấp tay bạch như sau:

Nam Mô A Di Đà Phật.

Kính bạch Đại Đức xin lắng nghe cho:

Nay con theo Đại Đức xin thọ giới Bồ Tát, Giới đại tự tại, giới Vô thượng, giới Vô thắng, Đại Đức không bỏ tâm ân trọng đối với con. Xin thương xót thí giới cho con.

Bạch như vậy rồi, nếu vị Đại Đức im lặng hứa nhận, người cầu giới đứng lên, sửa y phục ngay ngắn, theo sự hướng dẫn của vị Đại Đức ấy, đối trước

Tam bảo, hướng về mười phương Chư Phật Thế tôn và Đại địa Bồ Tát cứu trụ, đầu mặt lễ lạy Tam Bảo, tùy sức hiểu biết của mình mà tán dương công đức của Phật, Bồ Tát.

Trước sự chứng minh của vị Đại Đức, người xin thọ giới quỳ thẳng, chấp tay bạch như sau:

-Kính bạch Đại Đức, nay con pháp danh là... Xin thọ giới Bồ Tát. Đại Đức thương xót, xin ban cho con giới Bồ Tát. Từ mẫn cố. Đại từ mẫn cố.

(Nếu vị Đại Đức im lặng nhận lời. Khi đó giới tử hãy chí tâm nghĩ đến Tam Bảo, sanh tâm vui mừng và thâm nghĩ như vậy: nay tôi sẽ được thành tựu công đức bảo tạng không thể lường, không có bờ mé, không gì cao hơn, sẽ được giới pháp của Bồ Tát đã thọ trì. Giới tử lại một lòng nhiếp niệm, đứng thẳng yên lặng, đợi sự khai thị của giới sư).

Giới sư bảo:

-Này Thiện nam tử lắng nghe:

-Pháp Đệ Bồ Tát! Nay người có phải chơn thật là Bồ Tát tâm không? Có chơn thật phát Bồ Đề tâm không?

Đáp: - Kính Bạch Đại đức, Nay con thật có phát tâm.

Hỏi: - Nay người đã đủ ba loại giới trước chưa?

Đáp: - Mô Phật đã đủ.

Hỏi: - Có thể buông bỏ vật bên trong lẫn vật bên ngoài không?

Đáp: - Mô Phật, có thể buông bỏ.

Hỏi: - Có tiếc thân mạng không?

Đáp: - Mô Phật, không tiếc thân mạng.

Hỏi: - Người muốn theo tôi thọ giới của tất cả Bồ Tát, giới nhiếp trì tất cả đạo Bồ Tát, giới lợi ích tất cả chúng sanh. Giới này như giới của Chư Phật, Bồ Tát trong mười phương ba đời. Vậy người có thể gìn giữ được chăng?

Đáp: - Mô Phật có thể gìn giữ.

(Giới sư lập lại lần thứ hai, lần thứ ba câu hỏi này. Giới tử đáp đủ ba lần)

Khi đó Giới sư xướng lên như sau: - Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Kính xin chư Phật và chư Bồ Tát Đại đức Tăng mười phương chứng minh:

Này có giới tử pháp danh là... Thỉnh cầu nơi con, từ chư Phật, chư Bồ Tát tăng trong mười phương, xin thọ giới Bồ Tát. Giới tử này đã đủ ba điều giới, phát Bồ Đề tâm, chơn thật là Bồ Tát. Giới tử này đã đủ ba bậc giới, phát Bồ Đề Tâm, chơn thật là Bồ Tát. Có thể xả bỏ vật bên trong, bên ngoài, không tiếc thân mạng. Kính mong chư Phật, chư Bồ Tát Tăng trong mười phương thương xót, ban cho giới tử... giới Bồ Tát. Xin thương xót ban cho giới Bảo tạng, công đức vô lượng vô biên, vô thượng, để làm lợi ích chúng sanh, thêm lớn pháp của chư Phật và chư Bồ Tát.

(Giới sư bạch lần thứ hai rồi lần thứ ba từ câu Nam Mô Bốn Sư Thích Ca... cho đến chư Phật và chư Bồ Tát).

Khi đó các phương sẽ có gió mát thổi nhẹ đến, giới sư sẽ biết, Chư Phật, Bồ Tát mười phương đã ban giới pháp cho giới tử. Xong rồi giới sư bảo giới tử:

Giới sư dạy:

-Này Giới tử, hãy lắng nghe.

Nay chư Phật và chư Bồ Tát trong mười phương đã ban cho người giới pháp, như giới của tất cả Bồ Tát trong ba đời. Người phải hết lòng mà gìn giữ.

Hỏi: - Vậy có thể giữ được không?

Đáp: - Mô Phật giữ được.

(Giới sư hỏi lại lần thứ hai, lần thứ ba Từ Câu: Nay chư Phật...cho đến... có thể giữ được không - Giới tử ba lần đáp).

Đến đây giới sư kính lạy chư Phật, chư Bồ Tát tăng mười phương và lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (giới tử lạy theo).

PHẦN XUỐNG LỄ

-Nhứt tâm đánh lễ tận hư không biến pháp giới, Thập phương Tam thế Nhứt thiết Thường Trụ Phật Đà Da Tôn (1 lạy).

-Chí tâm đánh lễ tận hư không, biến pháp giới, Thập phương Tam thế Nhứt Thiết Thường Trụ Đạt Ma Da Tạng (1 lạy).

-Chí tâm đánh lễ Tận hư không, Biến pháp giới, Thập phương Tam thế Nhứt thiết Thường Trụ Tăng già Da chúng (1 lạy).

-Chí tâm đánh lễ Đại trí Văn Thù Sư lợi Bồ Tát Ma ha Tát (1 lạy).

-Chí tâm đánh lễ Đại Hạnh Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha Tát (1 lạy).

-Chí tâm đánh lễ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát (1 lạy).

-Chí tâm đánh lễ Thanh tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát Ma Ha Tát (1 lạy).

-Chí tâm đánh lễ Tây Thiên Đông Độ Việt Nam Lịch Đại Tổ sư Bồ Tát Ma Ha Tát (1 lạy).

Giới sư bạch:

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính mong Chư Phật và Chư Bồ Tát Đại Đức Tăng trong mười phương chứng minh cho.

Nay cho giới tử là Tỳ kheo...Ba lần nói lên Đã từ Chư Phật và chư Bồ Tát mười phương mà đắc giới. Người nói ra là con. Người thọ là... Con vì... làm người chứng nhận. Vô lượng Chư Phật, Chư Bồ Tát mười phương là Đại sư. Bực tiểu sư nay là thân con. Trong hai bực thầy: Một là bực thầy có thể thấy. Hai là bực thầy không thể thấy. Bực thầy không thể thấy là Chư Phật, Bồ Tát mười phương. Bực thầy có thể thấy là thân con. Bên cạnh bực thầy không thể thấy và bực thầy có thể thấy, giới tử này đắc giới rồi vậy.

(Giới sư bạch lần thứ hai rồi lần thứ ba).

Làm Yết ma như vậy là xong. Bạch Yết ma xong rồi, giới sư và giới tử yên lặng trong giây lát.

(Trong khi đó Chư Phật, Bồ Tát mười phương thế giới biết được tướng này rồi, bảo khắp đại chúng: - Trong thế gian kia, có người... như thế, theo bực trí giả ấy mà thọ giới Bồ Tát. Người thọ giới này là Pháp đệ của ta. Nay ta hết lòng thương xót và hộ niệm cho người ấy).

Nhờ chư Phật và chư Bồ Tát trong mười phương thương xót hộ niệm, cho nên người truyền giới và người thọ giới đều thêm lớn pháp lành.

Sau khi đứng lặng trong giây lát rồi, Giới sư và giới tử kính lễ Tam Bảo và hồi hướng.

Đến đây gọi là xong việc thọ giới của giới tử. Giới của tất cả. Giới không gì cao hơn. Giới không gì trội hơn. Giới chứa nhóm công đức. Giới vắng lặng. Giới trong sạch thâm tâm. Giới phá hồng tất cả phiền não của chúng sanh. Giới như vậy hơn tất cả giới của Thanh Văn, Duyên Giác.

Tại sao thế?

-Vì độ tất cả chúng sanh vậy.

PHẦN PHỤ CHÚ: Thể thức đàn truyền giới Bồ Tát trong bộ Giới đàn Tăng đã có mục “Khoa Tiết truyền Bồ Tát Giới” được tuyển dịch rất hoàn bị, thiết tưởng nơi đây chúng tôi khỏi phải dịch ra Việt văn về chi tiết truyền giới cũng nên. Tuy nhiên có vài lý do khiến chúng tôi khỏi phải dịch đầy đủ thể thức truyền Bồ Tát giới được nói trong kinh này.

1. Để mạch văn có sự liên lạc thứ lớp từ trước tới sau, hầu tránh sự lủng củng.

2. Vì là một bộ kinh từ đức Phật dạy về Bồ Tát pháp, cất quăng bỏ đi là điều không thích nghi, như là đối với luật môn.

3. Người được thọ giới Bồ Tát, về sau trở thành bực thiện tri thức, khi truyền trao giới pháp cho người khác, vị đó cần phải biết và có đủ nghi thức để hướng dẫn người sau thọ giới.

4. Để rộng đường so sánh đối với các nghi tiết khác, có liên quan đến thể thức thọ giới Bồ Tát.

Về phần đánh lễ Tam Bảo, chúng tôi rút trong “Khoa tiết truyền Bồ Tát giới” ghi vào cho nhứt loạt. Xét rằng không trái với bản văn. (hết phần phụ chú).

Bồ Tát thọ Bồ Tát rồi, phải nên học và đọc Tạng Kinh, tạng Luận của Bồ Tát.

Khi vị giới tử muốn theo vị tri thức đồng học, đồng pháp cầu thọ giới Bồ Tát, trước hết hãy nhận xét vị này qua tác phong và đạo hạnh. Nếu là người mà mình không tin tưởng, chẳng nên theo vị đó xin thọ giới. Người thiếu tin tưởng nghĩa là: Người bòn sẻn, tham lam không biết tri túc, người phá giới, làm ô uế giới, chẳng kính trọng giới, người hay tham, hay giận, không biết nhẫn nhục, không vì người khác mà dẫu dữ bày lành, người biếng trễ lười nhác, ham hồ thú vui ở đời, hoặc ưa bàn nói đến việc thế tục, cho đến chẳng mấy khi nghĩ đến Tam Bảo. Hoặc người bị lưới nghi vây bủa, si mê tăm tối, chẳng thể đọc tụng kinh luật, luận của tạng pháp Bồ Tát, mà còn sanh tâm chê bai, bài bác v.v. Gặp người như thế không nên theo y thọ giới.

Lại nữa, khi đã thọ giới Bồ Tát rồi, không được đến kẻ bất tín mà nói giới, cho đến không được nói với những kẻ chê bai kinh điển Đại thừa.

Tại sao vậy?

-Nếu nói mà kẻ khác không tin. Do nhân duyên đó, người không tin sẽ sa đọa địa ngục. Vì vậy chẳng nên nói. Nếu nói, người nói mắc tội.

Còn như biết chắc rằng, nói với người bất tín, có thể phá bỏ ác nghiệp, ác khẩu và tâm bất tín của họ. Như vậy nói không mắc tội.

Bồ Tát khi đã thọ giới Bồ Tát rồi, vị thầy nên vì người học mà giảng nói pháp nào là phạm, pháp nào chẳng phải phạm.

-Này ... Hãy chú ý lắng nghe:

Về giới Bồ Tát có tám giới trọng. Bốn giới căn bản (Sát, Đạo, Dâm, Vọng) từ trước người đã biết rồi. Bốn giới còn lại như sau:

-Nếu Bồ Tát vì lợi nuôi sống, tự khen bản thân mình, trên cương vị Bồ Tát, như vậy mắc tội Đây là giới trọng thứ năm của Bồ Tát.

-Nếu có kẻ nghèo nàn khổ sở, hoặc kẻ bệnh hoạn tìm đến cầu xin, Bồ Tát lại tham tiếc của cải, đến đổi một vật không đáng một đồng tiền cũng không muốn cho. Hoặc có người đến cầu học giáo pháp mà lại lẩn tiếc, cho đến một bài kệ cũng không giảng nói cho nghe. Đây gọi là giới trọng thứ sáu của Bồ Tát.

-Bồ Tát nếu giận ai, không nên biểu lộ bằng những hành động hung dữ như dùng tay chân đấm đá, dùng gậy gộc đánh đập, hoặc dùng lời nói mắng nhiếc. Hoặc không đủ sức đánh mắng trả lại, nhưng ôm mối hận trong lòng. Nếu bị người khác đánh mắng đến cầu xin sám hối, tạ tội, mà mình không chịu cho người sám hối, cố tình ôm mối hận mãi không thôi. Tâm như thế là không trong sạch. Đây là giới trọng thứ bảy của Bồ Tát.

Nếu Bồ Tát có bạn đồng học, đồng thầy, người này lại chê bai, bác bỏ kinh điển phương đẳng Đại thừa, nhận học mang kinh, không khác gì những kẻ phi pháp. Với người như vậy chẳng nên ở chung. Nếu biết chắc rồi, chẳng được đến người khác mà ca ngợi, đề cao người đồng học ấy. Đây gọi là giới trọng thứ tám của Bồ Tát.

Bồ Tát có hai hạng: Một là hạng Bồ Tát tại gia. Hai là hạng Bồ Tát xuất gia. Tại gia có sáu giới trọng. Xuất gia có tám giới trọng. Tám giới trọng này, nếu phạm mỗi một giới, hoặc phạm đủ tám giới, hiện tại không thể tô điểm vô lượng sự trang nghiêm của đạo Vô thượng Bồ Đề. Hiện tại không thể làm cho tâm được vắng lặng. Nếu thế, chỉ gọi là Bồ Tát danh tự, chẳng phải đúng nghĩa Bồ Tát. Đây mệnh danh là Bồ Tát Chiên đà la, chẳng được gọi là Sa môn, Bà la môn chẳng thể xu hướng đúng đạo Vô thượng Bồ Đề.

Tâm của Bồ Tát có ba tánh chất: Hạ, trung, thượng (1).

Từ giới thứ năm đến giới thứ tám, nếu khởi tâm xấu ác, tâm bực thượng phạm phải. Đây gọi là phạm cấm.

Tâm bực thượng nghĩa là: Đối với tám giới mà vui thích làm, làm với tâm không hổ thẹn, không biết sám hối, chẳng nhìn nhận phạm tội mà còn ca ngợi việc phá giới. Đây gọi là phạm với tâm ác bậc thượng.

Bồ Tát dầu phạm bốn giới trên đây (từ giới thứ năm đến giới thứ tám) nhưng rốt rồi không mất giới Bồ Tát.

Còn như Tỳ kheo phạm bốn giới căn bản, là đánh mất giới ba-la-đề mộc-xoa.

Nếu Bồ Tát phạm bốn giới trọng căn bản (hoặc một trong bốn giới) của Tỳ Kheo, cũng là mất giới Bảo Giải thoát, làm ô uế giới Bồ Tát. Ô uế nghĩa là hiện tại chẳng thể trang nghiêm đạo Bồ Đề, chẳng thể được vô lượng phước đức và các chánh định, vì thế gọi là ô uế.

Có hai nhân duyên làm mất giới Bồ Tát:

Một là thoái lui Bồ Đề tâm. Hai là mắc tội với tâm bậc thượng. Lìa hai nhân duyên này, dầu cho sang đời khác phải ở trong đường địa ngục, ngã quỷ súc sanh, trọn không mất giới Bồ Tát.

Giới Bồ Tát không đồng với Ba la đề mộc xoa của Thanh Văn. Nếu Bồ Tát có đời sau thọ giới Bồ Tát nữa, chẳng gọi là mới đắc giới, mà gọi là mở mang sự lóng lánh trong sạch.

Nay sẽ nói thêm về những pháp nào là phạm, pháp nào chẳng phải phạm. Nói thêm về những tướng khinh, tướng trọng khác nhau giữa tâm bực thượng bực trung, bực hạ của người đã thọ giới Bồ Tát.

Chú thích: (1) Tâm bực hạ nghĩa là khởi tâm hành động mà chủ đích không như định, hoặc phản ứng tự nhiên. Tâm bực trung là khởi tâm hành động mà còn kiêng sợ ngần ngại. Tâm bực thượng vẫn sau có giải.

1. Nếu Bồ Tát thọ giới Bồ Tát rồi, ban ngày hoặc ban đêm, đối với chỗ có tháp, tượng Phật, hay chỗ có kinh điển. Nơi mà hàng ngàn, hàng vạn Bồ Tát tụ tập để đọc tụng. Nếu không dùng hương hoa, đèn đuốc cúng dường, lễ lạy, chẳng hay ca tụng ngợi khen, cho đến không một ý niệm sanh tâm vui

mừng. Đây là phạm trọng, nhưng không gọi là phạm tám giới trọng, mà là tâm ô uế, tâm nghi ngờ của Bồ Tát.

2.Nếu như có người rui bị thương tích té ngã, mà khởi tâm bất tịnh (lợi dụng việc tiếp cứu mà khởi dục tính), hoặc tiếp cứu mà không kính trọng hay tâm bất tín biếng lười. Đây gọi là phạm trọng. Nếu không có lòng nghĩ đến (kẻ bị thương tích) gọi là phạm khinh.

Thế nào không phạm?

-Hoặc có tâm trong sạch thường cầu Bồ Đề. Tâm trong sạch như bốn món tín tâm của bậc Tu Đà Hoàn.

3.Nếu Bồ Tát chẳng ít muốn, biết đủ, lại tham đắm lợi dưỡng, gọi là phạm trọng. Nhưng chẳng phải Bát trọng.

Thế nào không phạm? -Nếu xét biết rằng: do chẳng tri túc mà có thể điều phục chúng sanh. Như thế không phạm.

4.Nếu Bồ Tát gặp bậc thượng tọa kỳ túc đức độ, hoặc bậc đồng học, đồng thầy đến nhà mà sanh tâm kiêu mạn, hoặc bởi tâm xấu chẳng đứng dậy tiếp nghinh lễ lạy, sắp đặt chỗ nơi ngồi nằm, chẳng chào hỏi trước tiên, chẳng cùng chung đối đáp. Hoặc người có hỏi chỗ nghi ngờ lại chẳng giải nói. Đây gọi là phạm trọng, nhưng không phải Bát trọng mà là tâm ô uế nghi ngờ của Bồ Tát.

5.Nếu như có người bị thương, té ngã. Trong khi tiếp cứu mà không khởi tâm bất tịnh. Không phạm. Hoặc vì bận rộn các việc khác không thể tiếp cứu không phạm. Bệnh việc khác như là: Lúc đang bệnh, khi ngủ, khi loạn tâm, khi cúng Phật, khi để tâm nghe pháp, khi chép kinh, đọc tụng giải nói, khi luận nghị nghĩa lý với kẻ đến trước. Hoặc khi bảo vệ người nói pháp, tâm biết mà không tiện nói ra, hoặc đang coi chừng công việc do tăng sai bảo, hoặc bảo vệ cho nhiều người... Như thế không phạm.

6.Nếu tỳ kheo (chưa thọ giới Bồ Tát), vì muốn tìm tòi tội lỗi mà nghe giới Bồ Tát, cả đến người không tin nhận, người không chịu sự dạy bảo, người chẳng thành tựu giới Ưu bà tắc, chẳng thành tựu giới Sa di, chẳng thành tựu giới ba la đề mộc xoa của Tỳ Kheo. Người như thế chẳng được nghe giới Bồ Tát. Nếu nghe mắc tội.

7.Nếu Tỳ kheo phạm tội Ba dật đề mà không hổ thẹn sám hối, nếu nghe giới Bồ Tát là mắc tội thôi lan giá chẳng hổ thẹn, chẳng sanh hối cải, nghe giới Bồ Tát là mắc tội tăng già bà thi sa, chẳng hổ thẹn, chẳng sám hối mà nghe giới Bồ Tát, mắc tội ba la di. Nghĩa là phạm giới trọng thứ tám. Nếu biết mà vẫn cố nói cho những người phạm đó nghe, người nói cũng phạm tội tăng già ba thi sa. Vì vậy trong kinh dạy như vậy: “Người không tin chẳng nên nghe. Người không tin chớ vì họ nói”.

8.Nếu có người thí chủ đức tin thuần hậu đến thỉnh Bồ Tát tới nhà, tới chùa tháp, xóm làng, hoặc thỉnh đến quốc thổ (kinh đô) của vị ấy để cung cấp những nhu cầu như y phục, các thức ăn uống mền nệm, thuốc men v.v... Bồ Tát vì kiêu mạn, giận hờn, khinh chê, không qua đến chỗ đó. Mắc tội. Tội này do phiền não vi phạm.

Nếu nhận lời thỉnh, trong khi đi không có bạn lữ, một mình đến nhà bạch y cư sĩ, mà không nói pháp chỉ bày giáo hóa, khiến họ biết cúng dường Tam Bảo. Đây gọi là phạm trọng, nhưng không phải Bát trọng.

Thế nào không phạm? -Hoặc đang bệnh, hoặc căn tánh tối chậm, hoặc thỉnh đi quá xa, hoặc sợ lâm nạn dọc đường v.v...Những trường hợp biết là dầu không nhận lời mời, người thỉnh cũng không phiền giận. Không phạm.

9.Nếu trước đó đã nhận lời thỉnh cúng rồi, nhưng vì gặp lúc siêng tu thiện pháp, hoặc vì muốn nghe nghĩa chưa từng được nghe, hoặc biết người chủ mời thỉnh mà tâm không chân thật, hoặc nhận người đó thỉnh e nhiều người giận hờn, hoặc Tăng hạn chế. Những trường hợp đó không đi không phạm.

10.Nếu có tín chủ đàn việt đem vàng bạc, chơn châu, xa cừ, mã não, lưu ly, pha lê, tô tở, xe cộ, voi ngựa và những vật tạp khác như thảm lót ngồi v.v... để dâng thí cho Bồ Tát, Bồ Tát nên nhận. Không nhận mắc tội. Tội này do phiền não vi phạm.

-Thế nào không phạm? -Hoặc tâm cuồng loạn, hoặc biết nhận rồi ắt sanh tham đắm, hoặc biết nhận rồi thí chủ sanh ra hối tiếc, hoặc biết thí chủ cúng rồi tâm bị điên cuồng, hoặc biết nhận rồi thí chủ nghèo nàn, hoặc biết vật này đã cúng vào Tam Bảo, hoặc biết vật này do cướp giựt mà được. Hoặc biết nhận rồi sẽ bị nhiều sự khổ sở. Như bị vua bắt, bị giặc trộm lấy, bị giết chết, bị giam nhốt, bị tiếng xấu đồn xa, bị đuổi khỏi cảnh. Hoặc biết nhận rồi chẳng thể buông bỏ hay chẳng dùng vun trồng phước đức nơi ruộng phước lành v.v... Những trường hợp như thế, không nhận không phạm.

11.Nếu có người vì muốn hiểu nghĩa, muốn được nghe pháp, ở chỗ của Bồ Tát khải thỉnh những điều chưa nghe, Bồ Tát lại vì lòng khinh khi ngã mạn, không vì người giải nói. Mắc tội. Tội này do phiền não vi phạm.

Thế nào không vi phạm? -Hoặc biết kẻ kia về trước là hạng tà kiến, muốn nghe để tìm bới tội lỗi. Với kẻ đó, không giảng nói không phạm. Hoặc đang bệnh, hoặc bệnh mới bớt, hoặc đang cuồng loạn. Hoặc biết rằng không nói sẽ làm cho người kia tự xét và tự điều phục, hoặc Phật chưa quy định, hoặc biết người này không kính trọng Tam Bảo, hoặc nhận thấy người này cử chỉ thô tháo, hoặc biết người kia căn tánh đần độn, nghe nghĩa sâu xa sẽ sanh tà kiến, hoặc biết kẻ tà kiến kia nghe rồi sẽ xoay vần truyền nói với người ác tâm để phá hoại chánh pháp.

Biết được những việc như thế, không giảng nói không phạm.

12.Nếu có những kẻ hung dữ thường làm các việc giết hại (kẻ đồ tể) hoặc dạng chiên đà la, mà Bồ Tát không gần gũi tới lui với họ, vì họ giảng nói những điều chơn chánh. Nếu không làm. Mắc tội. Tại sao vậy? Bồ Tát hoặc thấy những người giữ giới tinh tấn thân, miệng, ý trong sạch, mà không sanh lòng Từ đối với người đó, vẫn không hề gì. Nếu gặp người hung ác, nên luôn luôn sanh lòng từ bi. Vì thế, nếu Bồ Tát không gì giải nói cho những kẻ bất hạnh. Mắc tội.

-Thế nào không phạm? -Hoặc kẻ đó cuồng loạn, hoặc vua cấm, hoặc tăng cấm, hoặc sợ nhiều người ty hiềm, hoặc biết rõ tuy không nói nhưng người kia tự biết hổ thẹn và tự điều phục.

13.Nếu thí chủ không phải bà con, hay kẻ trưởng giả, bà la môn, đem các thứ y dâng cúng Bồ Tát, Bồ Tát nên nhận. Nếu Bồ Tát tự tìm thứ đó mà được cúng số nhiều, cũng nên nhận.

Như cúng y, được cúng bình bát cũng vậy. Như bình bát, chỉ dệt cũng vậy.

14.Nếu Bồ Tát đến nhà thí chủ cầu xin chỉ dệt, sai thợ dệt không phải bà con để dệt vải, bảo thợ dệt cho chắc chắn, dày rộng. Lại nói rằng “Tôi không tự mặc, làm việc này, người và thí chủ cả hai đều được phước” Nếu thí chủ nói “Tôi vì thầy mà mua sắm, xin thầy tự mặc cho”. Bồ Tát được cúng rồi, nếu tự vì thân mình mà qua chỗ thợ dệt, dạy thợ phải dệt cho chắc chắn, dày

rộng. Nếu được y mà tự mặc là phạm trọng, nhưng chẳng phải bát trọng. Nếu không bảo thọ dật. Không phạm.

15. Bồ Tát thọ Bồ Tát giới rồi, nên nhận, nên chứa đồ trái lột thêm sang trọng, như phẩm dật chẳng hạn. Đến như vàng bạc, số nhiều cả ngàn, cả muôn cũng vậy (được nhận).

Hàng Thanh Văn vì chỉ lo tự lợi, bởi thế Như Lai chẳng cho phép nhận chứa.

Bồ Tát không phải như thế, vì làm lợi ích chúng sanh (trang nghiêm chùa tháp), đó nên nhận chứ không được phép không nhận. Nếu vì tri túc hay vì danh dự mà chẳng nhận, mắc tội thất ý (sơ sót).

16. Nếu Bồ Tát vì nhân duyên biếng lười, chẳng hay làm lợi ích chúng sanh. Mắc tội. Tội này do phiền não vi phạm.

17. Nếu Bồ Tát được người ca tụng mình là bậc Thập trụ, là A la hán, hay bậc tu Đà Hoàn ít muốn, biết đủ. Được ca tụng như thế, vẫn im lặng chấp nhận. Mắc tội. Tội này do phiền não vi phạm.

18. Nếu Bồ Tát, gặp lúc vào trong chỗ chúng tăng, thấy có những người giỡn cười trái phép mà không quở trách. Mắc tội. Trừ khi nghe pháp, vì chế ngự mình, không quở thì không phạm, hoặc tùy ý nói pháp, hay có thể làm lợi ích. Như thế không phạm.

19. Nếu Bồ Tát nói rằng: “Bồ Tát chẳng ưa Niết Bàn, cũng không phải chẳng ưa. Chẳng sợ phiền não, cũng chẳng phải chẳng sợ. Vì sao? - Vì trôi lăn trong sanh tử”. Nếu Bồ Tát nói như thế. Mắc tội. Tại sao vậy? - Bồ Tát ưa thích Niết Bàn, điều ấy Thanh Văn, Duyên Giác không thể biết được. Sự ưa thích Niết Bàn của Thanh Văn, Duyên Giác đối với sự ưa thích Niết Bàn của Bồ Tát, trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn, vạn phần, cho đến không một phần nào (của Thanh Văn, Duyên Giác) có thể so sánh kịp. Vì sao thế? - Thanh Văn, Duyên Giác chỉ vì tự lợi, chẳng hay lợi tha. Bồ Tát không phải như vậy, vừa tự lợi vừa lợi tha. Bồ Tát mặc dầu thực hành việc làm hữu hậu vẫn hơn La Hán, trọn ngày ở chỗ phiền não hữu lậu mà tâm không bị nhiễm ô, do đó không mắc tội.

20. Nếu Bồ Tát không kiêng sợ tiếng xấu gièm pha, không giữ gìn để khỏi bị mang tiếng xấu. Mắc tội thất ý.

21.Nếu người khác không xấu mà đồn càn rằng kẻ ấy xấu ác, mắc tội phạm ác, tội này do phiền não vi phạm. Nếu bị điều phục mà thêm lời không tốt nữa, mắc tội thất ý, không phải phạm ác.

Thế nào không phạm? -Hoặc la, quở ngoại đạo trá hiện tìm đến thọ giới Bồ Tát, hoặc tâm không ác ý nhưng ngoài miệng phát ra lời xấu, hoặc điên cuồng, hoặc biết rằng quở trách là có lợi ích lớn, hoặc biết rằng giận người nọ, người ấy tự được lợi ích (tự ăn năn). Nếu vì bảo vệ giới luật mà không (lộ vẻ) nổi giận. Mắc tội.

22.Nếu biết rằng: Giận người nọ, được một ít lợi ích hiện tại, không có lợi ích lớn cho đời sau. Hoặc bị đánh liền đánh lại, bị mắng liền mắng lại, bị quấy rối liền quấy rối trở lại. Mắc tội thất ý. Tội này do phiền não vi phạm.

23.Nếu có Bồ Tát khác trách mình, dù thật hay không thật, Bồ Tát ngay khi đó nên hạ mình khiêm tốn đón nhận lỗi lầm, hướng về vị kia mà tạ lỗi. Nếu không như vậy. Mắc tội. Hoặc không quy tạ cũng là mắc tội. Vì có buông lung chẳng chịu quy tạ. Mắc tội.

Thế nào không phạm? -Hoặc biết người kia hồi nào đến giờ tánh tình tệ xấu, luôn luôn tìm tòi chỗ dở của mình. Hoặc biết: không nhận tạ lỗi sẽ làm cho người kia tự phá bỏ tâm ác. Như thế không phạm.

24.Đối với người khác, nếu Bồ Tát biết rõ người đang giận mình, lại luôn nghĩ như vậy: Nếu lúc nào gặp kẻ đó, ta sẽ đánh sẽ mắng mới vừa. Nghĩ như vậy không thôi, không dứt, chẳng thể chế ngự tâm mình. Mắc tội.

25.Nếu Bồ Tát cùng với Tỳ kheo ni đi chung một đường. Không phạm. Nếu có tâm tham dục. Mắc tội. Không phạm là tự chế ngự được mình.

26.Nếu Bồ Tát theo Tỳ kheo ni không phải bà con, tự tay nhận lấy thức ăn để ăn. Không phạm. Vì sao? -Đại Bồ Tát phát Bồ Đề tâm rồi, đối với tất cả mọi người, không ai chẳng là bà con với mình.

27.Nếu Bồ Tát vì có tham lợi mà làm người sai khiến, hoặc vì tham mà chứa nuôi đệ tử. Phạm tội.

Thế nào không phạm? -Hoặc để chế ngự, hoặc để hộ pháp, hoặc vì lợi ích, hoặc không lòng tham.

28.Nếu Bồ Tát trẻ nãi, biếng lười, chẳng siêng năng tinh tấn, ưa nằm dài, ngủ thẳng. Mắc tội.

Thế nào không phạm? -Hoặc đang bệnh, lúc bệnh mới khỏi khí lực chưa đủ, hoặc đi xa mệt mỏi, hoặc đọc tụng nhiều bị mỏi mê, hoặc khi suy nghĩ cách đối trị.

29.Nếu Bồ Tát cùng nhau bàn luận việc đời nói lời vô nghĩa, vô ích. Mắc tội.

Thế nào không phạm? -Hoặc khi người khác hỏi phải nói, hoặc chiều theo người để điều phục người, trong khi nói không sanh tâm thêm bớt.

30.Nếu Bồ Tát vì tâm kiêu căng, ngã mạn, chẳng thừa thỉnh bực thầy, chẳng nhận sự dạy bảo của thầy. Mắc tội.

Thế nào không phạm? -Hoặc bệnh, hoặc rối trí, hoặc quá thông minh nghe nhiều học rộng, có trí tuệ điều phục chúng sanh, hoặc khi đang nhập định.

31.Nếu Bồ Tát lúc phát khởi dục tình mà chẳng quán tưởng pháp đối trị, chẳng mau mau điều phục để diệt đi. Mắc tội.

Thế nào không phạm? -Tuy có quán tưởng đối trị, nhưng sức phiền não mạnh chẳng thể làm cho diệt liền, hoặc vì thử xem kết quả sự điều phục của mình khi dục tâm phát khởi.

32.Nếu Bồ Tát nói rằng: “Chẳng nên thọ giới của Thanh Văn, chẳng nên đọc kinh, tụng kinh của Thanh Văn. Vì sao? -Vì kinh điển của Thanh Văn chẳng làm lợi ích chúng sanh”. Nếu nói như vậy phạm trọng. Nhưng chẳng gọi là Bất trọng.

Thế nào không phạm? -Hoặc vì phương tiện nói để đối trị kẻ tham đắm kinh điển Tiểu thừa.

33.Nếu Bồ Tát chẳng đọc, chẳng tụng kinh luận thuộc Tạng pháp Bồ Tát, chỉ một mực đọc kinh điển Thanh Văn. Mắc tội.

Thế nào không phạm? -Hoặc chẳng nghe, chẳng biết có Tạng pháp Bồ Tát.

34.Nếu Bồ Tát chẳng đọc, chẳng tụng kinh điển chánh thức của Phật, lại đọc điển tịch thế gian, hoặc đọc văn thơ, kệ tụng thế gian, những sách sớ giải khoa thuật. Mắc tội.

Thế nào không phạm? -Hoặc đề nghị luận phá dẹp tà kiến, hoặc đọc đôi ba phần kinh Phật, một phần thế điển. Để chi? -Để biết thế điển là hư dối, Phật pháp chơn thật, hoặc để biết qua việc đời, khỏi bị người đời khinh mạn.

35.Nếu Bồ Tát nghe Bồ Tát tụng và Thanh Văn Tụng có những sự không thể nghĩ bàn mà chẳng tin, chẳng nhận, nói rằng không phải Phật nói ra. Tự mình chê bai, hoặc làm cho người khác chê bai. Mắc tội.

36.Nếu Bồ Tát nói như vậy: “Trí lực của tôi yếu kém, mắt thịt không trong sạch, không thể thấy cảnh giới rất sâu của Như Lai, cảnh giới Như Lai là chỗ thấy của Phật nhãn, chỉ có Phật mới hay biết. Tất cả pháp giới chẳng phải là chỗ năng lực tôi có thể theo kịp”.

Nếu Bồ Tát luôn luôn suy nghĩ và có nhận thức như thế, gọi là hạnh chơn thật, không phạm vào hai pháp “Nhẫn hay chẳng phải nhẫn” của Bồ Tát.

37.Nếu Bồ Tát sanh tâm giận dữ, kiêu mạn tự nói mình trì giới, đa văn, trí tuệ, tất cả đều hơn người. Nói như thế mắc tội. Tội này do phiền não vi phạm.

Thế nào không phạm? -Hoặc vì phá chấp tà, vì phá kẻ khinh miệt Phật pháp, hoặc để bề dẹp tâm tự cao, tự đại của đối phương, hoặc vì kẻ chưa tin làm sanh đức tin, kẻ đã tin rồi lòng tin càng thêm lớn.

38.Nếu Bồ Tát nghe chỗ nọ có người giảng pháp cách đó một do tuần, mà chẳng qua nghe pháp. Mắc tội. Nếu khinh người nói pháp, không đến nơi đó, Mắc tội. Tội này do phiền não vi phạm. Nếu biếng lười chẳng chịu qua đến. Mắc tội thất ý.

Thế nào không phạm? -Hoặc không biết, không hay, không nghe ai nói, hoặc bệnh, bệnh mới vừa khỏi sức khỏe chưa đủ. Hoặc biết rõ người nói pháp một cách lộn xộn không đúng pháp, ngại cho người nói pháp sanh tâm e thẹn. Hoặc người nói một pháp không nghĩa gì khác. Hoặc đang dụng công tu tập. Hoặc đang giáo hóa nhiều người. Hoặc chẳng biết nổi những điều người kia nói, hoặc chẳng thể nhớ nghĩ. Các trường hợp đó không phạm.

39.Nếu Bồ Tát khinh người nói pháp, chẳng sanh tâm cung kính, chẳng ca ngợi đạo đức của vị kia mà còn cười cợt với mọi người, cho những lời, những nghĩa vị đó nói ra không đúng. Mắc tội.

40.Bồ Tát thọ Bồ Tát giới rồi, những việc công cộng của nhiều người xây dựng, mà không hòa mình tham gia. Mắc tội. Hoà mình nghĩa là: hoặc tới lui ra sao, ủng hộ tiền của, hòa giải sự tranh chấp, hoặc làm việc từ thiện...

Với người giữ giới, người bố thí, người học rộng đa văn, nếu không cùng họ làm việc lợi ích phổ hóa Phật pháp. Mắc tội.

Thế nào không phạm? -Hoặc đang bệnh, hoặc không biết làm, hoặc tự lo liệu việc lớn, hoặc trước đã hứa giúp đỡ kẻ khác, hoặc đang dụng công tu tập, hoặc ngại nhiều người giận, hoặc lúc hỷ hạ, lúc tâm thần rối loạn, hoặc biết không hòa đồng có thể điều phục người nọ, hoặc Tăng hạn chế.

41.Nếu Bồ Tát khi dễ người nói pháp, sỉ nhục, đánh ném, cười cợt những lời người nói, chỉ căn cứ theo văn tự, không nương theo nghĩa lý. Mắc tội. Tội này do phiền não vi phạm.

42.Bồ Tát thọ Bồ Tát rồi, nếu chẳng luôn luôn tùy thuận làm lợi ích chúng sanh. Mắc tội. Nghĩa là những khi đi, đứng, nằm ngồi đều phải tu các hạnh lành.

43.Bồ Tát thọ Bồ Tát rồi, nếu gặp người bệnh khổ mà chẳng hay trông nom hoặc làm người cung cấp sai bảo. Mắc tội.

Thế nào không phạm? -Hoặc tự mình bị bệnh, hoặc bệnh nhân kia có nhiều bà con, hoặc tự mình gấp tu tập công phu, dụng công tối đa, hoặc trước đó trông nom bệnh cho người khác, hoặc căn tánh tối chậm không biết chăm sóc.

Như sự giúp đỡ bệnh nhân, sự giúp đỡ kẻ nghèo nàn, kẻ khốn khổ cũng vậy.

44.Nếu Bồ Tát thọ giới Bồ Tát rồi, thấy chúng sanh tà ác tu hành theo những cách dữ xấu mà chẳng hay dạy quở, khuyên gắng kẻ đó tránh xa. Mắc tội thất ý.

Thế nào không phạm? -Hoặc biết người này có thiện tri thức, vị thiện tri thức ấy có thể quở trách chỉ dạy. Hoặc biết dầu có vì kẻ đó giảng nói, họ cũng chẳng nghe lời. Hoặc có đến khuyên giải, kẻ kia có tâm làm hại.

45.Nếu Bồ Tát thọ giới Bồ Tát rồi, dùng những món đồ quý giá để chứa đựng, không khác gì cư sĩ. Mắc tội thất ý.

46.Nếu Bồ Tát thọ giới Bồ Tát rồi, chẳng nên dùng chén bát bằng vàng, bằng bạc để đựng lấy món ăn, thức uống. Bình bát bằng đồng cũng phải khác với cư sĩ. Chén đĩa bằng gỗ, bằng sành cũng không nên dùng. Nếu dùng mắc tội.

47.Bồ Tát thọ giới Bồ Tát rồi, chịu ơn của ai mà không nhớ tới. Mắc tội. Tội này do phiền não vi phạm.

48.Bồ Tát thọ giới Bồ Tát rồi mang ơn huệ của người khác mà chẳng tìm cách báo đáp. Mắc tội. Báo đáp bằng cách giữ gìn giới luật, tinh tấn tọa thiền, đọc tụng kinh điển, tùy tâm người thí chủ vui ưa điều gì, nên lấy đó báo đáp.

Thế nào không phạm? -Khi thí chủ không nhận.

49.Bồ Tát thọ giới Bồ Tát rồi, gặp người lâm cảnh khổ não như thân thuộc bị chết, mất mát của cải, nạn vua, giặc cướp, nước trôi, lửa cháy, thân quyền chia lìa... Nên đến đó nói pháp an ủi, tùy người cầu gì sức mình có thể kham được, nên đem của giúp cho. Nếu chẳng như thế. Mắc tội.

Thế nào không tội? -Hoặc mình chẳng được tự do, hoặc tự mắc bệnh nặng, hoặc người không nhận lời, hoặc khi có nạn, hoặc vua giận người đó, hoặc tăng hạn chế.

50.Bồ Tát thọ giới Bồ Tát rồi, nếu nhận chứa đệ tử, có người thí chủ dốc lòng tin tưởng Tam Bảo, mà không cầu xin những vật cần dùng như áo, bát, thức ăn, mền đắp, thuốc thang, phòng nhà v.v... Khi có những thứ đó rồi mà không theo thời cung cấp cho đệ tử những món ấy, lại cũng không tùy lúc giảng nói giáo pháp để dạy đệ tử. Mắc tội.

Thế nào không phạm? -Hoặc biết đệ tử có thế lực, có uy tín lớn, thông minh, phước đức và có nhiều thí chủ. Hoặc biết đệ tử là ngoại đạo trá hiện để trộm học pháp. Hoặc biết đệ tử không có khả năng tăng trưởng Phật pháp.

51.Nếu Bồ Tát thọ Bồ Tát rồi, thường nên ca ngợi việc hay, việc tốt của người. Nếu ẩn dấu đức độ người khác. Mắc tội. Tội này do phiền não vi phạm.

Thế nào không phạm? -Minh ca tụng mà người kia ngăn cản, hoặc loạn tâm độn trí chẳng biết, hoặc bệnh nặng, hoặc ngại người khác tị hiềm. Hoặc truy biết rõ nhưng khó phân biệt.

52.Bồ Tát thọ giới Bồ Tát rồi, nếu ngồi nằm giường chõng cao quá tám ngón tay của Phật. Mắc tội.

Thế nào không phạm? -Hoặc khi thuyết pháp. Hoặc do thí chủ dốc lòng tin tưởng cung thỉnh, hoặc lúc đến ngồi trong đền thờ của ngoại đạo.

53.Nếu Bồ Tát thọ giới Bồ Tát rồi, trong số những kẻ đệ tử đáng giận mà không giận, đáng quở chẳng quở, đáng phạt chẳng phạt, đáng đuổi chẳng đuổi. Mắc tội. Tội này do phiền não vi phạm. Trái lại, nếu không đáng giận mà giận, không đáng quở lại quở, không đáng phạt lại phạt, không đáng đuổi lại đuổi. Mắc tội.

Thế nào không phạm? -Hoặc biết đệ tử có thể đốt chùa, phá tháp, làm các việc đại ác, giết thầy hòa thượng, giết bậc đồng thầy, giết cha mẹ. Hoặc biết đệ tử lập tâm chớ cơ duyên phá hoại chúng tăng. Hoặc biết sau này đệ tử tự sanh hồ thẹn ăn năn.

54.Nếu Bồ Tát thọ giới Bồ Tát rồi, như được sức thần túc lớn, nhận thấy điều đáng ngại mà không ngại sợ, người có thể sanh lòng tin, mà chẳng làm cho họ phát khởi đức tin. Mắc tội.

Thế nào không phạm? -Nếu biết tất cả đức tin ấy chỉ là tín tà, đảo kiến mà chẳng tin Phật pháp. Không phạm.

55.Bồ Tát thọ giới Bồ Tát rồi, thường nên hết lòng nhớ nghĩ bảo trì giới pháp, chẳng nên có những ý tưởng hủy phạm. Như đã trót phạm, phải mau mau đối trước người khác mà bày tỏ sám hối. Người mà mình bày tỏ là bậc Tiểu thừa hay Đại thừa, có khả năng hiểu biết đúng nghĩa và khéo giải nói.

Trên đây là tất cả giới của Bồ Tát. Từ bực Sơ phát tâm Bồ Tát hiểu sáu pháp ba la mật, cho đến tất cả giới. Hết thấy đều là giới cấm của Bồ Tát. Đây là Tất cả giới.

Trước kia, trong kinh của Thanh Văn, Như Lai chưa nói đến những pháp này. Nay trong Luận Tạng Bồ Tát. Như Lai nói ra.

Vì sao gọi là tất cả giới?

-Vì nói tổng quát hết thấy giới của tại gia và giới xuất gia. Thế nên gọi là Tất cả giới.

Giới khó khăn: Có ba sự: Một là, Bồ Tát có sự tự do, tự tại rất mực, của cải giàu vô lượng nhưng đều có thể bỏ lia tất cả rồi thọ giới Bồ Tát. Đây mệnh danh là giới khó khăn. Hai là: Bồ Tát gặp nạn nguy cấp còn không để có chút gì vết đối với việc trì giới, không để cho giới bị sứt mẻ, hưởng gì hủy phá. Đây gọi là giới khó khăn. Ba là: Mặc dầu tùy thuận đi, đứng, ngồi, nằm như bao nhiêu người, nhưng Bồ Tát luôn luôn giữ gìn giới luật một cách vững chắc, chẳng để hủy phạm. Như thế gọi là Giới khó khăn.

Tự giới của tất cả: Đây có bốn điều: Một là Lãnh thọ. Hai là Tánh. Ba là Tu. Bốn là phương tiện.

-Lãnh thọ: Nghĩa là ba lần bạch yết ma.

-Tánh: Là cùng tương ưng với tánh, vì tánh của Bồ Tát mềm mỏng, ba nghiệp thân, miệng, ý thường tốt lành.

-Tu: Nghĩa là ở nơi vô lượng đức Phật, vô lượng Bồ Tát mà tu hành.

-Phương tiện: Như các Bồ Tát dùng bốn nhiếp pháp nhiếp hoá chúng sanh, chỉ dạy khiến cho tu tập pháp lành thuộc thân, miệng, ý. Đây gọi là Tự giới của tất cả.

Giới của người lành: Có năm điều: Một là, tự giữ gìn giới cấm. Hai là, dạy người giữ gìn. Ba là, khen ngợi về Giới. Bốn là, thấy người giữ giới vui mừng khen ngợi. Năm là, nếu phạm, theo phép sám hối tâm không thôi nghĩ. Đây gọi là giới của người lành.

Giới trong tất cả hạnh: Có mười ba điều: Một là phát nguyện hướng về Niết Bàn. Hai là rộng lớn. Ba là trong sạch. Bốn là vui mừng. Năm là chẳng phá hỏng. Sáu là đưa đến. Bảy là Vững chắc. Tám là trang sức. Chín là Chân thật. Mười là Đúng nghĩa. Mười một là Tin tưởng. Mười hai là quý báu. Mười ba là thường hằng.

Như bực Thanh Văn chẳng hạn, tất cả pháp lành và giới cấm của Thanh Văn, đều là cái nhân của đạo Vô thượng Bồ Đề. Đây gọi là Giới trong tất cả hạnh.

Giới trừ khử: Có tám điều:

Bồ Tát thường nghĩ như vậy: Như ta chẳng ưa chết, thì tất cả chúng sanh cũng như vậy, vì thế chẳng nên giết hại mạng sống của tất cả mọi người.

Như ta chẳng ưa bị trộm cướp, bị kẻ tham dâm, bị kẻ ác khẩu, nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời vô nghĩa, chẳng ưa bị gây gộc, bị ném đá, bị đánh mắng v.v... Thì tất cả chúng sanh cũng vậy. Vì thế chẳng nên trộm cướp, tham dâm, nói ác, nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời vô nghĩa, hoặc dùng gây đá để đánh đập mắng nhiếc ai... Đây gọi là Giới trừ khử.

Bồ Tát dầu phải tan thân mất mạng, trọn không hủy phạm tám giới trọng đã thọ.

Giới tự lợi lợi tha: Bồ Tát đối với giới cấm, điều nào nên ngăn đóng tức ngăn đóng, điều nào nên khai mở tức khai mở. Nếu điều nên ngăn đóng mà không ngăn, chỗ đáng khai mở mà không mở. Mắc tội.

Bồ Tát biết tất cả chúng sanh, nếu đáng thâm nhiếp tức thâm nhiếp, đáng buông xả liền buông xả. Tịnh giới nơi thân, miệng, ý luôn luôn tương ưng với Bồ thí ba la mật, cho nên đi chung với Bát nhã ba la mật. Tịnh giới như vậy lợi ích cho mình và cho tha nhân. Đây gọi là Giới tự lợi, lợi tha.

Giới vắng lặng: Từ lúc mới thọ giới, hết lòng giữ vững, vì bốn quả sa môn, vì quả vị Bồ Tát, chẳng vì thân mạng. Đây gọi là Giới vắng lặng.

Khi Bồ Tát đang ngồi, nếu thấy vua chúa, trưởng giả mà vội vàng đứng dậy. Mắc tội.

Nếu trước đó đang ngồi kiết già, thấy vua chúa hoặc trưởng giả mà vội quỳ lên. Mắc tội.

Nếu trước đó áo không được ngay ngắn, thấy vua hay trưởng giả đi đến mà vội thu gọn thân hình, vội vã sửa lại áo mặc. Mắc tội.

Nếu trong lúc vua hay trưởng giả nói lời hung ác, lại theo ý của người mà khen ngợi. Mắc tội.

Điều không nghi ngờ mà nghi một cách mạnh mẽ. Mắc tội. Điều đáng nghi ngờ lại chẳng sanh nghi. Mắc tội.

Người giữ giới Bồ Tát, đầu đêm, cuối đêm chẳng được phép nằm ngủ, phải đủ nguyện lành, hạnh lành và pháp lành. Kham lãnh đúng với chức năng, bản hoài của mình cũng như với trách nhiệm ứng dụng tiếp vật lợi sanh, thành tựu nếp sống chơn chánh, xa lìa quan niệm đoạn thường, thực hành đầy đủ theo đường lối Trung đạo, lìa bỏ năm thứ dục lạc ở đời, vui với niềm vui cao cả, xa lìa chấp trước tà vạy, chẳng phá hỏng, chẳng để hư hoại giới pháp. Đây gọi là Giới vắng lặng.

Ba Tụ tịnh giới của Bồ Tát tạo thành đầy đủ vô lượng quả báo nhiệm mầu. Do đó, Tụ giới là nhân duyên của tất cả.

Đầy đủ Thi ba la mật, người thọ giới đầy mặc dầu chưa được Vô thượng Bồ Đề nhưng đã đầy đủ năm thứ công đức:

1. Thường được chư Phật, Bồ Tát nghĩ đến.
2. Cảm thọ niềm vui thường hằng trong sạch.
3. Lúc lâm chung không hối hận.
4. Bỏ thân rồi lại sanh về thế giới của chư Phật.
5. Trang nghiêm đạo Vô thượng Bồ Đề.

Người thọ và giữ giới Bồ Tát, chẳng tự vì thân mình, chỉ vì lợi ích tha nhân và làm trang nghiêm đạo Vô thượng Bồ Đề.

Tất cả giới Bồ Tát trên đây, đều là chỗ thành tựu của Hằng hà sa các đức Phật và các vị Bồ Tát quá khứ, hiện tại và vị lai cho đến chư Phật, Bồ Tát trong khắp mười phương cũng vậy.

HẾT QUYỂN MƯỜI

(TRỌN BỘ)

“Nguyện cho tất cả những ai, được đọc kinh sách này, phước trí trang nghiêm, tuệ đấng thường chiếu, phát bồ đề tâm, thượng cầu Phật đạo, hạ hoá chúng sanh, phật sự viên thành, chóng thành Phật đạo.”

Nguyện đem công đức này, hướng về khắp tất cả, đệ tử và chúng sanh, đều trọn thành Phật đạo.

--- o0o ---

Hết